

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

MAI TRẦN HẢI ĐĂNG

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC  
TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY  
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

MAI TRẦN HẢI ĐĂNG

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC  
TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY  
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 9310102

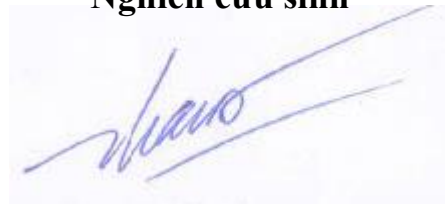
Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. TRẦN HOA PHƯƠNG

HÀ NỘI - 2024

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân tôi. Kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực và chưa công bố trong những nghiên cứu của các tác giả khác; các quan điểm và dữ liệu được luận án kế thừa có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn theo đúng quy định.*

**Nghiên cứu sinh**



**Mai Trần Hải Đăng**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI</b>	9
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu về vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây	9
1.2. Khái quát các kết quả nghiên cứu, khoảng trống trong các công trình đã công bố liên quan đến vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây và hướng nghiên cứu của luận án	26
<b>Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY</b>	30
2.1. Khái niệm, đặc điểm của sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây và sự cần thiết phát huy vai trò của Nhà nước	30
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây	44
2.3. Kinh nghiệm về phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây và bài học đối với đồng bằng sông Cửu Long	65
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>	78
3.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2023	78
3.2. Vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2023	93
3.3. Đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2023	112
<b>Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG</b>	131
4.1. Bối cảnh, phương hướng phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030	131
4.2. Giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long	140
<b>KẾT LUẬN</b>	169
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b>	171
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	172
<b>PHỤ LỤC</b>	195

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐBSCL	:	Đồng bằng sông Cửu Long
EU	:	European Union - Liên minh châu Âu
GAP	:	Good Agricultural Practices - Quy trình sản xuất nông nghiệp tốt
GDP	:	Gross Domestic Product - Tổng sản phẩm trong nước
GlobalGAP	:	Tiêu chuẩn toàn cầu về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt
QR Code	:	Quick Respose Code - Mã phản hồi nhanh
SPS	:	Sanitary and Phytosanitary - Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động - thực vật
TBT	:	Technical Barriers to Trade - Hàng rào kỹ thuật trong thương mại
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VietGAP	:	Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt của Việt Nam
WTO	:	World Trade Organization - Tổ chức Thương mại thế giới

## DANH MỤC CÁC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 3.1: Tình hình xuất khẩu các mặt hàng trái cây của một số địa phương ở ĐBSCL	92
Bảng 3.2: Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm cả nước giai đoạn 2016 - 2019	111
Bảng 3.3: Cơ cấu kinh tế của vùng ĐBSCL giai đoạn 2017 - 2022	113

## DANH MỤC CÁC HÌNH VÀ BIỂU ĐỒ

	<i>Trang</i>
Hình 1: Khung phân tích vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây	5
Biểu đồ 3.1: Diện tích trồng cây ăn trái của Việt Nam và ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2023	85
Biểu đồ 3.2: Sản lượng trái cây của Việt Nam và ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2023	86
Biểu đồ 3.3: Diện tích trồng cây ăn trái ở các địa phương của ĐBSCL năm 2022	87
Biểu đồ 3.4: Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam và kim ngạch xuất khẩu trái cây của ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2022	91

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực tiễn phát triển kinh tế đất nước những năm qua đã cho thấy, sản xuất và tiêu thụ nông sản nói chung, các mặt hàng trái cây nói riêng ở Việt Nam có sự gia tăng đáng kể về tốc độ tăng trưởng và giá trị kinh tế. Với sản lượng trái cây hàng năm từ 12 - 14 triệu tấn, trái cây của Việt Nam có sự đa dạng, phong phú về chủng loại, bên cạnh trái cây tươi còn có các mặt hàng trái cây đã qua chế biến, như: mứt trái cây, trái cây sấy khô hoặc nghiền, nước ép trái cây... Chất lượng và cơ cấu mặt hàng trái cây ở nhiều vùng trong cả nước có sự thay đổi tích cực, các mặt hàng trái cây Việt Nam không chỉ đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước mà còn phục vụ thị trường xuất khẩu với kim ngạch khoảng 3,5 tỷ USD/năm [56]. Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau quả đạt 5,69 tỷ USD, đứng đầu trong nhóm 06 nông sản xuất khẩu chủ lực [152]. Mặc dù vậy, để bảo đảm hoạt động tiêu thụ các mặt hàng trái cây trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đòi hỏi các bộ, ngành, địa phương phải có định hướng chính sách, có cơ chế thúc đẩy hình thành và phát triển các mô hình chuỗi giá trị trái cây từ sản xuất đến tiêu thụ gắn với nhu cầu và yêu cầu của thị trường. Bên cạnh yêu cầu sản xuất, chế biến trái cây theo đúng quy hoạch, chất lượng, các tiêu chuẩn kiểm dịch thực vật, quy định về quy tắc xuất xứ, an toàn vệ sinh thực phẩm, Nhà nước cần có cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển ngành công nghiệp bảo quản, chế biến sâu để đa dạng hóa sản phẩm, thu hút sự tham gia của các chủ thể tham gia chuỗi giá trị từ sản xuất đến hệ thống phân phối, doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu, các tổ chức hỗ trợ kinh doanh, giúp tiêu thụ bền vững mặt hàng trái cây.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), khu vực rộng lớn với diện tích khoảng 4,1 triệu ha và dân số 17,3 triệu dân [113, tr.42], nằm ở khu vực có điều kiện sinh thái, vị trí thuận lợi để sản xuất nông nghiệp, giao lưu thương



mai nội địa và quốc tế các mặt hàng nông sản, đặc biệt là trái cây. Đến nay, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng trái cây của ĐBSCL chiếm khoảng 65% của cả nước và đã có mặt ở hơn 60 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới [113, tr.216]. Mặc dù vậy, sản xuất trái cây ở các địa phương trong Vùng vẫn còn tình trạng phân tán, quy mô nhỏ, tự phát, cá thể; các nhà vườn vẫn canh tác theo kinh nghiệm, chưa chú trọng tuân thủ theo qui trình, mẫu mã sản phẩm không đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm; các nhà vườn, cơ sở sản xuất kinh doanh mặt hàng trái cây ở Vùng vẫn chưa thoát được tình cảnh “được mùa mất giá”.

Bên cạnh đó, khâu lưu thông và tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL hiện đang gặp khó khăn, thách thức từ yêu cầu mới về thị trường, giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm. Ngoài những nguyên nhân xuất phát từ phía chủ thể sản xuất kinh doanh, có thể thấy, Nhà nước chưa thể hiện hết vai trò của mình một cách tổng thể, đồng bộ và giải quyết tận gốc những vấn đề đặt ra đối với việc sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây của Vùng. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết một số hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương, đa phương với các nước trong khu vực và trên thế giới, bên cạnh những cơ hội trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh việc hợp tác phát triển sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng trái cây, các nhà xuất khẩu của Việt Nam cũng đang vấp phải những thách thức không nhỏ từ các rào cản về mặt kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ, sự cạnh tranh khốc liệt với các nhà xuất khẩu khác trên thị trường. Điều này đặt ra những nội dung mới đối với vai trò của Nhà nước nhằm thúc đẩy hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung hiện nay.

Trong điều kiện quy mô, trình độ phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ngày càng được nâng lên và việc thực hiện các cam kết trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới càng khẳng định sự cần thiết phải phát huy vai trò của Nhà

nước, nhưng để tương thích với sự phát triển của từng ngành, lĩnh vực đặt ra yêu cầu phải nhận diện đúng nội dung vai trò của Nhà nước.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng vai trò của Nhà nước đối với việc tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL nhằm xác định rõ nội dung, đánh giá tính hiệu quả, mức độ phù hợp trong thực hiện vai trò của Nhà nước, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm phát huy vai trò của Nhà nước đối với việc tiêu thụ mặt hàng trái cây ở Vùng, góp phần giải quyết hài hòa lợi ích giữa các chủ thể sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây và Nhà nước là một vấn đề cấp thiết. Vì thế, nghiên cứu sinh lựa chọn chủ đề: ***“Vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long”*** làm đề tài luận án Tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### ***2.1. Mục đích***

Trên cơ sở làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây, luận án đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL và đề xuất phương hướng, giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL đến năm 2030.

### ***2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài Luận án, từ đó kế thừa và làm sáng tỏ thêm vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

- Xây dựng khung phân tích nội dung vai trò của Nhà nước, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến vai trò Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây; nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn của một số quốc gia khác, vùng lãnh thổ trong nước về phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ nông sản nói chung và mặt hàng trái cây nói riêng để rút ra bài học đối với ĐBSCL.

- Phân tích thực trạng vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL từ năm 2016 đến 2023, đánh giá thành tựu, hạn chế, lực cản và nguyên nhân.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL đến năm 2030.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây dưới góc độ khoa học kinh tế chính trị.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Về nội dung*: Nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây, luận án tập trung vào ba nhóm vấn đề: vai trò định hướng, vai trò hỗ trợ và vai trò quản lý hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây gắn với chuỗi giá trị. Chủ thể Nhà nước bao gồm: cơ quan lập pháp, hành pháp ở Trung ương và địa phương. Chủ thể tham gia tiêu thụ mặt hàng trái cây bao gồm: nhà vườn, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, chế biến, xuất khẩu mặt hàng trái cây.

- *Về không gian*: Nghiên cứu được thực hiện tại ĐBSCL, trong đó luận án lựa chọn một số tỉnh, thành phố có thế mạnh về sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây để khảo sát, bao gồm ba địa phương: Tiền Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ.

- *Về thời gian*: Luận án nghiên cứu giới hạn thời gian từ năm 2016 đến 2023, dự báo đến năm 2030.

### **4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và khung phân tích, phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1. Cơ sở lý luận, thực tiễn**

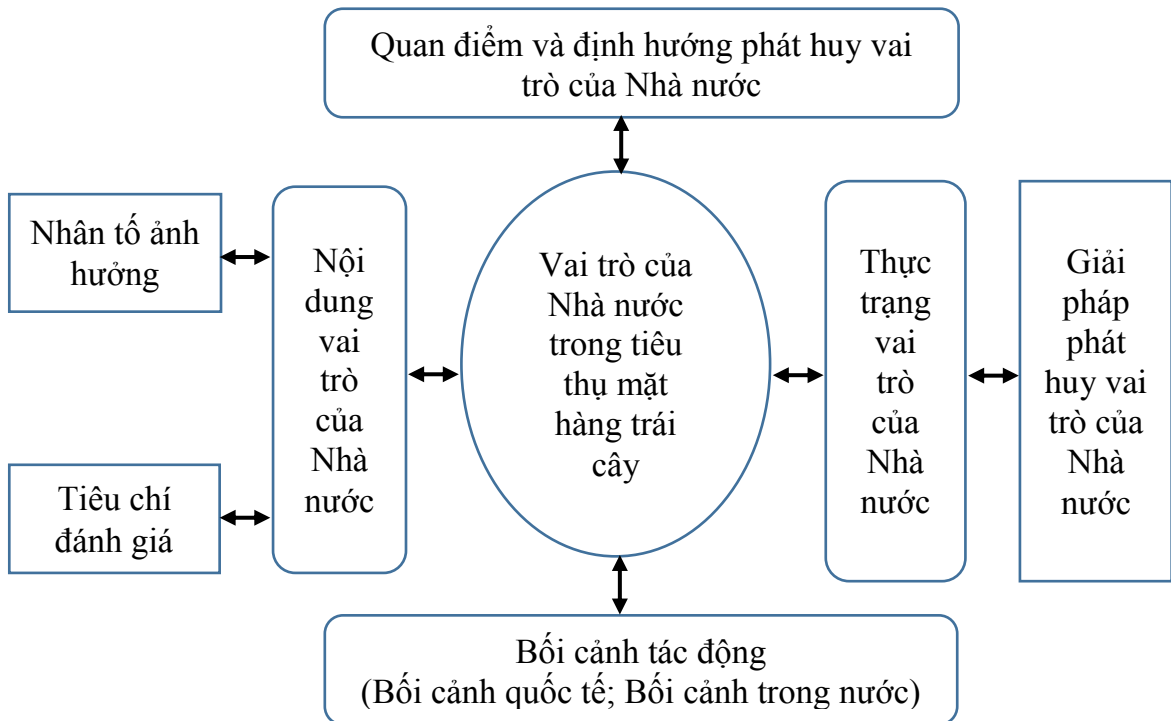
- Cơ sở lý luận của luận án: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Nhà nước, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc tiêu thụ nông sản nói chung, mặt hàng trái cây nói riêng.

- Cơ sở thực tiễn của luận án: Kinh nghiệm quốc tế và trong nước về phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở cấp độ vùng lãnh thổ.

## **4.2. Khung phân tích và phương pháp nghiên cứu**

### **4.2.1. Khung phân tích**

Nông sản hàng hóa nói chung, mặt hàng trái cây nói riêng tiêu thụ đạt hiệu quả cao hay thấp phụ thuộc vào nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ vai trò của Nhà nước. Nội dung vai trò của Nhà nước nếu được xác định phù hợp sẽ tạo lập các điều kiện thuận lợi thúc đẩy mạnh mẽ việc tiêu thụ mặt hàng trái cây và ngược lại, các chính sách của Nhà nước nếu vẫn còn nhiều bất cập thì những khó khăn của việc tiêu thụ mặt hàng trái cây vẫn còn tồn tại và tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững của ngành hàng này.



**Hình 1: Khung phân tích vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

*Nguồn: Tác giả tự thiết lập*

Đánh giá hiệu quả việc thực hiện vai trò từ phía Nhà nước đối với việc tiêu thụ mặt hàng trái cây bên cạnh việc đề ra chính xác các tiêu chí đánh giá, còn đòi hỏi xem xét đúng mức các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai

trò của Nhà nước. Xuất phát từ yêu cầu đó, để nghiên cứu tìm ra các biện pháp cụ thể, thiết thực giúp Nhà nước thực hiện tốt vai trò trong tiêu thụ mặt hàng trái cây, trước hết cần nhận định đúng thực tế thực hiện nội dung vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ sản phẩm này, qua đó đánh giá mức độ hiệu quả và những khó khăn đang gặp phải. Soi chiếu với các chỉ tiêu đánh giá và nhân tố tác động đến nội dung vai trò của Nhà nước để thấy rõ ưu điểm và hạn chế từ phía Nhà nước đối với hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây.

#### 4.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau: phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phương pháp logic kết hợp với lịch sử, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh và tổng hợp, phương pháp thu thập dữ liệu, xử lý thông tin, phương pháp thống kê. Trong đó:

- Luận án sử dụng phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phương pháp logic kết hợp với lịch sử làm rõ nội dung và vai trò của Nhà nước, khái quát, hệ thống hóa các vấn đề lý luận và tổng kết thực tiễn về vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ các mặt hàng nông sản nói chung và mặt hàng trái cây nói riêng.

- Luận án áp dụng phương pháp nghiên cứu phân tích, so sánh khi khảo cứu kinh nghiệm của một số vùng lãnh thổ trong phát huy vai trò của Nhà nước, đánh giá các chính sách, biện pháp, hành động mang tính định hướng, chủ động hỗ trợ trong tiêu thụ nông sản ở các khu vực đó và ĐBSCL.

- Sử dụng phương pháp thống kê - so sánh, điều tra để thu thập thông tin và các số liệu chính thức nhằm đánh giá đúng tình hình thực hiện vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL.

- + Khảo sát, điều tra xã hội học bằng bảng hỏi với hai nhóm chủ thể là tổ chức (các cơ quan, đơn vị của Nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu), cá nhân (cán bộ quản lý nông nghiệp, nhà vườn). Quy mô mẫu/số phiếu được sử dụng phương pháp của Yamane Taro (1967) [191] để tính cỡ

mẫu, với công thức:  $n = N/(1+N \cdot e^2)$ . Trong đó: n là cỡ mẫu cần xác định cho nghiên cứu; N là kích thước tổng thể; e là mức sai số chấp nhận. Bảng hỏi có đánh giá thuận chiều và nghịch chiều trên thang đo Likert (1932) [186] 5 cấp độ (1- Hoàn toàn không đồng ý, 2- Không đồng ý, 3- Đồng ý, 4- Bình thường, 5- Hoàn toàn đồng ý). Số liệu khảo sát được xử lý số liệu bằng phần mềm Microsoft Excel.

+ Phòng vấn trực tiếp một số cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp, hợp tác xã điển hình trên địa bàn 03 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thế mạnh về trồng cây ăn trái thuộc phạm vi nghiên cứu.

- Sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp, tổng kết thực tiễn để phân tích, đánh giá thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, làm cơ sở cho việc đưa ra các đề xuất phương hướng và giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL.

- Sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu văn bản về chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam, các địa phương trong và ngoài ĐBSCL; thu thập thông tin từ các đề án, báo cáo, bài viết trên các trang thông tin chính thức có liên quan đến đề tài luận án.

## **5. Những đóng góp mới của luận án**

### **5.1. Về lý luận**

- Điểm mới của Luận án là nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây:

+ Xây dựng và phát triển nội hàm khái niệm vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây;

+ Xây dựng khung lý luận về nội dung vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây về định hướng, hỗ trợ, quản lý;

+ Xây dựng khung lý luận về tiêu chí đánh giá vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây.

+ Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây.

## **5.2. Về thực tiễn**

- Phân tích, đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL từ năm 2016 đến năm 2023, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và những khó khăn, lực cản cần khắc phục.

- Đề xuất các giải pháp nhằm phát huy vai trò Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL đến năm 2030.

- Kết quả nghiên cứu của Luận án là tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách phát triển sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây trong bối cảnh nước ta hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, góp phần đem lại giá trị kinh tế cao nhất và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Dùng làm tài liệu tham khảo trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở các trường chính trị, cao đẳng và đại học.

## **6. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình nghiên cứu khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

#### 1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY

##### 1.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu về vai trò của Nhà nước

Trên cơ sở nghiên cứu quá trình hoạt động của các Nhà nước, nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển nói chung và đối với nền kinh tế thị trường nói riêng. Trong đó, nhiều học giả và nhà khoa học quan tâm nhiều đến mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, Nhà nước nên chủ động can thiệp đối với thị trường hay để thị trường tự điều tiết, tự vận động theo các quy luật khách quan của thị trường? Và khi cần thiết có sự can thiệp, thì cách thức và sự tác động của Nhà nước vào thị trường ở mức độ nào nhằm có hiệu quả cao hơn trong đối với quá trình phát triển? Để lý giải cho các nội dung này, các tác giả có cách tiếp cận và luận giải khác nhau.

Tác giả Lê Thị Mai Anh (2023) khi nghiên cứu về các biện pháp nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa Việt Nam ở Úc và Niu Di-lân đã đề cập đến quan điểm của chủ nghĩa trọng thương đối với thương mại quốc tế đã cho rằng để xây dựng và thực thi các chính sách thương mại quốc tế không thể thiếu vai trò của nhà nước, cũng như sự hỗ trợ qua lại giữa nhà nước và doanh nghiệp; đồng thời chỉ ra sự cần thiết phải coi trọng các yếu tố liên quan năng suất lao động và đổi mới công nghệ [6, tr.18].

A. Smith (1776), trong tác phẩm *Của cải của các dân tộc* [123], cho rằng ngay từ đầu Nhà nước xuất hiện chỉ thực hiện được các vai trò chủ yếu như: giữ gìn hòa bình, không để bùng nổ chiến tranh; tạo dựng môi trường thể chế cho tăng trưởng của nền kinh tế thông qua nền tảng pháp lý để bảo vệ sở hữu tư nhân và cung cấp hàng hoá công cộng. Ngoài ba chức năng cơ bản đó, hầu hết các vấn đề khác đều có thể được giải quyết một cách ổn thỏa và nhịp nhàng bởi “bàn tay vô hình”. Tuy nhiên, nghiên cứu sâu hơn về những yếu tố giúp nhà nước duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, học giả John Maynard Keynes (1936) [79] đã khẳng định



Nhà nước không chỉ dừng lại ở chức năng tạo môi trường mà phải trực tiếp can thiệp, điều tiết kinh tế để thoát khỏi khủng hoảng, thất nghiệp và suy thoái, bởi vì nền kinh tế thị trường không có khả năng tự điều tiết tuyệt đối và vô hạn.

Trong khi đó, với cách tiếp cận cân bằng hơn khi nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong tác phẩm *Kinh tế học*, các học giả Paul A. Samuelson và William D. Nordhaus (1948) lại cho rằng muốn phát triển kinh tế phải kết hợp cả vai trò tự điều tiết của thị trường và sự tác động của Nhà nước; bởi vì, hệ thống kinh tế thị trường tồn tại những khuyết tật một cách khách quan, để đối phó với những vấn đề mà tự thân thị trường không thể giải quyết cần phát huy vai trò của Nhà nước để sửa chữa những khuyết tật thường xuyên của thị trường [122, tr.585].

Luận giải sâu sắc hơn về vấn đề thể chế kinh tế của Nhà nước, hai tác giả Daron Acemoglu và James A. Robinson (2012) đã chỉ ra nguyên nhân gốc rễ sự thất bại của một số quốc gia ngày nay đó là do các thể chế kinh tế của các nước đó “không tạo ra động cơ cần thiết để khuyến khích dân chúng tiết kiệm, đầu tư và phát minh đổi mới” [1, tr.486]. Do đó, để tạo ra sự thịnh vượng của quốc gia, Nhà nước cần phải tạo ra được một tập hợp các thể chế kinh tế có thể thúc đẩy tài năng, kỹ năng, sự sáng tạo và năng lượng của người dân, gọi là tính dung hợp của thể chế kinh tế (inclusive economy institutions).

Báo cáo *Vai trò của Nhà nước trong Phát triển kinh tế Việt Nam* được nêu lên bởi Ngân hàng Thế giới (2016) [101] đã cho thấy những kinh nghiệm quốc tế liên quan đến phát huy vai trò của Nhà nước xét ở khía cạnh tổ chức và quản trị. Đó là cần tăng cường vai trò ở những lĩnh vực như lập kế hoạch, tiêu chuẩn, thực thi pháp luật, phát triển thể chế thị trường và các thị trường nhân tố, theo dõi và giám sát; mặt khác, giảm bớt vai trò của Nhà nước ở các lĩnh vực có thể được thực hiện có hiệu quả và hiệu suất bởi khu vực ngoài Nhà nước.

Bên cạnh mục đích khắc phục các thất bại của thị trường, theo tác giả Mai Thị Hồng Liên (2019) [87], Nhà nước còn phải tập trung vào việc thiết kế các chủ trương, định hướng cụ thể, các chính sách tập trung nguồn lực, tạo dựng cơ chế ưu tiên vào các lĩnh vực trọng tâm đối với từng thời điểm lịch sử nhất định trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đó, chú trọng sử dụng một cách

có hiệu quả các nguồn lực, cũng như phát huy mọi tiềm năng của đất nước, như: nhân lực, nguồn vốn, khoa học công nghệ, tài nguyên thiên nhiên.

Bàn về tác động của môi trường quốc tế đối với phát huy vai trò của Nhà nước, tác giả Trần Thị Huyền (2016) [78] cho rằng, Nhà nước cần phải điều chỉnh chính sách để phát huy vai trò của mình trên các phương diện như: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nhằm tận dụng được tối đa lợi thế do toàn cầu hóa đưa lại cũng như hạn chế tối thiểu những thách thức, nguy cơ mà bối cảnh mới mang đến. Bên cạnh đó, tác giả Hoàng Thị Kim Oanh (2016) [109] cũng đã đánh giá về đóng góp to lớn của Nhà nước Việt Nam trong tiến trình hội nhập với thế giới thông qua các vai trò cụ thể như sau: (1) Ban hành định hướng, chính sách, pháp luật về hội nhập quốc tế, nhất là hội nhập về kinh tế đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Việt Nam và xu hướng phát triển của thế giới; (2) Đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ kinh tế quốc tế, chủ động, tích cực và là thành viên có trách nhiệm trong các tổ chức quốc tế khi gia nhập, nhất là quá trình thực thi các cam kết và đóng góp vào việc hoàn thiện các thể chế kinh tế toàn cầu; (3) Không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính nhằm tạo môi trường pháp lý, môi trường đầu tư, thông thoáng, thuận lợi; (4) Điều chỉnh cơ chế quản lý kinh tế, đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành đối với toàn bộ nền kinh tế; (5) Tăng cường khai thác, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm tạo nền tảng cần thiết của tiến trình hội nhập quốc tế nói chung và hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng.

Đối với lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực, tác giả N.M.Habib (2012) [183] đã khẳng định Chính phủ ở các quốc gia đang phát triển cần thể hiện vai trò trong việc đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực để thích ứng với những yêu cầu của việc làm trong xã hội hiện đại như tính chuyên nghiệp, tính linh hoạt, các kỹ năng thiết yếu. Bên cạnh đó, tác giả Dương Quỳnh Hoa (2017) [62] cho rằng, Nhà nước ở các nước đang phát triển cần quan tâm đến xây dựng và phát triển nhân lực khoa học và công nghệ bằng cách tạo lập môi trường pháp luật, hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; xây dựng và thực thi chính sách (đào tạo,

sử dụng, thu hút và giữ chân nhân lực, liên kết, phối hợp với thế giới và khu vực trong phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ)...

Về vai trò của Nhà nước đối với đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng xã hội, tác giả Micheal G. Pollitt (2002) [189] đã khám phá ra sự tham gia ngày càng tăng của khu vực tư nhân vào đầu tư kết cấu hạ tầng xã hội từ năm 1979 ở nước Anh. Đánh giá ảnh hưởng của đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước đối với hệ thống hạ tầng xã hội thiết yếu như: bệnh viện, nhà tù, dịch vụ máy tính và các dự án giao thông... tác giả đưa ra những bằng chứng về khả năng thành công của khu vực tư nhân trong việc huy động tài chính cần thiết cho việc đầu tư các hạ tầng này, đặc biệt là các dự án được thúc đẩy bởi Sáng kiến Tài chính tư nhân NPFI - the Private Finance Initiative). Đối với kết cấu hạ tầng giao thông, tác giả Nguyễn Văn Thê (2020) [137] cho rằng nếu hệ thống giao thông vận tải phát triển đồng bộ, hiện đại, kết nối phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế sẽ là cơ sở để đất nước đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; do đó, để phát triển nhanh kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, vừa tháo gỡ các điểm nghẽn, vừa tạo điều kiện bứt phá nhanh cần thiết phải có vai trò “đầu tàu” của các bộ, ngành ở Trung ương và chính quyền địa phương. Như vậy, các nhận định này sẽ là gợi ý nghiên cứu cho việc xác định mức độ tham gia của Nhà nước trong xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng của Việt Nam, nhất là ở khu vực ĐBSCL.

Học giả Iuliia Kornieieva (2018) [184] cũng khẳng định bối cảnh mới do tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại đã tạo điều kiện cho Nhà nước phát huy vai trò đối với nền kinh tế số thông qua kiến tạo môi trường thể chế. Đồng thời, tác giả cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc sử dụng các công nghệ kỹ thuật số hiện đại trong việc khắc phục tình trạng bất cân xứng thông tin, tăng cường tính minh bạch của quá trình ra quyết định từ phía các chủ thể quản lý nhà nước.

Các tác giả Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Thị Hoa và Phạm Thế Anh (2019) [134] sau khi nghiên cứu học thuyết về kinh tế thị trường xã hội của các học giả

Ludwig Erhard, Walter Eucken và Müller đã đưa ra một số khuyến nghị đáng lưu ý nhằm phát huy hiệu quả vai trò của Nhà nước Việt Nam đối với việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là: (1) Hoàn thiện thể chế, trước hết là thể chế kinh tế; (2) Tiếp tục hoàn thiện chính sách cạnh tranh, nhất là cải thiện khung pháp lý hỗ trợ và thúc đẩy cạnh tranh, để nền kinh tế vận hành hiệu quả; (3) Nhà nước cần tập trung vào nhiệm vụ xây dựng môi trường pháp luật và các chế tài nhằm thúc đẩy thị trường và nhiệm vụ an sinh xã hội.

Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Mạnh Tuân (2004) [164] đã nhấn mạnh yêu cầu đối với Nhà nước trong xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nền nông nghiệp hàng hóa một cách hợp lý, đáp ứng với nhu cầu và yêu cầu trong và ngoài nước; tạo lập môi trường kinh doanh an toàn, cạnh tranh bình đẳng thông qua hệ thống pháp luật và các chính sách kinh tế; xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế trong nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Tác giả Đinh Văn Trung (2018) [162] cho rằng để xác định phù hợp các yếu tố đánh giá nội dung vai trò của Nhà nước trong hoạt động cơ cấu lại nền kinh tế, cần thiết phải căn cứ vào kết quả mong muốn đạt được cuối cùng và nội dung vai trò của Nhà nước, từ đó nêu lên hai phương pháp tổng thể và phương pháp cụ thể để đánh giá vai trò của Nhà nước đối với hoạt động này. Đặc biệt, để đánh giá chính xác nội dung vai trò Nhà nước trong tái cơ cấu nền kinh tế đó là chỉ tiêu về mức độ hiệu quả, tính ổn định, bền vững của nền kinh tế, đời sống kinh tế - xã hội được bảo đảm và ngày càng được nâng cao.

Tác giả Mai Thị Hồng Liên (2019) [87] cũng đã đưa ra các tiêu chí đánh giá vai trò định hướng của Nhà nước Việt Nam trong bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng, như: (1) Tầm nhìn tư duy phát triển nhất quán trong hoạt động xây dựng và thực thi các chính sách, pháp luật một cách có hiệu quả, hợp lòng dân; (2) Việc vận dụng sáng tạo, phù hợp đối với chiến lược, chính sách, cơ chế đặc thù sau khi được ban hành; (3) Việc xây dựng, hoàn thiện chính quyền, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng kiến tạo, phục vụ, chuyên nghiệp, bảo đảm quyền

lực thuộc về nhân dân (4) Quản lý xã hội hiệu quả, phát triển kinh tế gắn liền với giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội - môi trường trong từng chủ trương, chính sách, chương trình hành động.

### **1.1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu về tiêu thụ mặt hàng trái cây**

Đi sâu nghiên cứu về thị trường tiêu thụ hàng nông sản, tác giả Hoàng Thị Ngọc Loan (2005) [89] đã làm rõ đặc điểm và các yếu tố tác động đến việc mở rộng thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản. Theo tác giả, các loại nông sản hàng hóa vừa chịu tác động bởi đặc điểm của ngành đặc thù sản xuất ra nó như đất đai, khí hậu, sâu bệnh,... vừa có tính chất đặc biệt đó là tươi sống, dễ hư hỏng, theo mùa vụ... nên thị trường tiêu thụ nông sản thường xuyên có biến động về giá cả cũng như sự tác động qua lại giữa cung - cầu; đồng thời, để gia tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước, cần quan tâm phát triển công nghiệp chế biến để đa dạng hóa sản phẩm nông sản và nâng cao giá trị tăng thêm của hàng hóa nông sản.

Bùi Hữu Đức (2008) [57] đã phân tích cụ thể các mặt thuận lợi và khó khăn đối với việc tiêu thụ các nông sản của Việt Nam khi tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO), đồng thời chỉ rõ một số biện pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh tiêu thụ nông sản hàng hóa của Việt Nam trong điều kiện mới trên cơ sở nêu bốn tiêu chí, đó là: (1) Nâng cao hàm lượng khoa học - kỹ thuật trong một đơn vị nông sản hàng hóa; (2) Nâng cao tỷ trọng hàng hóa trong sản phẩm nông nghiệp; tỷ trọng hàng hóa qua chế biến, đặc biệt là tinh chế phải tăng; (3) Hàng hóa của nông dân phải được sản xuất qua các hợp đồng lớn. Đối với Nhà nước, tác giả kiến nghị cần tiếp tục tập trung chỉ đạo và hỗ trợ người sản xuất và các chủ thể có liên quan sản xuất nông sản theo quy trình, tiêu chuẩn quốc tế; hỗ trợ hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, hỗ trợ các chủ thể có liên quan về diễn biến thị trường, các yêu cầu, quy định mới đối với nông sản nhập khẩu của các quốc gia, thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam; có chính sách bảo hộ hợp lý đối với nông sản trên cơ sở tuân thủ quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế.

Đỗ Thị Phi Hoài (2011) [65] từ việc khái quát một số kinh nghiệm khai thác và nghiên cứu lý luận thị trường ngạch ở Việt Nam, đã nêu lên một số định hướng và giải pháp vận dụng, khai thác thị trường ngạch ở Việt Nam. Đây là định hướng quan trọng cho việc xác định các phân khúc của thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản của Việt Nam để tránh tình trạng lệ thuộc vào một số ít thị trường giai đoạn tới.

Công trình nghiên cứu của các tác giả Warner Uiterwijk, Globally Cool, Leeuwarden, Vũ Thục Linh (2016) [181] đã nêu bật những thông tin cụ thể về tình hình tiêu thụ, giá cả, kênh phân phối, cạnh tranh; đánh giá các quy định trong nhập khẩu rau quả của thị trường EU; từ đó, nhóm tác giả đưa ra nhận định về cơ hội, tiềm năng phát triển thị trường EU đối với rau quả Việt Nam. Báo cáo này là tài liệu tham khảo quan trọng để nghiên cứu thực trạng, dự báo nhu cầu, yêu cầu của thị trường tiêu thụ các mặt hàng trái cây của Việt Nam, từ đó xác định những nội dung Nhà nước cần phát huy vai trò.

Tác giả Đỗ Thu Hằng (2016) [59] đã nghiên cứu kinh nghiệm phát triển thị trường xuất khẩu nông sản của các nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam như Trung Quốc và Thái Lan, rút ra một số nội dung quan trọng mà Việt Nam cần quan tâm thúc đẩy tiêu thụ hàng nông sản nhằm đáp ứng các đòi hỏi ngày càng cao về tiêu chuẩn, quy chuẩn, các biện pháp kỹ thuật từ các thị trường nhập khẩu ngày càng tinh vi đối với các mặt hàng nông sản.

Tác giả Đỗ Thị Hòa Nhã (2017) [106] đã chỉ ra những tác nhân lớn đối với kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản vào thị trường châu Âu là: GDP bình quân đầu người, dân số, khoảng cách địa lý, chỉ số công nghệ, chất lượng chính sách của Chính phủ. Từ đó, để đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng nông sản tại các thị trường này, tác giả đề nghị tiếp tục tăng cường vốn đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, từ đó nâng cao chất lượng và hàm lượng chế biến của sản phẩm. Ngoài ra, Chính phủ cần không ngừng cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết, nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, đồng thời mở rộng xuất khẩu sang một số nước còn nhiều tiềm năng khác của EU.

Các tác giả C. Suntharalingam và R. Terano (2017) [190] đã nghiên cứu về những nhân tố tác động đến việc tiêu thụ mặt hàng trái cây tươi được sản xuất ở Malaysia từ những người ở nước khác, bao gồm: (1) Giá cả và các thuộc tính nội tại của trái cây; (2) Các khía cạnh vật lý của trái cây và tính mới lạ của nó; (3) Nhân dịp hay sự kiện nào đó, sự quen thuộc và trạng thái người tiêu dùng.

Trong khi đó, các nghiên cứu độc lập của tác giả Đỗ Thị Hương và các cộng sự (2024) [72] và nhóm tác giả Nguyễn Thị Thảo và Võ Thị Thanh Thương (2021) [136] lại có góc nhìn bao quát hơn đối với các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiêu dùng trái cây có chỉ dẫn địa lý và trái cây an toàn ở Việt Nam, đó là ngoài giá cả, chất lượng của sản phẩm, các nội dung liên quan đến thông tin về sản phẩm (truy xuất được nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm), thì yếu tố niềm tin hay cảm nhận về sức khỏe (như nhãn dinh dưỡng tốt cho sức khỏe), sự an toàn cũng có vai trò quan trọng trong việc định hướng thái độ của người tiêu dùng nhằm đưa ra quyết định mua hàng. Ngoài ra, tác giả Phan Thị Thanh Huyền (2023) [77] cũng chỉ ra ngoài các yếu tố trên, người tiêu dùng khi mua trái cây an toàn thông qua hình thức trực tuyến còn căn cứ vào quy cách đóng gói và nhận xét, đánh giá của khách hàng khác để đưa ra quyết định mua hàng. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này chưa đề cập nhiều đến vai trò của Nhà nước đối với việc tiêu thụ các mặt hàng trái cây trên thị trường.

Khía cạnh khác của vấn đề tiêu thụ nông sản là nội dung tổ chức và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng giao dịch. Tác giả James McDonald (2004), xuất phát từ thực tiễn các giao dịch nông sản của Hoa Kỳ, đã chỉ ra bốn hình thức giao dịch chủ yếu đó là trao đổi nông sản trên thị trường giao ngay (spot markets), hợp đồng sản xuất (production contracts), hợp đồng bao tiêu sản phẩm (marketing contracts) và liên kết dọc (vertical integration). Đồng thời, nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện các giao dịch nông sản thông qua hợp đồng để tránh các rủi ro về giá cả trên thị trường cả hai phía người bán và người mua [187, tr.25-26].

Đối với vấn đề hợp đồng tiêu thụ hàng hóa nông sản tại ĐBSCL, tác giả Nguyễn Thanh Đình (2020) [53] nhấn mạnh Nhà nước cần hoàn thiện khung

pháp lý để thúc đẩy quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ hàng hóa nông sản hợp đồng theo hướng đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên trên cơ sở lợi ích lâu dài, cùng chia sẻ rủi ro góp phần cho hoạt động sản xuất, tiêu thụ nông sản phát triển bền vững. Cùng bàn về hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa, các tác giả Cao Đình Lành và Nguyễn Sơn Hải (2021) [86] đã chỉ rõ thêm một tồn tại, vướng mắc khi thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản ở khu vực ĐBSCL đó là sự thiếu hiểu biết pháp luật về hợp đồng tiêu thụ nông sản của các bên tham gia đã dẫn đến việc thỏa thuận, ký kết các điều khoản trong hợp đồng thiếu chặt chẽ. Từ đó, đưa ra các biện pháp cụ thể nhằm nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tuyên truyền, nâng cao kiến thức về pháp luật, hỗ trợ tư vấn pháp lý cho các bên thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản.

Tác giả Ngọc Quỳnh (2006) [121] cũng đã nhấn mạnh vai trò rất quan trọng của Nhà nước (bao gồm các Bộ, ngành, chính quyền địa phương) trong việc hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nhằm tránh tình trạng sản phẩm nông sản phải qua nhiều mắt xích trung gian, dẫn đến khâu sơ chế, đóng gói, bảo quản, vận chuyển còn đơn giản, làm giảm chất lượng của nông sản, nhất là các mặt hàng trái cây.

Tác giả Ninh Đức Hùng (2013) [70] đã phân tích thực trạng và chỉ rõ các biện pháp nhằm tăng cường năng lực sản xuất và tiêu thụ trái cây Việt Nam, trong đó có khu vực đầu tư công nhằm tạo môi trường thuận lợi cho ngành trái cây. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra khuyến nghị đối với Nhà nước và các địa phương cần tiếp tục hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển hình thức liên kết sản xuất, tiêu thụ trái cây giữa nhà vườn, hợp tác xã với doanh nghiệp; tăng cường vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác đại diện cho nông dân làm chức năng cầu nối giữa nông dân với doanh nghiệp trong việc thực hiện hợp đồng. Đồng thời, để đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng trái cây, hai tác giả Nguyễn Thị Tân Lộc và Đỗ Kim Chung (2013) [85] cho rằng các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương cần khuyến khích phát triển hệ thống chợ và siêu thị, đây là hai kênh chính được các cơ sở sản xuất, nhà bán lẻ và người tiêu dùng chấp nhận từ thực tiễn nghiên cứu của các tác giả.



Các tác giả Nguyễn Trọng Khương, Trương Thị Thu Trang (2017) [82] đã phân tích các rào cản, khó khăn trong việc xuất khẩu các mặt hàng rau quả có liên quan đến ba tác nhân chủ yếu đó là: người sản xuất, doanh nghiệp và sự hỗ trợ của Nhà nước. Để mở rộng thị trường xuất khẩu, các tác giả nhấn mạnh Nhà nước phải phát huy vai trò từ khâu chọn giống, tổ chức sản xuất đến bảo quản sau thu hoạch, xử lý kiểm dịch, đóng gói và vận chuyển nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo các yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm; đồng thời, phát triển hệ thống cung cấp thông tin thị trường, đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ các chủ thể sản xuất, kinh doanh mặt hàng rau quả nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp cận các thị trường xuất khẩu tiềm năng.

Tác giả Từ Minh Thiện (2018) [138] khi nghiên cứu hiệu quả kinh doanh chuỗi liên kết rau quả tươi xuất khẩu ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã nhận định rằng mặt hàng rau quả tươi cần thiết phải xây dựng chuỗi liên kết phục vụ cho xuất khẩu; đưa ra một số gợi ý về chính sách của Nhà nước đối với tiêu thụ mặt hàng trái cây, bao gồm: (1) Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ bảo quản, sơ chế sau thu hoạch đối với mặt hàng trái cây tươi xuất khẩu; (2) Ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và truyền thông vào chuỗi liên kết trái cây tươi xuất khẩu; (3) Khuyến khích hỗ trợ xây dựng và phát triển các hình thức công ty cổ phần nông nghiệp và hợp tác xã; (4) Xây dựng chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu trọng điểm và huy động vốn đầu tư vào chuỗi liên kết.

Tác giả Nguyễn Thế Anh (2019) [7] cho rằng trong nền kinh tế thị trường cần phải bảo đảm hài hòa về lợi ích của các nhân tố người sản xuất, người chế biến, người phân phối và người tiêu dùng; trên cơ sở đó, tác giả khuyến nghị thực hiện mô hình liên kết giữa các chủ thể, bao gồm: nhà vườn, hợp tác xã nông nghiệp và doanh nghiệp. Để mô hình liên kết được phát triển bền vững, tác giả nhấn mạnh Nhà nước cần hỗ trợ hoàn thiện thể chế để gia tăng sự liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp và nhà khoa học, nhất là cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.

Nghiên cứu của các tác giả Phạm Thị Huyền và Bùi Hồng Quý (2021) [76] đã chỉ rõ thực trạng của việc sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt và nhu cầu, yêu cầu của thị trường tiêu thụ ngày càng được nâng cao; đồng thời, nhấn mạnh Nhà nước cần chú trọng các khâu tổ chức sản xuất theo quy hoạch và theo hướng mở rộng vùng chuyên canh trồng cây ăn trái đạt chuẩn, bảo đảm chất lượng, an toàn, có chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Tuy nhiên, các tác giả cũng chưa đề cập đến giải pháp cụ thể đối với các vùng sản xuất trái cây trọng điểm, trong đó có ĐBSCL.

Nghiên cứu của tác giả Hoài An (2021) [3] đã chỉ rõ nhiều địa phương có thế mạnh về sản xuất cây ăn trái trên cả nước hiện chưa có chiến lược cụ thể về sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây. Từ đó, tác giả nhấn mạnh Nhà nước cần quan tâm đến một số vấn đề như: (1) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam đối với hàng hóa nông sản theo hướng phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn thế giới; phát triển và nhân rộng việc thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý... đối với sản phẩm trái cây xuất khẩu; nhân rộng mô hình trồng cây ăn trái theo Tiêu chuẩn toàn cầu về thực hành nông nghiệp tốt (GlobalGAP) và Quy trình thực hành nông nghiệp tốt của Việt Nam (VietGAP). (2) Các Bộ, ngành cùng các địa phương rà soát phát triển các khu vực sản xuất cây trái theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung và chú trọng đến yếu tố thị trường, đặc biệt là các thị trường lớn, chính ngạch. (3) Các địa phương có thế mạnh về sản xuất trái cây cần rà soát quy hoạch theo hướng chuyên canh hiện đại; xác định được thế mạnh, sản phẩm đặc sản để đẩy mạnh phát triển các loại cây trồng căn cứ theo thị trường.

Nhóm tác giả Sally P. Marsh, T. Gordon MacAulay và Phạm Văn Hùng (2007) [95] thông qua việc nghiên cứu về chính sách giá nông nghiệp, đưa ra khuyến nghị Chính phủ cần tập trung công tác nghiên cứu phát triển thị trường nhằm dự báo được xu hướng biến động của giá cả, cũng như cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về cung cầu nông sản của thị trường trong nước và thế giới; đặc biệt là những thông tin liên quan đến sản xuất cái gì (sản phẩm chất lượng cao, chi phí sản xuất thấp, có khả năng cạnh tranh cao) và sản xuất ở đâu.

Tác giả Pascal Liu và đồng sự (2007) [88] đã cung cấp thông tin cho những nhà xuất khẩu và những quốc gia có thế mạnh về xuất khẩu nông sản sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... về các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm soát nhập khẩu của các nước nhập khẩu lớn, các chương trình chứng nhận tự nguyện chủ yếu và các địa chỉ liên hệ có thể tìm kiếm thêm thông tin về các quy định nhập khẩu và chương trình chứng nhận. Trong đó, chỉ ra vai trò của Nhà nước được thể hiện thông qua các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền các địa phương trong hướng dẫn, hỗ trợ đối với các nhà sản xuất và xuất khẩu nông sản hàng hóa để có thể thâm nhập vào các thị trường hàng đầu trên thế giới.

Công trình nghiên cứu về cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp của tác giả Đoàn Xuân Thủy (Chủ biên, 2011) [150] đã nhấn mạnh Nhà nước cần tập trung tháo gỡ, hỗ trợ đối với những lĩnh vực mà các chủ thể trên thị trường không làm tốt bằng Nhà nước như: kết cấu hạ tầng, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, thực thi các cam kết khi gia nhập các hiệp định thương mại quốc tế, xây dựng và bảo vệ thương hiệu, quảng bá tiếp thị, nuôi dưỡng và tìm kiếm thị trường tiêu thụ, nhất là các thị trường lớn, nhiều tiềm năng như EU, Úc, Nhật Bản, Mỹ, châu Phi.

Bàn về chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, tác giả Trần Hoa Phượng (2013) [119] khẳng định đây là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến việc phát huy lợi thế tiêu thụ nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới. Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm phát huy lợi thế trong xuất khẩu nông sản sau khi gia nhập WTO của Chính phủ một số nước, tác giả nhấn mạnh giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý của Nhà nước đối với việc tổ chức sản xuất gắn với yêu cầu tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước, khoa học - công nghệ, liên kết giữa các nhà trong chuỗi giá trị nông sản.

Tác giả Vũ Văn Hùng (2013) [71] đã làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm rút ra từ thực tế xây dựng chính sách tiêu thụ nông sản của Nhà nước trong quá trình thực hiện các cam kết khi hội nhập kinh tế quốc tế. Tác giả cho rằng tùy theo đặc điểm của mỗi loại nông sản mà có chính sách phù hợp nhằm phát huy tối đa thế mạnh cũng như đặc điểm riêng của nó trong điều kiện cạnh tranh toàn

cầu hiện nay. Đồng thời, dưới góc độ kinh tế chính trị, chính sách đối với hoạt động tiêu thụ nông sản cần phải được xem là vấn đề mang tính liên ngành, liên quan đến bốn khâu của quá trình tái sản xuất (bao gồm sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng).

Nhóm nghiên cứu Đinh Cao Khuê, Nguyễn Thị Thủy, Trần Đình Thao (2021) [80] từ việc đánh giá tổng quan bảy nhóm chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản đã chỉ rõ những tác động tích cực và hạn chế của việc thực thi các chính sách này. Đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện chính sách hỗ trợ từ phía Nhà nước gắn với việc tăng cường hỗ trợ các chủ thể trong việc tích tụ đất đai và tín dụng ở nông thôn, đồng thời miễn giảm thuế, phí, phát triển bảo hiểm nông nghiệp và tăng cường khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu chưa nêu bật được tác động tổng thể của các chính sách hỗ trợ này đối với sự phát triển của ngành nông nghiệp cả nước.

Với góc nhìn mới khi nghiên cứu câu chuyện “giải cứu” nông sản từ thực tiễn ở một số địa phương trong cả nước, tác giả Lê Đức Thủy (2021) [151] đã nêu bật lên sự cần thiết phải có sự hỗ trợ của Nhà nước đối với vấn đề tiêu thụ nông sản bền vững. Theo đó, vai trò của Nhà nước thể hiện ở các nội dung như: (1) Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, đúng quy hoạch và yêu cầu thị trường, đồng thời đổi mới cách thức mua bán nông sản thông qua việc áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và truy xuất nguồn gốc nông sản; (2) Hình thành mới, củng cố các kênh tiêu thụ hiện có đối với nông sản trong và ngoài nước; (3) Củng cố và phát triển mô hình hợp tác xã thương mại và dịch vụ; (4) Xây dựng cơ chế ràng buộc, gắn kết các chủ thể chính trong kênh tiêu thụ nông sản và thiết kế chính sách hỗ trợ các chủ thể này tham gia vào việc liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng nông sản.

Các tác giả Nguyễn Thị Vân và Đỗ Lý Hoài Tân (2017) [174] khi nghiên cứu một số mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây ở các nước như Chi-lê, Nhật Bản, Thái Lan đã chỉ rõ một số kinh nghiệm đối với Việt Nam, nhất là nhấn mạnh đến yêu cầu Chính phủ phải có những định hướng, hỗ trợ nền nông nghiệp ở các nước này. Nhóm nghiên cứu cũng đề xuất mô hình sản xuất và tiêu thụ trái

cây tại Việt Nam và gợi ý một số chính sách đối với Nhà nước nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ mặt hàng này.

Về vấn đề định vị và nâng tầm thương hiệu cho nông sản, theo tác giả Nguyễn Lan Hương (2022) [73], Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển và bảo hộ thương hiệu, cũng như hướng dẫn, hỗ trợ hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp trong việc bảo hộ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các mặt hàng nông sản xuất khẩu. Đối với việc xây dựng, phát triển thương hiệu tập thể cho trái cây đặc sản Việt Nam, tác giả Khúc Đại Long (2020) [91] đã nêu bật sự cần thiết phải có sự hướng dẫn, hỗ trợ của Nhà nước, nhất là chính quyền địa phương trong lựa chọn mô hình phát triển thương hiệu phù hợp với đặc điểm, điều kiện trồng trọt ở địa phương; hỗ trợ nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông trong việc quảng bá xúc tiến thương mại và quản lý bảo vệ thương hiệu.

Trong bối cảnh những yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước và quốc tế về thực phẩm an toàn, sạch, đã cho thấy sự cần thiết phải tăng cường vai trò hướng dẫn, quản lý, giám sát của nhà nước trong lĩnh vực này. Tác giả Ruvini Vidanapathirana và các cộng sự (2018) [192] cho rằng phải có một cơ quan thống nhất quản lý việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm đối với mặt hàng trái cây nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn mới về chất lượng và an toàn đối với mặt hàng này ở Sri Lanka. Đồng thời, Chính phủ phải đảm bảo sự chủ động trong việc cung cấp đầy đủ các nguồn lực nhằm hỗ trợ giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch của sản phẩm trái cây và tăng cường kiểm tra, giám sát việc áp dụng và thực hiện các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia theo các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm.

Công trình nghiên cứu của tác giả Bùi Thị Hồng Nhung (2019) [108] đã chỉ rõ vai trò nổi bật của Nhà nước trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát về vấn đề sản xuất, chế biến, tiêu thụ đối với nông sản hàng hóa. Vai trò đó được thể hiện ở năm nội dung chủ yếu, bao gồm: (1) công tác hoạch định và ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến an toàn thực phẩm để hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có định hướng để sản xuất thực phẩm

sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm; (2) tổ chức thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các cơ sở vi phạm an toàn thực phẩm; (4) xử phạt hành vi vi phạm của các cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ thực phẩm; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, nội dung đề tài chưa đi sâu làm rõ những nội dung cụ thể mà Nhà nước cần thực hiện để quản lý hàng hóa đặc thù là mặt hàng trái cây trên bình diện sản xuất, tiêu thụ trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh cắt giảm những hình thức trợ giá cho sản xuất hay trợ cấp xuất khẩu, tác giả Nguyễn Xuân Sơn (2021) [127] đã nêu bật vai trò của hiệp hội ngành hàng nông sản nói chung, hiệp hội trái cây nói riêng đối với lĩnh vực xuất khẩu thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia giải quyết các vụ việc phòng vệ thương mại, hỗ trợ tích cực đối với doanh nghiệp khi có phát sinh các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Đồng thời, nêu bật một số biện pháp cụ thể về vai trò định hướng, hỗ trợ của nhà nước đối với hiệp hội ngành hàng nông nghiệp nhằm hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định của thị trường tiêu thụ trái cây Việt Nam.

### **1.1.3. Tổng quan các công trình nghiên cứu về tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long**

Các tác giả Nguyễn Quang Thuấn, Đào Thị Hoàng Mai (2013) [148] đã tập trung đánh giá hiện trạng về tiêu thụ mặt hàng trái cây và cơ chế, chính sách của Nhà nước đối với mặt hàng này. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, những khó khăn, trở ngại trong tiêu thụ trái cây hàng hóa ở Vùng không chỉ xuất phát từ phía nông dân hay hệ thống phân phối chưa hoàn chỉnh ở các địa phương, mà còn thể hiện ở sự thiếu đồng bộ, bất cập trong thực hiện vai trò của Nhà nước. Đó là về quy hoạch, cơ chế, chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp và nông dân liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhất là còn tư duy, cách làm “giải cứu” nông sản hay hỗ trợ kinh tế cho nông dân khi đã thiệt hại. Qua đó, đưa ra định hướng và giải pháp về tiếp tục hoàn thiện chính sách góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây của Vùng.

Các tác giả Huỳnh Kiến Minh và Lưu Tiến Thuận (2014) [96] qua nghiên cứu chính sách quy hoạch trái cây chủ lực ở ĐBSCL đến năm 2020, cũng như những cơ hội, thách thức chủ yếu trong xuất khẩu trái cây của các địa phương ở Vùng đã chỉ rõ vai trò hỗ trợ của Nhà nước nhằm tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng cao, sản lượng lớn đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ trái cây của ĐBSCL; đồng thời, nêu bật một số biện pháp đồng bộ từ tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường xuất khẩu, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, thực hiện tốt liên kết vùng.

Tiếp cận nghiên cứu theo tính chất vùng, miền của mặt hàng trái cây ở ĐBSCL, các tác giả Bùi Thị Hằng Nga, Nguyễn Minh Bách Tùng (2021) [100] cho rằng trong bối cảnh hội nhập quốc tế cần phải xây dựng, phát triển và bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Từ đó đặt ra yêu cầu Nhà nước cần phát huy vai trò trong việc hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể đăng ký, quản lý, sử dụng và bảo hộ chỉ dẫn địa lý thông qua xây dựng cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho việc phát triển nông sản ở các địa phương phù hợp với thực tiễn... Đồng thời, tăng cường công tác phòng, chống việc lưu hành hàng hoá giả mạo chỉ dẫn địa lý trên địa bàn nhằm bảo vệ danh tiếng, uy tín của các sản phẩm có liên quan. Mặc dù vậy, theo tác giả Delphine Marie-Vivien (2009) [189] cùng với quá trình hội nhập, dựa trên kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới như Pháp, vai trò của Chính phủ đối với việc bảo hộ tên gọi xuất xứ, hệ thống thông tin về địa lý ngày càng giảm, thay vào đó trao nhiều trách nhiệm hơn cho các nhóm sản xuất. Nhiệm vụ kiểm soát đã được chuyển giao từ Nhà nước sang các tổ chức chứng nhận để tăng cường đảm bảo chất lượng; trong đó các cơ quan, tổ chức ở địa phương sẽ giữ vai trò tích cực với tư cách là người đăng ký và sở hữu các chứng nhận về chỉ dẫn địa lý liên quan đến Hiệp định TRIPS (Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ) trong bối cảnh năng lực của các đơn vị sản xuất còn hạn chế.

Tác giả Nguyễn Thị Vân (2018) [173] xuất phát từ việc đánh giá thực tế sản xuất kinh doanh mặt hàng trái cây ở Bến Tre diễn ra trên ba kênh chính, đã khái quát thành hai mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây tại địa phương: mô hình sản

xuất và tiêu thụ trái cây theo cách truyền thống và mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây theo tiêu chuẩn GAP. Bên cạnh vai trò của các tổ chức đoàn thể, các cơ quan quản lý nhà nước cũng là nơi gắn kết, kết nối các bên liên quan và giúp giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây. Mặc dù vậy, các phân tích, đánh giá cũng chưa làm rõ được vai trò Nhà nước trong bối cảnh tiêu thụ mặt hàng trái cây trước những yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, chứng nhận của các thị trường nhập khẩu trên thế giới.

Phạm Văn Tài (2019) [131] đã khẳng định tiềm năng kinh tế và xuất khẩu của ĐBSCL hiện còn rất lớn, điển hình là mặt hàng trái cây. Tuy nhiên, hệ thống logistics còn nhiều hạn chế cả về số lượng, chất lượng đang là một trong những trở ngại lớn đối với hoạt động thương mại của Vùng. Do đó, tác giả đã khuyến nghị một số biện pháp để phát triển dịch vụ logistics trong lĩnh vực xuất khẩu nông sản ở vùng ĐBSCL, nhất là chỉ rõ một số nội dung Nhà nước cần tập trung tháo gỡ liên quan đến hỗ trợ về vốn, tư vấn chiến lược, đào tạo nhân lực, làm cầu nối với chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Tác giả Trần Hữu Hiệp (2019) [60] đã phân tích thực tế sản xuất mặt hàng trái cây theo hướng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại ĐBSCL đã đưa ra nhận định bước đầu những yếu tố tác động đến hiệu quả tiêu thụ mặt hàng trái cây của Vùng trong và ngoài nước, bao gồm: năng lực cạnh tranh của mặt hàng này chưa cao bởi năng suất, chất lượng kém, công nghệ sản xuất và chế biến, đóng gói còn lạc hậu, thất thoát sau thu hoạch còn khá lớn dẫn đến giá thành cao. Do đó, tác giả khuyến nghị Nhà nước cần thúc đẩy kết nối hiệu quả giữa các địa phương trong Vùng trong sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây, xây dựng cụm kinh tế ngành “Cluster trái cây” ở ĐBSCL; đồng thời, đổi mới phương thức hoạt động của “Hội đồng điều phối vùng” nhằm điều phối có hiệu quả việc quản lý, sử dụng tài nguyên, nguồn lực cho các dự án đầu tư lớn, có tính liên kết vùng như cụm kinh tế ngành trái cây.

Phân tích về tình hình hoạt động của chuỗi giá trị trái cây ở ĐBSCL, tác giả Trương Hồng Võ Tuấn Kiệt (2019) [83] đã chỉ ra những hạn chế ở khâu tiêu thụ



mặt hàng trái cây của Vùng, đó là: thỏa thuận hợp đồng tiêu thụ mặt hàng trái cây còn lỏng lẻo, hạ tầng tiêu thụ trái cây chưa hiện đại, thiếu thốn về hạ tầng hỗ trợ sơ chế, bảo quản để đảm bảo chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; hộ nông dân thiếu thông tin thị trường, kiến thức về chất lượng của sản phẩm cũng như trách nhiệm với sản phẩm cuối cùng còn yếu... Đặc biệt, thiếu chính sách điều tiết vĩ mô của Trung ương và sự hỗ trợ dự báo cung cầu thị trường của các địa phương cấp tỉnh trong Vùng. Trên cơ sở đánh giá thực trạng chuỗi giá trị sản phẩm xoài ở ĐBSCL, tác giả khuyến nghị Nhà nước cần phải ưu tiên đầu tư và đẩy nhanh tốc độ xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm, thủy lợi liên vùng; xây dựng cơ chế mời gọi đầu tư và phát triển các trung tâm chế biến tại vùng nguyên liệu trái cây tập trung.

Tác giả Phí Vĩnh Tường, Đặng Thái Bình, Nguyễn Đình Hòa (2019) [169] thông qua sử dụng các mô hình kinh tế lượng đã chỉ ra ảnh hưởng tích cực của cơ sở hạ tầng đường bộ tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại ĐBSCL. Đánh giá của nhóm tác giả còn cho thấy Nhà nước cần quan tâm đến nâng cao chất lượng của cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, bởi vì các doanh nghiệp tiêu thụ các mặt hàng trái cây nhiệt đới thường lựa chọn cơ sở hạ tầng đường bộ có chất lượng tốt vì phải vận chuyển lạnh các loại sản phẩm này.

## **1.2. KHÁI QUÁT CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, KHOẢNG TRỐNG TRONG CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN**

### **1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây luận án có thể kế thừa**

Qua phân tích các công trình nghiên cứu tiêu biểu của các học giả trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án, có thể khẳng định những đóng góp quan trọng, cả về khía cạnh học thuật lẫn tổng kết thực tiễn liên quan đến vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển của một quốc gia nói chung và vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển các ngành, lĩnh vực trong sự phát triển kinh tế -

xã hội, trong đó có tiêu thụ mặt hàng trái cây. Các công trình nghiên cứu đó dù cách tiếp cận và bối cảnh thực tiễn nghiên cứu khác nhau, song về cơ bản có sự thống nhất ở các nội dung sau đây luận án có thể kế thừa:

(1) Khẳng định vị trí, sự cần thiết của Nhà nước đối với sự phát triển bền vững nói chung, phát triển nền kinh tế thị trường nói riêng. Trong đó, logic chung trong nội dung vai trò của Nhà nước thể hiện ở quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương nhằm định hướng, hỗ trợ, quản lý hoạt động của các chủ thể của trong nền kinh tế ở từng ngành, lĩnh vực nhất định.

(2) Thừa nhận Nhà nước giữ vai trò cần thiết đối với sự phát triển bền vững của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực quan trọng, thế mạnh của quốc gia, bao gồm nông sản nói chung và mặt hàng trái cây nói riêng. Đa số các nghiên cứu được công bố đều có sự nhất trí trong việc khuyến nghị các giải pháp để nâng cao hiệu quả vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường thông qua việc thực thi các chính sách đầu tư, tài chính để tạo lập các nền tảng cần thiết điều kiện để các ngành, lĩnh vực phát triển; điều tiết, định hướng việc sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng trái cây đáp ứng yêu cầu thị trường.

(3) Các công trình khoa học được công bố trong nước và quốc tế cũng thống nhất với nhận định là điều kiện thực tiễn mới thì vai trò của Nhà nước đối với các lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế cũng cần thiết phải đổi mới cho phù hợp với yêu cầu mới, nhất là những lĩnh vực phải phụ thuộc vào nhu cầu, tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu như mặt hàng trái cây.

Tuy nhiên, kết quả tổng quan liên quan đến đề tài luận án cũng cho thấy các kết quả nghiên cứu đó được chỉ ra thông qua việc tiếp cận ở từng góc độ, phạm vi, điều kiện khác nhau. Vì vậy, những công trình khoa học này còn chưa thống nhất, cũng như chưa làm rõ và chưa đề cập đến một số nội dung mới liên quan đến những vấn đề mà Nhà nước cần phải giải quyết hiện nay như: (1) Mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường, cụ thể là thị trường tiêu thụ nông sản nói chung

và mặt hàng trái cây nói riêng, Nhà nước có vị trí, vai trò như thế nào trong mối quan hệ đó? Cụ thể hơn, Nhà nước có vai trò gì để một mặt thực hiện chức năng “bà đỡ” đối với tiêu thụ mặt hàng trái cây, trong đó có mặt hàng trái cây ở ĐBSCL để vừa đảm bảo khuyến khích, hỗ trợ, khơi thông, tạo môi trường thuận lợi, tiền đề cho thị trường và mặt hàng trái cây phát triển, không vi phạm các nguyên tắc của thị trường và các cam kết của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế? Từ nhận thức đầy đủ và đúng đắn về nội dung của vai trò mới đó, Nhà nước phải cần làm gì, làm như thế nào để thúc đẩy thị trường tiêu thụ mặt hàng trái cây của Việt Nam và của ĐBSCL trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tác động của biến đổi khí hậu và cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn hiện nay?

### **1.2.2. Những khoảng trống nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây luận án tiếp tục phải làm rõ**

Qua nghiên cứu các công trình đã được công bố trong gần 10 năm trở lại đây, chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu về *vai trò của Nhà nước đối với sự phát triển nói chung ở ĐBSCL và tiêu thụ mặt hàng trái cây nói riêng* cả ở cấp độ vùng và địa phương dưới góc độ kinh tế chính trị. Do đó, xuất phát từ chủ đề nghiên cứu này, luận án tiếp tục phải luận giải những nội dung sau:

*Một là*, cơ sở khách quan của sự cần thiết phải phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL?

*Hai là*, nội dung nào Nhà nước cần định hướng, hỗ trợ, quản lý để thực hiện tốt vai trò? Các tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ hàng trái cây?

*Ba là*, trước bối cảnh chuyển đổi tư duy phát triển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp ở ĐBSCL, chính sách của Trung ương, sự hỗ trợ của chính quyền các địa phương đối với tiêu thụ trái cây ở ĐBSCL cần được tiếp cận theo hướng nào? Những thuận lợi và khó khăn đối với việc phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở Vùng trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế hội nhập quốc tế?

*Bón là*, phương hướng và giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL trong bối cảnh mới là như thế nào?

Từ những “khoảng trống” nêu trên đặt ra các tình huống khoa học mà đối tượng nghiên cứu của nhiệm vụ nghiên cứu phải hướng tới giải quyết cụ thể như sau:

*Về lý luận*, làm rõ sự cần thiết phải có nâng cao vai trò của Nhà nước đối với vấn đề tiêu thụ nông sản nói chung, tiêu thụ trái cây nói riêng, những nội dung Nhà nước cần tác động để phát huy vai trò, cũng như xác định tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của Nhà nước trong vấn đề này.

*Về thực tiễn*, phân tích và đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ trái cây ở ĐBSCL trong khoảng 10 năm trở lại đây, thể hiện thông qua hiệu quả, hiệu lực của cơ chế, chính sách ở cấp Trung ương, tổ chức thực thi ở cấp độ địa phương.

## Chương 2

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY

### 2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT, TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY VÀ SỰ CẦN THIẾT PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC

#### 2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

##### 2.1.1.1. *Khái niệm vai trò của Nhà nước*

Theo Từ điển Tiếng Việt, vai trò chỉ phận sự của một người nào đó trong một công việc nhất định [177, tr.1045]. Suy rộng ra, có thể hiểu, vai trò là tác dụng, chức năng trong sự hoạt động, sự phát triển của một cá nhân, tập thể hay một tổ chức nào đó. Do đó, khi bàn về vai trò của Nhà nước cần thiết phải làm rõ vị trí, chức năng cơ bản của Nhà nước trong đời sống xã hội.

Qua thực tế sự tồn tại của Nhà nước trong lịch sử, có thể nhận thấy Nhà nước có ảnh hưởng to lớn đối với sự lịch sử phát triển của nhân loại. Mặc dù xã hội giữ vai trò quyết định đối với sự hình thành và phát triển của Nhà nước, song xã hội có giai cấp sẽ không tồn tại nếu không có Nhà nước - thiết chế có khả năng tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của xã hội. Vì thế, A. Smith (1776) [123] đã khẳng định vai trò bảo đảm môi trường hòa bình, không để xuất hiện chiến tranh, làm dịu xung đột xã hội hoặc giữ cho xung đột đó ở trong vòng “trật tự” nhất định, để xã hội duy trì và phát triển. Do đó, vai trò của Nhà nước đối với xã hội được thể hiện chủ yếu thông qua việc đề ra chính sách, pháp luật để điều hành, quản lý các quá trình xã hội; nhờ có pháp luật, mọi chủ trương, chính sách của Nhà nước được triển khai một cách rộng rãi và thống nhất trên quy mô toàn xã hội. Tuy nhiên, vai trò của Nhà nước đối với xã hội thấp hơn nhiều so với hiện tại, tính giai cấp của Nhà nước thể hiện công khai và rõ rệt hơn so với tính xã hội vì Nhà nước chủ yếu thực hiện chức năng trấn áp để phục vụ mục tiêu thống trị giai cấp. Khi nền kinh tế thị trường xuất hiện, Nhà nước hầu như không can thiệp vào các quá trình kinh tế - xã hội, nền kinh tế gần như được

thả nổi, được tự điều tiết bằng một “bàn tay vô hình”, đó là quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh trong thị trường tự do. Quan điểm cho rằng Nhà nước thích hợp nhất với vai trò bảo đảm quốc phòng, bảo vệ an ninh con người và tài sản,... để tạo điều kiện cho thị trường phát triển trên cơ sở quan điểm này của A. Smith tiếp tục phát triển cho đến cuộc đại suy thoái kinh tế những năm 1930, nhất là sau Đại thế chiến lần thứ hai. Nền kinh tế bị tàn phá và sự sụp đổ nhanh chóng của các đế chế ở châu Âu đã đòi hỏi Nhà nước phải thay đổi chính sách để tác động đến xã hội một cách tích cực hơn. Học giả John M. Keynes (1936) [79] cho rằng Nhà nước phải can thiệp trực tiếp vào nền kinh tế thị trường bởi vì tự nó không có khả năng tự điều tiết một cách tuyệt đối và vô hạn. P.A.Samuelson và W.D.Nordhaus (1948) [122] nhấn mạnh đến sự kết hợp hài hòa, bổ khuyết cho nhau giữa cơ chế thị trường và vai trò điều tiết của Nhà nước nhằm thực hiện tăng trưởng kinh tế và cải thiện phúc lợi xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, Nhà nước có vai trò kiến tạo môi trường cho các hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hiệu quả và không ngừng gia tăng về mặt quy mô thông qua đề ra các chính sách điều hòa lợi ích giữa các chủ thể kinh tế, trong đó có các chính sách điều tiết thu nhập nhằm ngăn chặn sự chênh lệch quá mức về thu nhập nhằm duy trì các động lực của các chủ thể trong nền kinh tế, góp phần vào thịnh vượng chung của quốc gia. Với cách tiếp cận này, D.Acemoglu và J.A.Robinson (2012) [1] cho rằng Nhà nước cần tạo ra được hệ thống các thể chế kinh tế có thể thúc đẩy sự sáng tạo, khuyến khích người dân tiết kiệm, đầu tư và phát minh đổi mới.

Trước bối cảnh nền kinh tế thị trường có trình độ, quy mô được nâng cao, Ngân hàng Thế giới (2016) [101] đã chỉ ra kinh nghiệm phát huy vai trò của Nhà nước ở những lĩnh vực như lập kế hoạch, tiêu chuẩn, thực thi pháp luật, phát triển thể chế thị trường và các thị trường nhân tố, theo dõi và giám sát; mặt khác, Nhà nước cần giảm bớt vai trò ở những ngành, lĩnh vực có thể được thực hiện hiệu quả và hiệu suất bởi khu vực tư nhân. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các tác giả Trần Thị Huyền (2016) [78] và Hoàng Thị Kim Oanh

(2016) [109] đều nhấn mạnh Nhà nước cần điều chỉnh chính sách để nâng cao hiệu quả tác động trên các phương diện như: hoạch định chiến lược, chính sách phục vụ đối nội và đối ngoại; hoàn thiện thể chế, pháp luật, đổi mới phương thức quản lý, điều tiết nền kinh tế; huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển đất nước. Trên cơ sở tạo dựng các khuôn khổ thể chế, Nhà nước có thể thu hút đầu tư, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đối với các ngành, lĩnh vực đáp ứng với mục tiêu phát triển, trong đó nền tảng là việc tạo lập các thể chế đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh được thuận lợi, hỗ trợ kịp thời diễn biến, thông tin thị trường.

Ngoài ra, để một quốc gia có thể đạt được định hướng tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, theo tác giả Mai Thị Hồng Liên (2019) [87], Nhà nước phải giữ vai trò dẫn dắt các chủ thể nhằm khai thác tiềm năng và phát huy có hiệu quả các nguồn lực trong nền kinh tế như: nhân lực, nguồn vốn, khoa học công nghệ, tài nguyên thiên nhiên; đồng thời chỉ đạo phối kết hợp hiệu quả các nguồn lực nhằm khai thác tối đa sức mạnh các nguồn lực phục vụ đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và đảm bảo giữ vững đà tăng trưởng hợp lý trong dài hạn.

Như vậy, Nhà nước từ lâu đã đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng những nền tảng phát triển lâu dài thông qua việc ban hành pháp luật, thể chế, sự ổn định của vĩ mô nền kinh tế và đảm bảo an ninh - quốc phòng. Xét dưới khía cạnh kinh tế, với nguồn lực, công cụ, phương tiện sẵn có Nhà nước vừa có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, vừa tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các chủ thể tham gia. Bên cạnh đó, Nhà nước còn phải giữ vững ổn định chính trị, xây dựng được môi trường pháp luật thông thoáng, đảm bảo được lợi ích hợp pháp, chính đáng của các chủ thể kinh tế, đặc biệt là lợi ích của đất nước, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của nền kinh tế, tạo lập môi trường văn hóa phù hợp với yêu cầu phát triển của quốc gia.

Bên cạnh vai trò hoàn thiện thể chế, tạo lập “sân chơi” bình đẳng, thông thoáng đối với các bên có liên quan, tác giả Bùi Thị Hồng Nương (2019) [108] cho rằng Nhà nước cũng cần làm tốt vai trò quản lý, giám sát và kiểm soát đảm

bảo sự cạnh tranh lành mạnh của thị trường, chống các biểu hiện độc quyền, thao túng thị trường. Vai trò này thể hiện ở tập hợp những biện pháp của Nhà nước nhằm cổ vũ cạnh tranh giữa các nhà cung ứng với nhau, đồng thời bảo vệ người tiêu dùng chống lại tình trạng độc quyền, đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh của thị trường.

Nhìn chung, xét về mặt lịch sử, Nhà nước xuất hiện ban đầu chỉ đảm trách những nội dung cơ bản như: duy trì môi trường hoà bình, không để xảy ra nội chiến, ngoại xâm; tạo ra môi trường thể chế cho phát triển kinh tế thông qua hệ thống pháp luật để bảo vệ sở hữu tư nhân và cung cấp hàng hoá công cộng. Theo thời gian khi quy mô nền kinh tế ngày càng lớn hơn, Nhà nước vừa phải trực tiếp can thiệp, điều tiết kinh tế để thoát khỏi khủng hoảng, thất nghiệp và suy thoái, vừa phải mở rộng và bổ sung những chức năng của Chính phủ và cấp địa phương sao cho các tổ chức ở Trung ương có thể đảm nhiệm được vai trò là một đầu mối trung tâm trong việc thể chế hóa các chiến lược đầu tư của quốc gia.

Như vậy, các công trình nghiên cứu nêu trên mặc dù đã đề cập đến những khía cạnh khác nhau về Nhà nước với vai trò là một thiết chế quyền lực đặc biệt trong lịch sử; đồng thời, cũng chỉ ra những sự bổ sung về một số lĩnh vực mà Nhà nước cần đáp ứng tốt tương thích với mỗi nấc thang trong sự phát triển của kinh tế thị trường nói chung. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ tập trung đánh giá các chiều cạnh khác nhau trong quá trình Nhà nước thực hiện các vai trò như: định hướng, xây dựng, kiến tạo thể chế hoặc vai trò quản lý, điều tiết, sửa chữa khuyết tật của thị trường của Nhà nước. Hiện tại thiếu vắng những nghiên cứu chuyên sâu về khía cạnh phát huy vai trò hỗ trợ của Nhà nước đối với các chủ thể trên thị trường, nhất là đối với các nền kinh tế đang chuyển đổi như Việt Nam. Đặc biệt, các tác giả của những công trình đã công bố đó chưa giới thiệu được khái niệm mang tính toàn diện, đầy đủ về phát huy vai trò định hướng, hỗ trợ và quản lý của Nhà nước đối với các chủ thể kinh tế thông qua việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, công cụ, phương tiện trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.



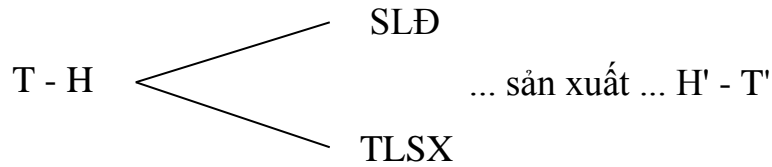
Từ góc độ phân tích trên có thể thấy, *vai trò của Nhà nước đó là quá trình Nhà nước phát huy năng lực hoạch định chính sách, năng lực tổ chức, quản trị và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và công cụ, cơ chế, chính sách để định hướng, điều tiết, hỗ trợ và quản lý các chủ thể kinh tế phù hợp với trình độ phát triển, quy mô của nền kinh tế, cũng như thích ứng với xu hướng phát triển của thời đại.*

### **2.1.1.2. Khái niệm tiêu thụ mặt hàng trái cây**

Theo Các Mác, vấn đề tiêu thụ hàng hóa hay bán hàng hóa là một giai đoạn trong quá trình lưu thông của tư bản và được Ông trình bày một cách sâu sắc thông qua lý luận tuần hoàn và chu chuyển tư bản trong quyển II của tác phẩm *Tư bản*. Theo đó, bán hàng hóa là quá trình chuyển tư bản từ hình thái hàng hóa (H) chuyển thành hình thái tiền tệ (T) trên thị trường. Bởi vì, mọi tư bản trong quá trình vận động đều trải qua ba giai đoạn, tồn tại dưới ba hình thức và thực hiện ba chức năng. Trong giai đoạn thứ nhất: nhà tư bản xuất hiện trên thị trường với tư cách người mua, thực hiện hành vi T - H, tức là mua. Giai đoạn thứ hai: nhà tư bản tiêu dùng các sản phẩm được mua từ hoạt động sản xuất, kết quả là nhà tư bản có được một hàng hoá (T') có giá trị lớn hơn giá trị của các bộ phận cấu thành của hàng hóa đó. Giai đoạn thứ ba: nhà tư bản trở lại thị trường với tư cách là người bán, thực hiện hành vi H' - T', tức là bán; trong đó, trong đó  $T' = T + \Delta T$  ( $\Delta T$  là số tiền trội hơn so với số tiền đã ứng ra, C.Mác gọi là giá trị thặng dư (m)).

Khi xem xét vấn đề tiêu thụ sản phẩm cần chú ý đến công thức H' - T'. Không khác gì hàng hóa thông thường, hàng hoá tư bản đưa ra lưu thông cũng chỉ thực hiện chức năng vốn có của hàng hóa là bán để lấy tiền. Chức năng của H' không chỉ là chức năng của mọi sản phẩm hàng hóa, mà quan trọng hơn còn là chức năng thực hiện giá trị thặng dư được tạo ra trong quá trình sản xuất. Kết thúc giai đoạn này, tư bản hàng hoá đã biến thành tư bản tiền tệ. Đến đây, mục đích của tư bản được thực hiện. Tư bản trở lại hình thái ban đầu, với số lượng

lớn hơn trước. Tổng hợp quá trình vận động của tư bản trong cả ba giai đoạn, rút ra công thức như sau:



Qua công thức trên, với tư cách là một giá trị, tư bản đã trải qua một chuỗi biến hóa hình thái có quan hệ với nhau, qui định lẫn nhau; có bao nhiêu biến hóa hình thái là có bấy nhiêu thời kỳ hay giai đoạn của quá trình vận động từ tư bản. Trong giai đoạn đó, có hai giai đoạn thuộc lĩnh vực lưu thông và một giai đoạn thuộc lĩnh vực sản xuất. Sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái rồi quay trở về hình thái ban đầu với giá trị không chỉ được bảo tồn mà còn tăng lên, gọi là sự tuần hoàn của tư bản.

Kết luận mà C.Mác rút ra là: tuần hoàn của tư bản chỉ có thể tiến hành bình thường chừng nào các giai đoạn khác nhau của nó không ngừng diễn ra liên tục, kế tiếp nhau. Mỗi sự gián đoạn ở bất kỳ giai đoạn nào cũng khiến cho sự tuần hoàn này bị đình trệ. Mặt khác, tuần hoàn của tư bản là sự liên tục của tổng quá trình và được thực hiện thống nhất của cả ba hình thái tuần hoàn, chứ không phải là sự đứt quãng được thể hiện ở từng giai đoạn. Từ nhận định của C.Mác, khi xem xét phạm trù tiêu thụ sản phẩm, nhất là sản phẩm nông nghiệp cần đặt trong mối liên kết chặt chẽ từ khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ để nghiên cứu, nhận định một cách toàn diện.

Bên cạnh nhấn mạnh mặt chất của quá trình lưu thông tư bản, thông qua lý luận chu chuyển của tư bản, C.Mác đã phân tích sâu sắc những nhân tố khách quan và chủ quan tác động đến thời gian và tốc độ chu chuyển của tư bản, cũng như mức độ hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Trong đó, C.Mác đề cập nhiều đến thời gian bán hàng, một khâu quan trọng trong thời gian lưu thông của tư bản. Ông viết:

“Một phần thời gian lưu thông - phần tương đối quan trọng nhất - là thời gian bán hàng, tức là thời kỳ mà tư bản nằm trong trạng thái tư bản hàng hóa. Thời gian lưu thông, và do đó, thời kỳ chu chuyển nói chung, kéo dài ra hay rút ngắn lại là tùy theo độ dài tương đối của kỳ hạn ấy. Do những chi phí bảo quản,..., cho nên cũng có thể cần một chi phí tư bản phụ thêm” [92, tr.368].

Khi bàn đến các nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau về thời gian lưu thông (bao gồm thời gian bán, thời gian vận chuyển, thời gian mua...) như: tình hình thị trường, giá cả; khoảng cách thị trường, trình độ phát triển của giao thông vận tải..., C.Mác đặc biệt lưu tâm đến khoảng cách giữa nơi sản xuất và thị trường tiêu thụ, trong đó có sự tiến bộ của ngành giao thông vận tải. Ông nhấn mạnh: “Một trong những nguyên nhân thường xuyên gây ra sự khác nhau trong thời gian bán hàng, và do đó, trong thời gian chu chuyển nói chung, là khoảng cách giữa thị trường bán hàng hóa và nơi sản xuất ra hàng hóa ấy” [92, tr.369].

Tuy nhiên, nếu giao thông vận tải phát triển sẽ giúp rút ngắn thời gian di chuyển, không chỉ giúp tăng tốc độ di chuyển mà còn làm cho lượng hàng hóa vận chuyển kế tiếp nhau đều đặn trong từng thời gian nhất định. C.Mác viết: “Nhưng do sự phát triển của các phương tiện giao thông vận tải và giao thông nên những sự khác nhau tương đối trong thời gian hàng hóa nằm trên đường đi có thể khiến cho chúng không còn phù hợp với các khoảng cách địa lý nữa” [92, tr.370].

Như vậy, qua phân tích lý luận về chu chuyển của tư bản của C.Mác cho thấy, để tối ưu hóa việc sử dụng tư bản, các nhà tư bản luôn tìm mọi biện pháp để khai thác mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của các yếu tố tác động đến thời gian lưu thông của tư bản nhằm nâng cao tốc độ chu chuyển của tư bản và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác, để hỗ trợ các chủ thể kinh tế thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, tức rút ngắn thời gian bán hàng, Nhà nước cần ưu tiên phát triển trước một bước hệ thống kết

cầu hạ tầng, trong đó cần chú trọng các lĩnh vực giao thông vận tải, thương mại, thông tin thị trường,...

Một góc nhìn khác đối với tiêu thụ sản phẩm, đó là dùng dần dần hoặc bán ra được, bán đi được; là hoạt động bán sản phẩm sản xuất ra cho khách hàng mua về để tiêu thụ [177, tr.853]. Theo đó, có thể hiểu thuật ngữ tiêu thụ sản phẩm hàng hóa là hoạt động bán sản phẩm đến tay người tiêu dùng, hoạt động tổ chức mạng lưới bán hàng hoặc xúc tiến việc bán hàng hóa.

Tiêu thụ hàng hóa là các hoạt động thương mại tìm kiếm đầu ra của các đơn vị kinh tế, là công đoạn cuối trong chu kỳ sản xuất kinh doanh. Theo nghĩa hẹp, tiêu thụ hàng hóa là hoạt động nhằm chuyển đổi hình thái giá trị của sản phẩm hàng hóa sang tiền tệ. Nói cách khác, tiêu thụ hàng hóa là hoạt động trong đó các đơn vị sản xuất kinh doanh bán các mặt hàng của mình cho khách hàng nhằm tìm kiếm lợi nhuận. Theo nghĩa rộng, tiêu thụ hàng hóa không chỉ dừng lại ở một số hoạt động như tổ chức mạng lưới bán hàng, quảng bá, tiếp thị bán hàng... tiêu thụ sản phẩm còn được xem xét dưới góc độ tổng thể các hoạt động từ khâu nghiên cứu thị trường, chuẩn bị hàng hoá, đến hoạt động tổ chức mạng lưới bán hàng, các dịch vụ trong và sau khi bán hàng... Do đó, tiêu thụ sản phẩm là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản phẩm sản xuất và phân phối với một bên là tiêu dùng.

Mặt hàng (tiếng Anh là commodity) là một sản phẩm hoặc nguyên liệu thô có thể được mua và bán [188]. Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thuật ngữ Mặt hàng (Lô sản phẩm) có thể được quan niệm là các hàng hóa có cùng nhãn hiệu, cơ sở sản xuất hàng hóa, chất liệu bao bì [27]. Theo đó, có thể hiểu, mặt hàng trái cây là sản phẩm của hoạt động sản xuất nông nghiệp tồn tại dưới dạng nguyên liệu thô (trái cây tươi) hoặc sản phẩm trái cây đã qua chế biến như trái cây sấy, mứt trái cây...

Từ sự phân tích khái niệm tiêu thụ hàng hóa với cách tiếp cận bên trên, có thể khẳng định, *tiêu thụ mặt hàng trái cây là một giai đoạn, khâu quan trọng trong*

*chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, là những hoạt động cần thiết để giúp trái cây tươi hoặc sản phẩm trái cây đã qua chế biến được trao đổi, mua bán trên thị trường. Chất lượng của mặt hàng trái cây liên quan trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, cũng như việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của họ. Xuất phát từ đặc điểm khác nhau về chủng loại và chất lượng của từng mặt hàng trái cây, đòi hỏi việc sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến phải dựa trên những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với nhu cầu, yêu cầu của thị trường trong nước và thế giới. Quá trình xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật này cần có sự tham gia của nhiều chủ thể, trong đó Nhà nước giữ vai trò quan trọng.*

### ***2.1.1.3. Khái niệm vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây***

Nghiên cứu về quá trình hoàn thiện thể chế của nhà nước, có thể thấy, giới nghiên cứu, các nhà khoa học dành sự chú ý nhiều đến mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường. Nhà nước nên chủ động can thiệp vào thị trường hay để thị trường tự điều tiết, tự vận động theo các quy luật khách quan của thị trường? Và khi cần thiết có sự can thiệp, cách thức và mức độ tác động của Nhà nước đến thị trường ra sao sẽ tối ưu đối với sự phát triển của nền kinh tế? Hoặc để thực hiện tốt vai trò của mình, Nhà nước phải tự hoàn thiện ra sao?

Từ phương diện năng lực tổ chức và quản trị, Nhà nước cần phát huy vai trò ở những lĩnh vực như lập kế hoạch, tiêu chuẩn, thực thi pháp luật, phát triển thể chế thị trường và các thị trường nhân tố, theo dõi và giám sát. Đồng thời, Nhà nước còn phải tập trung vào việc thiết kế các chủ trương, định hướng cụ thể, các chính sách tập trung nguồn lực, tạo dựng cơ chế ưu tiên vào các lĩnh vực trọng tâm trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Đặc biệt, tiến trình chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế đã nêu bật những nội dung mới về vai trò định hướng của Nhà nước khi mở rộng hợp tác kinh tế, tuân thủ các cam kết quốc tế, cũng như tham gia vào quá trình xây dựng các định chế kinh tế quốc tế.

Đối với quá trình phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, để kiến tạo môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, lành mạnh cho các chủ thể kinh tế

thông qua hệ thống pháp luật và các chính sách kinh tế, Nhà nước cần tập trung vào vai trò là chủ thể định hướng, phối hợp, kích thích, kiểm tra, giám sát và điều tiết các chính sách kinh tế - xã hội.

Đối với thị trường tiêu thụ mặt hàng trái cây, bên cạnh việc tăng cường vai trò trong lĩnh vực phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ..., Nhà nước, thông qua các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền các địa phương, hướng dẫn, hỗ trợ các nhà sản xuất và xuất khẩu mặt hàng trái cây tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng cao, sản lượng lớn đáp ứng nhu cầu thị trường; phát triển thương hiệu và quảng bá tiếp thị, nuôi dưỡng và mở rộng thị trường tiêu thụ. Song song đó, Nhà nước còn phải thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và quản lý, đảm bảo kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh đối với mặt hàng trái cây nhằm bảo vệ sức khỏe, quyền lợi của người tiêu dùng và sự phát triển lành mạnh của thị trường.

Xét dưới góc độ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng các mặt hàng trái cây, Nhà nước cần hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm bảo đảm các nhà vườn, hợp tác xã và doanh nghiệp quan tâm xây dựng thương hiệu có chứng nhận chỉ dẫn địa lý, đăng ký mã số đóng gói, mã số vùng trồng, dán tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm... Bên cạnh đó, Nhà nước cũng phải tăng cường hỗ trợ các nhà sản xuất kinh doanh mặt hàng trái cây để vừa bảo đảm sản phẩm cung ứng ra thị trường đạt chất lượng, an toàn và vừa góp phần tạo dựng niềm tin của người mua về uy tín, sự chuyên nghiệp của người bán, nhất là trên kênh bán hàng trực tuyến.

Tóm lại, từ sự phân tích trên, có thể hiểu, *vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây đó là việc Nhà nước phát huy năng lực tổ chức, quản trị, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và công cụ, cơ chế, chính sách để định hướng, điều tiết, hỗ trợ và quản lý các chủ thể sản xuất, chế biến, kinh doanh các mặt hàng trái cây nhằm góp phần cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng trong và ngoài nước.*

## **2.1.2. Đặc điểm của sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây và sự cần thiết phát huy vai trò của Nhà nước**

### **2.1.2.1. Đặc điểm của sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây**

*Một là, mặt hàng trái cây là sản phẩm được tạo ra trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, là kết quả của quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng nên bị tác động bởi điều kiện tự nhiên và mang tính thời vụ*

Các yếu tố thuộc về tự nhiên như đất đai, nguồn nước, khí hậu, địa hình tác động trực tiếp đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Những diễn biến thuận lợi hoặc bất lợi của điều kiện tự nhiên sẽ ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng của các mặt hàng trái cây phục vụ nhu cầu trong và ngoài nước. Chất lượng của mặt hàng trái cây liên quan trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, cũng như việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của họ. Do đó, khi mặt bằng thu nhập của người dân nhiều nước trên thế giới được nâng lên, nhất là các quốc gia phát triển, sẽ đặt ra đòi hỏi ngày càng khắt khe về chất lượng, các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch, nguồn gốc xuất xứ, ... của các mặt hàng này.

Một yếu tố khác ảnh hưởng đến tình hình sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây là tính mùa vụ, điều này dẫn đến thu hoạch rộ vào một thời điểm và xuất hiện các rủi ro về giá cả trên thị trường tiêu thụ và nhân công, phương tiện, hạ tầng phục vụ thu hoạch, sơ chế, bảo quản và tích trữ sản phẩm. Các rủi ro này càng phức tạp hơn nếu người sản xuất tự lựa chọn và trồng những loại trái cây theo kinh nghiệm, theo phong trào, không gắn với quy hoạch vùng trồng của Nhà nước. Do vậy, để tránh tình trạng thiếu lao động được thuê để chăm sóc, thu hoạch trái cây vào thời điểm chính vụ và hỗ trợ việc sơ chế, bảo quản sau thu hoạch đối với mặt hàng trái cây nhằm giữ chất lượng trái cây và giá trị khi bán ra thị trường cần thiết phải có sự tác động, hướng dẫn của Nhà nước.

Theo đó, bên cạnh việc hướng dẫn người sản xuất trồng rải vụ đối với các loại trái cây có tiềm năng, lợi thế, Nhà nước cần hỗ trợ các nhà vườn tổ chức lại sản xuất theo hướng hình thành các vùng trồng cây ăn trái chủ lực quy mô lớn, gắn với phát triển các nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ; hỗ trợ người sản xuất, doanh nghiệp áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo

quản và chế biến sản phẩm trái cây; tăng cường chế biến sâu đa dạng hóa sản phẩm; phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc... Mặt khác, công tác xúc tiến thương mại, mở cửa thị trường và hoạt động tuyên truyền nhằm đổi mới nhận thức, tư duy của người dân về việc sản xuất các mặt hàng trái cây phù hợp với nhu cầu và yêu cầu của thị trường sẽ góp phần thúc đẩy sản xuất và bảo đảm tiêu thụ ổn định, bền vững, đặc biệt là các sản phẩm có tính mùa vụ cao như trái cây.

*Hai là, mặt hàng trái cây có đặc thù sản xuất phân tán, mang tính vùng, miền và phần lớn là các loại trái cây tươi*

Mỗi loại trái cây khác nhau sẽ phù hợp với điều kiện khí hậu, từng loại đất ở mỗi vùng, miền, địa phương khác nhau. Với đặc điểm địa lý trải dài hàng nghìn km từ Bắc vào Nam, khí hậu Việt Nam được phân bố đa dạng tạo nên những trái cây đặc sản đặc trưng của từng địa phương, như: xoài Cát Chu Cao Lãnh, Bưởi da Xanh Bến Tre, Cam xoàn, Thanh long Phú Hội... Đồng thời, từng loại đất ở từng vùng miền khác nhau phù hợp với mỗi loại hoa quả khác nhau. Ví dụ như, vùng đất đỏ bazan ở Tây Nguyên có lợi thế rất lớn để sản xuất các loại trái cây ngon như sầu riêng, bơ, chanh dây; khu vực Tây Bắc có mận, đào, hồng, xoài Đài Loan trồng nhiều tại Sơn La hay bơ trên cao nguyên Mộc Châu; ở khu vực đồng bằng sông Hồng có các mặt hàng vải thiều, nhãn lồng, bưởi Diễn; vùng Bắc Trung Bộ có cam Vinh, bưởi Phúc Trạch...

Bên cạnh những lợi thế này, các mặt hàng trái cây cũng có đặc điểm là sản xuất phân tán ở vùng nông thôn nhưng thị trường tiêu thụ lại tập trung ở các đô thị và khu công nghiệp tập trung đông dân cư. Phương thức lưu thông hàng trái cây là phân tán - tập trung, nông thôn - thành thị và vì vậy, việc bố trí địa điểm thu mua, cách thức thu mua, chuyên chở các mặt hàng trái cây phải tương thích với đặc điểm này. Ngoài ra, do đặc điểm đa dạng về chủng loại và là sản phẩm tươi nên chất lượng mặt hàng trái cây không đồng đều, gây khó khăn cho việc vận chuyển, bảo quản sau thu hoạch và phân loại khi thu mua. Đặt ra yêu cầu việc vận chuyển, phân loại, sơ chế, đóng gói phải nhanh chóng để đảm bảo chất lượng của mặt hàng này. Đặc điểm khác nhau về chủng loại và chất lượng của



tùng mặt hàng trái cây cũng đòi hỏi phải có kỹ thuật, công nghệ, phương thức chế biến, kinh doanh phù hợp và cùng với đó là bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn hoàn thiện đối với các mặt hàng trái cây. Việc xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn đó không thể thiếu tác nhân chính là Nhà nước.

### ***2.1.2.2. Sự cần thiết phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây***

Những năm qua, diện tích trồng cây ăn trái và sản lượng trái cây của Việt Nam đều có sự gia tăng đáng kể [76] và nhờ tác động của tiến bộ khoa học, kỹ thuật, sản xuất chuyên canh, chuyển đổi giống cây trồng, trình độ canh tác của các nhà vườn ngày càng được nâng cao đã giúp năng suất cây trồng tăng trưởng mạnh. Các quy trình trồng cây ăn trái tiên tiến, đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường như: VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ... đang được nhân rộng để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Cùng với sự tăng trưởng về khối lượng, giá trị xuất khẩu rau quả ở Việt Nam cũng tăng nhanh với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 16,6% trong giai đoạn 2011 - 2022 [153].

Tuy nhiên, việc sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây vẫn còn tồn tại một số hạn chế chủ yếu, đó là: (1) Khâu tổ chức sản xuất chưa thực sự đáp ứng đầy đủ các đòi hỏi của thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu; sản xuất theo chuỗi còn mờ nhạt do quy mô nhỏ lẻ, manh mún, phân tán, gây khó khăn cho việc vạch ra các kế hoạch đầu tư, kinh doanh, quản lý chất lượng và tiêu thụ sản phẩm, còn không ít doanh nghiệp, nhà vườn chưa chú trọng đúng mức việc liên kết sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây; (2) Diện tích trái cây áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP hoặc theo hướng sản xuất an toàn còn thấp (năm 2019, cả nước chỉ có 13.119 ha cây ăn trái được cấp Giấy chứng nhận VietGAP [76]), nhất là tình trạng lạm dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, dẫn đến không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín trái cây Việt Nam trên thị trường tiêu thụ; (3) Kết cấu hạ tầng ở các vùng sản xuất cây ăn trái còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng kịp tốc độ mở rộng của sản xuất, như: hệ thống giao thông nội vùng, phương tiện vận chuyển chuyên dùng, chi phí logistics và giá cước vận chuyển cao; (4) Việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ

vào sản xuất và chế biến đối với mặt hàng trái cây chưa cao. Các sản phẩm chế biến chưa đa dạng, nhiều nhà máy chế biến chưa có vùng nguyên liệu ổn định dẫn đến chất lượng sản phẩm không đồng đều, tính cạnh tranh thấp; (5) Các mặt hàng trái cây xuất khẩu vừa chịu sự cạnh tranh gay gắt, vừa phải đảm bảo minh bạch thông tin và chất lượng đối với sản phẩm xuất khẩu sang các thị trường các nước trong điều kiện Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và toàn diện.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây ở Việt Nam trong bối cảnh mới, không thể thiếu vắng vai trò của Nhà nước. Trước hết, thông qua tạo dựng khung khổ pháp lý hoàn thiện, đồng bộ, Nhà nước có thể hỗ trợ phát triển sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trái cây, nhất là cơ chế, hỗ trợ về tín dụng, lãi suất, các cơ chế đặc thù đối với các doanh nghiệp đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và logistics gắn với tiêu thụ các mặt hàng trái cây, các nhà chế biến, xuất khẩu trái cây. Tiếp đó, Nhà nước và chính quyền các địa phương có vai trò chủ trì, điều phối thực hiện tổ chức lại sản xuất trong vùng quy hoạch, định hướng các loại trái cây thích ứng với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu của từng vùng; hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích mở rộng các vùng chuyên canh cây ăn trái theo tiêu chuẩn GAP, có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc rõ ràng, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các quy trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản... bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, đạt các chứng nhận về sản xuất theo yêu cầu của thị trường nhập khẩu.

Để mở rộng thị trường tiêu thụ mặt hàng trái cây trong bối cảnh hội nhập, người sản xuất, doanh nghiệp xuất khẩu trái cây cũng đang đối mặt với những rào cản kỹ thuật, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng do các quốc gia nhập khẩu áp dụng với mục đích kiểm soát chất lượng trái cây nhập khẩu hoặc nhằm bảo vệ thị trường trong nước. Thực tiễn này cho thấy sự cần thiết phải phát huy vai trò của Nhà nước trong việc không ngừng hoàn thiện và quản lý hiệu quả hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để chuẩn hóa, kiểm soát các quy trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến mặt hàng trái cây theo yêu cầu thị trường. Đồng thời, để xây dựng các kênh trao đổi giúp nắm bắt thông

tin thị trường, tăng cường xúc tiến, quảng bá đối với các mặt hàng trái cây xuất khẩu, cũng như hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thỏa thuận hợp tác, các điều ước quốc tế về hợp tác trong nông nghiệp đã ký kết giữa Việt Nam và các nước các tranh chấp phát sinh trong giao dịch thương mại còn phải đòi hỏi sự chủ động, tích cực từ phía các bộ, ngành, Đại sứ quán, thương vụ tại các nước.

Mặt khác, để phát triển thị trường tiêu thụ các mặt hàng trái cây, bên cạnh sự chủ động, nỗ lực của các chủ thể sản xuất kinh doanh, Nhà nước cũng cần phải hỗ trợ tập trung triển khai nhiều tháng trước mùa vụ với phương châm coi thị trường trong nước là nền tảng song song với duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu. Do đó, Nhà nước còn thể hiện vai trò trong việc định hướng tiêu dùng, nhất là thay đổi tâm lý “chợ hàng ngoại” của người tiêu dùng cần tuyên truyền rộng rãi hơn nhằm nâng cao nhận thức về quy mô, chất lượng mặt hàng trái cây của Việt Nam. Qua đó, kích lệ tinh thần ủng hộ các mặt hàng trái cây trong nước cũng như khuyến khích thông tin phản biện để các sản phẩm này phát triển bền vững.

Ngoài ra, hoạt động tiêu thụ trái cây bằng hình thức hợp đồng ở nước ta nói chung và ĐBSCL nói riêng hiện vẫn còn thiếu bền vững, chưa đáp ứng tốt yêu cầu về khối lượng sản phẩm trái cây lớn, chất lượng đồng đều, giao hàng đúng lúc, đạt tiêu chuẩn. Do đó, cần thiết phải có sự tham gia của Nhà nước, nhất là nâng cao hiểu biết của các chủ thể tham gia trong hợp đồng tiêu thụ mặt hàng trái cây, hoàn thiện thể chế, pháp luật về hợp đồng tiêu thụ các mặt hàng nông sản và quy định về trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc hỗ trợ pháp lý cho các bên khi tham gia ký kết hợp đồng.

## **2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY**

### **2.2.1. Nội dung vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

#### **2.2.1.1. Vai trò định hướng của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

*Một là, chuyển đổi tư duy sản xuất mặt hàng trái cây tươi, làm nguyên liệu sang chế biến sản phẩm trái cây có giá trị gia tăng cao*

Để thực hiện định hướng này, Nhà nước quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, tổ chức lại sản xuất theo hướng tạo ra những vùng chuyên canh,

phù hợp với năng lực công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ nông nghiệp; đồng thời, đối với mặt hàng trái cây, cần áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình sản xuất, chế biến, cũng như ưu tiên sản phẩm trái cây chế biến xuất khẩu có khả năng cạnh tranh cao, kết hợp với hình thành thương hiệu trái cây đặc trưng của địa phương và quốc gia. Để tạo điều kiện hình thành những vùng chuyên canh, cần có những chính sách linh hoạt về đất đai, tạo ra hành lang pháp lý thuận lợi cho phép người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển các vùng chuyên canh có quy mô hợp lý để đảm bảo nguồn trái cây nguyên liệu đầu vào đủ tiêu chuẩn cho lĩnh vực công nghiệp chế biến. Hình thành các tổ chức có đủ năng lực đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm, các trung tâm giao dịch giữa nhà sản xuất và đơn vị xuất khẩu...

*Hai là, vai trò định hướng của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây được thể hiện thông qua việc ban hành và thực thi chính sách phát triển kinh tế trong nông nghiệp*

Dẫn theo Hà Đình Thành (2020), “Chính sách là một tập hợp biện pháp được thể chế hóa, mà một chủ thể quyền lực, hoặc chủ thể quản lý đưa ra, trong đó tạo sự ưu đãi một hoặc một số nhóm xã hội, kích thích vào động cơ hoạt động của họ, định hướng hoạt động của họ nhằm thực hiện một mục tiêu ưu tiên nào đó trong chiến lược phát triển của một hệ thống xã hội” [133, tr.26]. Như vậy, mỗi chính sách được ban hành đều xuất phát từ một tác nhân nào đó. Khi xây dựng chính sách, các chủ thể quản lý phải nhận diện đầy đủ các tác nhân, phải phân tích cho rõ và đầy đủ các tác động nhiều chiều do quá trình thực hiện chính sách có thể đưa đến nhằm phát huy cao nhất hiệu quả do chính sách đó mang lại.

Theo tác giả Vũ Văn Hùng [71], chính sách liên quan đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ mặt hàng trái cây cần phải đảm bảo các yêu cầu như: (1) tính hiệu quả của chính sách; (2) tính hệ thống và đồng bộ của chính sách; (3) tính phù hợp với điều kiện thực tế trong nước, với luật lệ, các định chế khu vực và quốc tế, cập nhật thường xuyên các tiêu chuẩn, quy định, chứng nhận liên quan đến từng mặt hàng trái cây của thị trường nhập khẩu.

Thông thường các chính sách tiêu thụ nông sản, trong đó có tiêu thụ mặt hàng trái cây được đề cập đến những nội dung cơ bản sau: (1) Các chính sách mang tính nền tảng chung như: chính sách thúc đẩy mở cửa thương mại và hội nhập quốc tế; chính sách hỗ trợ thành phần kinh tế tập thể trong ngành nông nghiệp; chính sách đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng; chính sách khoa học và công nghệ; chính sách đất đai, chính sách tài chính, tín dụng; chính sách điều tiết cơ chế xuất khẩu. (2) Các chính sách bộ phận bao gồm: chính sách thị trường và giá cả nông sản, chính sách hỗ trợ bảo quản, chế biến nông sản, chính sách thúc đẩy giao thương mặt hàng nông sản, chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản. Xây dựng các chính sách phù hợp sẽ giúp chuyển dịch hợp lý cơ cấu mặt hàng xuất khẩu theo hướng nâng cao hàm lượng công nghệ, chất lượng và tỷ trọng sản phẩm trái cây có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu và thói quen của người tiêu dùng nội địa và quốc tế.

*Ba là, để định hướng tiêu thụ mặt hàng trái cây, Nhà nước cần và có thể thông qua các công cụ như chương trình, đề án để phát triển các loại trái cây phù hợp với tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái nhằm nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm.*

Căn cứ vào các chương trình, đề án do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành, chính quyền các địa phương sẽ xác định quy mô vùng chuyên canh trái cây trong phương án quy hoạch của địa phương; gắn phát triển vùng trồng cây ăn trái tập trung với các cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm. Trên cơ sở đó, các địa phương đẩy mạnh hoạt động thu hút doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư xây dựng nhà máy chế biến các mặt hàng trái cây; chủ động phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với các doanh nghiệp định hướng quy mô vùng trồng các loại trái cây chủ lực; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất trái cây từ xây dựng vùng trồng đến sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

### **2.2.1.2. Vai trò hỗ trợ của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

Bên cạnh vai trò định hướng, do đặc điểm riêng biệt của sản phẩm trái cây nên chính sách của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng này bên cạnh những nội

dung tương đồng với tiêu thụ các mặt hàng nông sản khác, còn phải đặc biệt quan tâm đến các yêu cầu sau:

*Một là, hỗ trợ xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng logistics đáp ứng yêu cầu tiêu thụ mặt hàng trái cây ở thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu*

Đặc điểm của các mặt hàng nông sản nói chung và mặt hàng trái cây nói riêng (nhất là trái cây tươi) có thời gian tồn trữ, bảo quản không lâu nên đòi hỏi phải tăng cường kết nối với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước bên cạnh việc đảm bảo chất lượng, giá trị tăng thêm và khả năng cạnh tranh của mặt hàng trái cây. Do đó, phát triển lĩnh vực logistics để đẩy mạnh việc tiêu thụ các mặt hàng trái cây ngày càng trở nên quan trọng trong chuỗi giá trị trái cây, bảo đảm đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng với giá thành hợp lý. Mặt khác, hệ thống logistics phục vụ cho tiêu thụ mặt hàng trái cây được phát triển hoàn thiện sẽ giúp các chủ thể sản xuất cùng với các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh trái cây cung ứng đủ sản phẩm với số lượng phù hợp nhu cầu thị trường, có chất lượng đúng theo tiêu chuẩn do thị trường đặt ra, góp phần nâng cao sức cạnh tranh khi tham gia vào thị trường khu vực và thế giới.

Từ sự phân tích bên trên, Nhà nước có thể hỗ trợ phát triển hệ thống hạ tầng logistics ở một số nội dung cơ bản như: (1) Hoàn thiện chính sách, pháp luật về logistics, trong đó rà soát, sửa đổi, ban hành mới các văn bản chính sách, pháp luật liên quan đến từng ngành cụ thể như vận tải, kho bãi, giao nhận, giám định,... Hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý logistics, nhất là, chính sách phí, lệ phí, tháo gỡ các rào cản đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường; (2) Ban hành cơ chế, chính sách tiếp tục đầu tư, phát triển hạ tầng logistics (hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng công nghệ, hạ tầng kết nối) theo hướng đồng bộ, hiện đại, nhất là đầu tư vào chuỗi lạnh gồm kho lạnh, xe lạnh và xe container lạnh; đầu tư nâng cấp các tuyến vận tải kết nối với các trung tâm logistics trái cây; nhanh chóng đưa vào sử dụng hệ thống các tuyến đường cao tốc để cải thiện kết nối, tăng khả năng tiếp cận và giảm thời gian vận chuyển đến các địa phương có thể mạnh về trái cây; (3) Ban hành chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài, khuyến khích khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tham gia đầu

tur, phát triển hệ thống hạ tầng logistics; (4) Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp logistics kết nối với các nhà sản xuất, phân phối, tiêu thụ mặt hàng trái cây sạch, an toàn thông qua các kênh truyền thông như chợ đầu mối trái cây, chuỗi các siêu thị, hệ thống cửa hàng tiện ích...

*Hai là, thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây theo chuỗi để nâng cao giá trị sản phẩm*

Thực tiễn ở nhiều quốc gia trên thế giới và cả ở Việt Nam, sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây theo chuỗi giá trị liên kết là hướng đi bền vững giúp tăng giá trị của sản phẩm hàng hóa, phân phối bình đẳng lợi ích thu được và nhất là giảm thiểu những rủi ro do biến động giá cả thị trường. Đến nay, đã xuất hiện ba hình thức liên kết chủ yếu trong sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây, đó là: (1) liên kết tiêu thụ sản phẩm qua hợp đồng giữa doanh nghiệp với nhà vườn/hợp tác xã; (2) liên kết có hỗ trợ đầu tư và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với nhà vườn/hợp tác xã; (3) liên kết theo chuỗi giá trị khép kín. Trong đó khá phổ biến là hình thức liên kết tiêu thụ sản phẩm qua hợp đồng giữa doanh nghiệp với nhà vườn/hợp tác xã [167]. Bản chất của loại hợp đồng này là “sự thỏa thuận” giữa nhà vườn/hợp tác xã và các cơ sở/doanh nghiệp chế biến hoặc tiêu thụ trái cây về việc tiêu thụ mặt hàng này trong tương lai và thường với giá đặt trước. Tính bền vững của hợp đồng phụ thuộc vào môi trường hoạt động của hợp đồng và việc quản lý hợp đồng trên thực tế. Môi trường của hợp đồng bao gồm sức mạnh thị trường của sản phẩm hợp đồng, chính sách pháp luật của Nhà nước, ý thức chấp hành pháp luật của các bên. Do đó, để góp phần đảm bảo tính bền vững của các hợp đồng liên kết sản xuất - tiêu thụ mặt hàng trái cây, Nhà nước cần quan tâm đến hỗ trợ các tác nhân của hợp đồng trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông. Cụ thể:

(1) Trong lĩnh vực sản xuất: Hỗ trợ các chủ thể sản xuất trái cây có đủ năng lực phát triển sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, an toàn, sinh thái. Khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp bao tiêu áp dụng có hiệu quả các quy trình thâm canh theo tiêu chuẩn GAP đối với các loại trái cây như xoài, nhãn, nho,...; đồng thời, nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất theo

quy trình tiên tiến, được cấp mã vùng trồng và truy xuất nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, liên kết theo chuỗi giá trị cho nhà vườn, hợp tác xã.

(2) Đối với lĩnh vực lưu thông: Nhà nước với nguồn lực và chức năng của mình có thể hỗ trợ đặc lực hoạt động khắc phục các hạn chế, khó khăn trong tiêu thụ mặt hàng trái cây trong lĩnh vực lưu thông ở những nội dung sau đây:

- Quản lý và mở rộng thị trường tiêu thụ: quản lý, kiểm soát các hoạt động sản xuất, trao đổi mặt hàng trái cây, đảm bảo tự do kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xóa bỏ các rào cản nhằm thu hút nhiều chủ thể, thương nhân tham gia kinh doanh, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây; đồng thời chủ động tham gia và thực thi phù hợp đối với các hiệp định thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm trái cây có tiềm năng, thế mạnh.

- Nhà nước tạo điều kiện cho việc đổi mới và áp dụng linh hoạt các phương tiện, hình thức sản xuất, tiêu thụ trái cây phù hợp với đặc điểm, quy mô, cấp độ gắn với khả năng đáp ứng của mỗi loại trái cây. Đồng thời, chủ động khuyến khích các hoạt động liên kết sản xuất, tiêu thụ theo hợp đồng để đảm bảo đầu ra cho sản phẩm trái cây và tính đồng nhất về chất lượng mặt hàng trái cây đến người tiêu dùng cuối cùng.

- Nhà nước có chính sách hợp lý để phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công tác quản lý hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây trên thị trường. Các bộ, ngành ở Trung ương cùng với chính quyền các địa phương hỗ trợ mở rộng mạng lưới đào tạo nhân lực am hiểu về logistics, nhân lực sản xuất, liên kết chuỗi, tạo nên vùng nguyên liệu rộng lớn, sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, nhất là lực lượng phục vụ chuyển đổi số cho các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trái cây.

(3) Đối với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây. Nhà nước cần phát huy vai trò ở các nội dung sau:

- Phổ biến các quy chuẩn hàng hóa của các nước nhập khẩu trái cây và kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng của các mặt hàng đó;

- Thúc đẩy việc sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi, xây dựng các vùng chuyên canh trái cây quy mô lớn để có nguồn nguyên liệu ổn định và gắn với giám sát



quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản sau thu hoạch gắn với truy xuất nguồn gốc từng mặt hàng trái cây;

- Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực chế biến từ chất lượng thiết kế (mẫu mã, nhãn, bao bì...) đến việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như: Tiêu chuẩn quản lý chất lượng trong an toàn thực phẩm (HACCP), các tiêu chuẩn về sản xuất, thương mại theo Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa (ISO)...; đảm bảo chất lượng dịch vụ sản phẩm, dịch vụ thương mại xuất khẩu (khả năng đáp ứng nhanh đơn hàng, tuân thủ điều kiện giao hàng và thanh toán, khả năng đáp ứng các thay đổi và thực hiện yêu cầu khách hàng); sử dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại để xuất khẩu sản phẩm có chất lượng tốt nhất, thời gian ngắn nhất và chi phí thấp nhất. Ngoài ra, ở cấp Trung ương, các Bộ, ngành có liên quan cần ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định tiêu chuẩn hóa đóng gói hàng hóa để gia tăng năng lực, hiệu quả hoạt động logistics đáp ứng thị trường xuất khẩu mặt hàng trái cây, giúp xử lý hàng hóa dễ dàng hơn khi vận chuyển giữa các điểm thu gom và các thị trường tiêu thụ, từ đó góp phần giảm giá thành hàng hóa trái cây xuất khẩu.

*Ba là, hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, cung cấp thông tin thị trường đối với mặt hàng trái cây*

Để hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, Nhà nước cần tạo nguồn kinh phí xúc tiến thương mại, xây dựng và giới thiệu chỉ dẫn địa lý cho các loại sản phẩm trái cây đặc sản các vùng, miền sản xuất. Từ yêu cầu mới của thực tiễn, sự hỗ trợ của Nhà nước đối với thị trường đầu ra của mặt hàng trái cây không chỉ dừng lại ở hoạt động thúc đẩy xúc tiến thương mại, mà còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm ngày càng khắt khe của các thị trường tiêu thụ trái cây trọng điểm như Mỹ, EU, Úc, Nhật Bản...

Đối với vai trò hỗ trợ xây dựng thương hiệu của mặt hàng trái cây, Nhà nước tập trung vào tạo dựng thương hiệu quốc gia và thương hiệu gắn với vùng, địa phương. Thương hiệu quốc gia sẽ đảm bảo sự quảng bá dài hạn, định vị thương hiệu trái cây dựa trên bản sắc và lợi thế của đất nước. Đối với xây dựng

thương hiệu vùng, miền và địa phương, chính quyền địa phương sẽ tập trung phát triển thương hiệu cho các mặt hàng là đặc sản, mang những đặc trưng chỉ có thể thấy ở địa phương đó và gắn với nguồn gốc địa lý nhằm phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, đa dạng văn hóa của đất nước.

Xây dựng thương hiệu cho mặt hàng trái cây đòi hỏi Nhà nước phải đầu tư toàn diện, có định hướng phát triển lâu dài, cũng như kết hợp đồng bộ tất cả các khâu từ việc lựa chọn giống, trồng trọt, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch, trong đó cần có sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa nhà nông, nhà khoa học, nhà truyền thông và nhà doanh nghiệp. Để thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng trái cây, cần coi trọng đăng ký thương hiệu, thiết kế nhãn mác và mẫu mã, bao bì cho sản phẩm, liên kết với người sản xuất nguyên liệu đăng ký xuất xứ hàng hóa, bảo đảm các chứng chỉ đáp ứng với đòi hỏi từ đối tác. Bên cạnh chiến lược định vị thương hiệu cho mặt hàng trái cây, Nhà nước còn thể hiện vai trò hỗ trợ ở lĩnh vực quyền đăng ký và trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận hay nhãn hiệu tập thể cho cá nhân, tổ chức sản xuất mặt hàng trái cây mang chỉ dẫn địa lý tại địa phương và đưa sản phẩm đó ra thị trường.

### ***2.2.1.3. Vai trò quản lý của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây***

*Một là, xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật có liên quan đến tiêu thụ mặt hàng trái cây*

(1) Về luật pháp trong nước: Phạm vi điều chỉnh của các quy định pháp luật tác động đến tất cả hoạt động liên quan đến việc tiêu thụ mặt hàng trái cây tươi hoặc trái cây chế biến trong nước và xuất khẩu ở trong nước. Do vậy, thông qua hoạt động xây dựng thể chế, Nhà nước có thể tác động, chi phối hành vi của các chủ thể kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến mặt hàng trái cây, thể hiện trên các mặt cụ thể sau:

- Xác lập trật tự và môi trường kinh doanh lành mạnh cho việc tiêu thụ mặt hàng trái cây trong nước và quốc tế thông qua xây dựng được hệ thống luật pháp, các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn một cách đồng bộ và hợp lý, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong nước và bối cảnh quốc tế.

- Bảo vệ lợi ích chính đáng của các bên liên quan tham gia vào hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây, trong đó nội dung trọng yếu thể hiện rõ vai trò quản lý của nhà nước là tạo dựng môi trường pháp lý ổn định, minh bạch, bình đẳng, nhất là trong tiếp cận nguồn lực về đất đai, tài chính, công nghệ.

- Quá trình sử dụng công cụ pháp luật có liên quan đến tiêu thụ mặt hàng trái cây cần chú trọng tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương thực hiện đúng quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, đảm bảo ổn định sản lượng và tiêu chuẩn chất lượng, bảo vệ quyền lợi của người tiêu thụ sản phẩm; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhà vườn, cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh mặt hàng trái cây và nhận thức của người tiêu dùng về mua sắm các sản phẩm trái cây đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

(2) Đối với pháp luật quốc tế: Rào cản thương mại là bất kỳ hành động hay biện pháp nào gây ra trở ngại, ách tắc đối với thương mại quốc tế. Nhằm bảo vệ nền sản xuất trong nước hoặc lý do khác trong lộ trình hội nhập, các quốc gia bên cạnh hàng rào thuế quan còn sử dụng một số biện pháp phi thuế quan đối với mặt hàng trái cây nhập khẩu. Theo tác giả Ngô Thị Mỹ (2016), hàng rào phi thuế quan là các cách thức ngăn chặn hoặc gây cản trở cho các mặt hàng trái cây từ nước khác nhập khẩu vào thị trường trong nước của một quốc gia nhưng không phải sử dụng thuế nhập khẩu [98, tr.106]. Hàng rào phi thuế quan thường bao gồm hai khía cạnh chủ yếu là hàng rào hành chính và hàng rào kỹ thuật.

Để có thể xuất khẩu các mặt hàng trái cây, nhà sản xuất hay xuất khẩu phải thực hiện đúng các quy định của thị trường nhập khẩu. Hiện tại một số thị trường nhập khẩu trái cây lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU vẫn tiếp tục áp dụng một số biện pháp mang tính kỹ thuật, khó thực hiện như Hiệp định về rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) và Hiệp định về các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS). Chẳng hạn, các mặt hàng trái cây nhập khẩu vào thị trường các nước thuộc EU phải đáp ứng các điều kiện của “Hệ thống tiêu chuẩn hóa châu Âu”. Hệ thống này bản chất là hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật được sử dụng làm rào cản thương mại phi thuế quan được phân loại thành năm nhóm cơ bản, bao gồm: các

tiêu chuẩn về chất lượng và vệ sinh thực phẩm, tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng; tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn về lao động [98, tr.107].

Do đó, nếu các mặt hàng trái cây muốn thâm nhập các thị trường như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ, nhà xuất khẩu bắt buộc phải tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về kỹ thuật và kiểm soát nhập khẩu như chất lượng thương mại và các quy định ghi nhãn mác, các quy định về an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật và khai báo hải quan; đồng thời, để tạo dựng được uy tín cần có các chứng nhận tự nguyện như chứng nhận về môi trường (nông nghiệp hữu cơ), chứng nhận xã hội (quyền của người lao động, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp), chứng nhận an toàn thực phẩm và thực hành tốt (thực hành nông nghiệp tốt - GAP), chứng nhận chất lượng thực phẩm đặc trưng (chỉ dẫn địa lý - GI) hoặc chứng nhận về các khía cạnh khác của sản xuất như an toàn vệ sinh thực phẩm.

Với nguồn lực về hợp tác quốc tế và các cơ quan quản lý chuyên ngành, Nhà có thể và cần thiết phải hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu tham gia mạng lưới kiểm định chất lượng sản phẩm quốc tế để mặt hàng trái cây đáp ứng yêu cầu của các quốc gia nhập khẩu có tính chất nghiêm ngặt như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản. Mặt khác, trên cơ sở nắm vững các tiêu chuẩn về kỹ thuật, chứng nhận nêu trên, Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chứng nhận quốc gia để đẩy mạnh tiêu thụ mặt hàng trái cây ở thị trường nội địa hoặc xuất khẩu mặt hàng này sang một số thị trường khác có yêu cầu về chất lượng không quá nghiêm ngặt.

*Hai là, kiểm tra, giám sát thị trường tiêu thụ mặt hàng trái cây*

Do hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây phải thông qua nhiều tác nhân, mối quan hệ và quy định tiêu chuẩn có liên quan... nên nội dung kiểm tra, giám sát đa dạng, phức tạp. Nội dung chủ yếu liên quan đến quá trình hoạt động của các nhà vườn/hợp tác xã, cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến và các doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu trái cây, việc thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh thực phẩm và môi trường. Thông qua các văn bản pháp quy, các công cụ, chính sách của Nhà nước tác động đến tình hình thực hiện an toàn thực phẩm của đơn vị sản xuất, chế biến, kinh doanh trái cây trên cả nước nhằm định hướng, dẫn dắt các

chủ thể này thực hiện tốt các quy định pháp luật, nhất là pháp luật về an toàn thực phẩm.

Theo tác giả Bùi Thị Hồng Nương [108], vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn thực phẩm được thể hiện bằng hoạt động ban hành các văn bản hành chính, văn bản có nội dung quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, các biện pháp, các chế tài xử lý để điều chỉnh hành vi của các chủ thể sản xuất kinh doanh phục vụ nhu cầu và sức khỏe của người tiêu dùng, cũng như sự phát triển ổn định, bền vững của xã hội.

Các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác quản lý nhà nước, nhất là lực lượng quản lý thị trường thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với thị trường tiêu thụ mặt hàng trái cây trong nước và hoạt động xuất khẩu mặt hàng này phải đảm bảo phát hiện kịp thời cũng như xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật trên thị trường như: niêm yết giá không đúng, những hành vi găm hàng, tích trữ hàng hóa để đầu cơ trục lợi hoặc thu lợi bất hợp pháp thông qua lợi dụng sự biến động của thị trường; kinh doanh hàng trái cây không rõ nguồn gốc, hàng kém chất lượng, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn dịch bệnh và những hoạt động gian lận thương mại có liên quan khác; đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các mặt hàng trái cây (sản xuất trong nước và nhập khẩu) trên thị trường trực tiếp và trực tuyến.

Do đó, để tăng cường năng lực kiểm soát, quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm đối với mặt hàng trái cây được tiêu thụ trên thị trường, Nhà nước cần chú trọng những lĩnh vực chủ yếu như: (1) Rà soát, sửa đổi, bổ sung để từng bước hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước về sản xuất, chế biến, kinh doanh mặt hàng trái cây. (2) Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, chính sách liên quan đến hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây đảm bảo hiệu lực, hiệu quả. (3) Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với cơ sở kinh doanh, chế biến trái cây không đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ tại các chợ truyền thống, chợ đầu mối, chợ trái cây, cơ sở kinh doanh, cửa hàng tiện lợi, hệ thống siêu thị và trên các sàn thương mại điện tử.

## **2.2.2. Tiêu chí đánh giá vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

### **2.2.2.1. Tiêu chí đánh giá vai trò định hướng của Nhà nước**

Vai trò định hướng của Nhà nước thể hiện ở việc hướng hoạt động của các nhà sản xuất, đơn vị tiêu thụ mặt hàng trái cây phù hợp với mục tiêu thay đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm của ngành nông nghiệp, cũng như mục tiêu chung của cả nền kinh tế. Do đó, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện vai trò định hướng của Nhà nước đối với tiêu thụ mặt hàng trái cây thông qua các nội dung chủ yếu như sau:

(1) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, ban hành thể chế, chính sách và các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn ở cấp độ quốc gia, địa phương của Nhà nước và chính quyền các cấp ở địa phương nhằm phát triển phát triển hoạt động sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây; đồng thời, các văn bản định hướng hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây cần có tính dự báo và tính phù hợp với điều kiện thực tế để vừa đáp ứng được yêu cầu thúc đẩy tiêu thụ mặt hàng này, vừa không làm phát sinh những vấn đề mới mâu thuẫn với mục tiêu thực hiện các vai trò khác.

Mặt khác, quá trình hoàn thiện thể chế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cần có sự đánh giá về mức độ phù hợp với cam kết quốc tế tham gia hoặc những mâu thuẫn phát sinh giữa những cam kết với tổ chức này và với tổ chức quốc tế khác. Đặc biệt, việc xây dựng và thực thi pháp luật và quy hoạch, chương trình, kế hoạch, chính sách hỗ trợ tiêu thụ mặt hàng trái cây phải phản ánh chính xác thực trạng sản xuất, tiêu thụ trái cây trong nước và dự báo đúng với xu hướng mới trong tiêu thụ sản phẩm trái cây trên thế giới; các quy hoạch, kế hoạch, chính sách hỗ trợ tiêu thụ mặt hàng trái cây của Nhà nước đảm bảo không xung khắc với các chính sách khác trong hoạt động tiêu thụ nông sản.

(2) Chỉ tiêu diện tích trồng cây ăn trái; sản lượng trái cây so với quy hoạch, kế hoạch. Hiện tại, công tác quy hoạch vùng sản xuất trái cây do các Bộ, ngành chủ trì, phối hợp với chính quyền các địa phương thực hiện chỉ mang tính chất khuyến cáo, thiếu cơ chế pháp lý ràng buộc, cũng như biện pháp chế tài để xử lý; do đó, Nhà nước chỉ dừng lại ở hoạt động tuyên truyền, vận động nông dân chọn

lựa các loại trái cây phù hợp với đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng, nguồn nước, từ đó xác định vùng chuyên canh để sản xuất hàng hóa với quy mô lớn.

### (3) Sản lượng và kim ngạch các mặt hàng trái cây xuất khẩu.

Theo tác giả Lê Thị Mai Anh [4], xuất khẩu hàng hóa chính là hoạt động bán hàng hóa của nước này sang nước khác, thông qua sử dụng tiền tệ làm phương thức thanh toán. Thông qua kim ngạch xuất khẩu của một hàng hóa, các cơ quan chức năng của quốc gia, địa phương sẽ có thông tin để tổ chức lại sản xuất, hệ thống bán hàng, các phương thức tiêu thụ tạo nên cơ cấu sản xuất, tiêu thụ để có thể thích ứng được với những biến động của thị trường.

Do đó, sản lượng trái cây và kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này là tiêu chí đánh giá quan trọng đối với vai trò định hướng của Nhà nước đối với lĩnh vực tiêu thụ mặt hàng trái cây; được biểu hiện bằng tỷ trọng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu mặt hàng trái cây trong tổng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau quả; sản lượng, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nói riêng và sản lượng, kim ngạch xuất khẩu nói chung.

### (4) Chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu:

Tác giả Lê Thị Mai Anh cho rằng, đánh giá mức độ chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu phù hợp với chủ trương, định hướng chung về xuất khẩu hàng hóa quốc gia, chiến lược quốc gia về xuất khẩu dựa trên lợi thế so sánh của mặt hàng xuất khẩu đó trong từng giai đoạn nhất định [6]. Định hướng chuyển dịch cơ cấu các mặt hàng trái cây xuất khẩu được thể hiện thông qua một số yêu cầu cơ bản như: giảm xuất khẩu trái cây thô, sơ chế sang xuất khẩu các loại trái cây chế biến có giá trị gia tăng cao; đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu, tránh tình trạng phụ thuộc vào một số mặt hàng trái cây chính nhằm hạn chế rủi ro về mặt thị trường, đảm bảo hiệu quả kim ngạch xuất khẩu.

Nếu tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng chế biến hay chế tạo có xu hướng tăng lên và tỷ trọng xuất khẩu của nhóm hàng khoáng sản, nhiên liệu có xu hướng giảm xuống có nghĩa là việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của quốc gia đó đã và đang có các kết quả tích cực. Ngược lại, trường hợp đóng góp của các mặt hàng chế biến, chế tạo trong xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ

và có chiều hướng giảm dần, trong khi nhóm hàng hóa khác đóng góp vào tỷ trọng xuất khẩu tăng lên thì có nghĩa là việc chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chưa hiệu quả, chưa đi đúng hướng, cần có sự điều chỉnh. Nếu trong cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của một quốc gia, số lượng, chủng loại hàng hóa càng đa dạng, phong phú càng chứng tỏ quốc gia đó có cơ cấu mặt hàng xuất khẩu chuyển dịch phù hợp, chứng tỏ các hàng hóa sản xuất của quốc gia đó có khả năng thâm nhập thị trường tốt và không bị phụ thuộc vào một hoặc một số ít các mặt hàng.

(5) Huy động các nguồn lực, vốn đầu tư của xã hội vào nông nghiệp nói chung, lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây nói riêng.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội: là toàn bộ tiền vốn bỏ ra (chi tiêu) để làm tăng hoặc duy trì năng lực và nguồn lực cho sản xuất. bao gồm: Vốn đầu tư tạo ra tài sản cố định, vốn đầu tư làm tăng tài sản lưu động, vốn chi mua các tài sản quý hiếm, dự trữ vàng dưới dạng hàng hoá, các sản phẩm hàng hoá dự trữ trong dân cư và vốn đầu tư thực hiện khác nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, tăng cường phúc lợi xã hội, cải thiện môi trường sinh thái, hỗ trợ dân sinh...[156].

Chia theo loại hình kinh tế, vốn đầu tư của xã hội vào ngành nông nghiệp có thể chia thành ba loại như: Vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước; Vốn đầu tư của khu vực kinh tế ngoài nhà nước; Vốn đầu tư của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (trực tiếp hoặc gián tiếp).

(6) Lợi nhuận của nhà vườn, thành viên thuộc kinh tế tập thể, cơ sở chế biến, kinh doanh, doanh nghiệp tham gia tiêu thụ sản phẩm trái cây. Chênh lệch về giá bán/lợi nhuận các sản phẩm trái cây được sản xuất theo quy trình, tiêu chuẩn, chứng nhận quốc tế với các sản phẩm trái cây được tiêu thụ theo cách thức truyền thống.

Lợi nhuận là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh toàn bộ kết quả của quy trình sản xuất kinh doanh của chủ thể. Theo C.Mác, khi nghiên cứu về lợi nhuận đã viết: “Giá thị thặng dư hay là lợi nhuận, chính là phần giá trị dôi ra ấy của giá trị hàng hóa so với chi phí sản xuất của nó, nghĩa là phần dôi ra của tổng số



lượng lao động chứa đựng trong hàng hóa so với số lượng lao động được trả công chứa đựng trong hàng hóa” [93, tr.74].

Trong thống kê, còn có chỉ số lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, được tính bằng số lợi nhuận thu được trong năm của doanh nghiệp từ các hoạt động doanh nghiệp, hoạt động tài chính và các hoạt động khác phát sinh trong năm trước khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo tác giả Phan Thị Huê (2019) đây là tổng lợi nhuận của toàn doanh nghiệp đã được bù trừ giữa các hoạt động có lãi và hoạt động bị lỗ [69, tr.59].

### **2.2.2.2. Tiêu chí đánh giá vai trò hỗ trợ của Nhà nước**

(1) Tiêu chí đánh giá hoạt động của Nhà nước trong đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng, nhất là các loại kết cấu hạ tầng hỗ trợ trực tiếp việc tiêu thụ trái cây như hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics, hạ tầng thương mại, được thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Kết quả phát triển hạ tầng giao thông quốc gia: chiều dài (số km) đường quốc lộ; Kết quả phát triển hạ tầng giao thông ở địa phương (chiều dài (số km) xây dựng đường tỉnh, đường đô thị; bến cảng thủy nội địa);

- Phát triển giao thông nông thôn (đường huyện, đường xã, đường thôn, xóm) và tỷ lệ giải ngân vốn ngân sách nhà nước (đánh giá hàng năm cho các dự án do bộ/ngành/địa phương triển khai);

- Huy động nguồn vốn ngoài ngân sách đối với kết cấu hạ tầng giao thông (đánh giá hàng năm cho các dự án do bộ/ngành/địa phương triển khai bao gồm các kết cấu hạ tầng quốc gia, tính trên tổng số dự án triển khai theo phương thức đối tác công - tư).

- Chất lượng của cơ sở hạ tầng liên quan đến thương mại và vận tải (cảng biển, sân bay, đường sắt, đường bộ, phương tiện chuyển tải, hệ thống kho, bến bãi, hạ tầng số và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin). Sử dụng Chỉ số LPI viết tắt của Logistics Performance Index (Chỉ số hiệu quả Logistics) của Ngân hàng Thế giới (2022) [14, tr.74] để đánh giá hiệu quả, năng lực hỗ trợ đầu tư, phát triển lĩnh vực logistics của các cơ quan Nhà nước thông qua nội dung đánh giá về hạ tầng.

(2) Vai trò hỗ trợ của Nhà nước trong thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây, bao gồm:

- Kết quả hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; mã số đóng gói và mã số vùng trồng.

- Kết quả phát triển các vùng sản xuất trái cây tập trung theo tiêu chuẩn, liên kết với cơ sở chế biến và tiêu thụ; số lượng nhà vườn, tổ hợp tác/hợp tác xã và doanh nghiệp tham gia ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây.

- Kết quả hỗ trợ xây dựng, triển khai và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, gắn mã số, mã vạch cho nông sản nói chung, trái cây hàng hóa nói riêng, cụ thể như: số lượng tỉnh, thành triển khai, xây dựng bộ tài liệu về sổ tay truy xuất nguồn gốc xuất xứ và chuẩn hóa dữ liệu mã số, mã vạch phù hợp với quy định; đào tạo, tập huấn.

- Kết quả hỗ trợ các chủ thể có liên quan trong việc cập nhật thông tin dự báo thị trường, các quy định về tiêu chuẩn, quy tắc xuất xứ và chứng nhận quốc tế của các quốc gia nhập khẩu mặt hàng trái cây.

### ***2.2.2.3. Tiêu chí đánh giá vai trò quản lý của Nhà nước***

Đánh giá nội dung vai trò quản lý của cơ quan Nhà nước được thể hiện thông qua hoạt động hoạch định, thực thi chính sách, pháp luật liên quan đến quản lý, kiểm tra, giám sát việc sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm có liên quan đến mặt hàng trái cây. Bao gồm các chỉ tiêu như sau:

- Kết quả xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp nói chung, lĩnh vực sản xuất cây ăn trái nói riêng.

- Kết quả thực thi pháp luật quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ mặt hàng trái cây.

- Tính hiệu lực, hiệu quả của việc sử dụng các công cụ quản lý nhà nước (chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch) đối với hoạt động quản lý thị trường, kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm trái cây đảm bảo an toàn thực

phẩm, được thể hiện qua các năm nội dung đó là: tuyên truyền, giáo dục pháp luật, quy định về sản xuất, chế biến và tiêu thụ mặt hàng trái cây; xây dựng bộ máy quản lý nông nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sản xuất, chế biến và tiêu thụ mặt hàng trái cây; hồ sơ, trình tự, thủ tục chứng nhận pháp nhân đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh mặt hàng trái cây; xác thực nội dung, quảng cáo, giới thiệu về các mặt hàng trái cây; tiếp nhận và cấp giấy xác nhận công bố sản phẩm đối với mặt hàng trái cây chế biến.

- Mức độ hiệu lực, hiệu quả của sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và hợp tác quốc tế trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các mặt hàng trái cây mua bán trong nước và xuất khẩu.

Theo tác giả Bùi Thị Hồng Nương [108], liên quan đến lĩnh vực xuất khẩu mặt hàng trái cây có hai Hiệp định tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và giao lưu thương mại là “Hiệp định SPS” và “Hiệp định TBT”.

Hiệp định TBT: yêu cầu tuân thủ theo một trình tự, thủ tục nhất định, minh bạch khi chuẩn bị, ban hành, áp dụng các quy định kỹ thuật; tiêu chuẩn kỹ thuật và khi tiến hành đánh giá sự phù hợp đối với hàng hoá. Mục đích của Hiệp định là: Các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, bao gồm các yêu cầu về bao bì, mã ký hiệu, nhãn hiệu và các thủ tục đánh giá sự phù hợp phải được xây dựng trên cơ sở khoa học, với mục tiêu bảo vệ sức khoẻ người tiêu dùng.

Hiệp định SPS: đưa ra các biện pháp cần thiết về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật để bảo vệ cuộc sống, sức khoẻ con người, động vật và thực vật.

### **2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

#### **2.2.3.1. Nhân tố khách quan**

*Một là, bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội để Nhà nước quy hoạch, tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung vào các loại trái cây nước ta có tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng,

khả năng cạnh tranh gắn với hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm; tạo sức ép tích cực lên doanh nghiệp và các nhà sản xuất trong nước, giúp nâng cao chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng và tiêu chuẩn chất lượng của các thị trường nhập khẩu tiêu chuẩn cao trên thế giới.

Bối cảnh mới cũng đòi hỏi Nhà nước phải tăng cường công tác hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là pháp luật, cơ chế, chính sách phải tương thích với nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Đồng thời, cũng cần phải kiện toàn các tổ chức cung cấp thông tin về thị trường để dự báo chính xác xu hướng tiêu thụ mặt hàng trái cây. Thông qua đó, Nhà nước sẽ ban hành các chính sách hỗ trợ, chính sách quản lý giúp tháo gỡ những nút thắt hiện tại liên quan đến sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây, như: chất lượng trái cây chưa đồng đều, thiếu ổn định, nhất là số lượng trái cây sản xuất theo các tiêu chuẩn về môi trường, giảm phát thải còn hạn chế; tỷ lệ trái cây chế biến còn thấp; hạ tầng thương mại, logistics, giao thông vận tải chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và giá trị gia tăng đối với mặt hàng trái cây tiêu thụ nội địa và xuất khẩu; công tác hỗ trợ định vị và phát triển thương hiệu, quản lý nhãn mác và đăng ký chỉ dẫn địa lý, việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, nhất là thực hiện các quy định về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm chưa được các Bộ, ngành và chính quyền địa phương chú trọng đúng mức...

*Hai là, ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu đang là khó khăn lớn đối với nhân loại và Việt Nam trong thế kỷ XXI, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, môi trường, đời sống của xã hội.*

Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng cao gây ngập lụt, nhiễm mặn nguồn nước, sự gia tăng của các hiện tượng thời tiết cực đoan (rét đậm, lũ lụt, hạn hán...) tác động nặng nề đến năng suất, mùa vụ và cơ cấu chủng loại trái cây, đặt ra yêu cầu Nhà nước phải quy hoạch lại vùng trồng, lựa chọn đối tượng cây trồng phù hợp, ban hành các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và điều chỉnh hoạt động quản lý tương thích với sự xâm nhập mặn và những ảnh hưởng

khác của biến đổi khí hậu. Định hướng quy hoạch phát triển vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 lần đầu tiên đã đưa quan điểm rất khoa học và thực tế, đó là:

“Tôn trọng quy luật tự nhiên, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên; chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thân thiện với môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững với phương châm chủ động sống chung với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn; xây dựng các kịch bản và có giải pháp ứng phó hiệu quả với thiên tai như bão, lũ, hạn hán và xâm nhập mặn, với các tình huống bất lợi nhất do biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn sông Mê Kông” [145].

*Ba là, vấn đề cạnh tranh thương mại và hàng rào kỹ thuật do các quốc gia nhập khẩu mặt hàng trái cây tạo ra làm xuất hiện những nội dung mới thực hiện hiện vai trò của Nhà nước đối với tiêu thụ mặt hàng này*

Nhờ có tiềm năng, lợi thế về sản xuất nhiều loại trái cây nhiệt đới, được thị trường tiêu thụ trong nước và ngoài nước ưa chuộng, nên Việt Nam hiện là đối tác xuất khẩu hàng đầu về mặt hàng ở một số quốc gia trên thế giới và trong khu vực. Tuy nhiên, một số quốc gia, trong đó có quốc gia là thị trường nhập khẩu trái cây của nước, đang tích cực đầu tư, mở rộng diện tích trồng trọt các trái cây cùng loại với Việt Nam nhằm phục vụ nhu cầu còn dư địa lớn của thị trường tiêu thụ toàn cầu, cũng như nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật và ứng dụng các tiến bộ về công nghệ. Thực tiễn đó vừa mang lại cơ hội và cả thách thức đối với các nhà sản xuất kinh doanh trong nước về việc phải nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh. Mặt khác, các tiêu chuẩn kỹ thuật đặt ra ngày càng cao, thường đột ngột và không thống nhất giữa các thị trường nhập khẩu cũng là một trong những trở ngại lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây của Việt Nam thời gian qua; đòi hỏi các nhà xuất khẩu phải đáp ứng theo tiêu chuẩn kỹ thuật từ khâu trồng trọt đến thu hoạch, sơ chế, đóng gói..., đồng thời phải luôn cập nhật thông tin kịp thời trước những thay đổi nhanh chóng về tiêu chuẩn kỹ thuật.

Để có thể vượt qua những trở ngại mang tính khách quan này, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân các nhà sản xuất, kinh doanh mặt hàng trái cây, Nhà nước cần chú trọng giải quyết nhiều vấn đề liên quan quy mô sản xuất, phát triển giống, kiểm soát chất lượng, cải thiện logistics, tăng chế biến sâu, nâng cao sức cạnh tranh, giải tỏa các rào cản thương mại...

### **2.2.3.2. Nhân tố chủ quan**

*Một là, mức độ tuyên truyền và phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước về sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây đáp ứng yêu cầu của thị trường*

Để khâu triển khai chính sách diễn ra nhanh chóng và hiệu quả thì việc tuyên truyền và phổ biến chính sách đến các chủ thể sản xuất, kinh doanh mặt hàng trái cây là rất quan trọng. Khi công tác này tổ chức được tốt giúp người dân, doanh nghiệp nắm rõ được nội dung chính sách và các thủ tục để tiếp nhận chính sách được thuận lợi. Thông qua việc làm tốt công tác truyền thông chính sách ngay từ khi xây dựng đến ban hành và tổ chức thực thi chính sách không chỉ giúp các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương truyền đạt thông tin, thuyết phục nhà vườn, doanh nghiệp đổi mới tư duy trong sản xuất và tiêu thụ trái cây theo quy hoạch và quy định của pháp luật, mà còn để giúp Nhà nước thăm dò ý kiến của người dân trước khi ban hành chính sách và điều chỉnh kịp thời các chính sách quản lý của mình, góp phần tạo ra sự đồng thuận cao trong quá trình thực thi các chính sách đó.

*Hai là, mức độ hoàn thiện của hệ thống các chính sách, pháp luật của Nhà nước về sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây và năng lực của bộ máy nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện*

Hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách sẽ giúp hình thành khung khổ pháp lý và là công cụ hữu hiệu để Nhà nước phát huy vai trò định hướng, hỗ trợ, quản lý việc tiêu thụ mặt hàng trái cây. Hệ thống công cụ do Nhà nước ban hành như: pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch... nếu đúng đắn, phù hợp sẽ giúp cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây phát triển nhanh và ngược lại sẽ là lực cản đối với sự phát triển của mặt hàng đó. Cụ thể, các chính

sách chủ yếu tác động đến vai trò định hướng, hỗ trợ và quản lý hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây có thể thấy liên quan đến các lĩnh vực trọng yếu như đất đai, tín dụng, đầu tư, thuế, phát triển nguồn nhân lực, chính sách nghiên cứu phát triển và triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ, chính sách phát triển logistics, khuyến nông... Cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, các chính sách này cũng phải thường xuyên được bổ sung, sửa đổi, cập nhật đáp ứng theo thông lệ và cam kết quốc tế.

Năng lực của cơ quan quản lý nhà nước được thể hiện thông qua cơ cấu tổ chức, trình độ của đội ngũ và hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận bên trong bộ máy nhà nước. Để thực hiện tốt vai trò định hướng, hỗ trợ, quản lý hoạt động tiêu thụ hàng hóa trái cây, các bộ phận bên trong của bộ máy nhà nước phải được sắp xếp, kiện toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đảm bảo có sự phân công, phối hợp chặt chẽ, rõ ràng giữa các khâu, các cấp; đồng thời, các cơ chế, chính sách ban hành và việc phối hợp thực hiện các cơ chế, chính sách đó cũng phải được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức xây dựng và thực thi chính sách bao gồm các cơ quan tham mưu có liên quan ở Trung ương và sở, ngành ở địa phương - những người trực tiếp quản lý, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực thi các chính sách. Năng lực của lực lượng thực hiện chính sách, pháp luật được xem xét trên các khía cạnh chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng điều hành, dự báo, tuyên truyền vận động và tinh thần trách nhiệm.

*Ba là, nguồn lực để Nhà nước thực hiện việc xây dựng, thực thi chính sách hỗ trợ và hoạt động quản lý tiêu thụ mặt hàng trái cây trên thị trường*

Nguồn lực để ban hành và thực thi chính sách khá đa dạng gồm nguồn lực tài chính, nguồn lực tài nguyên. Đây là yếu tố quan trọng giúp đưa chính sách đi vào thực tiễn, góp phần tạo nên những thay đổi cần thiết. Các chính sách sẽ khó đáp ứng được mục đích đề ra nếu nguồn lực thực thi không có đủ hoặc kịp thời [142]. Trong điều kiện nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp nói chung và lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ trái cây nói riêng còn hạn hẹp thì các cơ quan triển khai chính sách, đặc biệt ở cấp tỉnh cần khai thác triệt để các nguồn đầu tư của các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế.

*Bốn là, nhu cầu và nhận thức của nhà vườn, doanh nghiệp đối với chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiêu thụ mặt hàng trái cây phù hợp với đòi hỏi của thị trường.*

Một chính sách sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống nếu như phù hợp với mong muốn của đối tượng được hưởng lợi từ chính sách đó. Mặt khác, nhận thức của người thụ hưởng chính sách quyết định thái độ, hành vi của họ trong việc có hấp thụ chính sách hay không. Theo tác giả Trần Thị Kim Anh (2021) [5], thái độ này có thể là phục tùng (thái độ của những người không tán thành và chấp hành chính sách một cách bị động), chấp nhận (thái độ của những người không tán thành hoặc tán thành có mức độ), tích cực ủng hộ (thái độ của những người tán thành hoàn toàn). Nhận thức tốt của các nhà vườn, hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng trái cây về nội dung, cách thức tổ chức và phương thức tiếp cận chính sách sẽ giúp Nhà nước thực hiện tốt hơn vai trò của mình.

### **2.3. KINH NGHIỆM VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

#### **2.3.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới**

##### **2.3.1.1. Kinh nghiệm của Thái Lan**

Thái Lan là một quốc gia có truyền thống sản xuất nông nghiệp ở khu vực Đông Nam Á. Với hơn 21 triệu ha đất được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp (chiếm tỷ lệ 41,22% diện tích tự nhiên) cộng với các lợi thế về vị trí địa lý, thổ nhưỡng, khí hậu nhiệt đới, trái cây là một trong những nông sản chính của Thái Lan [185]. Hơn 1.000 loại trái cây nhiệt đới và cận nhiệt đới của Thái Lan được trồng trên diện tích khoảng 0,9 triệu ha, cho sản lượng 4,45 triệu tấn trái cây hàng năm, trong đó có 57 loại trái cây đã được thương mại hóa và được tiêu thụ ở nhiều quốc gia trên thế giới với giá trị mang lại mỗi năm hơn một tỷ USD [185]. Hiện nay, sáu loại trái cây chủ lực ở Thái Lan gồm: nhãn, sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, xoài và bòn bon, trong đó nhãn và sầu riêng chiếm hơn 50% tổng kim ngạch giá trị xuất khẩu trái cây của Thái Lan [185]. Đạt được



những kết quả nổi bật đó do nhiều nguyên nhân, trong đó sự định hướng, hỗ trợ và hoạt động quản lý của Nhà nước là những nhân tố quan trọng hàng đầu.

*Một là, định hướng việc xây dựng các trung tâm giao dịch mặt hàng trái cây*

Nông dân của Thái Lan giống như nhiều quốc gia nông nghiệp khác trên thế giới đa phần bán trái cây tại vườn cho thương lái, cơ sở thu gom. Do giá cả trên thị trường trái cây thường biến động nên người nông dân thường chịu thiệt thòi trong việc thương lượng đối với các giao dịch trái cây khi giá cả lên xuống theo cung cầu. Vì vậy, Chính phủ Thái Lan đã ban hành chính sách định hướng và hỗ trợ xây dựng các trung tâm giao dịch rau quả hoặc chợ đầu mối rau quả nhằm kết nối các nhà vườn, trang trại với thị trường, góp phần ổn định giá cả và nâng cao thu nhập của người dân. Các mặt hàng trái cây được giao dịch ở các chợ trung tâm này đều được phân loại theo đúng tiêu chuẩn, quy cách, chất lượng, trọng lượng đáp ứng yêu cầu và được kiểm soát bởi ban điều hành chợ. Tại Thái Lan, các cơ quan Nhà nước như Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã, Bộ Thương mại Thái Lan, Ngân hàng Nông nghiệp và Hợp tác xã Nông nghiệp (BAAC) sẽ điều phối hỗ trợ sắp xếp và quản lý các chợ trung tâm của Nhà nước hoặc chợ trung tâm của tư nhân.

*Hai là, hỗ trợ xây dựng thương hiệu và cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ đối với mặt hàng trái cây*

Sản xuất trái cây sạch, có chất lượng cao là một trong những mục tiêu hàng đầu của Chính phủ Thái Lan nhằm đẩy mạnh tiêu thụ mặt hàng trái cây, nhất là trong lĩnh vực xuất khẩu. Do đó, thay vì chạy theo số lượng, các nhà vườn, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất trái cây ở Thái Lan luôn coi trọng việc bảo đảm các tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tính toàn vẹn đối với môi trường và trách nhiệm xã hội của mình. Chẳng hạn, mặt hàng sầu riêng muốn tiêu thụ ở thị trường Trung Quốc thì phải được sản xuất từ các vùng trồng đạt tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và đáp ứng về quy trình sơ chế, bảo quản, đóng gói sau thu hoạch, đóng gói đạt tiêu chuẩn Thực hành sản xuất tốt (GMP) do Cục Nông nghiệp Thái Lan cấp phép; đồng thời, hỗ trợ các doanh nghiệp được cấp các chứng nhận quốc tế về an

toàn thực phẩm và quy định về chất lượng sản phẩm... Mặt khác, Chính phủ Thái Lan cũng chú trọng hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, đăng ký và quảng bá thương hiệu thông qua việc tham gia các hội chợ thương mại, triển lãm được tổ chức trong nước và ở nước ngoài để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, qua đó gỡ rối tác để xây dựng mối quan hệ kinh doanh. Cục Xúc tiến thương mại Thái Lan thường xuyên cung cấp các dịch vụ về thông tin thị trường, về sản phẩm, về khách hàng nhập khẩu theo yêu cầu của doanh nghiệp; xây dựng cổng thông tin nhanh về xuất khẩu nông sản và lập các trang web thương mại; hướng dẫn các doanh nghiệp chú trọng đầu tư sử dụng phương pháp đóng gói tiên tiến, mẫu mã bao bì bắt mắt, phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Đối với lĩnh vực chế biến trái cây phục vụ xuất khẩu, Chính phủ Thái Lan đã ban hành chính sách nhằm khuyến khích và hỗ trợ đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu nông sản chế biến, như: giảm, miễn thuế thu nhập, thuế kinh doanh, thuế lợi tức cho các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản mới thành lập.

*Ba là, chú trọng đầu tư hạ tầng giao thông gắn với dịch vụ logistics để giảm giá thành sản xuất và chú trọng thị trường nội địa để tăng hiệu quả tiêu thụ đối với mặt hàng trái cây, đặc biệt trái sầu riêng tươi.*

Tương tự như ĐBSCL, Thái Lan cũng có những vấn đề khó khăn nội tại về hệ thống hạ tầng giao thông và hạ tầng logistics, như: hạ tầng đường sắt, hệ thống container lạnh và một số trở ngại khác liên quan đến thủ tục hải quan [115, tr.152]. Để khắc phục các điểm nghẽn này, Thái Lan đã kết nối hệ thống đường sắt của quốc gia với tuyến đường sắt xuyên qua Lào - Trung nhằm rút ngắn khoảng cách giúp giảm chi phí vận chuyển, nhờ đó bảo quản tốt trái cây đặc sản là sầu riêng tươi. Ước tính cho thấy các doanh nghiệp xuất khẩu sầu riêng của Thái Lan đã tiết kiệm 300 USD cho mỗi container nông sản khi tận dụng tuyến đường này [115, tr.152].

### ***2.3.1.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc***

Trong nhiều năm liền, nền nông nghiệp Trung Quốc được đẩy mạnh cải cách theo hướng đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng nông sản và đã đạt được nhiều thành tựu khả quan. Vai trò của Chính phủ Trung Quốc trước hết thể

hiện ở việc nhanh chóng cơ cấu lại sản xuất trái cây theo vùng chuyên canh và nâng cao chất lượng nông sản hàng hóa nhằm giảm bớt lãng phí nguồn nhân lực, tài chính và tài nguyên; từ nền sản xuất truyền thống sang áp dụng những tiên bộ khoa học kỹ thuật, tăng năng suất cây trồng, điều chỉnh cơ cấu kinh tế trang trại, hợp tác xã, phát triển công nghiệp chế biến. Bên cạnh đó, Trung Quốc đã thúc đẩy đa dạng hóa mặt hàng trái cây và cải thiện chất lượng theo hướng toàn diện, phát triển công nghiệp chế biến trái cây tươi; khai thác tiềm năng, lợi thế của các vùng trồng cây ăn trái. Chính sách của Nhà nước được đưa ra theo hướng thúc đẩy hoàn thành hệ thống cung cấp thông tin thị trường, hệ thống tiêu chuẩn, an ninh và chất lượng và hỗ trợ cho nông nghiệp đang áp dụng để phù hợp với các quy định, cam kết khi hội nhập kinh tế quốc tế. Cụ thể:

*Một là*, chính sách giá cả nông sản. Nhằm khuyến khích nhà vườn trồng trái cây, Nhà nước điều tiết thị trường thông qua nâng giá thu mua mặt hàng trái cây tối thiểu; thực hiện chính sách tạo lập thị trường vốn cho sản xuất và tiêu thụ trái cây. Phát hành trái phiếu cho phát triển xuất khẩu và cho phép các doanh nghiệp có tiềm lực về xuất khẩu trái cây phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

*Hai là*, chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ trái cây. Chính quyền các địa phương thực hiện các chính sách khuyến khích sản xuất theo hợp đồng tiêu thụ nông sản như: hỗ trợ tín dụng, giảm thuế... Để thúc đẩy sản xuất theo hợp đồng, Chính phủ Trung Quốc đã lựa chọn và chỉ định các doanh nghiệp trung ương và địa phương có tiềm lực kinh tế, quy mô lớn, có kỹ thuật và công nghệ, ký kết hợp đồng trực tiếp với nhà vườn/nông dân. Mặc dù vậy, hình thức hợp đồng giữa nông dân và các thương lái mua gom trung gian cũng chiếm tỷ lệ tương đối lớn. Các mặt hàng cần phải chế biến ngay và yêu cầu chất lượng, vệ sinh thực phẩm dễ dàng sản xuất theo hợp đồng hơn những sản phẩm khác.

*Ba là*, tạo điều kiện mở rộng hoạt động xúc tiến phát triển thị trường cho doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng trái cây. Hàng năm, các cơ sở sản xuất trái cây, doanh nghiệp xuất khẩu đều được mời giới thiệu sản phẩm ở các triển lãm, hội chợ quốc tế tại Nhật Bản, Hoa Kỳ... do Chính phủ Trung Quốc tổ chức, với mục đích quảng bá đến thị trường quốc tế những mặt hàng uy tín, giúp cho các

mặt hàng trái cây của Trung Quốc dễ dàng thâm nhập vào các thị trường tiêu thụ có sức mua lớn trên thế giới.

*Bốn là*, đối với công tác giám sát kiểm tra, hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây trong nước và xuất khẩu. Với tư cách là quốc gia thành viên của WTO, Chính phủ Trung Quốc luôn chú trọng việc gia tăng chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất và chế biến sản phẩm trái cây xuất khẩu. Để làm được điều này, Chính phủ Trung Quốc ban hành nhiều biện pháp kiểm soát dư lượng hóa chất trong sản phẩm. Các cơ quan quản lý chuyên ngành của Trung Quốc đã tham mưu cho Chính phủ xây dựng và tổ chức thực hiện chế độ quản lý chất lượng mặt hàng tiêu thụ, thường xuyên kiểm tra, giám sát và tư vấn doanh nghiệp thiết lập chế độ quản trị tất cả các khâu sản xuất các mặt hàng trái cây có chất lượng cao.

Đối với công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp, Trung tâm Chứng nhận sản phẩm có chức năng quản lý chất lượng sản phẩm trái cây và cấp chứng chỉ cho trái cây xuất khẩu. Luật An toàn thực phẩm của Trung Quốc được ban hành năm 2008, trong đó quy định chặt chẽ các tiêu chuẩn, quy trình giám sát và hình phạt đối với hành vi vi phạm an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Đây là một nội dung cần thiết từ phía các cơ quan quản lý nhà nước đối với công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng trái cây tại Trung Quốc trong những năm tiếp theo.

### **2.3.2. Kinh nghiệm của một số vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam về phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

#### **2.3.2.1. Kinh nghiệm của vùng Đông Nam bộ**

Với diện tích trồng cây ăn trái chiếm 17% diện tích cả nước, Đông Nam bộ một trong ba vùng cây ăn trái chủ lực của cả nước (sau ĐBSCL và Trung du và miền núi phía Bắc) [50]. Nhiều loại trái cây có tiềm năng, thể mạnh đã và đang được hình thành và phát triển tại Đông Nam bộ như xoài, chôm chôm, chuối, nhãn, mít, sầu riêng... đã được thị trường chấp nhận và đạt giá trị kinh tế cao. Phần lớn người trồng cây ăn trái trong Vùng có trình độ thâm canh và năng suất, hiệu quả kinh tế từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, các địa

phương trong vùng Đông Nam bộ hiện có diện tích vùng chuyên canh cây ăn trái đạt chứng nhận VietGAP chưa cao, do việc sản xuất chưa có tính chất bắt buộc và chỉ tùy thuộc vào yêu cầu của kênh tiêu thụ [66]. Việc chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, thương hiệu, nhãn hiệu tập thể và cá nhân, cung cấp các giải pháp ứng dụng cho truy xuất nguồn gốc xuất xứ, cấp mã vạch, mã phản hồi nhanh (mã QR) cho các mặt hàng đạt chuẩn theo yêu cầu nhưng chưa rộng khắp [66]. Để giải quyết các hạn chế, yếu kém đó, chính quyền các địa phương trong Vùng đã có nhiều giải pháp hiệu quả để từng bước nâng cao chất lượng, thương hiệu của sản phẩm trái cây của Vùng. Cụ thể:

*Một là, nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch và hướng dẫn nhà sản xuất lựa chọn mặt hàng trái cây chủ lực, xây dựng các vùng chuyên canh gắn với tiêu thụ sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước*

Hiện tại, Đông Nam Bộ lựa chọn những loại trái cây có nhiều thế mạnh phát triển tại Vùng, như: xoài, chôm chôm, chuối, nhãn mít, sầu riêng. Các địa phương trong Vùng phát triển một số vùng chuyên canh cây ăn trái lớn như: xoài (Đồng Nai, Tây Ninh); chôm chôm, chuối (Đồng Nai); nhãn (Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu); mít (Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh); sầu riêng (Đồng Nai, Bình Phước); măng cụt (Đồng Nai, Bình Dương)... Các vùng trồng này sản xuất theo quy trình đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định của thị trường nhập khẩu, trong đó có sự hỗ trợ quá trình giám sát hoạt động sản xuất thông qua việc gắn kết chặt chẽ với hộ nông dân, hợp tác xã trong đăng ký mã số vùng trồng, giúp minh bạch sản phẩm, tăng niềm tin của người tiêu dùng đối với các mặt hàng trái cây của Vùng.

*Hai là, hỗ trợ phát triển thương hiệu mặt hàng trái cây, nhãn hiệu tập thể, tăng cường xúc tiến thương mại và các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân đưa sản phẩm tham gia hội chợ, triển lãm để quảng bá, phát triển thị trường*

Thời gian qua, chính quyền tỉnh Bình Phước và Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ kết nối cung - cầu, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp gặp gỡ, tìm hiểu, ký kết hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ, tư vấn để các mặt hàng trái cây đi vào hệ thống các chợ đầu mối, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích của Thành phố Hồ Chí Minh. Chẳng

hạn, tỉnh Đồng Nai đã tổ chức các sự kiện như Lễ hội trái cây, Hội nghị Kết nối tiêu thụ sản phẩm đạt chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) nhằm tạo cầu nối để nhà vườn, doanh nghiệp chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu, quảng bá các mặt hàng trái cây đến du khách, các nhà phân phối, bán lẻ...

Ngoài ra, để kết nối, hỗ trợ miễn phí cho doanh nghiệp, hợp tác xã... quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, chính quyền tỉnh Đồng Nai đã đưa vào vận hành sàn thương mại điện tử *ecdn.vn* trong đó tích hợp hình thức thanh toán trực tuyến, kết hợp với dịch vụ logistics, từng bước nâng cấp chức năng mua sắm hàng hóa thông qua điện thoại di động (iOS, Android) đối với các giao dịch trên sàn thương mại điện tử này; đồng thời, tiếp tục nâng cao hiệu quả việc kinh doanh trực tuyến trên các kênh thương mại điện tử phổ biến hiện nay như: Sendo.vn, Voso.vn, Alibaba.com, Shopee.vn, Lazada.vn, Tiki.vn và Postmart.vn...

Trong khi đó, chính quyền các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Phước cũng đã chú trọng việc xác lập quyền chỉ dẫn địa lý cho các loại trái cây chủ lực của địa phương như nhãn xuồng cơm vàng, măng cầu, nhãn tiêu da bò,... Đặc biệt, xây dựng cơ chế quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm, xây dựng các điều kiện, phương tiện và cơ chế phát triển giá trị quyền sở hữu trí tuệ cho chỉ dẫn “Bà Rịa - Vũng Tàu” của sản phẩm nhãn xuồng cơm vàng như tem, bao bì, nhãn, xây dựng nhãn hiệu tập thể.

### **2.3.2.2. Kinh nghiệm của vùng đồng bằng sông Hồng**

Cùng với chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng giúp nâng cao hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích, nhiều địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Hồng đã và đang chú trọng phát triển cây ăn trái có giá trị kinh tế cao. Nhiều địa phương đẩy mạnh xây dựng, phát triển nhiều vùng sản xuất trái cây tập trung mang lại lợi ích kinh tế cao như nhãn, cam, chuối, vải, na... tập trung ở các địa phương như Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Quảng Ninh... và đưa ra thị trường nhiều mặt hàng an toàn, phẩm cấp tốt; các mặt hàng phong phú, đa dạng đáp ứng tốt nhu cầu người tiêu dùng. Thời gian qua, các địa phương trong Vùng đã có nhiều đổi mới, sáng tạo để tăng cường liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây có giá trị kinh tế được bền vững. Cụ thể:

*Một là, hỗ trợ hoạt động quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ trái cây thông qua các kênh phân phối an toàn, hiện đại trong và ngoài nước, nhất là tập trung phát triển thị trường tiêu thụ nội vùng và trên bình diện cả nước*

Hiện tại, Thủ đô Hà Nội là thị trường tiêu thụ có tiềm năng rất lớn của các mặt hàng trái cây vùng đồng bằng sông Hồng nhờ có mạng lưới hệ thống phân phối mặt hàng trái cây đa dạng tại 453 chợ truyền thống và hơn 140 siêu thị và trung tâm thương mại, cùng với đó gần 7.000 cửa hàng tiện ích và 1.872 cơ sở, cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn; đồng thời có trên 600 website thương mại điện tử và sàn giao dịch thương mại điện tử... [99]. Xuất phát từ lợi thế này, chính quyền địa phương cấp tỉnh trong Vùng đã xác định một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là phải làm tốt công tác quảng bá, hỗ trợ các hộ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trong Vùng giới thiệu, kết nối với thị trường tiêu thụ, trong đó Hà Nội được xác định là thị trường trọng điểm. Năm 2022, trên 100 sự kiện, hoạt động xúc tiến thương mại, tư vấn hỗ trợ về thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói thân thiện... đã được tổ chức tại thành phố Hà Nội.

Tại Hưng Yên, để mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị kinh tế của trái cây đặc sản, chính quyền tỉnh đã khuyến khích các nhà vườn, hợp tác xã chủ động liên kết và đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến tiêu thụ qua nhiều kênh, đặc biệt là tổ chức các phiên chợ, hội chợ, các hoạt động kết nối giao thương, xúc tiến thương mại, đã mở rộng thị trường tiêu thụ nhãn quả tươi đến các địa phương trong cả nước và nước ngoài. Các sàn thương mại điện tử Voso, Lazada, Shopee, Sendo, ViettelPost, VNPTPost... đã tích cực cùng các cơ sở sản xuất đưa mặt hàng nhãn lên các nền tảng này để tiêu thụ với sản lượng lớn.

*Hai là, các địa phương trong Vùng đẩy mạnh hoạt động quản lý, hướng dẫn, kiểm tra điều kiện an toàn thực phẩm đối với tiêu thụ mặt hàng trái cây*

Nhằm ổn định thị trường, đẩy mạnh khai thác nguồn hàng trái cây bảo đảm chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng về tiêu thụ tại hệ thống phân phối trên địa bàn, các địa phương trong Vùng đã triển khai nhiều hoạt động liên kết, quảng bá, kết nối cung - cầu hàng hóa với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chẳng hạn, Sở Công Thương Hà Nội đã chủ trì, phối hợp cung cấp công khai

thông tin yêu cầu, tiêu chuẩn của các kênh phân phối đối với chất lượng, quy cách sản phẩm, hàng hóa để các cơ sở sản xuất chuẩn bị phương án sản xuất phù hợp. Mặt khác, đẩy mạnh việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng các loại giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn; ngăn chặn hàng giả, kém chất lượng để góp phần đảm bảo thị trường sản phẩm trái cây sạch phát triển lành mạnh, bền vững.

### **2.3.2.3. Kinh nghiệm của vùng Trung du và miền núi phía Bắc**

Với tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, các địa phương khu vực Trung du và miền núi phía Bắc đã hình thành nhiều vùng cây ăn trái tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa mang lại lợi ích kinh tế cao, tiêu biểu là tỉnh Sơn La. Nhiều loại trái cây của Vùng được trồng theo tiêu chuẩn GAP phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện xuất khẩu sang thị trường Úc, Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc như nhãn, vải, xoài, chanh leo, chuối, mận, bơ... Tuy nhiên, việc sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây của Vùng cũng đứng trước không ít khó khăn, thách thức liên quan đến hệ thống kết cấu đối các lĩnh vực như giao thông, hạ tầng số, các hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến... đã ảnh hưởng đến năng lực vận chuyển, chế biến mặt hàng trái cây của Vùng; đa số doanh nghiệp chưa chú trọng đúng mực việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu chủ yếu thu gom qua thương lái; chất lượng trái cây không đồng đều, các khó khăn liên quan đến truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Trước bối cảnh đó, các địa phương trong Vùng đã nỗ lực tìm tòi nhiều giải pháp, cách làm để nâng tầm thương hiệu, thể hiện qua một số cách làm như sau:

*Một là, phát huy vai trò hỗ trợ của Nhà nước đối với các tác nhân tham gia vào sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây theo chuỗi giá trị gia tăng, nhất là thông qua hợp tác xã trồng cây ăn trái*

Các địa phương của Vùng đã phát huy hiệu quả các loại hình kinh tế hợp tác trong sản xuất các loại trái cây đặc trưng, trong đó gắn sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây theo hướng đạt chuẩn, an toàn. Thí dụ như hợp tác xã sản xuất trái cây tại xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, mô hình Hợp tác xã nông nghiệp sinh thái Nà Sản liên kết chuỗi cây ăn trái (xã Hát Lót, huyện Mai



Son, tỉnh Sơn La), các mô hình liên kết trồng xoài, dứa, chanh leo ở huyện Mường Nhai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La [35 tr.27]. Các mô hình này có điểm chung là đã xây dựng được vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thực hiện sản xuất theo yêu cầu của doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm; chú trọng gia tăng chất lượng sản phẩm trên cơ sở áp dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sử dụng công nghệ tưới phun cục bộ, phòng trừ sâu bệnh bằng vi sinh vật, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp vào nuôi trùn quế tạo nguồn phân hữu cơ...

Ngoài ra, để tiêu thụ các mặt hàng trái cây, các nhà vườn, hợp tác xã trong Vùng đã tiến hành đăng ký thương hiệu cho các mặt hàng trái cây chủ yếu và liên kết với các chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch ở các tỉnh, thành phố như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng... Đồng thời, trước khi xuất bán, chủ động tiến hành sơ chế, phân loại để chọn ra các sản phẩm chất lượng cao, dán tem mác và đóng thùng đúng quy cách phù hợp với yêu cầu và bán trực tiếp cho nhà tiêu thụ theo hợp đồng. Nhờ đó giá trị trái cây hàng hóa của Vùng đã gia tăng từ 40% đến 83,3% so với những năm trước, không trồng theo quy chuẩn và bán buôn cho các thương lái [35, tr.27].

*Hai là, hỗ trợ xây dựng và bảo vệ thương hiệu sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu*

Những rào cản đối với việc tham gia và mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu của mặt hàng trái cây ở các tỉnh trong Vùng thể hiện ở vấn đề về an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu. Để ứng phó với những hạn chế, lực cản này, chính quyền và ngành nông nghiệp, công thương các tỉnh trong Vùng đã thực hiện giải pháp chủ yếu như: (1) Tuyên truyền, hướng dẫn nhà vườn, hợp tác xã sản xuất trái cây đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng được các phân khúc thị trường khác nhau, đóng gói theo quy chuẩn, bao bì, tem nhãn truy xuất nguồn gốc phù hợp với từng thị trường; ứng dụng công nghệ bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch... (2) Chủ động, tập trung nguồn lực cho công tác xúc tiến thương mại, đầu tư, mở rộng thị trường,

đa dạng hóa các kênh phân phối, hỗ trợ, khuyến khích bán hàng theo phương thức hiện đại trên nền tảng online, các kênh thương mại điện tử... (3) Chuẩn bị tốt các điều kiện hậu cần, logistics, kho bãi, điện, nước, ngân hàng... phục vụ trong quá trình tiêu thụ; đồng thời, tích cực hỗ trợ thủ tục hành chính, hướng dẫn lập hồ sơ an toàn thực phẩm, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho các phương tiện vận chuyển lạnh mặt hàng trái vải đi tiêu thụ.

### **2.3.3. Bài học kinh nghiệm về phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây đối với đồng bằng sông Cửu Long**

#### ***2.3.3.1. Kinh nghiệm phát huy vai trò của Nhà nước trong việc định hướng tổ chức sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ nông sản nói chung, mặt hàng trái cây nói riêng***

*Một là, Nhà nước ban hành chiến lược, quy hoạch tiêu thụ trái cây theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế và giá trị gia tăng, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.* Kinh nghiệm cho thấy, sự định hướng chiến lược của Nhà nước phải tương hợp với điều kiện sinh thái, điều kiện kinh tế - xã hội và xuất phát từ nhu cầu của thị trường, mang lại lợi nhuận cao cho các chủ thể có liên quan. Quy hoạch tiêu thụ mặt hàng trái cây phải vừa mang tính tổng thể, vừa cụ thể đối với mỗi địa phương trong Vùng, từng loại trái cây xuất khẩu, với việc đa dạng hóa các mặt hàng trái cây xuất khẩu nhằm hạn chế rủi ro của thị trường. Khai thác tối đa những lợi thế của từng vùng, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng, chứng nhận quốc tế, đưa công nghệ mới vào sản xuất đáp ứng các yêu cầu về chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm. Quy hoạch phát triển vùng sản xuất cây ăn trái tập trung, liên kết sản xuất, mở rộng vùng nguyên liệu theo tiêu chuẩn cần phù hợp với định hướng phát triển lĩnh vực công nghiệp chế biến trái cây và dịch vụ nông nghiệp nhằm hạn chế xuất khẩu sản phẩm trái cây tươi.

*Hai là, Nhà nước đẩy mạnh nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản và lưu thông tiêu thụ hàng nông sản.* Xây dựng kết cấu hạ tầng kết nối các cơ sở thu gom trái cây sơ chế với các cơ sở chế biến

sâu mặt hàng trái cây đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ. Đầu tư nâng chất hệ thống dự báo thông tin thị trường, mở rộng quy mô bến bãi, kho tàng, phương tiện vận chuyển, cất trữ và bảo quản trái cây sau thu hoạch, phát triển hạ tầng thương mại và cung ứng vật tư, cơ sở nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật công nghệ trong hoạt động sản xuất, chế biến mặt hàng trái cây. Đồng thời, hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện tốt chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây bằng hình thức hợp đồng kinh tế.

### ***2.3.3.2. Kinh nghiệm phát huy vai trò của Nhà nước trong hỗ trợ quảng bá và xúc tiến thương mại***

*Một là*, Nhà nước hỗ trợ các hợp tác xã, doanh nghiệp liên kết tiêu thụ mặt hàng trái cây xây dựng và phát triển hệ thống định vị thương hiệu (như logo, bao bì, nhãn mác...) để có bước đi và cách thức thích hợp nhằm xác lập vị thế của chủ thể sản xuất, cũng như các mặt hàng của họ trên thị trường. Qua đó, xác định khách hàng mục tiêu, giải pháp về kỹ thuật, chiến lược marketing dài hạn và kênh thị trường khác nhau trong quá trình xây dựng thương hiệu riêng, giúp chủ thể sản xuất, kinh doanh mặt hàng trái cây bảo hộ sở hữu trí tuệ cho nhãn hiệu hàng hóa. Đây là một tài nguyên quan trọng trong quảng bá và lưu thông hàng hóa hợp pháp trên thị trường, là cơ sở để chủ thể đem sản phẩm ra thị trường lớn, thị trường quốc tế. Đồng thời, đây còn là công cụ để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng.

*Hai là*, đối với lĩnh vực xúc tiến thương mại, Nhà nước tạo điều kiện để nông dân/hợp tác xã, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận các thông tin về hoạt động này, nhất là cơ hội tham gia các hội chợ, phiên chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trái cây trong và ngoài nước.

*Ba là*, hỗ trợ chủ thể sản xuất và kinh doanh mặt hàng trái cây nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong giới thiệu, quảng bá các mặt hàng đặc sản ở địa phương: Các công cụ, nền tảng số mà các chủ thể sản xuất kinh doanh sản phẩm đặc sản địa phương thường áp dụng để quảng bá sản

phẩm chủ yếu gồm: website, fanpage, blog, kênh youtube, zalo, livestream, tiktok, sàn thương mại điện tử...

### ***2.3.3.3. Kinh nghiệm phát huy vai trò của Nhà nước trong quản lý hệ thống phân phối và tiêu thụ các mặt hàng trái cây***

*Một là, việc lựa chọn thị trường mục tiêu, khách hàng mục tiêu và tiêu chuẩn thị trường giúp các chủ thể tham gia tiêu thụ mặt hàng trái cây có chiến lược tiếp cận khách hàng chủ động. Việc lựa chọn hình thức phân phối theo mô hình nhà phân phối, đại lý hay xây dựng kênh bán lẻ,... sẽ giúp các cơ sở kinh doanh chủ động xây dựng kế hoạch, chính sách bán hàng phù hợp. Xây dựng chính sách tiêu thụ mặt hàng trái cây phù hợp với thị trường, kênh phân phối sẽ giúp sản phẩm đó tham gia thị trường hiệu quả hơn. Ngược lại, nếu chủ thể không có các chính sách bán hàng phù hợp thì rất khó đưa sản phẩm vào hệ thống phân phối hiệu quả.*

*Hai là, các chủ thể áp dụng phương thức xuất khẩu mặt hàng trái cây trực tiếp cần có bộ máy nhân sự chuyên mảng xuất nhập khẩu chuyên nghiệp. Đối với các chủ thể quy mô nhỏ, việc thuê các đơn vị dịch vụ chuyên nghiệp sẽ giúp chủ thể vận hành xuất khẩu hiệu quả hơn, an toàn về tài chính, nhanh chóng về thủ tục. Bên cạnh đó, nhờ sự chủ động ứng dụng các tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ số của đội ngũ này sẽ góp phần hỗ trợ cho các chủ thể đa dạng hóa hình thức bán hàng, tiếp cận với khách hàng nhanh hơn, khả năng ra đơn hàng không phụ thuộc vào không gian thị trường, giảm đáng kể các chi phí trung gian thương mại.*

### Chương 3

## THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

### 3.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2023

#### 3.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội của ĐBSCL tác động đến việc tiêu thụ mặt hàng trái cây

##### 3.1.1.1. Vị trí địa lý, địa hình, tài nguyên sinh thái

*Một là, về điều kiện vị trí địa lý, địa hình*

ĐBSCL là một trong những đồng bằng lớn, đất đai bằng phẳng, phì nhiêu, màu mỡ trong khu vực Đông Nam Á và thế giới. ĐBSCL có diện tích tự nhiên khoảng 40.604,6 km<sup>2</sup> chiếm 12,3% tổng diện tích của cả nước [165], đứng thứ tư sau các vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. ĐBSCL bao gồm 12 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc Trung ương; Vùng có hình dáng như một bán đảo với ba mặt Đông, Nam (Biển Đông) và Tây Nam (vịnh Thái Lan) giáp biển có chiều dài 700 km và khoảng 360.000 km<sup>2</sup> vùng biển thuộc chủ quyền; phía Tây có khoảng 330 km đường biên giới giáp với Campuchia và phía Bắc giáp với vùng kinh tế Đông Nam Bộ [165].

*Hai là, về tài nguyên sinh thái*

- Đất đai: ĐBSCL có khoảng 64% diện tích đất được dùng để sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, trong đó quy mô vùng trồng cây ăn trái ở ĐBSCL gần 400.000 ha (33% diện tích cả nước). Sản lượng đạt khoảng 4 triệu tấn trái cây/năm, cung cấp trái cây nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu tươi với sản lượng xuất khẩu chiếm khoảng 70% của cả nước [63]. ĐBSCL có ba tiểu vùng sinh thái [145], trong đó các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ và một phần của các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An thuộc vùng sinh thái nước ngọt an toàn trước tác

động của lũ, ngập, xâm nhập mặn; là khu vực sản xuất chủ lực các mặt hàng trái cây của ĐBSCL và quốc gia.

- Khí hậu: ĐBSCL thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa với đặc điểm nóng ẩm quanh năm, nhiệt độ trung bình trong năm khoảng 27 - 28<sup>0</sup>C; chế độ gió mùa kết hợp với ngập nước tạo ra rất thuận lợi cho phát triển hệ sinh thái động thực vật cũng như các hoạt động sản xuất; đặc biệt, trồng cây ăn trái nhiệt đới lớn.

- Tài nguyên nước: Lưu vực ĐBSCL phì nhiêu, màu mỡ được tạo nên do sông Mê Kông chảy vào Việt Nam qua hai nhánh sông: sông Tiền và sông Hậu với chiều dài mỗi sông khoảng 230 km. Mặt nước vùng ĐBSCL chiếm hơn 19% diện tích toàn khu vực. Vùng có chiều dài bờ biển 700 km trong tổng số 3.260 km đường bờ biển của cả nước (không kể các đảo); có hệ thống sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt kết nối với nhau và cùng đổ ra Biển Đông và Biển Tây [149].

Tuy nhiên, thời gian qua, tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn đã gây thiệt hại nặng về mặt kinh tế, tác động đến sinh trưởng, năng suất của các vườn cây ăn trái của các tỉnh ven biển ĐBSCL [105]. ĐBSCL chịu sự ảnh hưởng bởi sự xâm lấn của nước mặn cả từ phía Đông và biển phía Tây, nhất là trong mùa khô khi nước tại thượng nguồn đổ về ít, cộng với độ dốc đáy sông nhỏ, tạo điều kiện thuận lợi cho thủy triều xâm nhập sâu vào trong hệ thống sông kênh nội đồng [178]; mức độ xâm nhập mặn lớn nhất là vào tháng 4 - 5 hàng năm trên các nhánh sông. Các vườn cây ăn trái ở các tỉnh ven biển như Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng thường xuyên bị nhiễm mặn [105], hàng năm khoảng 6-9 tháng liên tục bị ảnh hưởng độ mặn trên 4‰ [178]. Nghiên cứu cho thấy, hạn hán, xâm nhập mặn có năm làm giảm 20 - 30% năng suất cây trồng [105], đồng thời xuất hiện hàng loạt những vấn đề về môi trường mà nông dân sản xuất quy mô nhỏ trong khu vực đang và sẽ phải đối mặt như: chất lượng đất suy giảm, quản lý dịch bệnh, năng suất cây trồng và cơ hội thương mại nông sản... Những biến đổi từ điều kiện tự nhiên đang làm biến đổi điều kiện sinh sống của các loài sinh vật, dẫn đến tình trạng biến mất của một số loài và ngược lại, xuất hiện nguy cơ gia tăng các loại sinh vật có hại mới dẫn đến dịch bệnh trên diện rộng.

### **3.1.1.2. Về điều kiện kinh tế - xã hội**

Bên cạnh lợi thế về điều kiện đất đai, khí hậu, hoạt động sản xuất, tiêu thụ trái cây ở ĐBSCL còn có nhiều lợi thế như: nông dân có kinh nghiệm lâu năm về canh tác cây ăn trái, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nghiên cứu khoa học, khuyến nông, liên kết chuỗi, xúc tiến thương mại... đã góp phần quan trọng vào việc tháo gỡ khó khăn, khắc phục hạn chế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất nông nghiệp nói chung và cây ăn trái nói riêng, góp phần nâng cao vị thế vùng kinh tế nông nghiệp quan trọng của quốc gia. Đến năm 2020, toàn Vùng đã có trên 97% số xã có đường đến huyện, 96,5% đường trục xã được bê tông, nhựa hóa; trên 91% số xã có đường trục thôn được rải nhựa, bê tông; xây dựng, nâng cấp các cây cầu dân sinh bằng cầu bê tông, hỗ trợ tốt nhu cầu giao thông vận tải và phục vụ sản xuất, tiêu thụ nông sản của người dân [74]. Chính những sự đầu tư này đã từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn, đáp ứng nhu cầu và phục vụ cho sản xuất kinh doanh trái cây của hộ nông dân, cơ sở chế biến, doanh nghiệp ở các địa phương trong Vùng. Năm 2021, giá trị gia tăng ngành Nông nghiệp của ĐBSCL đóng góp trên 31% GDP nông nghiệp cả nước và trên 32% GRDP của Vùng [23]. Giá trị sản xuất và thu nhập từ kinh tế vườn ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong nông nghiệp của Vùng. Số liệu thống kê cho thấy, Vùng đóng góp 60% các loại trái cây của quốc gia (4,3 triệu tấn) [115] và chiếm tỷ trọng 65% trong kim ngạch xuất khẩu trái cây cả nước [4].

Về dân số, năm 2020, ĐBSCL có quy mô dân số khoảng 17,5 triệu người; 75% dân số của Vùng vẫn tập trung ở khu vực nông thôn [115], trong đó khoảng 9,9 triệu người trong độ tuổi, chiếm gần 20% số lao động trong độ tuổi của cả nước [135], tỷ lệ lao động qua đào tạo là 15% [115]. Ngoài ra, ĐBSCL hiện có hệ thống các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học, các cơ sở đào tạo kỹ thuật, trung tâm công nghệ phần mềm và các cơ sở nghiên cứu khoa học khác về nông nghiệp nói chung và cây ăn trái nói riêng đặt trụ sở chính, như: Viện Cây ăn quả miền Nam (đặt tại Tiền Giang), Viện Nghiên cứu phát triển ĐBSCL (Cần Thơ), Trường Nông nghiệp (Đại học Cần Thơ)...

Mặc dù vậy, hệ thống hạ tầng phục vụ tiêu thụ trái cây ở ĐBSCL, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics hiện vẫn còn thiếu, chậm được đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng vận tải đường thủy nội địa. Năm 2019, số lượng nhà máy sản xuất và chế biến nông sản của Vùng là 123 và các địa phương mới chỉ có 06 kho lạnh (trong tổng số 36 kho nằm ở khu vực phía Nam) phục vụ cho lưu trữ, bảo quản các mặt hàng trái cây trên địa bàn [132].

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực từ phía Trung ương và các địa phương trong Vùng, nhưng vấn đề liên kết và quy hoạch ở cấp độ vùng một thời gian dài chưa đạt hiệu quả cao, dẫn đến tình trạng “xung đột lợi ích”, sự phân mảnh của không gian kinh tế Vùng. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở ĐBSCL một số thời điểm còn mang tính tự phát, riêng lẻ chưa gắn với quy hoạch vùng chuyên canh và quy mô sản xuất manh mún gây khó khăn trong việc áp dụng cơ giới hóa, khoa học kỹ thuật. Qua phỏng vấn 35 cán bộ quản lý ngành nông nghiệp ở một số địa phương trong Vùng về tình hình áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, chỉ có 57,14% cán bộ trả lời tốt và được sự hỗ trợ, hướng dẫn của các ngành, các cấp.

### **3.1.2. Thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội của đồng bằng sông Cửu Long tác động đến việc thực hiện vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

#### ***3.1.2.1. Thuận lợi***

Điều kiện tự nhiên và đặc điểm kinh tế - xã hội của ĐBSCL hoàn toàn thích hợp với mục tiêu phát triển nền nông nghiệp bền vững, sinh thái của Vùng. Qua khảo sát về mức độ nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp ở các địa phương trong Vùng cho thấy khoảng 50% số cán bộ quản lý nông nghiệp các địa phương khi phỏng vấn đều khẳng định với vị trí chiến lược và thế mạnh phát triển nông nghiệp của ĐBSCL, nơi đặt trụ sở của nhiều viện nghiên cứu và trường đại học hàng đầu cả nước về nông nghiệp, cộng với khí hậu thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên phong phú sẽ là nền tảng tốt để ĐBSCL phát triển sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây thời gian tới.



Năng lực của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây ngày càng được nâng lên. Để phát triển tiềm năng kinh tế vườn, thời gian qua, các cấp, các ngành và địa phương ở ĐBSCL có nhiều thay đổi quan trọng trong phương pháp trồng và chăm sóc cây trồng, tuyển chọn cây giống chất lượng, từng bước đẩy mạnh trồng trọt theo hướng sản xuất tập trung, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến; gắn với quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Các tỉnh, thành tại ĐBSCL đã xây dựng một số vùng chuyên canh cây ăn trái chủ lực với chủng loại phong phú như: xoài cát Hòa Lộc ở tỉnh Tiền Giang và thành phố Cần Thơ, xoài Cát Chu ở Đồng Tháp, bưởi Năm Roi ở Vĩnh Long, Hậu Giang và Sóc Trăng; bưởi Da Xanh ở Bến Tre; quýt Hồng Lai Vung ở Đồng Tháp; Thanh long ở Tiền Giang, Long An; khóm ở Tiền Giang, Kiên Giang, Hậu Giang; vú sữa Lò Rèn ở Tiền Giang,... đã được thị trường chấp nhận và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tính đến cuối năm 2022, Vùng có 12 loại cây ăn trái chủ lực được trồng tập trung như: cây có múi (cam, quýt, bưởi), xoài, sầu riêng, vú sữa, thanh long, khóm, chuối, nhãn, mít, chôm chôm, măng cầu với tổng sản lượng khoảng 4,15 triệu tấn [160]. Từng tỉnh, thành lựa chọn từ hai đến ba loại mặt hàng trái cây có lợi thế để quy hoạch trồng tập trung, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, đạt tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm; áp dụng các biện pháp rải vụ để nâng cao giá bán cũng như các biện pháp bảo quản tiên tiến để giảm tổn thất sau thu hoạch. Đồng thời, một số sản phẩm cây ăn trái chủ lực có khả năng xuất khẩu là bưởi, xoài, vú sữa, thanh long, khóm và chuối đã được hỗ trợ xây dựng thương hiệu nhằm mở rộng thị trường. Một số nhà máy chế biến trái cây với công nghệ hiện đại đã được đầu tư xây dựng thêm ở các tỉnh, thành có diện tích trồng cây ăn trái lớn như Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bến Tre, Sóc Trăng.

Nhiều nông dân trong Vùng đã bước đầu sản xuất cây ăn trái theo Quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất hữu cơ, an toàn nhằm đáp ứng yêu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước. Các chứng nhận trên sản phẩm trái cây có thương hiệu của một số địa phương như chôm chôm, bưởi da xanh Bến Tre, vú

sữa Vĩnh Kim, xoài cát Hòa Lộc, xoài Đồng Tháp,... đã giúp sản phẩm đó tăng thêm giá trị trên thị trường xuất khẩu. Bên cạnh các thị trường truyền thống (trong nước và một số nước lân cận), các mặt hàng trái cây của Vùng đã xâm nhập được vào các thị trường mới như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada, Úc, Niu Di-lân.

Quy hoạch phát triển ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với định hướng chuyển đổi phương thức phát triển nông nghiệp từ phân tán, nhỏ lẻ sang tập trung, trong đó hệ thống hạ tầng có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, năng lượng, cấp nước sạch, thủy lợi và hạ tầng thông tin và truyền thông được xây dựng đồng bộ, hiện đại. Đó là nền tảng thuận lợi để ĐBSCL đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội phấn đấu trở thành Vùng có trình độ phát triển khá đến năm 2050, trong đó có một nền nông nghiệp phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an toàn trước thiên tai.

### **3.1.2.2. Khó khăn**

Các tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu gây ra ở ĐBSCL thời gian qua đang có xu hướng diễn biến ngày càng cực đoan, khó lường, như: tình trạng sụt lún đất, xói lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt... đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động canh tác nông nghiệp nói chung và trồng cây ăn trái nói riêng của ĐBSCL.

Cơ chế, chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp logistics đầu tư vẫn còn chậm được hoàn thiện trong điều kiện số lượng và chất lượng kết cấu hạ tầng giao thông của Vùng vẫn còn hạn chế đã ảnh hưởng đến giá thành của sản phẩm [141]. Bên cạnh đó, hạ tầng cảng biển, kho bãi, nguồn nhân lực ở ĐBSCL còn thiếu và hạn chế về trình độ quản lý và chuyên môn; các loại thuế, phí cầu đường và phụ phí ở Vùng cao nhất trong ngành vận tải và logistics ở nước ta [12].

Mối liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây tại ĐBSCL vẫn còn những tồn tại, trở ngại cần sự định hướng, hỗ trợ và quản lý của Nhà nước. Trong hoạt động sản xuất, chế biến và

tiêu thụ trái cây ở ĐBSCL thì khâu (công đoạn) chế biến là lĩnh vực còn yếu và thiếu nhiều nhất. Năm 2015, tỷ trọng của nhóm ngành công nghiệp chế biến - chế tạo trong tỷ trọng công nghiệp ở ĐBSCL là 24,9%, nhưng đến năm 2019 chỉ đạt mức 16,7%; đồng thời, tốc độ tăng trưởng trung bình của nhóm ngành này trong giai đoạn 2020 - 2021 là 3,9%, trong khi đó tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước là 5,6% [114]. Đặc biệt, sự lỏng lẻo, thiếu bền vững trong mối liên kết giữa người sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây còn biểu hiện ở tình trạng hủy bỏ cam kết từ cả người mua và người bán vẫn xảy ra khi giá cả thị trường biến động. Thí dụ, năm 2023 khi giá sầu riêng xuất khẩu sang Trung Quốc tăng, thương lái đẩy giá sầu riêng trong nước tăng từ 30.000đ/kg lên 70.000 - 80.000đ/kg dẫn đến nhiều nhà vườn, doanh nghiệp trung gian đã hủy bỏ hợp đồng không thực hiện việc giao hàng cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

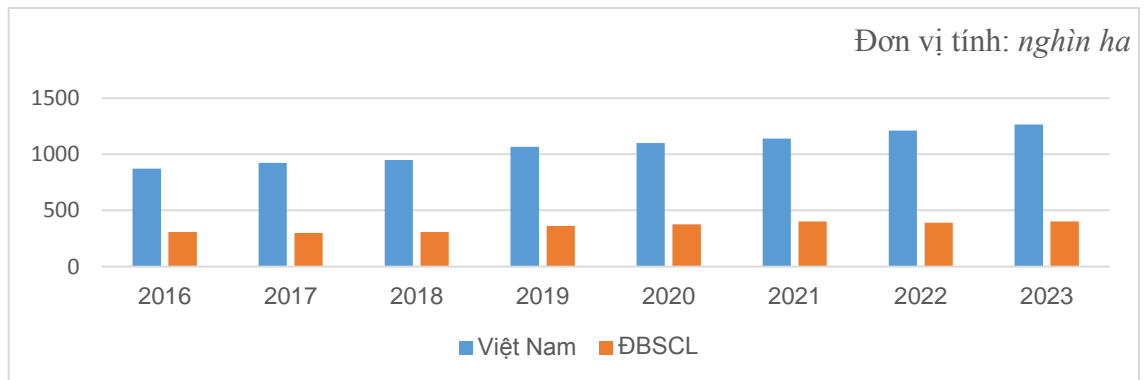
Từ sự phân tích bên trên cho thấy điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội của ĐBSCL vừa mang đến cơ hội và thách thức đối với Nhà nước trong nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây của Vùng. Nhận thức, tư duy của người dân, doanh nghiệp và cán bộ quản lý nông nghiệp đang ngày một được nâng cao, đã hình thành xu hướng cơ cấu lại chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây gắn với thị trường, trên cơ sở cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, tác động của biến đổi khí hậu, vấn đề khai thác, sử dụng nước từ thượng nguồn, các điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực, nhất là hạ tầng, nhân lực logistics phục vụ nông nghiệp dù đang được đầu tư nhưng còn chậm đưa vào khai thác đã ảnh hưởng đến khả năng hoạch định và thực thi chính sách có hiệu quả để thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ trái cây của Vùng được bền vững và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Do đó, việc đánh giá đúng vai trò của Nhà nước trong hoạt động tìm kiếm thị trường đầu ra của mặt hàng trái cây ở ĐBSCL sẽ giúp nắm bắt đầy đủ thông tin về những nội dung mà Nhà nước làm tốt và chưa tốt trong việc định hướng, hỗ trợ và quản lý hoạt động sản xuất, tiêu thụ mặt hàng chiến lược này. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để các địa phương kiến nghị Trung ương kịp thời bổ sung, hoàn

chính các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện hỗ trợ cho nhà vườn, hợp tác xã và cơ sở thu mua, kinh doanh, nhà xuất khẩu mặt hàng trái cây trên địa bàn trong tiếp cận đất đai, vốn, nhất là việc kết nối, mở rộng thị trường đầu ra đối với mặt hàng này, góp phần nâng cao giá trị nông sản nói chung và tăng thu nhập cho nhà nông vùng ĐBSCL những năm tiếp theo.

### 3.1.3. Tình hình tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long

#### 3.1.3.1. Diện tích, sản lượng, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng trái cây

Trong gần một thập kỷ qua, hiệu quả hoạt động của nền nông nghiệp ĐBSCL có những kết quả rất đáng ghi nhận, nhất là trong lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm trái cây, góp phần quan trọng đối với việc đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, mang lại nguồn ngoại tệ cho đất nước. Mặc dù vậy, những năm qua sản xuất trái cây ở các địa phương trong Vùng chịu ảnh hưởng bởi các diễn biến thời tiết bất thường và tình trạng xâm nhập mặn vào mùa khô đã ảnh hưởng đến mở rộng diện tích trồng trọt. Trước bối cảnh đó, các Bộ, ngành và các cấp chính quyền ở ĐBSCL đã rất nỗ lực để thúc đẩy sản xuất trái cây theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và nhu cầu của thị trường.



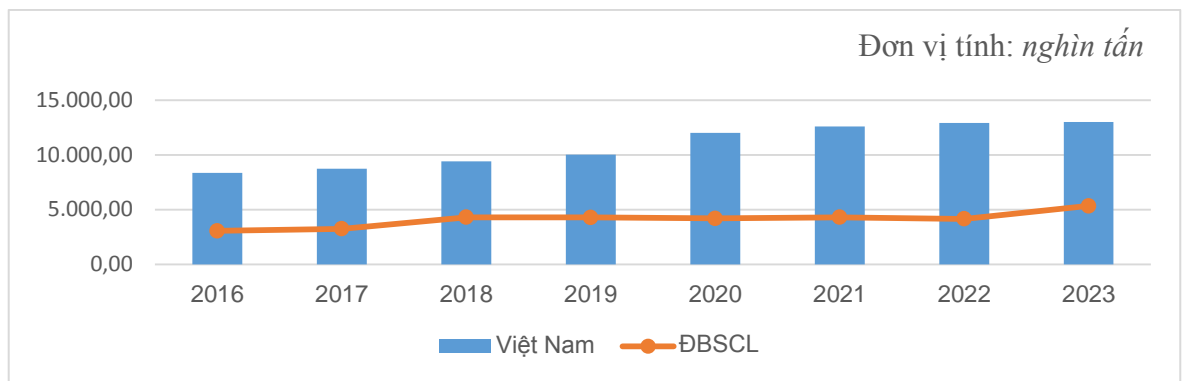
**Biểu đồ 3.1: Diện tích trồng cây ăn trái của Việt Nam và ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2023**

*Nguồn: Kết quả tổng hợp [16], [17], [18], [19], [20], [21], [25], [26], [179], [104], [111], [130], [140], [159], [103]*

Số liệu thống kê ở Biểu đồ 3.1 bên trên cho thấy, diện tích trồng cây ăn trái của cả nước có sự gia tăng qua các năm từ mức trên 870 nghìn ha năm 2016 lên

khoảng hơn 1,2 triệu ha vào năm 2023, tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn đạt 5,5%. Xu hướng này cũng diễn ra tương tự với quy mô diện tích cây ăn trái ở ĐBSCL, nhưng từ khi dịch Covid-19 bùng phát vào năm 2020 đến nay, diện tích trồng cây ăn trái của các địa phương trong Vùng không có sự thay đổi đáng kể, chỉ xoay quanh mức 400 nghìn ha.

Sản lượng trái cây của ĐBSCL cũng có sự gia tăng nhanh chóng với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt mức 9%/năm trong giai đoạn 2016 - 2023, cao hơn mức bình quân của cả nước (chỉ khoảng 6,7%/năm) (xem Biểu đồ 3.2).



**Biểu đồ 3.2: Sản lượng trái cây của Việt Nam và ĐBSCL  
giai đoạn 2016 - 2023**

*Nguồn: Kết quả tổng hợp [16], [17], [18], [19], [20], [21], [25], [26], [179], [104], [111], [130], [140], [159], [103]*

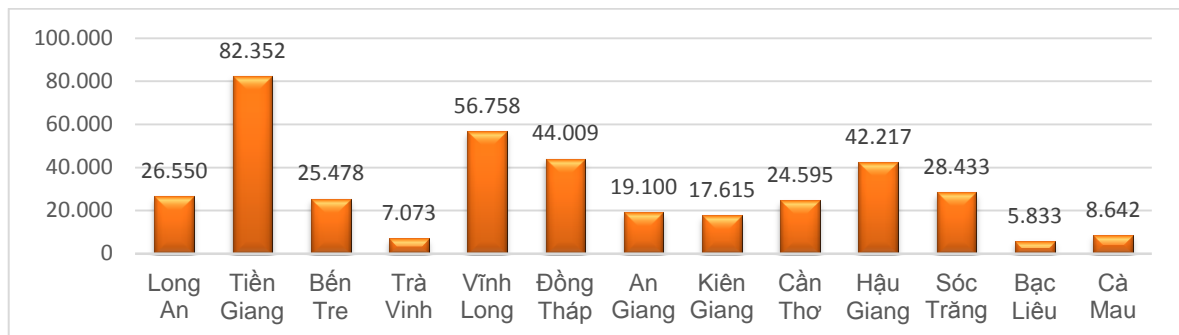
Sở dĩ năng suất cây trồng tăng trưởng mạnh trong những năm qua là nhờ tác động của tiến bộ khoa học, kỹ thuật, sản xuất chuyên canh, chuyển đổi giống cây trồng và trình độ canh tác của các nhà vườn ngày càng được nâng cao. Các quy trình sản xuất trái cây tiên tiến, thân thiện với môi trường như: VietGAP, GlobalGAP, sản xuất hữu cơ, an toàn... đang được nhân rộng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

Nhìn chung, diện tích và sản lượng trái cây ở Việt Nam và ĐBSCL không ngừng tăng lên, trong đó, xét về diện tích và sản lượng của ĐBSCL luôn đứng đầu cả nước. Chính hoạt động sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây trong nước và hoạt động xuất khẩu đã giúp cho ngành trồng cây ăn trái của cả nước đạt được

những dấu ấn nổi bật, tạo ra bước tiến lớn trong sản xuất, nhất là đa dạng hóa chủng loại trái cây theo hướng đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý và nâng cao vị thế, uy tín trên thị trường thế giới.

Với điều kiện khí hậu nhiệt đới phù hợp, ĐBSCL là vùng trồng cây ăn trái chính, chiếm gần 40% diện tích cây ăn trái của cả nước, nhất là đối với các loại trái cây đặc biệt như dứa, xoài, chuối, và nhiều loại khác. Biểu đồ 3.3 bên dưới cho thấy sự phân bố diện tích trồng cây ăn trái trên ĐBSCL, chỉ có một diện tích rất nhỏ ở bán đảo (Bạc Liêu, Cà Mau) vì trái cây thường không chịu được điều kiện mặn trên bán đảo; đồng thời, cho thấy các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang là các địa phương có thế mạnh về lĩnh vực sản xuất trái cây ở Vùng.

*Đơn vị tính: ha*



**Biểu đồ 3.3: Diện tích trồng cây ăn trái ở các địa phương của ĐBSCL năm 2022**

*Nguồn: Niên giám Thống kê của các địa phương ở ĐBSCL năm 2022*

*(từ [37] đến [49])*

### **3.1.3.2. Hoạt động tiêu thụ trong nước và xuất khẩu các mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long**

*Một là, kết quả hình thành và phát triển của các kênh tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL*

Cùng với sự phát triển của nền sản xuất hàng hóa, năng lực sản xuất nông sản ở ĐBSCL ngày càng được nâng lên, tạo ra sản phẩm dư thừa, sản phẩm này sẽ được đem trao đổi, mua bán, tất yếu dẫn đến sự kết nối giữa người sản xuất có

sản phẩm dư thừa đó và người mua (người tiêu dùng hoặc thương lái, người thu gom) tạo thành mối liên kết sản xuất và tiêu thụ. Ban đầu khi quy mô sản xuất của hộ nông dân còn nhỏ, manh mún, phân tán, các sản phẩm nông nghiệp dư thừa sau khi được sản xuất sẽ được tiêu thụ tại chợ là chủ yếu do người sản xuất bán trực tiếp hoặc thông qua trung gian những người bán buôn, bán lẻ mang sản phẩm bán cho người tiêu dùng.

Qua nhiều thời kỳ và giai đoạn phát triển của đất nước, phương thức kết nối giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi để đáp ứng với thực tiễn công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước. Các hình thức liên kết xuất hiện, phát triển từ giản đơn đến phức tạp (từ liên kết 3 nhà, đến liên kết 5 nhà, 6 nhà), với hình thức biểu hiện thường được gọi là các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị (xem hình 1.1, Phụ lục 1). Có thể thấy, nông sản sau khi được người nông dân sản xuất trực tiếp sẽ được phân phối để tiêu thụ qua hai kênh chủ yếu là chợ đầu mối và thương lái hoặc vừa thu mua. Nông sản từ chợ đầu mối sẽ được vận chuyển đến các chợ dân sinh, chợ tạm để bán cho người tiêu dùng; trong khi đó, thương lái sẽ đưa nông sản đến các cơ sở sơ chế phân loại, đóng gói theo đặt hàng của nhà xuất khẩu. Đặc biệt, nhờ sự hỗ trợ của Nhà nước (thông qua đại diện các Bộ, ngành và chính quyền địa phương) đã bước đầu giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, xử lý những ách tắc, vướng mắc của các chủ thể liên quan đến sản xuất, kết nối tiêu thụ trái cây, giúp đẩy mạnh hoạt động sản xuất gắn với thị trường. Mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ trái cây được trình bày tại Diễn đàn Kết nối 970 (xem hình 1.2, Phụ lục 1) bao gồm nhiều công đoạn nối tiếp nhau và có sự tham gia của nhiều chủ thể từ công đoạn đầu tiên là cung ứng các yếu tố đầu vào cho sản xuất nông sản đến các khâu sản xuất, bán sản phẩm cho doanh nghiệp trung gian, sơ chế sản phẩm và gia công, đóng gói bao bì sản phẩm theo yêu cầu của thương lái hoặc nhà xuất khẩu (sau khi đã được chế biến, đóng gói kiểm tra chất lượng).

Quá trình hình thành và phát triển các kênh tiêu thụ đối với mặt hàng trái cây tại ĐBSCL từ truyền thống đến hiện đại cũng có điểm tương đồng với các

mặt hàng nông sản khác ở Vùng và cả nước (xem Phụ lục 2). Kết quả nghiên cứu kênh tiêu thụ trái cây trên thị trường nội địa ở thành phố Cần Thơ, các tỉnh Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang và một số địa phương lân cận có thể thấy việc thu mua các sản phẩm trái cây chủ yếu dựa vào thương lái, số lượng doanh nghiệp chủ động tham gia vào ký kết hợp đồng bao tiêu các mặt hàng trái cây còn ít, chưa phổ biến. Mặc dù vậy, thời gian qua, bước đầu một số hộ nông dân và các hợp tác xã trồng cây ăn trái ở các địa phương trong Vùng đã đẩy mạnh áp dụng sản xuất theo VietGAP và GlobalGAP. So với hình thức sản xuất truyền thống, hoạt động sản xuất theo tiêu chuẩn này luôn có sự liên kết, tham gia của “các nhà” như: nhà vườn, nhà khoa học, nhà phân phối, nhà doanh nghiệp và Nhà nước; trong đó, sự quản lý của Nhà nước là một trong những nhân tố quan trọng tạo ra sự thành công của kênh tiêu thụ này. Nhà nước đã thể hiện vai trò gắn kết, kết nối các chủ thể tham gia mô hình, hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện sản xuất và tiêu thụ. Nhờ thống nhất quy trình sản xuất, trái cây từ các vườn cây của các hộ nông dân thực hiện liên kết có độ đồng đều cao, chất lượng trái, màu sắc vỏ trái ít biến động so với các trường hợp sản xuất tự do bên ngoài hợp tác xã, tổ hợp tác. Ngoài ra, do có hợp đồng liên kết của các bên tham gia nên các nhà vườn, hợp tác xã cũng không lo bị ép giá, doanh nghiệp cũng không ngại việc các hộ dân bán sản phẩm cho thương lái bên ngoài, tạo sự yên tâm về yếu tố đầu ra đối với hộ nông dân tham gia mô hình.

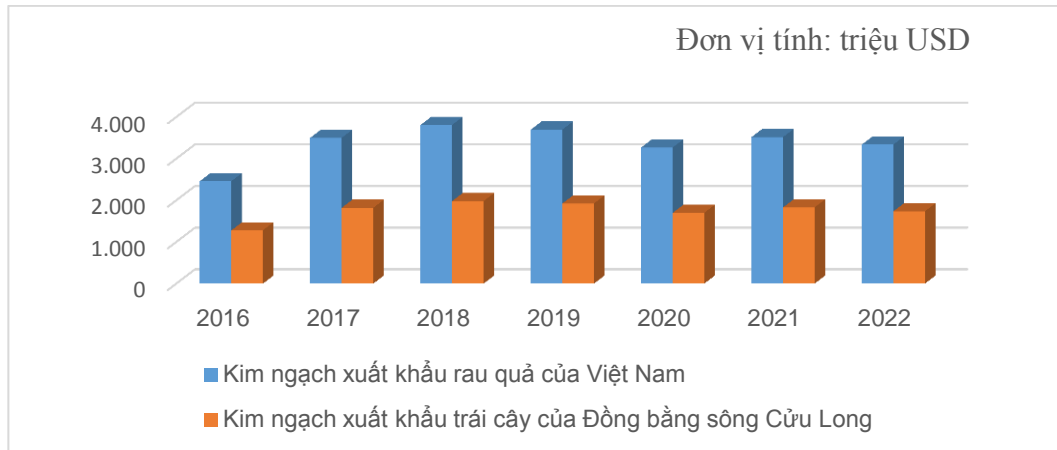
Như vậy, hiện tại trái cây của ĐBSCL được sản xuất, tiêu thụ qua nhiều khâu và kênh phân phối khác nhau. Các loại trái cây được vận chuyển tới chợ bằng các loại xe tải, xe máy, xe đạp sau khi sản phẩm đã được phân loại hoặc vừa mới thu hoạch từ vườn. Tại chợ truyền thống ở các tỉnh, thành vùng ĐBSCL, mối quan hệ giữa người mua và người bán nông sản thường là “mua đứt” hoặc hợp đồng nếu có thường ở dạng thỏa thuận miệng, dựa trên lòng tin, sự tin cậy lẫn nhau, không có sự ràng buộc chặt chẽ về khối lượng, chủng loại sản phẩm.



Đối với trái cây được bán tại hệ thống các siêu thị hoặc cửa hàng tiện ích đều là những sản phẩm được cung cấp bởi các nhà vườn, nhà phân phối tuyển chọn và đã có hợp đồng ràng buộc chính thức trước khi giao hàng nên biết được nguồn gốc xuất xứ chính xác của các mặt hàng trái cây. Tại các gian hàng trưng bày trái cây được phân loại, đóng gói và có thông tin về sản phẩm đi kèm. So với việc tiêu thụ tại các chợ truyền thống, trái cây được bày bán tại các siêu thị vừa có chất lượng (sản phẩm sạch, an toàn, sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP, sản phẩm hữu cơ) và số lượng ổn định, vừa được sự kiểm tra, kiểm soát mức độ thường xuyên hơn của các cơ quan chức năng, đoàn kiểm tra liên ngành, tạo sự an tâm đối với người tiêu dùng. Năm 2022, ĐBSCL có 217 siêu thị chiếm tỷ lệ 17,5% số siêu thị cả nước và chiếm tới 19,2% số lượng chợ cả nước (1.638 chợ), chủ yếu là chợ hạng 3, phân bố đều tại khu vực thành thị và nông thôn [115, tr.67]. Các hoạt động thương mại phổ biến chủ yếu diễn ra tại các chợ truyền thống; trong khi đó các siêu thị và trung tâm thương mại tập trung nhiều ở các tỉnh, thành phố Cần Thơ, Sóc Trăng, Tiền Giang, Kiên Giang.

*Hai là, kết quả hoạt động sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây của ĐBSCL nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước*

ĐBSCL không chỉ là khu vực trồng trái cây lớn cho thị trường nội địa, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguyên liệu thô cho chế biến và xuất khẩu. Xoài được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc; Thanh long, nhãn, vú sữa và chôm chôm đã được xuất khẩu sang Mỹ với sản lượng tăng hàng năm. Bưởi da xanh đang được thị trường châu Á yêu thích. Thanh long là một trong những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam với tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu khoảng 1,173 tỷ USD năm 2019, trong đó ĐBSCL đứng thứ hai cả nước, chiếm tỷ lệ 41,37% về sản lượng (sau tỉnh Bình Thuận) [24]. Thị trường xuất khẩu sản phẩm nông sản chính của ĐBSCL là Hoa Kỳ, EU và Trung Quốc, trong đó, thị trường xuất khẩu trái cây tươi và trái cây chế biến chủ yếu là Trung Quốc, EU và Philipines.



**Biểu đồ 3.4: Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam và kim ngạch xuất khẩu trái cây của ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2022**

*Nguồn: Kết quả được tổng hợp và tính toán từ số liệu của Tổng cục thống kê, Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản, Bộ Công Thương từ 2016 đến 2022*

Biểu đồ 3.4 bên trên đã chỉ rõ bức tranh chung về giá trị xuất khẩu và sự thiếu ổn định trong xuất khẩu đối với mặt hàng rau quả Việt Nam và của mặt hàng trái cây ở ĐBSCL. Giai đoạn 2016 - 2018 có sự tăng trưởng về giá trị xuất khẩu, nhưng đến giai đoạn 2019 - 2022 thì chứng kiến sự xuống dốc của kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước và trái cây của ĐBSCL. Năm 2020, ĐBSCL xuất siêu 9,4 tỷ USD, chiếm 47,4% thặng dư thương mại cả nước. Năm 2021, xuất siêu của Vùng đạt khoảng 8 tỷ USD, trong khi cả nước xuất siêu có 4 tỷ USD [114, tr.xxxiv]. Vì thế, ĐBSCL là một vùng xuất siêu ở Việt Nam. Mặt khác, số liệu trong Bảng 3.1. bên dưới cho thấy, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu sản phẩm trái cây tươi và trái cây chế biến của tỉnh Long An đứng đầu trong số các địa phương có thể mạnh về xuất khẩu các mặt hàng trái cây ở ĐBSCL. Đồng thời, cũng cho thấy xu hướng giảm dần kim ngạch xuất khẩu ở ĐBSCL sau năm 2017 ở hai địa phương Long An và Cần Thơ.

Hiện tại, đa số mặt hàng trái cây ở ĐBSCL đều tiêu thụ và xuất khẩu dưới dạng chín, tươi sau khi thu hoạch. Việc chế biến, phơi sấy, đóng hộp, làm nước ép, bảo quản nhiều ngày chỉ có tỷ lệ nhỏ. Việc tiêu thụ mặt hàng trái cây tập trung ở trong nước là chủ yếu (tỷ lệ 85 - 90%), còn lại là thuộc về số lượng xuất khẩu (tỷ lệ 10 - 15%) [149, tr.121]. Các mặt hàng trái cây xuất khẩu đã tạo dựng

được thương hiệu ví dụ như xoài, nhãn, thanh long, chôm chôm, khóm, bưởi, chanh, chuối, ... Riêng khóm và xoài còn được xuất khẩu dưới dạng đã qua chế biến (nước ép trái cây). Tuy vậy, ngành công nghiệp chế biến nông sản của ĐBSCL, nhất là mặt hàng trái cây chế biến, vẫn chưa nắm bắt tốt cơ hội từ người tiêu dùng nội địa, vẫn tập trung phát triển các thị trường xuất khẩu. Mặt khác, người tiêu dùng trong nước lại chạy theo sản phẩm trái cây nhập khẩu và quay lưng lại với mặt hàng này được sản xuất trong nước. Điều này thể hiện qua giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong năm 2022 đạt 2,08 tỷ USD, tăng 40,3% so với năm 2021 [14, tr.56].

**Bảng 3.1: Tình hình xuất khẩu các mặt hàng trái cây của một số địa phương ở ĐBSCL**

Năm	Cần Thơ		Hậu Giang		Long An	
	Sản lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)	Sản lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)	Sản lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)
2016	6.220.190	43.633.821	-	-	9.486.129	54.006.431
2017	9.069.059	68.049.590	-	-	29.117.289	176.960.764
2018	7.691.795	26.518.478	2.949.063	4.606.495	14.391.647	132.890.279
2019	8.432.961	25.791.333	2.163.980	3.416.652	14.488.877	74.397.258
2020	7.929.562	26.447.418	2.276.393	3.869.209	18.549.147	79.974.335
2021	13.899.789	27.971.090	2.476.041	4.878.494	23.124.297	105.898.060
2022	12.613.102	26.913.263	3.111.806	5.943.594	20.276.808	88.153.158

Nguồn: [155]

Có thể khẳng định, tình hình sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trái cây của ĐBSCL thời gian qua đã có nhiều khởi sắc, đáp ứng cơ bản cả về số lượng và chất lượng cho thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước; đồng thời, đã hình thành một số kênh tiêu thụ trái cây với các khâu ngày càng được tiêu chuẩn hóa và liên kết chặt chẽ. Tuy nhiên, sản xuất trái cây ở ĐBSCL vẫn còn tình trạng manh mún, nhỏ lẻ, đa số các nhà sản xuất trái cây là các hộ gia đình và các hợp tác xã

phân tán ở nhiều địa bàn khác nhau. Kết quả phỏng vấn đối với 89/115 nhà vườn và hợp tác xã sản xuất kinh doanh trái cây cung cấp thông tin về diện tích trồng trọt, có đến 33,7% số cơ sở sản xuất có quy mô diện tích dưới 0,5 ha và chỉ có 5,6% có quy mô diện tích trên 2 ha. Trong khi đó, thống kê cho thấy từ năm 2011 đã có 5% số nông trại trồng cây ăn trái ở Việt Nam có diện tích trồng trên 2 ha [112]. Bên cạnh đó, các mặt hàng trái cây của Việt Nam và khu vực ĐBSCL chủ yếu ở dạng thô, chưa có thương hiệu, thường gặp các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm, có giá trị xuất khẩu thấp; các mặt hàng trái cây xuất khẩu của ĐBSCL hiện vẫn chưa chủ động về thị trường và hiệu quả của xuất khẩu chưa cao. Số liệu cho thấy trong giai đoạn 2013 - 2020, ĐBSCL chỉ lần lượt chiếm 7,7% và 3,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của cả nước [167]. Như vậy, tỷ trọng thương mại của Vùng khá nhỏ so với tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế cả nước, cho thấy hầu hết các sản phẩm sản xuất tại ĐBSCL thường được tiêu thụ trong nước và đa số các sản phẩm tiêu thụ tại ĐBSCL đều được sản xuất trong nước.

### **3.2. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2023**

#### **3.2.1. Thực trạng vai trò định hướng của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

*Một là, công tác xây dựng và triển khai chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL từng bước được hoàn thiện, phù hợp với vị trí, vai trò và lợi thế, tiềm năng của Vùng*

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã dành sự quan tâm đáng kể đối với sự phát triển của ĐBSCL, hàng loạt văn bản chính sách dành riêng cho Vùng đã được ban hành, từ xác định mục tiêu, định hướng phát triển, đề ra mục tiêu, giải pháp đối với Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền các địa phương nhằm thể chế hóa thông qua các văn bản pháp luật (gồm luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư và quyết định của các bộ ngành, nghị quyết, quyết định của các cấp chính quyền địa phương trong Vùng) đề ra

các giải pháp, chính sách cụ thể nhằm hiện thực hóa các mục tiêu, định hướng phát triển ĐBSCL.

Các mục tiêu, định hướng phát triển vùng ĐBSCL, nhất là tập trung phát huy tiềm năng, thế mạnh, tháo gỡ đồng bộ những hạn chế, thách thức của Vùng đã được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2024 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2025 và Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (ban hành kèm theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ) đã xác định vùng sinh thái ngọt ven sông Tiền và sông Hậu bao gồm các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ và một phần của các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Tiền Giang, Long An là địa bàn trọng điểm về sản xuất trái cây của Vùng và quốc gia; đặt Trung tâm đầu mối tổng hợp với chức năng chính là thương mại, logistics, nghiên cứu phát triển, đào tạo và chuyên gia công nghệ, ứng dụng công nghệ cao vào lĩnh vực chế biến sâu để gia tăng giá trị cho các sản phẩm trái cây ở Cần Thơ, vùng nguyên liệu chính về trái cây được hình thành tại các tỉnh Tiền Giang, An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre.

Quá trình triển khai thực hiện các chủ trương này đã bước đầu hình thành hệ thống cơ chế, chính sách thu hút, khơi thông dòng vốn đầu tư nhằm tập trung phát triển tiềm năng, lợi thế của Vùng, thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, tiên tiến và bền vững; chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy sang tư duy kinh tế nông nghiệp, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường không dừng lại ở số lượng sản phẩm hàng hóa, cần hướng đến mục tiêu là chất lượng gắn với chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu, trong đó xác định trái cây là một ba nông sản chủ lực của Vùng.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Đặc biệt, để các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản phát triển bền vững, ngày 09/02/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 194/QĐ-TTg về Phê duyệt Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030, trong đó định hướng tăng sản lượng trái cây tiêu thụ thông qua việc đẩy mạnh sử dụng sàn giao dịch điện tử, truy xuất nguồn gốc trong kinh doanh sản phẩm; các Bộ, ngành ở Trung ương và các cấp chính quyền ở địa phương tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp đủ khả năng dẫn dắt, định hướng sản xuất và tiêu thụ các loại trái cây hàng hóa theo nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước, nhất là hỗ trợ cung cấp thông tin dự báo về các tiêu chuẩn, điều kiện đối với mặt hàng trái cây xuất khẩu.

Đối với lĩnh vực trồng cây ăn trái, ngày 27/10/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT về việc phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030, trong đó xác định 14 loại trái cây chủ lực (bao gồm: thanh long, xoài, chuối, vải, nhãn, cam, bưởi, dứa, chôm chôm, sầu riêng, mít, chanh leo, bơ, na) phù hợp với tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái trên cả nước. Đồng thời, các mặt hàng trái cây cần nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; tổ chức lại sản xuất trái cây chủ lực tập trung theo vùng chuyên canh phù hợp với quy hoạch và gắn với thị trường tiêu thụ, trên cơ sở ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản và truy xuất nguồn gốc; đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở chỉ dẫn địa lý, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ các nhà sản xuất, kinh doanh, nhà xuất khẩu các mặt hàng trái cây về thông tin thị trường, ban hành hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cây ăn trái phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định quy mô vùng sản xuất cây ăn trái tập trung trong phương án quy hoạch của địa phương và các quy hoạch có liên quan khác; gắn phát triển vùng trồng cây ăn trái với các cơ sở bảo

quản, chế biến sản phẩm thông qua thực hiện chính sách thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất từ xây dựng vùng sản xuất tập trung đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm cây ăn trái chủ lực; đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển toàn diện hợp tác xã, nhất là chú trọng nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số cho các xã viên. Chẳng hạn, ngành nông nghiệp ở các địa phương như thành phố Cần Thơ, các tỉnh Vĩnh Long và Tiền Giang đã và đang nỗ lực cơ cấu lại hoạt động sản xuất và tiêu thụ trái cây theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, gắn với đáp ứng nhu cầu của thị trường. Nông dân ở các địa phương này không chỉ quan tâm lựa chọn các giống trái cây đặc sản mà còn nhận được sự khuyến cáo tích cực của cán bộ quản lý nông nghiệp trong thực hiện liên kết, hình thành các vùng trồng chuyên canh cây ăn trái đạt chuẩn. Nhờ đó, có nhiều thuận lợi trong hoạt động quản lý truy xuất nguồn gốc, đăng ký mã số cơ sở đóng gói và mã số vùng trồng, kiểm soát sâu bệnh và áp dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật và quy trình sản xuất tiên tiến để đảm bảo trái cây đạt chất lượng, an toàn đáp ứng với nhu cầu và yêu cầu của thị trường tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Bên cạnh đó, ngành nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp đang tiếp tục định hướng phát triển sản xuất trái cây chuyển từ số lượng sang chất lượng, theo hướng hữu cơ và ứng dụng công nghệ cao, gắn với chuỗi giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; trong đó, tập trung phát triển sản xuất các loại trái cây chủ lực (xoài, nhãn, cây có múi...), các loại trái cây có năng suất và chất lượng cao, có thị trường tiêu thụ ổn định, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh.

*Hai là, hoạt động tiêu thụ các mặt hàng trái cây của DBSCL được định hình bởi hệ thống các chiến lược của quốc gia*

Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, định hướng chung đối với hoạt động xuất khẩu là phải đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, không để phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Để đạt mục tiêu đó, ngành Nông nghiệp đang tăng cường tái cơ cấu, phát huy tối đa lợi thế nông nghiệp nhiệt đới,

đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả với nền sản xuất hàng hóa lớn; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường.

Nội dung về phát triển sản xuất nông nghiệp trong Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 [146] nhấn mạnh đến việc phát huy sự chủ động, tích cực của địa phương trong lựa chọn loại nông sản thích hợp để hình thành vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch; ban hành kế hoạch cụ thể để phát triển các mặt hàng nông sản chủ lực, đặc trưng, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu đi cùng với các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; đồng thời, để mở rộng thị trường xuất khẩu cần đổi mới, đa dạng hóa các phương thức xúc tiến thương mại phục vụ xuất nhập khẩu bằng cách tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia có nội dung chính là hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng rau quả thâm nhập vào các thị trường mới, củng cố, phát triển các thị trường trọng điểm và thị trường nhiều còn tiềm năng. Số liệu thống kê cho thấy, mỗi 1 USD chi cho hoạt động xúc tiến sẽ giúp tăng thêm 87 USD giá trị xuất khẩu và 384 USD đóng góp vào GDP [32]. Đến năm 2022, kinh phí dành cho Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia tăng lên đến 136 tỷ đồng/năm (khoảng 5,7 triệu USD) (năm 2012 chỉ có 93 tỷ đồng), góp phần giúp kim ngạch xuất khẩu đạt 372 tỷ USD (tăng hơn 320% so năm 2012) [32]; giúp cho các đơn vị, tỉnh, thành có thể mạnh về sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng trái cây tổ chức các khu vực riêng để quảng bá sản phẩm và các đối tác nhập khẩu quốc tế có cơ hội tìm hiểu, tham quan và ký kết hợp đồng kinh doanh.

Song song đó, thông qua việc ban hành và tổ chức triển khai Chương trình thương hiệu quốc gia của Nhà nước, các tỉnh, thành ở ĐBSCL đã giúp các chủ vườn trái cây, doanh nghiệp xuất khẩu nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động xây dựng, giới thiệu thương hiệu mặt hàng trái cây. Nhiều mặt hàng trái cây đặc sản, nhiều mặt hàng trái cây tươi và trái cây chế biến có chất lượng cao của Vùng đã chiếm được niềm tin đối với người tiêu dùng như:



xoài sáy dẻo và quýt hồng (Đồng Tháp), bưởi da xanh và sầu riêng Cái Mon (Bến Tre), quýt đường Long Trị (Hậu Giang), thanh long Chợ Gạo (Long An)... Các mặt hàng trái cây như xoài cát Hòa Lộc và vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim của tỉnh Tiền Giang sau khi được cấp văn bằng bảo hộ (chỉ dẫn địa lý) và nhãn hiệu tập thể có giá bán tăng cao hơn trước đó 20% [81].

### **3.2.2. Thực trạng vai trò hỗ trợ của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây**

*Một là, hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ tiêu thụ mặt hàng trái cây của ĐBSCL*

Giao thông vận tải ở Vùng hiện có bốn phương thức vận tải chủ yếu là đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không. Hệ thống đường bộ có năm tuyến hành lang nối Vùng với Đông Nam Bộ và cả nước với tổng chiều dài là 44.352 km [97]. Đến nay, ĐBSCL có khoảng 171 km đường cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn đường cao tốc đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; dự kiến đến năm 2026, khu vực ĐBSCL sẽ có khoảng 554 km đường cao tốc và năm 2030 ĐBSCL sẽ hình thành năm trục cao tốc với tổng chiều dài 998 km [120]. Các bộ, ngành và các địa phương ở ĐBSCL đã phối hợp triển khai nhiều công trình, dự án quan trọng với quy mô lớn và hình thành theo trục dọc, trục ngang theo hệ thống đường vành đai liên kết với 3 công trình kết nối dọc ĐBSCL với thành phố Hồ Chí Minh (gồm cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau, Quốc lộ 60 và Quốc lộ N2) và 4 công trình kết nối ngang ĐBSCL (gồm Quốc lộ 62, 30, 91 và 80 - liên kết ĐBSCL với Campuchia). Đây được xem là một trong các kết quả đạt được nhằm thực hiện tốt các khâu đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm kết nối thông suốt giữa các trung tâm kinh tế lớn, các đầu mối giao thông cửa ngõ, các tuyến có nhu cầu vận tải lớn của Vùng.

Đối với vận tải đường thủy: ĐBSCL có mạng lưới kênh, rạch, sông ngòi dày đặc với tổng chiều dài gần 28.000 km [107]; trong đó, một số tuyến đường thủy huyết mạch từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Kiên Giang, Cà Mau, kênh Quan

Chánh Bộ phục vụ tàu tải trọng lớn ra vào sông Hậu và các sân bay trong Vùng đang được nâng cấp đã tạo thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh các mặt hàng trái cây ở Vùng. Đặc biệt, Chợ Gạo là tuyến đường thủy huyết mạch và độc đạo cho các phương tiện đường thủy vận chuyển hàng hóa từ ĐBSCL đi Thành phố Hồ Chí Minh, miền Đông và ngược lại với khoảng cách gần hơn nhiều so với việc di chuyển bằng đường biển. Mỗi ngày khoảng 1.800 phương tiện có trọng tải từ 100 đến 2.000 tấn đi qua kênh Chợ Gạo [107]. Bên cạnh đó, một số địa phương trong Vùng như tỉnh Đồng Tháp cũng có 12 tuyến đường thủy quốc gia đi qua với chiều dài khoảng 418 km; đặc biệt, tỉnh có các bến cảng có tiềm năng như Sa Đéc, IDI Vàm Cống, khu A1 có thể được đầu tư để phục vụ cho hệ thống logistics của địa phương trong thời gian tới để tiếp nhận nhiều phương tiện vận chuyển có trọng tải lớn từ 3.000 - 5.000 tấn, công suất bốc dỡ khoảng 0,6 triệu tấn/năm [107].

Hạ tầng chuỗi cung ứng lạnh (cold chain) phục vụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL đã và đang nhận được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư, góp phần giúp mặt hàng trái cây duy trì được chất lượng và độ tươi ngon khi đến tay người tiêu dùng. Hiện tại, có bốn kho lạnh ở tỉnh Long An, hai kho ở thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang [4]; trong đó, Mekong Logistics ở tỉnh Hậu Giang được xem là kho lạnh lớn nhất của khu vực với sức chứa 50.000 pallet [13, tr.112]. Bên cạnh nhu cầu về kho lạnh, đã có sự tích hợp vận tải lạnh nông sản vào chuỗi cung ứng nhằm hướng đến phục vụ phân khúc bán lẻ nội địa; đến tháng 12/2019, cả nước có 700 xe lạnh thuộc nhiều công ty vận tải đầu tư để tham gia vận tải lạnh, trong đó một số công ty hoạt động chủ yếu ở các tỉnh phía Nam tiêu biểu như: ABA Cooltrans, Transimex, Tân Cảng Sài Gòn, Gemadept, Agility... [13, tr.58].

Tuy nhiên, ĐBSCL là khu vực có chi phí logistics hàng nông sản cao nhất, chiếm tới 30% giá thành sản phẩm [114, tr.xlii]; điều này đã làm giảm sức cạnh tranh của các mặt hàng trái cây sản xuất ra tại ĐBSCL. Trước khó khăn, thách thức này, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định về Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Trong đó, ĐBSCL sẽ có hai trung tâm logistics hạng 2 (cấp vùng) đi

vào hoạt động. Cùng với đó, định hướng phát triển vùng ĐBSCL giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đặt mục tiêu đến năm 2030, đầu tư mới và nâng cấp khoảng 830 km đường bộ cao tốc; khoảng 4.000 km đường quốc lộ; 4 cảng hàng không; 13 cảng biển, 11 cụm cảng hành khách và 13 cụm cảng hàng hóa đường thủy nội địa. Ngoài ra, Bộ Giao thông vận tải cũng ra Quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển ĐBSCL (nhóm 6) giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Đây là những tiền đề quan trọng đẩy mạnh phát triển logistics, từ đó góp phần đưa hàng hóa của Vùng vươn tầm khu vực và thế giới.

Song song đó, các tỉnh, thành khu vực ĐBSCL đã tập trung đầu tư đồng bộ các phương thức vận tải hàng hóa, nhất là mặt hàng trái cây bằng đường thủy nội địa và đường biển; phát triển chuỗi cung ứng hiện đại, các mô hình chợ đầu mối, chuỗi cung ứng lạnh, thương mại điện tử xuyên biên giới... Các khu công nghiệp đã thu hút thêm các nhà đầu tư, chế biến trái cây tươi, các kho - dây chuyền bảo quản, sơ chế, làm mát trước khi đóng hàng vào container để sẵn sàng xuất khẩu. Nhờ sự đóng góp trong xuất khẩu của mặt hàng trái cây, lần lượt trong hai năm 2020 và 2021, ĐBSCL đã đạt thặng dư thương mại 9,4 tỷ USD và 8 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 47,4% trong thặng dư thương mại cả nước năm 2020 [114, tr.xxxiv] và là Vùng có tỷ lệ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có lợi nhuận đứng đầu cả nước [115, tr.44].

Nhiều địa phương trong Vùng đã nỗ lực xây dựng, nâng cấp các bến cảng theo hướng hiện đại, đồng bộ để đáp ứng kịp thời nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp. Theo đó, Cảng Cần Thơ đang nghiên cứu triển khai các ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động khai thác cảng như Smart Gate, E-port, EDI/EDO Qua đó góp phần tạo thuận lợi cho khách hàng khi đến giao dịch với cảng, giảm thời gian chờ đợi, hướng đến giảm giấy tờ và thúc đẩy hệ sinh thái cảng xanh tại các cảng trực thuộc công ty. Quy hoạch cụm cảng biển nước sâu Trần Đề (Sóc Trăng) đã được Thủ tướng phê duyệt từ tháng 9/2021, dự kiến với năng lực tiếp nhận tàu tổng hợp, tàu container tải trọng khoảng 100.000 DWT (tương đương 100.000 tấn) và tàu hàng rời 160.000 DWT, Cụm cảng Trần

Đề sẽ giúp hàng hóa xuất khẩu trực tiếp tại ĐBSCL mà không phải chuyển đến Vũng Tàu. Tỉnh Hậu Giang hiện đã có phương án kết nối hạ tầng của địa phương với hạ tầng của quốc gia và ĐBSCL. Hiện tại, bên cạnh 2 cụm cảng hàng hóa và hành khách theo quy hoạch do Trung ương quản lý, giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh đã được quy hoạch thêm 3 trung tâm logistics gồm Trung tâm logistics Mekong; Khu trung tâm logistics Hậu Giang; Khu trung tâm logistics nông sản xuất khẩu Hậu Giang.

*Hai là, hỗ trợ việc thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây theo mô hình liên kết và vùng chuyên canh cây ăn trái tập trung*

Đối với thị trường tiêu thụ nội địa, bên cạnh giao dịch mua bán trên 38 chợ nông sản truyền thống [105, tr.215], hệ thống cửa hàng tiện ích, siêu thị ở khu vực [114, tr.xxxiii] và các chợ đầu mối ở thành phố Hồ Chí Minh, các địa phương ở ĐBSCL đang chú trọng tiêu thụ các mặt hàng trái cây trên các nền tảng thương mại điện tử. Tính đến năm 2023, Vùng có 09/13 tỉnh, thành phố đã có sàn giao dịch điện tử nhằm giới thiệu, tiếp thị các mặt hàng trái cây và sản phẩm OCOP của địa phương [114, tr.68]. Chẳng hạn, tỉnh Sóc Trăng cùng với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đã hỗ trợ tiêu thụ khoảng 150 tấn hành tím Vĩnh Châu trên sàn giao dịch thương mại điện tử [129]; chính quyền các địa phương như Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang cũng đã hỗ trợ hàng trăm doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng các trang thông tin điện tử, ứng dụng phần mềm quản lý bán hàng thông minh, quản lý bán hàng đa kênh từ internet, mạng xã hội như Facebook, livestream và các sàn thương mại điện tử tập trung tại một hệ thống để tăng hiệu suất bán hàng, giúp tiết kiệm chi phí, thời gian giao dịch của doanh nghiệp.

Các hoạt động triển khai thực hiện chính sách hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được các trong Vùng đạt kết quả tích cực. Trong khâu xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây của ĐBSCL, các doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng này là nòng cốt liên kết với nông dân và với các cơ sở tiêu thụ. Xét theo cơ cấu loại hình kinh doanh, trái cây chủ yếu là hộ kinh doanh với 95,8%; tiếp đến là các doanh nghiệp tư nhân

(4,2%). Các cơ sở kinh doanh trái cây là quy mô nhỏ: số lượng lao động trung bình là 2 người; quy mô vốn chỉ đạt 960 triệu đồng và doanh thu năm 2018 ở mức 272,44 triệu đồng [165, tr.153]. Chẳng hạn, theo thống kê của tỉnh Đồng Tháp đến cuối năm 2022, 50% số địa phương của tỉnh đã thực hiện liên kết tiêu thụ các mặt hàng trái cây với diện tích 1.498,7 ha và sản lượng 10.482,5 tấn; 19 công ty, doanh nghiệp, 04 vừa xoài cùng các siêu thị Big C, Vinmart,... liên kết tiêu thụ với 16 hợp tác xã và tổ hợp tác, 02 Hội quán và 03 hộ nông dân [31].

Qua khảo sát các doanh nghiệp thu mua, xuất khẩu trái cây và hợp tác xã, nhà vườn tại ĐBSCL cho thấy, chỉ có 2% số lượng doanh nghiệp và 9,57% số lượng nhà vườn, hợp tác xã không hài lòng với sự hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền địa phương trong liên kết sản xuất và tiêu thụ trái cây; đặc biệt, 55,65% số lượng nhà vườn, hợp tác xã thể hiện sự hài lòng cao đối với sự hướng dẫn của đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp ở địa phương liên quan đến vấn đề này.

*Ba là, công tác hỗ trợ xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ đã góp phần nâng cao hiệu quả tiêu thụ mặt hàng trái cây của Vùng*

Do thiếu sự cập nhật thường xuyên các quy định tiêu chuẩn về chất lượng, thủ tục pháp lý... nên không ít nhà xuất khẩu Việt Nam vẫn duy trì thói quen kinh doanh mặt hàng trái cây tươi sang Trung Quốc theo kênh giao thương tiểu ngạch. Việc này làm cho các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn, rủi ro và lợi nhuận thu về thường thấp. Trước những thách thức mà doanh nghiệp xuất khẩu trái cây tươi đang gặp phải, từ năm 2020, Bộ Công Thương đã chỉ đạo Cục Xúc tiến thương mại phối hợp với Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ) và các tổ chức liên quan hoàn thiện Bộ tài liệu hỗ trợ, hướng dẫn xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Trung Quốc đối với 09 mặt hàng trái cây tươi, bao gồm: (1) Cẩm nang Hướng dẫn xuất khẩu trái cây tươi vào thị trường Trung Quốc cung cấp các thông tin tham khảo về tình hình sản xuất, nhu cầu tiêu thụ và thói quen tiêu dùng của người Trung Quốc, các thông tin về yêu cầu thị trường, thủ tục pháp lý, tiêu chuẩn chất lượng. (2) Sổ tay Đặc điểm sản xuất và tiêu thụ chín loại trái cây tươi tại Trung Quốc và Việt Nam.

Đặc biệt, từ khi hết dịch Covid-19 đến nay, các địa phương ở ĐBSCL đã tích cực nối lại các chương trình và hoạt động quảng bá sản phẩm địa phương, như Hội nghị kết nối thương mại điện tử, Hội chợ Công thương khu vực ĐBSCL, các hội thảo về thương mại điện tử, phiên chợ nông sản, ngày hội trái cây,... Cùng với đó là mời gọi doanh nghiệp địa phương tham gia các chương trình xúc tiến thương mại và xuất khẩu liên vùng ở tầm quốc gia, quốc tế như Vietnam Expo, Hội chợ kết nối cung cầu quốc tế tại một số nước EU, Hội nghị xúc tiến và hợp tác kinh tế với tỉnh Hải Nam và một số doanh nghiệp Trung Quốc, Diễn đàn giao thương tại Tokyo, Nhật Bản,...

Ngành nông nghiệp ở các tỉnh, thành vùng ĐBSCL đã hỗ trợ tích cực các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trái cây bước đầu thực hiện tốt việc truy xuất nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm. Một sản phẩm có truy xuất nguồn gốc tốt, các khâu khác trong chuỗi cung ứng sẽ liền mạch, tối ưu hơn, tiết kiệm chi phí hơn so với việc không truy xuất rõ ràng. Vì vậy, nhiều địa phương ở ĐBSCL đang thực hiện tốt việc truy xuất nguồn gốc, quảng bá nhằm giúp sản phẩm mở rộng thị trường, tăng doanh thu. Tổng hợp số liệu từ các địa phương trong Vùng cho thấy đến năm 2020, tất cả các địa phương đã sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong lĩnh vực nông, thủy sản [143], qua đó đã hỗ trợ cho 132 doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, ứng dụng mã QR, dán tem để xác định rõ thông tin về xuất xứ sản phẩm với gần 2,6 triệu con tem [143].

Nhằm vực dậy thị trường tiêu thụ sau dịch bệnh, hợp tác phát triển giữa các địa phương trong Vùng với các vùng phụ cận, nhất là thành phố Hồ Chí Minh được củng cố với các thỏa thuận hợp tác về hạ tầng giao thông, kết nối cung cầu, xúc tiến đầu tư thương mại. Thông qua các chương trình hợp tác này giúp các mặt hàng trái cây của Vùng thâm nhập vào các siêu thị như Saigon Co.op, Big C, Satra, Lotte, Vinmart, MM Mega market, Go, GS25...; hàng trăm sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống gắn với lợi thế của vùng nguyên liệu trái cây tập trung tại chỗ của địa phương được quảng bá chính thức trên sàn giao dịch thương mại điện tử lớn như: Postmart, Shopee, Voso, Sendo... [61].

Một số tỉnh, thành trong Vùng đã có sự chủ động, sáng tạo trong việc quảng bá thương hiệu trái cây đặc sản của địa phương, giúp mở rộng địa bàn tiêu thụ. Chẳng hạn, từ năm 2020, tỉnh Đồng Tháp đã thành lập “Trung tâm giới thiệu đặc sản và du lịch tỉnh Đồng Tháp tại TP. Hà Nội” với khoảng trên 50 doanh nghiệp tham gia hàng năm với hơn 200 sản phẩm đặc trưng và lựa chọn 40 doanh nghiệp khởi nghiệp trong tổng số 50 doanh nghiệp tham gia trưng bày để hỗ trợ 100% chi phí trưng bày, giới thiệu sản phẩm và dịch vụ văn phòng tại thị trường phía Bắc đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa và xuất khẩu [171].

*Bốn là, phát huy vai trò của các Bộ, ngành cơ quan đại diện ngoại giao, tham tán thương mại, thương vụ tại các thị trường xuất khẩu trái cây quan trọng của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản..., để khơi thông thị trường và thúc đẩy xuất khẩu*

Để hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng trái cây sang các thị trường như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, từ năm 2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã lên kế hoạch phối hợp với các viện nghiên cứu, nhà khoa học... lựa chọn giống cây trồng tốt, ứng dụng khoa học kỹ thuật để phục tráng, lai tạo các giống cây, con chất lượng bảo đảm đưa vào sản xuất; đầu tư phát triển công nghệ thu hoạch, bảo quản, chế biến nhằm nâng cao giá trị cho trái cây xuất khẩu. Kế hoạch này giúp trái cây Việt Nam dễ dàng đáp ứng yêu cầu liên quan đến SPS và TBT của các thị trường nhập khẩu, nhất là thị trường EU. Bên cạnh đó, Văn phòng SPS Việt Nam tạo kết nối sự tham gia giữa các bộ ngành và địa phương trong việc thay đổi nhận thức, thói quen canh tác của bà con nông dân; nâng cao kiến thức và đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và chế biến nông sản và thực phẩm, nhất là những sản phẩm chế biến sâu có giá trị gia tăng cao; với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, việc đầu tư sẽ không dễ dàng nên cần có sự liên kết với nhau và có sự hỗ trợ của Nhà nước...

Ngoài những giải pháp trong sản xuất, sơ chế, chế biến, ở góc độ quốc gia, các Tham tán thương mại, Thương vụ Việt Nam ở các nước đã thúc đẩy quan hệ thương mại, tăng cường khả năng đàm phán, thương thảo với các thị trường xuất khẩu để có những tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp, nhằm tránh việc trái cây Việt

Nam bị EU áp các rào cản kỹ thuật không hợp lý; theo dõi và thông tin nhanh nhạy với doanh nghiệp về các biện pháp SPS khẩn cấp, để nhà sản xuất kịp thời điều chỉnh đáp ứng yêu cầu, tránh được nguy cơ bị trả hàng hoặc cảnh báo; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật; đẩy mạnh quảng bá, tiếp thị các sản phẩm vào thị trường các nước...

Thực tế, nhiều doanh nghiệp xuất khẩu trái cây Việt Nam hiện gặp khó khăn trong việc cập nhật SPS và TBT tại thị trường nước ngoài. Qua kết quả khảo sát đối với doanh nghiệp của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) năm 2019, cho thấy rào cản ngôn ngữ là một trong những thách thức lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam [2]. Do vậy, Bộ Công Thương đã triển khai thực hiện Hệ thống cảnh báo thương mại toàn cầu ePing (phiên bản tiếng Việt) nhằm hỗ trợ tạo điều kiện việc tuân thủ các yêu cầu liên quan đến quy định về an toàn và sức khỏe, các quy định về sản phẩm, quy trình thử nghiệm và chứng nhận, các biện pháp cần thiết khác để tiếp cận thị trường quốc tế. Đặc biệt, đối với doanh nghiệp, việc theo dõi sự thay đổi về yêu cầu về sản phẩm tại các thị trường mục tiêu là việc quan trọng hàng đầu, tác động trực tiếp đến sự thành công hay thất bại của hoạt động kinh doanh và xuất khẩu.

Đối với Trung Quốc, một trong những nước nhập khẩu các mặt hàng trái cây lớn nhất của nước ta, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phân cấp cho các chi cục trồng trọt ở các địa phương trong Vùng có trách nhiệm thực hiện quy trình cấp mã số vùng trồng. Chính quyền các tỉnh, thành ở ĐBSCL cũng tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng về chất lượng, kiểm dịch, nhãn mác, đóng gói cũng như yêu cầu liên quan đến bảo quản, vận chuyển, thanh toán, truy xuất nguồn gốc... Đến cuối năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nước ta và Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã ký kết bốn Nghị định thư về kiểm dịch thực vật đối với các mặt hàng măng cụt, sầu riêng, chuối, dưa hấu tươi xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc [116]. Đồng thời, Cục Bảo vệ thực vật đã có sẵn khoảng 20 bộ hồ sơ kỹ thuật tiếp cận thị trường để sẵn sàng áp dụng khi cần mở cửa thị trường [68].



Đối với các thị trường tiềm năng có khoảng cách địa lý xa như Hoa Kỳ và mang tính cạnh tranh cao như Malaysia, Thái Lan, chính quyền các địa phương ở ĐBSCL tăng cường liên kết với các đơn vị phụ trách xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để tiếp thị sản phẩm, kết nối các nhà phân phối, nhà xuất khẩu của địa phương với các nhà nhập khẩu nước ngoài để nâng cao thương hiệu và giá trị trái cây, mở rộng thị trường xuất khẩu mặt hàng trái cây. Chẳng hạn như nhờ hỗ trợ của Tham tán thương mại, Thương vụ Việt Nam tại các nước sở tại cùng với các cơ quan chuyên môn của các Bộ, ngành trong nước phối hợp đàm phán liên quan đến việc chứng nhận cơ sở chiếu xạ, nhà máy xử lý hơi nhiệt nóng đạt tiêu chuẩn phục vụ cho các thị trường ở Châu Á như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc; hướng dẫn các nhà xuất khẩu mặt hàng nhãn sang Malaysia biện pháp bảo quản sản phẩm để vận chuyển bằng đường biển, giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh với sản phẩm cùng loại trên thị trường.

### **3.2.3. Thực trạng vai trò quản lý của Nhà nước đối với hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây**

*Một là, công tác ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến mặt hàng trái cây*

Những năm qua, nhiều văn bản pháp lý, thủ tục hành chính có liên quan trực tiếp đến các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nói chung, mặt hàng trái cây nói riêng được Nhà nước ngày càng quan tâm hoàn thiện, nhất là từ khi Việt Nam gia nhập WTO. Từ năm 2006 đến nay, Quốc hội Việt Nam đã lần lượt thông qua các Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (2006), Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá (2007), Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (2010 và 2023), Luật Trồng trọt (2018), Luật An toàn thực phẩm (2018). Các văn bản luật này đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước ngay từ khâu sản xuất đến khâu sơ chế, phân loại, bảo quản và vận chuyển các mặt hàng trái cây trên thị trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

Ngoài các Nghị định, Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành quy định cụ thể việc thi hành một số nội dung trong các văn bản luật nêu trên, liên quan đến

hoạt động quản lý của Nhà nước đối với sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng trái cây, có thể kể đến việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như: Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và ăn quả lâu năm.

Để đảm bảo các sản phẩm trái cây được sản xuất, thu hoạch, chế biến đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm, dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ, kinh nghiệm thực tiễn, nhu cầu hiện tại và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành tiêu chuẩn quốc gia về trái cây tươi và phương pháp lấy mẫu trên vườn sản xuất (TCVN 9017:2011), tiêu chuẩn quốc gia về rau, quả tươi (TCVN 9990: 2013). Đặc biệt, để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc và yêu cầu minh bạch hóa trong chuỗi cung ứng rau quả tươi, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và công bố Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12827:2023 về truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi (thay thế cho TCVN 12827:2019).

Trên cơ sở đó, đến nay các Bộ, ngành của Việt Nam đã công bố danh mục tiêu chuẩn của khoảng 12 loại trái cây chủ lực của Việt Nam [192], 79 tiêu chuẩn đối với ngành trái cây [34]. Mặt khác, để qui định các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các loại trái cây trong quá trình sản xuất, sơ chế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã lần lượt ban hành các Thông tư số 75/2009/TT- BNNPTNT ngày 02/12/2009 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất nông sản (QCVN 01-09: 2009/BNNPTNT); Thông tư số 07/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/01/2013 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với rau, quả, chè búp tươi đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, sơ chế (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT).

Về ban hành các quy định về tiêu chuẩn trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, tính đến quý 3 năm 2019, các Bộ, ngành đã ban hành 266 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, 877 tiêu chuẩn Việt Nam, khắc phục căn bản tình trạng thiếu hụt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm trong giai đoạn trước đó [28]. Đồng thời, cung cấp cơ sở pháp lý cần thiết giúp bảo vệ và thúc đẩy xuất khẩu các loại thực phẩm của Việt Nam trong bối cảnh các quy định ngày càng nghiêm ngặt của hệ thống tiêu chuẩn thực phẩm của Ủy ban thực phẩm quốc tế (CODEX) và của các nước tiên tiến trên thế giới như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU,...

*Hai là, công tác tổ chức thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến tiêu thụ mặt hàng trái cây ở Việt Nam nói chung và DBSCL nói riêng*

Để thị trường tiêu thụ sản phẩm trái cây ở nước ta phát triển bền vững, trước tiên cần tập trung thay đổi tư tưởng, tư duy của người dân, doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc thực hiện các tiêu chuẩn an toàn trong sản xuất và tiêu dùng thông minh. Theo đó, hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông vận động thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm được các cơ quan đơn vị ở các cấp, các ngành đẩy mạnh với nhiều phương tiện, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với đối tượng và mục tiêu vận động thực hiện sản xuất an toàn. Phương thức truyền thông về an toàn thực phẩm đã tập trung theo hướng thay đổi hành vi, biểu dương các điển hình tiên tiến thay cho việc truyền thông đối với từng vụ việc cụ thể như trước đây.

Ở Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công Thương tổ chức các hoạt động truyền thông, triển khai Lễ phát động và công bố Triệu chữ ký về an toàn thực phẩm; Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam phát sóng hàng ngày chương trình “Nông nghiệp sạch cho người Việt Nam thế giới”, chuyên mục “Nói không với thực phẩm bẩn”, Chương trình sức khỏe và an toàn thực phẩm,... đã tạo sự chú ý của đông đảo người dân, cộng đồng và doanh nghiệp. Giai đoạn 2017 - 2019, cả nước có 3,3 triệu cơ sở, hộ gia đình ký cam kết và thực hiện sản xuất, kinh doanh trái cây tươi, nông sản thực phẩm an toàn, tăng gấp 3 lần so với giai đoạn trước 2016 [28]. Ngoài ra, các Bộ, ngành và các cơ quan quản lý an toàn thực phẩm hiện đang vận hành có hiệu quả đường dây

nóng để tiếp nhận thông tin và xử lý các vấn đề về an toàn thực phẩm; duy trì và thiết lập mạng lưới INFOSAN để tiếp nhận thông tin cảnh báo kịp thời về sự cố an toàn thực phẩm trên toàn cầu.

Ở khu vực ĐBSCL, chính quyền các địa phương tuyên truyền phổ biến kiến thức, vận động các nhà vườn, cơ sở thu mua, chế biến, xuất khẩu các mặt hàng trái cây chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm và nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, từ khâu sản xuất, sơ chế, cung ứng ra thị trường, đảm bảo sản lượng, tiêu chuẩn của các mặt hàng trái cây ổn định và chất lượng. Chẳng hạn, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ phát sóng hàng ngày chương trình “Tây Đô ngày mới” và chuyên mục “Tiêu dùng thông minh” luôn cập nhật dữ liệu, thông tin và giá cả hàng hóa và hoạt động quản lý thị trường, ngăn ngừa tình trạng đầu cơ tích trữ, kiểm soát và chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đặc biệt, cung cấp các địa chỉ trong chuỗi cung ứng nông sản, thực phẩm uy tín, an toàn. Tính đến cuối năm 2019, 100% các địa phương trong vùng ĐBSCL cũng đã triển khai thực hiện mô hình thí điểm “Chợ An toàn thực phẩm” [28]. Việc xây dựng mô hình chợ thí điểm này đã góp phần nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm tại chợ, góp phần cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng chợ, ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm chéo và là cơ sở thực tiễn để các địa phương triển khai nhân rộng.

Số liệu thống kê tổng hợp từ 13 địa phương của ĐBSCL cho thấy, giai đoạn 2018 - 2020, ĐBSCL đã hình thành được 210 chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn với 454 địa chỉ kinh doanh đã được cấp giấy xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn. Riêng đối với các mặt hàng trái cây theo thống kê từ danh sách chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy, tính đến tháng 3/2018, toàn vùng ĐBSCL chỉ có 14 cơ sở sơ chế, chế biến đi kèm với cửa hàng giới thiệu sản phẩm hoặc được bày bán trong siêu thị, trong đó có 14 cơ sở được cấp chứng nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn [36].

UBND cấp tỉnh của các địa phương vùng ĐBSCL đã kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch triển khai Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản quy phạm pháp luật về nhãn hàng hóa, quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đồng thời, chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các sở quản lý chuyên ngành ban hành các văn bản tuyên truyền, đôn đốc, hướng dẫn các sở ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa như: Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành... Hàng năm, xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng hóa vận chuyển, bày bán trên thị trường, kiểm tra chất lượng trong sản xuất dựa vào các văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra, kiểm tra của các Bộ quản lý chuyên ngành.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các cá nhân, đơn vị sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trái cây không đảm bảo an toàn thực phẩm không rõ nguồn gốc hoặc gian lận về nguồn gốc của các địa phương trong cả nước được triển khai đồng bộ, quyết liệt, có sự vào cuộc của các cấp, các ngành chức năng và các đoàn thể theo chương trình phối hợp, nhất là trong các dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên Đán, mùa du lịch, lễ hội,...

Phân tích số liệu ở Bảng 3.2 bên dưới cho thấy, trong giai đoạn 2017 - 2019 số cơ sở được thanh tra, kiểm tra và bị xử lý, xử phạt trung bình hàng năm đều

tăng đáng kể, điều này vừa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, mang tính răn đe cao đối với các cơ sở vi phạm quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, cũng như không thực hiện đúng các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, vừa cảnh tỉnh, giúp ngăn chặn, xử lý nhiều vụ việc vi phạm an toàn thực phẩm.

**Bảng 3.2: Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm cả nước giai đoạn 2016 - 2019**

TT	Nội dung	Giai đoạn		So sánh giai đoạn 2017 - 2019 với giai đoạn 2011 - 2016
		2011 - 2016	2017 - 2019	
1	Số cơ sở thanh tra, kiểm tra trung bình/năm	584.787	747.722	Tăng 27,8%
2	Số cơ sở bị xử lý trung bình/năm	36.677	55.784	Tăng 51,9%
3	Số tiền xử phạt trung bình/năm	61 tỷ đồng	179,12 tỷ đồng	Tăng gấp 2,9 lần

*Nguồn: [28]*

Tại ĐBSCL, một số địa phương như Cần Thơ, Đồng Tháp,... cũng quan tâm tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông sản nói chung, trái cây nói riêng đảm bảo đúng theo các quy định về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Giai đoạn 2020 - 2023, ngành Nông nghiệp của Cần Thơ đã tiến hành lấy 217 mẫu sản phẩm nông, lâm và thủy sản tại các cơ sở sản xuất ban đầu, tỷ lệ mẫu thử đạt 96,5%. Đến năm 2023, Cần Thơ đã xác nhận và duy trì 84 chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn và xác nhận 155 sản phẩm nông sản nguồn gốc thực vật); cấp 120 mã số vùng trồng với tổng diện tích 1.100 ha; cấp 12 mã số cơ sở đóng gói và mã truy xuất nguồn gốc điện tử cho 222 chủ thể sản xuất kinh doanh với 548 sản phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp [170], trong đó có một số mặt hàng trái cây chủ lực, được phân phối cả nước và có tiềm năng xuất khẩu. Đối với tỉnh Đồng Tháp, tính đến năm 2022, các cơ quan chức năng đã thăm

định và cấp 827 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp và có 103/115 xã (chiếm tỷ lệ 89,56%) đã được UBND Tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt các tiêu chí về cam kết sản xuất, tiêu thụ nông sản an toàn [124].

### **3.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2023**

#### **3.3.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân**

##### **3.3.1.1. Kết quả đạt được**

*Một là, chủ trương, định hướng của Nhà nước về sản xuất, tiêu thụ trái cây đã góp phần quan trọng vào thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế của ĐBSCL*

Những năm qua, các ngành, các cấp ở ĐBSCL và Trung ương đã có sự chủ động định phát triển sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây của Vùng theo hướng tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ tiên tiến, phương thức trồng trọt theo tiêu chuẩn, xem trái cây là một trong những sản phẩm chủ lực của Vùng. Số liệu từ Bảng 3.3 bên dưới cho thấy, nông, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng giá trị xấp xỉ 1/3 trong cơ cấu kinh tế của Vùng từ năm 2017 đến nay và luôn cho thấy sự phát triển ổn định. Đặc biệt, trong giai đoạn 2020 - 2021, trong khi ngành công nghiệp và dịch vụ suy giảm nặng nề, nông nghiệp vẫn cho thấy sự “dẻo dai”. Năm 2021, tốc độ tăng trưởng ở cả ba khu vực kinh tế của Vùng đều có sự sụt giảm, khu vực công nghiệp và xây dựng có mức giảm sâu nhất là -4,1%, nhưng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản vẫn tiếp tục là “trụ đỡ” cho nền kinh tế của ĐBSCL với mức tăng trưởng 3,2% [115, tr.25].

Các định hướng chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây ở trong nước và xuất khẩu của Nhà nước từng bước được hoàn thiện, thích ứng với bối cảnh trong nước và thế giới, mang tính dự báo trước các tác động của biến đổi khí hậu, sự thay đổi trong chính sách bảo hộ thương mại và quan hệ thương mại với các nước thông qua các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thông qua đó, giúp cho các địa phương chủ động triển khai việc thực hiện các quy

hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách tiêu thụ mặt hàng trái cây ở thị trường nội địa và xuất khẩu hàng năm cũng như trong từng giai đoạn. Đặc biệt, từ khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu đến nay, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển hạ tầng vùng ĐBSCL, nhất là hạ tầng giao thông đều có sự cập nhật, tích hợp các yếu tố cùng biện pháp cụ thể để thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Hiện tại, hơn 120 km đường cao tốc đang khai thác ở ĐBSCL và dự kiến sẽ tiếp tục có 428 km đường cao tốc sẽ được đưa vào sử dụng trong năm 2025 [58], đã và sẽ góp phần quan trọng vào nâng cao năng lực kết nối các vùng nguyên liệu trái cây của khu vực ĐBSCL đến thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

**Bảng 3.3: Cơ cấu kinh tế của vùng ĐBSCL giai đoạn 2017 - 2022**

*Đơn vị tính: %*

Năm	Nông, lâm nghiệp thủy sản (khu vực I)	Công nghiệp và xây dựng (Khu vực II)	Thương mại - Dịch vụ (Khu vực III)	Thuế - trợ cấp
2017	33	24	38	07
2018	32	25	37	07
2019	31	26	37	07
2020	31	26	36	07
2021	32	27	36	06
2022	31	27	37	05

*Nguồn: [92, tr.26]*

Kết quả phỏng vấn tại thực địa đối với 150 cán bộ quản lý nông nghiệp, hộ nông dân, hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ trái cây ở thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Tiền Giang cho thấy có đến 85,71% nhận định ngành nông nghiệp đã có đóng góp khá tốt đối với sự phát triển chung của ĐBSCL. Bên cạnh đó, có đến 83,3% cán bộ quản lý nông nghiệp và 29% hộ nông dân, hợp tác xã (trong đó 71% hộ nông dân nhận định ở mức độ bình thường) đồng ý và hoàn toàn đồng ý đối với nhận định các bộ, ngành và địa phương trong vùng



ĐBSCL làm tốt việc lập quy hoạch, định hướng sản xuất trái cây tương thích với điều kiện với thổ nhưỡng và những quy định, nhu cầu của việc tiêu thụ mặt hàng này.

Đóng góp của hoạt động tiêu thụ hàng trái cây ở ĐBSCL đã góp phần vào sự phục hồi của tăng trưởng kinh tế của Vùng từ năm 2022 đến nay. Số liệu thống kê cho thấy năm 2022 và năm 2023, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam lần lượt đạt 3,37 tỷ USD và 5,69 tỷ USD [15, tr.19], trong khi đó, các mặt hàng trái cây của Vùng luôn đóng góp khoảng 70% sản lượng trái cây xuất khẩu [167]. Trong giai đoạn 2017 - 2021, tăng trưởng kinh tế của ĐBSCL luôn thấp hơn mặt bằng chung của cả nước, nhất là năm 2021. Tăng trưởng kinh tế bình quân cả nước đạt mức 2,6%, trong khi đó, tỷ lệ này khu vực ĐBSCL chỉ đạt 1,1% [115, tr.24]. Tuy nhiên, đến năm 2022, tăng trưởng kinh tế của Vùng có sự phục hồi mạnh mẽ đạt mức 8,5%, trong khi mức tăng trưởng chung của cả nước dù tăng cao cũng chỉ đạt mức 8% [115, tr.24].

*Hai là, cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các mặt hàng trái cây của ĐBSCL*

Hoạt động kết nối khâu sản xuất với thị trường đầu ra của mặt hàng trái cây luôn được các địa phương trong vùng ĐBSCL quan tâm thông qua đẩy mạnh mở rộng vùng sản xuất tập trung các loại cây ăn trái chủ lực, từng bước chú trọng đến mở rộng diện tích cây ăn trái được trồng theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, đủ điều kiện về an toàn thực phẩm. Các mặt hàng trái cây của Vùng chú trọng kết nối với các địa bàn trọng điểm về tiêu thụ trái cây như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội thông qua các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn góp phần thu hút được các thương hiệu lớn tham gia như: Saigon Coop, Vingroup, Massan, Dabaco,... Trong giai đoạn 2019 - 2022, 07 địa phương có thế mạnh trong sản xuất cây ăn trái của ĐBSCL đã hình thành và mở rộng các vùng trồng tập trung, chiếm tỷ trọng 58,8% tổng diện tích cây ăn trái hàng năm ở các địa phương này (xem Phụ lục 3). Đồng thời, chỉ tính riêng các tỉnh, thành này đã có tỷ lệ diện tích vùng trồng cây ăn trái theo tiêu chuẩn GAP, an toàn

thực phẩm đã xấp xỉ 1,24% trên tổng diện tích cây ăn trái của cả ĐBSCL (xem Phụ lục 3); trong khi đó, năm 2015, diện tích các vườn cây ăn trái của Vùng mới đạt 0,39% [30].

Đặc biệt, để khơi thông việc tiêu thụ mặt hàng trái cây ở thị trường nội địa, thị trường khu vực và thế giới, chính quyền các địa phương đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và doanh nghiệp thực hiện cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm trái cây đặc sản, đặc hữu của địa phương đối với người tiêu dùng trong nước. Đồng thời, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu sản phẩm trái cây gắn với đăng ký chỉ dẫn địa lý, hình thành sàn giao dịch sản phẩm trái cây (CanTho Trade, TienGiang Trade,...) gắn với thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại các biện pháp thúc đẩy xuất khẩu quả chính ngạch vào thị trường truyền thống (Trung Quốc) và mở rộng các thị trường Nhật Bản, Hoa Kỳ, Canada, Hàn Quốc, Nga, ASEAN, EU, Trung Đông, Bắc Phi...; trọng tâm là sản xuất các mặt hàng trái cây theo nhu cầu thị trường các nước nhập khẩu và tháo gỡ rào cản thương mại. Nhờ đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa tiêu dùng và doanh thu dịch vụ phục vụ lĩnh vực này của Vùng có tốc độ tăng trưởng về quy mô trong giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12%/năm, cao hơn mức bình quân của cả nước là 11,2% [167].

Tóm lại, chính sách tiêu thụ nông sản nói chung và mặt hàng trái cây nói riêng trong thời kỳ mới được Chính phủ, các bộ, ngành thực hiện một cách quyết liệt, linh hoạt để theo kịp những thay đổi trên thị trường. Các chính sách thị trường, chính sách xúc tiến thương mại quốc gia, chính sách mặt hàng đã góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu trái cây gia nhập nhóm mặt hàng xuất khẩu đứng đầu của ĐBSCL.

*Ba là, công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung đã góp phần đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng sản phẩm trái cây trong và ngoài nước*

Ngành Nông nghiệp của các địa phương ở ĐBSCL đã tham mưu ban hành các kế hoạch để thực hiện tốt các quy định, chính sách, pháp luật về khuyến

khích đầu tư sản xuất, chế biến trái cây thực phẩm với quy mô lớn theo chuỗi sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm. UBND của 13 tỉnh, thành trong Vùng đã ban hành Quyết định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [28]. Đối với nhà vườn, hợp tác xã sản xuất trái cây và các cơ sở sơ chế, kinh doanh nhỏ lẻ, UBND cấp tỉnh đã phân cấp quản lý cho các tuyến quận, huyện tổ chức tuyên truyền, vận động từng hộ nông dân, chủ trang trại, doanh nghiệp ký cam kết thực hiện đảm bảo an toàn thực phẩm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý ngành nông nghiệp; quy định rõ tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phải tự công bố quy trình sản xuất kinh doanh an toàn thực phẩm.

Các địa phương trong Vùng đã thực hiện tốt công tác kết nối cung cầu, xây dựng được mối liên kết giữa các cơ sở sản xuất và đơn vị tiêu thụ trái cây gắn với an toàn thực phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để các mặt hàng trái cây được lưu thông tại các trung tâm thương mại, siêu thị và các chợ đầu mối. Các địa phương cũng đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác quản lý kinh doanh thương mại điện tử đối với các mặt hàng trái cây tươi và trái cây chế biến, như: có chứng nhận hoặc cam kết sản xuất theo quy trình VietGAP, GlobalGAP và dán nhãn tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ, chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm.

Cùng với cả nước, công tác xây dựng, phát triển hệ thống kinh doanh tiêu thụ nông sản hiện đại, mô hình chợ nông sản sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm nhằm khơi thông, thúc đẩy thị trường tiêu thụ trong nước đang được các địa phương trong vùng ĐBSCL đẩy mạnh phát triển. Mô hình chợ thí điểm an toàn thực phẩm ở các địa phương đã khắc phục cơ bản những khó khăn mà cả hộ kinh doanh và người tiêu dùng tại chợ đang gặp phải như cơ sở hạ tầng chợ xuống cấp, tình trạng sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật độc hại, mua bán các mặt hàng

trái cây không rõ nguồn gốc, hàng kém chất lượng, hàng giả, vấn đề môi trường... góp phần chuyển biến nhận thức của người dân về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại chợ, nhận được sự đồng tình, ủng hộ của hộ kinh doanh và người tiêu dùng.

Mạng lưới kinh doanh trái cây tươi, thực phẩm chế biến từ trái cây thông qua hệ thống phân phối có kiểm soát tại Vùng và cửa hàng tiện lợi, cửa hàng trái cây đã tăng lên đáng kể về số lượng và chất lượng với nhiều thương hiệu khá nổi tiếng như Vinmart Plus, Coop Food, Satra Food, Circle K, Shop & Go,... Hệ thống phân phối rộng khắp từ các đô thị lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, bước đầu đáp ứng nhu cầu tiêu thụ các thực phẩm trái cây sạch và an toàn của người tiêu dùng. Số liệu cho thấy giai đoạn 2016 - 2019, nông sản tươi, nông sản thực phẩm được tiêu thụ tại các chợ dân sinh, chợ truyền thống, chợ tạm, chợ vỉa hè,... chiếm 70% (giai đoạn trước năm 2016 tỷ lệ này là 90%); đồng thời, tỷ lệ nông sản thực phẩm được bày bán tại các cửa hàng tiện ích, siêu thị tăng lên 30% từ mức 10% [28].

Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường của các địa phương trong Vùng được tiến hành thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các cơ sở tại các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, có hành vi kinh doanh mặt hàng trái cây không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nguồn gốc không rõ ràng hoặc các hành vi gian lận thương mại khác theo đúng quy định pháp luật, qua đó đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng. Từ năm 2019 đến nay, các đoàn thanh tra và đội quản lý thị trường của các tỉnh, thành như Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ đã tiến hành kiểm tra tại các cơ sở, vừa trái cây ở chợ đầu mối, hệ thống siêu thị của các thương hiệu bán lẻ trên địa bàn có hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trái cây tươi và trái cây sấy. Qua việc lấy mẫu phân tích kiểm tra chất lượng và kiểm tra giấy chứng nhận VietGAP, phiếu kiểm nghiệm, chứng từ, hóa đơn nhập khẩu đối với mặt hàng trái cây nhập khẩu,... chưa phát hiện sản phẩm vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm, nguồn gốc xuất xứ.

### **3.3.1.2. Nguyên nhân**

*Một là*, công tác tuyên truyền, vận động người dân và doanh nghiệp thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là truyền thông chính sách được tiến hành thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức, phương thức đa dạng, phong phú, góp phần đổi mới tư duy về sản xuất và kinh doanh các trái cây hàng hóa của ĐBSCL theo hướng khai thác tiềm năng, lợi thế gắn với nhu cầu và đòi hỏi từ phía thị trường tiêu thụ.

*Hai là*, xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa, cộng với sức ép cạnh tranh từ các nhà xuất khẩu trong khu vực và thế giới, những hệ quả do biến đổi khí hậu tạo ra đã thúc đẩy người nông dân và doanh nghiệp nâng cao nhận thức về yêu cầu tất yếu phải sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trái cây theo hướng an toàn, chất lượng nhằm phát triển bền vững; mặt khác, các chủ thể kinh doanh mặt trảng trái cây đã chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật về đảm bảo các điều kiện chung về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

*Ba là*, Nhà nước đã đưa ra những chính sách định hướng, hỗ trợ và quản lý sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn và quản lý xã hội khu vực nông thôn ngày càng chặt chẽ, tăng cường hướng dẫn để hạn chế tính tự phát trong sản xuất, bảo vệ môi trường; đặc biệt, tạo lập môi trường pháp lý, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư, từng bước hình thành khung pháp lý tập trung tháo gỡ những “điểm nghẽn” trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của Vùng như hạ tầng giao thông và logistic, hạ tầng chống biến đổi khí hậu...

*Bốn là*, sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp, cũng như sự hướng dẫn, tập huấn, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất của các chuyên gia, nhà khoa học, vai trò của các viện, trường trong việc nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ tiên tiến đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng mặt hàng trái cây, đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn và xu hướng tiêu dùng mặt hàng trái cây ở trong nước và thế giới.

### **3.3.2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân**

#### **3.3.2.1. Hạn chế, tồn tại**

*Một là, sự thiếu đồng bộ trong triển khai các chủ trương, định hướng của Nhà nước về sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây giữa Trung ương và chính quyền các địa phương vùng ĐBSCL*

Số lượng các văn bản thể hiện định hướng, chủ trương của Nhà nước đối với sự phát triển bền vững của ĐBSCL nói chung và kinh tế nông nghiệp ở Vùng nói riêng là khá nhiều, được ban hành bởi nhiều cơ quan có thẩm quyền khác nhau (Quốc hội, Chính phủ) nên chưa thật sự nhất quán, thậm chí mâu thuẫn nhau [115]. Chẳng hạn, chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây lúa sang cây ăn trái nhằm khai thác tối đa công năng sử dụng đất có nguy cơ bị cản trở bởi chủ trương đảm bảo an ninh lương thực quốc gia [115]. Đồng thời, các tỉnh, thành ở ĐBSCL đều có lợi thế là sản xuất nông nghiệp, dẫn đến các mặt hàng có thế mạnh của Vùng bị trùng lặp, dàn trải (xem chi tiết ở Phụ lục 6).

Một số định hướng của Chính phủ, các Bộ, ngành thể hiện trong các quy hoạch có hiệu lực thi hành, nhưng thời điểm thực thi lại không xác định cụ thể, thứ tự ưu tiên và nguồn lực thực hiện chưa được thể hiện rõ, dễ dẫn đến tình trạng thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ, ngành và các địa phương trong Vùng hoặc giữa các địa phương với nhau. Dẫn đến chính quyền các địa phương chưa có sự điều phối hiệu quả trong công tác quản lý việc tổ chức thực hiện các quy hoạch có liên quan. Sự thiếu nhịp nhàng giữa quy hoạch diện tích trồng và sản lượng trái cây ở địa phương chưa tính đến quy mô cả vùng và yêu cầu của thị trường tiêu thụ, gây khó khăn cho việc xây dựng, cân đối nguồn lực để triển khai thực hiện. Ví dụ, các văn bản quy hoạch vùng sản xuất trái cây ở một số địa phương trong Vùng chưa phù hợp với hiện trạng và định hướng phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics gắn với hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây như đường sá, kho bãi, các nhà máy chế biến, các nơi thu mua, bảo quản... Hoặc câu chuyện các nhà vườn ở tỉnh Vĩnh Long trồng cây cam sành vượt quy

hoạch của địa phương, dẫn đến nguồn cung thừa, khiến giá bán cam trên thị trường sụt giảm sâu tại thời điểm thu hoạch những tháng đầu năm 2023 là một dẫn chứng điển hình cho điệp khúc “được mùa mất giá” và sự “giải cứu” của chính quyền.

*Hai là, một số chính sách hỗ trợ của Nhà nước chưa tạo đà để thúc đẩy tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL*

(1) Cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ các mặt hàng trái cây chậm đổi mới, nhất là cơ chế thu hút đầu tư trong phát triển sản xuất trái cây ứng dụng công nghệ cao, các sản phẩm chế biến từ nguyên liệu trái cây tươi.

Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp ở Vùng đang hoạt động dưới tiềm năng, khả năng tài chính có hạn nên đầu tư cho công nghệ hạn chế, do đó nông sản khó khăn trong xuất khẩu vào thị trường khó tính, đối mặt với rào cản thương mại, kỹ thuật. Kết quả đánh giá cho thấy môi trường kinh doanh thông qua Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tại ĐBSCL cũng đang mất dần đi sức hút đối với các nhà đầu tư, đòi hỏi sự quan tâm, hỗ trợ hơn nữa từ chính quyền các cấp [115, tr.45]. Mặt khác, ngành Nông nghiệp vốn là thế mạnh của Vùng nhưng trong giai đoạn 2020 - 2021 chỉ thu hút được 1,7% số dự án và chưa đến 0,3% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký đầu tư [114, tr.xxx]. Điều này cũng phù hợp với nhận định của các cán bộ quản lý nông nghiệp của một số địa phương trong Vùng, khi khoảng 25% cán bộ của ngành chỉ ra năng lực tiếp cận khoa học kỹ thuật, trình độ của người sản xuất, đầu ra của sản phẩm và quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sẽ là những rào cản đối với quá trình phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản của địa phương.

(2) Kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics phục vụ cho xuất khẩu các mặt hàng trái cây ở ĐBSCL hiện chưa đáp ứng nhu cầu, chậm được đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại.

Hạ tầng giao thông ở ĐBSCL dù đã được đầu tư đáng kể về số lượng và chất lượng nhưng xét theo tính chất loại hình giao thông vẫn chưa có sự đồng bộ,

việc thiếu một số hạ tầng giao thông quan trọng (đặc biệt là giao thông đường sắt) đã ảnh hưởng đến chi phí vận hành và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Tại một số tỉnh vùng ĐBSCL, sự thiếu đồng bộ, khó khăn trong kết nối giao thông “từ sự chia cắt bởi mạng lưới sông ngòi, kênh, rạch dày đặc buộc vận chuyển nông sản ĐBSCL bằng xe tải trọng nhỏ, qua đó làm gia tăng chi phí vận tải vốn đã cao do khoảng cách địa lý” [113, tr.56], ảnh hưởng đến việc vận chuyển mặt hàng trái cây đến tiêu thụ tại Thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực lân cận khác. Bên cạnh đó, quy mô và chất lượng của hệ thống cảng biển ở ĐBSCL còn thiếu một số trung tâm logistics mang tính chiến lược cũng các hệ thống trung tâm đóng vai trò vệ tinh đặt tại các tỉnh, thành của Vùng, nên đa số mặt hàng trái cây xuất khẩu được đưa về thành phố Hồ Chí Minh hoặc Bà Rịa - Vũng Tàu để xuất khẩu thông qua cảng Cát Lái và Cái Mép - Thị Vải. Điều này đã làm tăng chi phí và kéo dài thời gian, gia tăng các rủi ro trong khâu bảo quản lạnh hàng nông sản, “dẫn đến tổn thất hàng hóa nông sản sau thu hoạch lên tới 20 - 40%” [113, tr.261]. Hiện tại ĐBSCL chỉ đứng thứ 6 trong số 7 vùng kinh tế của quốc gia về chiều dài đường quốc lộ (chiếm 10,9% tổng chiều dài đường quốc lộ của cả nước) và chỉ số chất lượng đường quốc lộ (đạt mức 2,96/4) [114, tr.44]. Thực tế, các tuyến quốc lộ tại khu vực đều nhỏ hẹp như QL53, QL50, QL57, Quốc lộ Nam sông Hậu... Chính vì vậy, gây khó khăn để thu hút các doanh nghiệp đăng ký đầu tư, kinh doanh hay lập dự án vì chi phí vận chuyển hàng hóa cao.

Những yếu kém cố hữu về kết cấu hạ tầng giao thông của ĐBSCL cũng được bộc lộ qua hiện trạng cao tốc của ĐBSCL so với các vùng khác trong cả nước. ĐBSCL chỉ có 6,7% chiều dài đường cao tốc cả nước [114, tr.xli], chỉ cao hơn Tây Nguyên và thấp hơn rất nhiều so với tỷ trọng diện tích, dân số cũng như đóng góp GDP của ĐBSCL cho cả nước. Chi phí vận tải và thời gian vận chuyển trung bình hàng hóa trái cây bằng container lạnh kích cỡ 40ft từ Cần Thơ đi Cảng Cát Lái ở thành phố Hồ Chí Minh bằng đường bộ chỉ dao động từ 9 - 9,5 triệu đồng/container và 5-6 giờ, trong khi đó nếu vận chuyển bằng sà lan sẽ tăng



lên 11-12 triệu đồng/container và thời gian vận chuyển trung bình là 20 - 24 giờ [114, tr.xlii].

(3) Việc tiêu thụ mặt hàng trong nước và xuất khẩu trên các sàn thương mại điện tử vẫn còn nhiều khó khăn, rào cản liên quan đến yếu tố hạ tầng và nhân lực thực hiện.

Các mặt hàng trái cây tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử phải đảm bảo theo bốn tiêu chuẩn cơ bản: đồng bộ, quy mô, chất lượng và giá cả, gây khó khăn đối với khả năng đáp ứng đồng bộ của các doanh nghiệp trong Vùng. Ngoài ra, mặt hàng nông sản nói chung, trái cây hàng hóa nói riêng có giá trị sản phẩm trên mỗi đơn vị khối lượng thấp, cộng với các đặc thù khác của mặt hàng nông sản nên chi phí logistics trong tiêu thụ khá cao. Chẳng hạn, nếu bán cho nhà nhập khẩu thanh long ở Mỹ với giá khoảng 7 USD/1kg thì riêng chi phí logistics vận tải quốc tế đã chiếm khoảng 50% giá xuất khẩu [12, tr.107].

Hạ tầng về công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến nay, hầu như mọi hộ gia đình ở ĐBSCL đều đã có sử dụng điện thoại di động và tivi. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung của cả nước, tỷ lệ hộ có tiếp cận với Internet ở vùng ĐBSCL vẫn còn thấp. Số liệu thống kê về tỷ lệ phần trăm hộ gia đình sở hữu thiết bị thông tin truyền thông và Internet tại nhà năm 2021 cho thấy lần lượt chỉ có 20% và 72% số hộ sở hữu máy tính và có thể truy cập internet tại nhà, trong khi tỷ lệ tương ứng đối với Đông Nam Bộ là 49% và 85%, đồng bằng sông Hồng là 59% và 89% [157]. Chính điều này ảnh hưởng tới việc kết nối thông tin, liên kết thị trường trong và ngoài nước, ảnh hưởng tới liên kết kinh tế và hoạt động tiêu thụ, xuất khẩu của Vùng.

Trái cây hàng hóa khi lên sàn thương mại điện tử còn vấp phải trở ngại đó là nhận thức của các cơ sở sản xuất kinh doanh còn tồn tại những yếu kém, cũng như thiếu nhân lực hiểu biết về công nghệ thông tin, quy trình bán hàng, marketing. Hiện tại, chỉ có một số địa phương như Bến Tre, Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An tập trung đẩy mạnh phát triển tiêu thụ trái cây trên các nền tảng thương mại điện tử bằng cách hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các sàn,

mạng xã hội và trang thông tin điện tử để kinh doanh trực tuyến, tiếp thị, giới thiệu hàng đặc sản, nông sản của địa phương đến với người tiêu dùng cả nước. Nhiều sản phẩm nông sản được chào bán trên các sàn thương mại điện tử nhưng vẫn chưa mang lại hiệu quả như kỳ vọng; bởi vì, để sản phẩm đến tay người tiêu dùng, doanh nghiệp cần phải được huấn luyện và đào tạo bài bản về cách thức quảng bá trực tuyến, xây dựng thương hiệu sản phẩm và hình ảnh doanh nghiệp, nhất là quản lý các dịch vụ chăm sóc khách hàng, dịch vụ sau bán hàng, các cam kết về chất lượng sản phẩm... Do đó, để giữ được độ tươi ngon của nông sản đòi hỏi sự tham gia của logistics với các quy trình đóng gói, vận chuyển, bảo quản nghiêm ngặt.

(4) Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện áp dụng hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc điện tử và liên kết sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng trái cây ở một số địa phương trong vùng ĐBSCL chưa đạt hiệu quả cao.

Hiện tại, trung tâm cơ sở dữ liệu quốc gia về truy xuất nguồn gốc sản phẩm phục vụ quản lý nhà nước đang trong quá trình hoàn thiện, chưa có sự đồng bộ trong cả nước [67]. Một số mặt hàng trái cây đang có tiềm năng phát triển như sầu riêng, vú sữa chưa được bổ sung, cập nhật các tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng, giá trị dinh dưỡng và tiêu chuẩn kỹ thuật về truy xuất nguồn gốc của quốc gia, các tài liệu hướng dẫn áp dụng cho từng nhóm sản phẩm cụ thể. Mặt khác, người tiêu dùng trái cây phần lớn chỉ quan tâm đến giá cả, chưa có sự phân định rõ trong đánh giá về lợi ích đối với các mặt hàng trái cây có dán tem, nhãn nguồn gốc xuất xứ so với sản phẩm tương ứng không có nguồn gốc xuất xứ [12].

Mặt khác, nhận thức của người tiêu dùng về lợi ích của việc tiêu thụ các mặt hàng nguồn gốc xuất xứ rõ ràng chưa cao; không ít người tiêu dùng vẫn ưa chuộng sản phẩm không có truy xuất nguồn gốc do có sự chênh lệch về giá cả. Mặc dù 83,8% người tiêu dùng được khảo sát nhận định các mặt hàng nông sản hiện nay thiếu vệ sinh an toàn thực phẩm nhưng chỉ có gần một nửa trong số đó quan tâm đến nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm [12, tr.109]. Điều này phần nào

cũng ảnh hưởng đến động lực của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trái cây hiện nay.

Kết quả khảo sát về sự liên kết giữa doanh nghiệp với nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào chính cho thấy, các đầu vào của các cơ sở sản xuất kinh doanh trái cây là khá đa dạng, trong đó: mua trực tiếp từ hộ nông dân chiếm tới 38%; mua thông qua doanh nghiệp khác là 45,7% và mua qua thương lái chiếm tới 16,3%. Các số liệu này cho thấy đầu vào của doanh nghiệp kinh doanh trái cây được cung cấp trực tiếp từ nông dân chiếm tỷ lệ còn khá khiêm tốn. Ngoài ra, phần lớn doanh nghiệp kinh doanh trái cây (các loại trái cây) (chiếm tới 83,3%) không ký kết hợp đồng với nhà cung cấp nguyên liệu chính [165, tr.154]. Tỷ lệ có hợp đồng chỉ chiếm 16,7% nhưng hầu như không được tuân thủ theo hợp đồng. Lý do để nhà cung cấp phá vỡ hợp đồng bao gồm: giá cả thay đổi (cao hơn so với giá khi ký hợp đồng), do dư thừa nguyên liệu và do chất lượng sản phẩm.

Nghiên cứu hình thức liên kết giữa doanh nghiệp với bên tiêu thụ sản phẩm chính cũng thấy rõ kênh tiêu thụ của các cơ sở kinh doanh trái cây với người tiêu dùng trực tiếp chiếm tới 57%. Với kênh tiêu thụ này, giữa cơ sở kinh doanh trái cây với người tiêu dùng không có hợp đồng tiêu thụ. Đồng thời, quá trình nghiên cứu cũng cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh trái cây tham gia hiệp hội là khá thấp, chỉ có 6,25% [165, tr.155]; các chủ thể tham gia hiệp hội là để nhận được các sự hỗ trợ về đào tạo cho lao động; các khóa tập huấn về kỹ thuật; cung cấp thông tin thị trường và hỗ trợ pháp lý. Trong trường hợp này, các doanh nghiệp kỳ vọng sự hỗ trợ của Nhà nước đối với các lĩnh vực như: đơn giản hóa các thủ tục trong cung cấp dịch vụ công, thông tin thị trường, khả năng tiếp cận tín dụng ưu đãi, nâng cao mức độ sẵn sàng của thị trường lao động... Nhìn chung, các cơ sở kinh doanh trái cây không nhận được nhiều sự hỗ trợ từ phía Nhà nước và nếu có, sự hài lòng của các cơ sở này đối với các nội dung đó chưa cao (xem Phụ lục 4).

Trong khi đó, đối với các nhà vườn, hợp tác xã tham gia vào sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng trái cây của ĐBSCL, mặc dù thể hiện mức độ tán thành

cao (tỷ lệ 89,75%) đối với việc các Bộ, ngành và chính quyền địa phương chủ động hỗ trợ việc tiêu thụ mặt hàng trái cây tại địa phương, nhưng đối với một số hoạt động hỗ trợ của Nhà nước, các đối tượng này thể hiện mức độ hài lòng chưa cao; đồng thời, trong 08 nội dung hỗ trợ, hướng dẫn của Nhà nước đối với đầu ra của mặt hàng trái cây, chỉ có hoạt động hướng dẫn chuyên môn của cán bộ quản lý nông nghiệp nhận được tỷ lệ hài lòng đạt mức trên 50% của các hộ nông dân. Riêng các nội dung hỗ trợ của Nhà nước như: điều kiện bảo quản sau thu hoạch, công tác hỗ trợ phát triển thị trường, xây dựng và định vị thương hiệu, đăng ký chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hỗ trợ xây dựng các kênh bán hàng hiện đại (thương mại điện tử) có tỷ lệ ý kiến đánh giá không hài lòng nhiều nhất với mức độ tăng dần từ thấp đến cao (xem Phụ lục 5).

Như vậy, từ sự phân tích ở trên cho thấy, liên kết của các nhà sản xuất, kinh doanh mặt hàng trái cây với các tác nhân có liên quan nhìn chung vẫn còn khá yếu, chưa như kỳ vọng, trong khi tiềm năng có thể liên kết được là khá lớn; đồng thời, kết quả hỗ trợ của Nhà nước đối với đầu ra của mặt hàng trái cây chưa đáp ứng được như kỳ vọng của các nhà sản xuất, cơ sở kinh doanh và nhà xuất khẩu.

*Ba là, công tác quản lý, giám sát, kiểm soát của Nhà nước đối với tiêu thụ mặt hàng trái cây một số mặt chưa theo kịp yêu cầu của thị trường, nhất là việc xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*

(1) Một số quy định pháp luật được Nhà nước ban hành có nội dung thiếu rõ ràng, gây khó khăn trong thực thi của các cơ sở kinh doanh trái cây, doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng trái cây. Các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm còn thiếu và chưa đồng bộ.

Những năm qua, Nhà nước đã ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, bãi bỏ một phần một số văn bản quy phạm pháp luật, tuy nhiên chưa được hệ thống hóa nên đôi lúc gây trở ngại trong hoạt động tra cứu, áp dụng vào sản xuất, kinh doanh và trong công tác quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Một số văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực này có tính ổn định chưa cao, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần nhưng chưa được hệ thống hóa nên

hạn chế hiệu quả hoạt động giám sát, kiểm soát an toàn thực phẩm của các cơ quan quản lý nhà nước. Ví dụ, Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT được bãi bỏ một phần bởi 2 văn bản Thông tư số 29/2020/TT-BYT và Thông tư số 12/2021/TT-BYT; Nghị định số 67/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bãi bỏ một phần bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP nhưng thực chất gần như toàn bộ nội dung Nghị định số 67/2016/NĐ-CP không còn áp dụng. Mặt khác, tại Khoản 2 Điều 19 của Luật An toàn thực phẩm nêu rõ việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định cụ thể điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý thuộc thẩm quyền của các Bộ trưởng các Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương. Tuy nhiên, hiện nay quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm là các Nghị định của Chính phủ.

(2) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với một số sản phẩm trái cây chưa cập nhật kịp thời, gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trái cây.

Hiện tại, các địa phương ở ĐBSCL áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp do các Bộ ban hành căn cứ theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Các quy định này là điều kiện tiên quyết giúp cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trái cây kiểm soát tốt chất lượng đầu ra, bám sát các quy định về mức độ tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, tạp chất kim loại nặng, giới hạn vi sinh vật, nhất là các tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sự an toàn, sức khỏe của con người. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan hiện chưa đầy đủ, nhất là quy định mức giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng trong sản phẩm trái cây khô sử dụng tương tự như trà chưa có tiêu chuẩn riêng để tham chiếu, gây khó khăn đối với lực lượng kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm [124].

Một số mặt hàng trái cây mang tính đặc sản vùng miền, sản xuất, kinh doanh với số lượng lớn đã khẳng định được thương hiệu nhưng hiện tại thiếu các

quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia rõ ràng, đảm bảo tuân thủ nghiêm túc về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm để quản lý. Chẳng hạn, đối với mặt hàng sầu riêng của Vùng, đòi hỏi của thực tiễn là phải có bộ tiêu chuẩn quốc gia về giá trị dinh dưỡng, xác định quy chuẩn thu hoạch trái cây phải đúng tuổi và độ chín để đảm bảo chất lượng hàng hóa xuất khẩu; đồng thời, tiếp tục hoàn thiện hệ thống giám sát an toàn thực phẩm quốc gia; hỗ trợ cung cấp kịp thời thông tin khách quan, toàn diện cho các doanh nghiệp xuất khẩu, cơ sở sản xuất, chế biến mặt hàng trái cây các tiêu chuẩn quốc tế như VietGAP, Global GAP, tiêu chuẩn hữu cơ cho sản xuất sơ cấp,... cho doanh nghiệp chế biến; tiêu chuẩn bắt buộc cần tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn chất lượng của một số quốc gia nhập khẩu trái cây quan trọng.

(3) Các hoạt động sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây vi phạm các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm còn xảy ra và chế tài xử lý tính răn đe chưa cao.

Một số chủ các cửa hàng kinh doanh trái cây, nhất là tại các chợ truyền thống chưa có đầy đủ kiến thức bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh cũng như bảo quản trái cây theo đúng quy định; bày bán trái cây trên những thùng xốp, thùng nhựa, giấy, gỗ sơ sài làm giảm giá trị mặt hàng trái cây, tăng nguy cơ lây nhiễm, gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm. Sản phẩm trái cây trưng bày tại các cửa hàng tiện ích không có tem nhận diện mã sản phẩm, truy xuất nguồn gốc xuất xứ; thiếu hóa đơn, chứng từ mua, bán trái cây của cửa hàng. Tình trạng một số mặt hàng trái cây của Vùng như xoài, sầu riêng bị mạo danh mã số vùng trồng, dẫn đến việc phải dừng xuất khẩu; 450 mã số cơ sở đóng gói và mã số vùng trồng, cơ sở phục vụ xuất khẩu mặt hàng sầu riêng bị thu hồi do thiếu sự duy trì chất lượng [163]. Mặt khác, các nhà xuất khẩu trái cây tại ĐBSCL hiện tại phải tuân thủ các tiêu chuẩn, rào cản kỹ thuật do các quốc gia nhập khẩu đặt ra đã dẫn đến thủ tục phát sinh kéo dài hoặc hàng hóa bị từ chối tại cửa khẩu do không tuân thủ các yêu cầu của thị trường dẫn đến tổn thất tài chính lớn cho doanh nghiệp xuất khẩu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, năm 2020

tỷ lệ mặt hàng trái cây của Việt Nam bị từ chối nhập khẩu tại thị trường Australia, Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Mỹ tăng 42% so với năm 2010 [55].

### **3.3.2.2. Nguyên nhân**

*Một là, nguyên nhân khách quan*

ĐBSCL tuy đã hình thành các vùng chuyên canh cây ăn trái nhưng diện tích vẫn còn thấp so với yêu cầu, sản xuất vẫn còn manh mún, phân tán, trình độ ứng dụng khoa học kỹ thuật chưa hiện đại; công nghiệp chế biến sản phẩm trái cây có trình độ chế biến sâu chưa nhiều; phát triển nông nghiệp chủ yếu theo chiều rộng nên năng suất, hiệu quả thấp; sự thay đổi nhanh chóng trong chính sách nhập khẩu trái cây của các thị trường lớn trên thế giới. Hệ thống cảng biển, trung tâm logistics phục vụ xuất khẩu các mặt hàng trái cây của Vùng còn thiếu, dẫn đến tình trạng quá tải diễn ra thường xuyên ở một số cảng trọng điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thêm vào đó, hạ tầng giao thông đường bộ ở ĐBSCL chưa phát triển xứng tầm với nhu cầu phát triển khiến chi phí gia tăng do phải chờ “kẹt xe, kẹt cầu, kẹt cảng”. Nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông của ĐBSCL tuy đã được Đảng, Nhà nước quan tâm nhưng do địa hình của Vùng bị chia cắt, nền địa chất yếu, ảnh hưởng nghiêm trọng bởi biến đổi khí hậu, nước biển dâng dẫn đến suất đầu tư xây dựng lớn, khiến số lượng công trình đầu tư chưa nhiều, khả năng huy động nguồn lực xã hội bị hạn chế.

Nhiều địa phương trong Vùng còn thiếu hệ thống hạ tầng phục vụ cho các sự kiện, hội nghị xúc tiến thương mại quy mô cấp vùng, cấp quốc gia, tính liên kết thiếu chặt chẽ và hiệu quả trong mạng lưới các tổ chức xúc tiến thương mại, hiệp hội ngành hàng, dẫn đến nguồn lực cho xúc tiến thương mại bị dàn trải, chồng chéo, thiếu hoạt động quy mô lớn, tác động sâu rộng.

Các thị trường xuất khẩu quan trọng đối với mặt hàng trái cây của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc... bên cạnh các ưu đãi về việc giảm thuế quan nhập khẩu đáng kể đã áp dụng các hàng rào phi thuế quan, đặc biệt là các hàng rào kỹ thuật, vừa tạo ra cơ hội và cả thách thức cho các nhà xuất khẩu mặt hàng này ở Việt Nam và vùng ĐBSCL.

*Hai là, nguyên nhân chủ quan*

(1) Xét khía cạnh vai trò của Nhà nước và chính quyền các địa phương.

- Nhà nước chủ yếu chú trọng khâu sản xuất, chưa thật sự chú trọng quản lý, hỗ trợ các tác nhân tham gia vào hoạt động tiêu thụ trái cây hàng hóa ở ĐBSCL ở các khâu sau thu hoạch, mang lại giá trị gia tăng cao như: sơ chế, bảo quản, chế biến theo tiêu chuẩn chất lượng của thị trường....

- Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa chặt chẽ, kể cả cùng cấp và khác cấp. Các thể chế giúp định hướng đẩy mạnh hoạt động sản xuất gắn với tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL bao gồm các chiến lược phát triển, các qui hoạch, chính sách vùng và ngành,... trong quá trình xây dựng chính sách thiếu một cơ chế phối hợp liên ngành có hiệu quả quản lý chất lượng chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật.

- Nhiều văn bản pháp lý về các chính sách xuất khẩu nông sản còn chồng chéo. Các văn bản được cơ quan trung ương ban hành nhưng ở địa phương lại thực hiện chưa phù hợp. Hệ thống văn bản, quy định về quy trình quản lý, xử phạt, hướng dẫn áp dụng, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá chưa được ban hành đầy đủ.

- Trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước còn hạn chế trong việc hoạch định và thực thi các chính sách quản lý quy hoạch, hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây. Mức độ am hiểu, nghiệp vụ của cán bộ trong phân tích và dự báo thị trường tiêu thụ, xây dựng và quản lý theo tiêu chuẩn thị trường, xử lý các vấn đề phát sinh khi đàm phán hoặc xuất hiện các tranh chấp thương mại quốc tế, ... chưa đáp ứng yêu cầu. Ở cấp độ chính quyền địa phương, trình độ chuyên môn của đội ngũ làm công tác xúc tiến thương mại chưa có sự đồng đều, cần sự phối hợp liên ngành, liên tỉnh. Lực lượng cán bộ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn, đặc biệt các cán bộ tuyến cơ sở.

- Kinh doanh sản phẩm trực tuyến ngày càng phát triển thông qua các trang mạng xã hội như zalo, facebook... đã gây khó khăn trong công tác quản lý và



chưa có văn bản pháp luật quy định cụ thể việc quản lý đối với các đối tượng kinh doanh này, bởi thiếu thông tin về giấy phép kinh doanh (chỉ có thông tin là tên tài khoản), hoạt động mua bán diễn ra khi có đơn đặt hàng. Ngoài ra, các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh truyền hình) chưa quan tâm đúng mức việc hỗ trợ tiêu thụ các mặt hàng trái cây của Vùng.

(2) Khía cạnh từ đối tượng được định hướng, hỗ trợ, quản lý trong sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây:

- Nhận thức của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, người nông dân và chính quyền một số tỉnh, thành trong Vùng về vai trò, sự cần thiết của phát triển logistics gắn với tiêu thụ nông sản còn chưa thống nhất, nhất là sự thiếu chặt chẽ trong liên kết giữa các chủ thể này. Giao dịch giữa hai bên phần lớn vẫn chỉ thực hiện dưới hình thức cho thuê theo hợp đồng chứ chưa có sự liên kết để hỗ trợ nhau về giá, giúp tăng cường chất lượng sản phẩm, dịch vụ của nhau.

- Đa số cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh mặt hàng trái cây trong Vùng hoạt động nhỏ lẻ theo quy mô hộ gia đình nên nhận thức chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm còn nhiều hạn chế.

**Chương 4**  
**PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ**  
**CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY**  
**Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**4.1. BỐI CẢNH, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2030**

**4.1.1. Bối cảnh tác động đến vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long**

**4.1.1.1. Bối cảnh quốc tế**

Những tiến bộ của khoa học công nghệ hiện đại và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm giảm chi phí sản xuất, kinh doanh, tác động tích cực đến hoạt động thương mại tại các quốc gia đang phát triển. Dự kiến tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu đến năm 2030 sẽ đạt bình quân 5,32%/năm, tăng trưởng nhập khẩu của các nền kinh tế phát triển được dự báo đạt trung bình 3,8%/năm và các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi đạt 5,2%/năm [146]. Đây sẽ là cơ hội thuận lợi đối với việc mở rộng thị trường đầu ra các mặt hàng trái cây của nước ta và của ĐBSCL. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 tại Đại hội Đảng lần thứ XIII (01/2021), Đảng Cộng sản Việt Nam đã dự báo:

“Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội” [51, tr.208] và “Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp quốc có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới” [51, tr.207].

Theo đó, các yêu cầu về bảo vệ môi trường sẽ được ưu tiên đặt lên hàng đầu trong các mục tiêu phát triển, trong đó tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với việc đáp ứng tốt các nhu cầu của xã hội, tạo sinh kế cho người dân, giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm môi trường và sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả. Những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng đa dạng, phức tạp; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, nhất là nguồn nước sông Mê Kông, đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững. Vì vậy, trước bối cảnh mới, biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế vừa là cơ hội vừa là thách thức không nhỏ đối với thực hiện vai trò của Nhà nước trong việc giúp các chủ thể sản xuất kinh doanh mặt hàng trái cây trở nên năng động, sáng tạo, có khả năng nắm bắt thông tin, ứng dụng tiến bộ của khoa học, công nghệ để áp dụng vào sản xuất, phù hợp với thực tế Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của thị trường tiêu thụ.

Xu hướng thay đổi trong chuỗi giá trị trái cây thể hiện thông qua nhu cầu và yêu cầu ngày càng được nâng cao của người tiêu dùng các mặt hàng trái cây. Trái cây có chức năng quan trọng trong việc cung cấp các vitamin, khoáng chất và chất xơ cần thiết cho cơ thể con người, nếu tiêu thụ đủ lượng rau quả hàng ngày có thể giúp ngăn ngừa các bệnh như tim mạch và một số bệnh ung thư. Nhận thức được những lợi ích đem lại, nhu cầu sử dụng trái cây trên thế giới ngày càng tăng nhanh. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp quốc (FAO), năm 2018, mức tiêu thụ trái cây bình quân đầu người trên thế giới đạt 76,8 kg/người/năm, tương ứng với 586 triệu tấn [76, tr.18-20]; trong khi đó ở Việt Nam con số này đạt khoảng 68-70kg/người/năm [8]. Hiện tại, với quy mô dân số xấp xỉ 100 triệu người và mỗi năm tiếp đón 15-16 triệu khách du lịch [8], Việt Nam được dự báo là lựa chọn đầu ra ngày càng quan trọng của các mặt hàng trái cây của ĐBSCL. Ngoài ra, sản phẩm trái cây của Vùng còn được hỗ trợ tiêu thụ bởi hệ thống hạ tầng phân phối trong cả nước với khoảng 8.600 chợ dân sinh, 1.223 cửa hàng tiện ích, trung tâm thương mại và siêu thị [24]; 1.300 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics; 6 trung tâm logistics do các doanh nghiệp

đầu tư và quản lý; 1.096 chuỗi nông sản an toàn [8]. Đây là cơ hội rất lớn để mặt hàng trái cây của ĐBSCL mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, thay vì quá phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu vốn tiềm ẩn nhiều biến động, rủi ro.

Mặt khác, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm vẫn là vấn đề toàn cầu trong thế kỷ 21, nhất là trong bối cảnh môi trường thế giới gắn liền với sự thu hẹp và biến đổi trong môi trường canh tác các sản phẩm nông nghiệp; môi trường nước, môi trường đất, không khí ngày càng bị ô nhiễm đã ảnh hưởng lớn đến năng suất và năng lực cung cấp nông sản sạch; diện tích canh tác ngày càng bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, nhiễm mặn, thiếu nước tưới ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất cây ăn trái. Cùng với đó, để xâm nhập và trụ vững thành công tại các thị trường nhập khẩu trái cây lớn như EU, Hoa Kỳ, trái cây Việt Nam còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện ngày càng khắt khe không chỉ cần đảm bảo an toàn thực phẩm, tiện lợi và có giá trị gia tăng về hương vị, việc sản xuất theo quy trình bền vững, ít phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và có trách nhiệm xã hội là các yêu cầu mới mà nhà sản xuất và nhà xuất khẩu trái cây ở Việt cần đặc biệt quan tâm.

Trong bối cảnh Việt Nam tiến hành hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện và tuân thủ các cam kết quốc tế về tự do hóa thương mại, một mặt mở ra cơ hội giúp ngành sản xuất trái cây trong nước nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; đồng thời, tạo áp lực cần thiết để các nhà xuất khẩu, doanh nghiệp, nhà vườn tăng cường năng lực tiếp cận về hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với mặt hàng trái cây, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng và tiêu chuẩn chất lượng ngày càng khắt khe của thị trường tiêu thụ quốc tế. Tuy nhiên, quá trình hội nhập quốc tế cũng khiến các mặt hàng trái cây Việt Nam phải đối mặt với việc gia tăng sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường tiêu thụ trong nước. Lộ trình cắt giảm rào cản thuế quan, gỡ bỏ rào cản kỹ thuật và hành chính của Việt Nam cộng với những hạn chế về vốn, công nghệ, năng lực sản xuất và trình độ quản lý khiến các mặt hàng trái cây

được sản xuất trong nước phải đối diện với sự cạnh tranh gay gắt của các mặt hàng trái cây nhập khẩu. Song song đó, các đối tác lớn trong nhập khẩu các mặt hàng trái cây của Việt Nam sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các hoạt động về kiểm soát thị trường, thường xuyên bổ sung, cập nhật các quy định kiểm dịch thực vật, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm. Đặc biệt, các nhà nhập khẩu sẽ tăng cường thu thập thông tin về nguồn gốc xuất xứ của mặt hàng trái cây, mã số vùng trồng, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, bảo vệ nền sản xuất trong nước và yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Trong những năm tới, các mặt hàng trái cây xuất khẩu của Việt Nam có thể phải đối mặt với rủi ro chịu mức thuế mới đối với sản phẩm có mức phát thải carbon lớn, xuất phát từ xu hướng tiêu dùng nông sản hàng hóa của thế giới đang đặt trọng tâm lớn hơn đến các tiêu chuẩn phát triển bền vững, giảm phát thải carbon.

#### ***4.1.1.2. Bối cảnh trong nước***

Sau gần 40 năm đổi mới đất nước, nền tảng chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, vững chắc, cộng với chiến lược, chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển kinh tế của Nhà nước và niềm tin ngày càng tăng của doanh nghiệp và người dân, là cơ hội tiềm tàng để tiếp nối đà tăng trưởng của nền kinh tế những năm qua. Hệ thống thể chế, chính sách cũng được dần hoàn thiện theo hướng tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy mạnh mẽ và huy động được sự tham gia của khu vực ngoài Nhà nước - yếu tố quan trọng bậc nhất cho đầu tư phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, trong những năm tới, nền kinh tế đất nước cũng sẽ phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh những nguyên nhân nhất xuất phát từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế, chẳng hạn như nguồn nhân lực còn thiếu cả về số lượng và chất lượng, hoạt động đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng còn chậm, chưa thật sự đồng bộ, hiện đại... Một số điểm nghẽn của nền kinh tế về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện môi

trường đầu tư, kinh doanh, sửa đổi hệ thống chính sách, pháp luật đáp ứng các quy định, cam kết quốc tế vẫn còn chậm được khơi thông.

Đối với vùng ĐBSCL, vấn đề ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, thiên tai, dịch bệnh là những yếu tố ngoài tầm kiểm soát, là địa bàn bị ảnh hưởng nặng nề và rõ rệt nhất. Do đó, Việt Nam và các địa phương trong vùng ĐBSCL phải có ý thức và hành động quyết liệt nhằm giữ gìn, bảo vệ môi trường, hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới phát triển sản xuất, nhất là các ngành sản xuất nông nghiệp, thủy sản, hướng tới thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Trong giai đoạn tới, cùng với việc mở rộng tự do hóa thương mại và thực thi cam kết trong các hiệp định thương mại đa phương và song phương, khu vực và toàn cầu, nhất là lộ trình thực thi cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới chắc chắn sẽ mở ra những cơ hội mới trong phát triển thương mại và mở rộng xuất khẩu vào các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản. Bên cạnh những cơ hội từ tự do hóa thương mại, hàng hóa trái cây xuất khẩu của các địa phương ở ĐBSCL sẽ chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng, cũng như làn sóng bảo hộ thương mại trong nước, nhất là tại các nền kinh tế lớn, trong đó có Hoa Kỳ và châu Âu. Vì vậy, các tỉnh, thành và cộng đồng doanh nghiệp trong Vùng cần có sự chuẩn bị tốt nhất để sẵn sàng đón nhận cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế và chủ động đối phó với các thách thức từ xu hướng tăng cường áp dụng các hàng rào kỹ thuật trong thương mại nhằm bảo hộ mậu dịch và các ngành sản xuất trong nước.

Xu hướng phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực sản xuất và thương mại, trong đó có sản xuất và tiêu thụ mặt hàng trái cây. Đối với lĩnh vực sản xuất, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những đột phá về công nghệ số trước tiên sẽ tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất, làm thay đổi nhanh chóng, sâu rộng toàn bộ chuỗi giá trị từ nghiên cứu phát triển đến các công đoạn sản xuất, chế biến, logistics đến dịch vụ khách hàng, làm giảm đáng kể chi phí giao dịch, vận chuyển, góp phần giảm giá bán sản phẩm

và dịch vụ; đồng thời thúc đẩy nhu cầu tìm kiếm phương thức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm mới hiệu quả, bền vững hơn trước những thách thức ngày càng tăng về biến đổi khí hậu, xu hướng tiêu dùng đòi hỏi sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm của nhân loại.

Đối với lĩnh vực thương mại, tiến bộ trong công nghệ cũng sẽ buộc các chủ thể phải đổi mới phương thức kinh doanh, tiêu thụ đối với hàng hóa. Sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh mới sẽ dẫn tới phải thay đổi hình thức tổ chức và văn hóa kinh doanh của các nhà xuất nhập khẩu hàng hóa. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng số, xu hướng phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số sẽ làm xuất hiện nhiều phương thức kinh doanh thương mại mới, dần thay thế các phương thức kinh doanh truyền thống; thị trường thương mại điện tử sẽ ngày càng được mở rộng. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu của ĐBSCL cần sẵn sàng chuẩn bị cho một sự đổi mới sáng tạo liên tục để có thể cập nhật các xu hướng công nghệ hiện đại trong tương lai.

#### **4.1.2. Phương hướng phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030**

Trong bối cảnh mới, đối với ngành nông nghiệp, quan điểm của Đảng xác định:

“Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước... Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo” [52, tr.94-95].

“Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng

cao. Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm” [51, tr.241].

Đối với lĩnh vực trồng trọt, “... chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, quy mô lớn... Đẩy mạnh áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến”. Đồng thời, “Tổ chức kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, thị trường, xuất khẩu, chuỗi giá trị toàn cầu” [51, tr.242].

Nhằm khắc phục tính chất manh mún, tự phát trong ngành Nông nghiệp và huy động mọi nguồn lực phục vụ sự phát triển của Ngành, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh đến quan điểm:

“Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu...” [51, tr.243] và “Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, nông dân, nông thôn liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành” [52, tr.114].

Đối với vùng ĐBSCL, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định đây “là trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới trên cơ sở phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp...” [11]. Tư duy phát triển Vùng “phải đặt trong tổng thể sự phát triển chung của cả nước, bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia; phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, thích ứng với biến đổi khí hậu” [11].



Trên cơ sở quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nông nghiệp Việt Nam nói chung và lĩnh vực sản xuất trái cây nói riêng, cũng như quan điểm về phát triển ĐBSCL với tư cách là trung tâm kinh tế nông nghiệp của cả nước, Nhà nước cần thiết và có thể thực hiện tốt vai trò đối với việc thúc đẩy hoạt động tiêu thụ các mặt hàng trái cây ở ĐBSCL dựa trên các phương hướng cơ bản như sau:

*Một là, phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây nhằm đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích, từ lợi ích của nhà vườn, hợp tác xã trồng cây ăn trái đến lợi ích của doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu các mặt hàng trái cây và lợi ích của Nhà nước*

Phát huy vai trò của Nhà nước là việc đảm bảo hài hòa lợi ích, hiệu quả kinh tế - xã hội của các chủ thể tham gia sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng trái cây ở ĐBSCL. Hiệu quả kinh doanh, xuất khẩu các mặt hàng trái cây không chỉ được thể hiện ở mức doanh lợi thu được của các chủ thể, mà còn phải tham gia tích cực vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Vùng và cả nước. Hay nói cách khác, các nhà sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trái cây phải góp phần giúp tăng thêm thu nhập, tạo việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; huy động, sử dụng có hiệu quả mọi năng lực sản xuất, mọi nguồn lực để nâng cao giá trị, uy tín, thương hiệu trái cây của ĐBSCL và Việt Nam trên trường quốc tế.

*Hai là, phát huy vai trò của Nhà nước đối với hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL phải theo hướng khai thác tối đa lợi thế so sánh và điều kiện tự nhiên của Vùng, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phát triển các vùng chuyên canh cây ăn trái đạt năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu*

Để phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng trồng cây ăn trái của ĐBSCL, đòi hỏi các bộ, ngành của Trung ương, chính quyền các cấp của địa phương cần tập trung nâng cao hiệu quả công tác định hướng, tổ chức lại hoạt động

sản xuất trái cây theo hướng tăng cường hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị mặt hàng trái cây của nhà sản xuất, nhà phân phối và nhà xuất khẩu. Mặt khác, thường xuyên tìm hiểu, cập nhật thông tin về xu hướng mới trong tiêu thụ các sản phẩm trái cây của các thị trường nhập khẩu nhằm giảm thiểu những rủi ro từ thị trường và hoạt động sản xuất.

*Ba là, phát huy vai trò của Nhà nước theo hướng tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi thông qua việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật mang tính thống nhất, đồng bộ và đảm bảo tính khả thi.*

Nhà nước cần chú trọng tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho tất cả chủ thể tham gia đầu tư, kinh doanh thông qua cạnh tranh và hợp tác để cùng phát triển. Môi trường pháp lý thuận lợi trong tiêu thụ mặt hàng trái cây phải phù hợp, tương thích với các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh nói chung. Ở Việt Nam, định hướng hoàn thiện chính sách, pháp luật hoàn chỉnh, thông thoáng, nhất là pháp luật về kinh tế phải gắn với bảo đảm chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và đáp ứng yêu cầu chủ động, tích cực hội nhập quốc tế theo hướng tự do hóa, xóa bỏ các rào cản đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung, hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây nói riêng.

*Bốn là, nâng cao vai trò của bộ máy quản lý nhà nước, nhất là công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và chính quyền các địa phương ở ĐBSCL, nhằm tập trung xử lý các hạn chế nội tại và tháo gỡ những điểm nghẽn đối với giải quyết đầu ra cho các mặt hàng trái cây của Vùng*

Nhằm hiện thực hóa định hướng phát triển nông nghiệp ĐBSCL toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, năm 2030 đạt mức tăng trưởng trên 3,0%/năm [144], thời gian tới, Nhà nước cần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý, tháo gỡ rào cản, vướng mắc để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu mặt hàng trái cây ở ĐBSCL với các nội dung chủ yếu như sau:

(1) Giai đoạn 2021 - 2030: Đẩy mạnh phát triển hiệu quả trên diện rộng các vùng nguyên liệu trái cây chủ lực, vừa đảm bảo phục vụ lâu dài, ổn định cho các cơ sở sơ chế, chế biến trái cây của Vùng, vừa thuận lợi cho việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng yêu cầu sản xuất các mặt hàng trái cây có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong và ngoài nước; đưa mặt hàng trái cây của Vùng chiếm tỷ trọng cao kim ngạch xuất khẩu trái cây của cả nước vào năm 2030 (chỉ tiêu là 6,5 tỷ USD [24]).

(2) Đến năm 2030: phân đầu xây dựng thành công 8 Trung tâm đầu mối về nông nghiệp tại địa bàn có hạ tầng thuận lợi, trong đó 01 trung tâm đầu mối tổng hợp tại thành phố Cần Thơ; các mặt hàng trái cây được thu gom, phân loại, chế biến ở 04 trung tâm đầu mối được đặt tại các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang và Bến Tre [147].

Để đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng trái cây trong nước và đáp ứng được các yêu cầu mới của các thị trường nhập khẩu, Nhà nước cần triển khai đồng bộ, đầy đủ các hoạt động kiểm định, chứng nhận, hậu kiểm đối với các hộ sản xuất, cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm trái cây; nâng cao năng lực chuyển đổi số đối với các đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm trái cây.

## **4.2. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG TIÊU THỤ MẶT HÀNG TRÁI CÂY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

### **4.2.1. Nhóm giải pháp phát huy vai trò định hướng của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long**

#### ***4.2.1.1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch vùng sản xuất cây ăn trái ở đồng bằng sông Cửu Long***

Chính quyền các địa phương ở ĐBSCL, trên cơ sở các Quy hoạch phát triển Vùng, Quy hoạch của ngành Nông nghiệp nói chung và ngành Trồng trọt nói riêng và Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, tăng cường chỉ đạo các Sở, ngành chịu trách nhiệm tham mưu về mặt chuyên môn tiếp tục rà soát lại quy hoạch phát triển sản xuất ngành trái cây sao cho phù hợp với mục

tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, nhất là các sản phẩm chủ lực gắn với việc chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Sau khi đã được phê duyệt, phương án quy hoạch cần được công khai và kiểm tra, giám sát thường xuyên. Đồng thời, các cấp chính quyền của mỗi địa phương trong Vùng phải nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ công chức, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc thực thi đúng với định hướng quy hoạch diện tích trồng và sản lượng trái cây của Vùng.

Vấn đề tiêu thụ trái cây của ĐBSCL những năm qua biến động không ổn định do sản xuất phong trào, tăng diện tích trồng trọt khi giá cả tăng và “chặt” khi giá cả thị trường giảm. Do đó, hỗ trợ “giải cứu” nông sản và điệp khúc đối với một số loại cây ăn trái: “trồng tràn lan - giá bán thấp - Nhà nước giải cứu - chặt bỏ” diễn ra thường xuyên. Sự bất cập trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch mặt hàng trái cây ở ĐBSCL thiếu những ràng buộc về mặt lý cũng như chế tài xử phạt trong trường hợp cán bộ quản lý nông nghiệp buông lỏng việc kiểm tra, quản lý thực hiện quy hoạch, còn nhà vườn, hợp tác xã sản xuất trái cây mở rộng diện tích sản xuất ngoài quy hoạch. Mặt khác, nội dung quy hoạch vùng chuyên canh cây ăn trái tập trung ở một số địa phương vẫn chưa gắn chặt với dự báo về nhu cầu, sức mua của thị trường, chủ yếu căn cứ theo các yếu tố tự nhiên như: khí hậu, thổ nhưỡng, nguồn nước...

Về phía Nhà nước, với chức năng là cơ quan tham mưu về chuyên môn của Chính phủ, các Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương cần tăng cường khảo sát, đánh giá toàn diện về lợi thế, bất lợi thế, thực trạng diện tích mặt hàng trái cây ở ĐBSCL để quy hoạch cụ thể vùng trồng cây ăn trái tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tránh trùng lặp, chồng lấn về quy hoạch ở các địa phương trong vùng.

Trên cơ sở quản lý thống nhất của các Bộ chuyên ngành, UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn ngành Nông nghiệp và các ngành liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung quy hoạch tương thích với đặc điểm, bối cảnh cụ thể của từng địa phương. Trong quá trình tổ chức triển khai thực

hiện quy hoạch cần có sự tích hợp trong thực hiện hệ thống các chính sách khác như: chính sách liên kết sản xuất, tiêu thụ; chính sách xây dựng và quảng bá thương hiệu; chính sách xúc tiến thương mại... Ngoài sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, cần tăng cường các hình thức đối tác công tư, các chính sách ưu đãi về vốn, cơ chế thu hút doanh nghiệp tạo điều kiện thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia thu mua, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây ở địa phương.

Quy hoạch phát triển các mặt hàng trái cây chủ lực cần gắn với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu, thích hợp với khả năng hiện có của địa phương, mặt khác phải đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của quy hoạch nhằm tránh tình trạng các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển các sản phẩm chủ lực tương đồng nhau dẫn đến cạnh tranh trong thu hút đầu tư cũng như giải quyết đầu ra cho sản phẩm. Nâng cao hiệu quả sự phối hợp giữa UBND cấp tỉnh và các cơ quan tham mưu chuyên môn ở ĐBSCL trong tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển vùng và của từng địa phương, nhất là Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình giải quyết hồ sơ, thủ tục cho các chủ thể tham gia sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu các mặt hàng trái cây của Vùng.

Trên cơ sở quy hoạch vùng trồng cây ăn trái tập trung, UBND các tỉnh, thành của vùng ĐBSCL cần quan tâm đến nhân rộng mô hình kinh tế vườn bằng cách hỗ trợ hình thành các hình thức tổ chức sản xuất cây ăn trái phù hợp với vùng chuyên canh tập trung như trang trại, hợp tác xã. Theo đó, UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát lại diện tích vườn trái cây hiện có của các nhà vườn, hợp tác xã sản xuất trái cây, từng bước chuyển các vườn cây ăn trái đang nằm trong khu dân cư ra xa hoặc vào khu vực định hướng phát triển kinh tế vườn. Đẩy nhanh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ trang trại, hộ gia đình được giao đất trồng cây ăn trái theo quy hoạch; khuyến khích các hộ dân chuyển nhượng, dón điền đổi thửa, liên kết sản xuất tạo thuận lợi cho tích tụ ruộng đất, chuyển đổi từ đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng cây ăn trái chuyên canh hoặc kết hợp cả hai.

Xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng về

giao thông và thủy lợi, hạ tầng phục vụ sản xuất theo hướng hiện đại, đảm bảo đáp ứng các điều kiện cho thu hút đầu tư vào Vùng. Cụ thể, việc quy hoạch cần hình thành các hệ thống kiểm soát nguồn nước quy mô lớn, liên vùng; vấn đề chuyển nước ngọt cho vùng ven biển và xây dựng các hồ chứa nước;... Ngoài việc hoàn thiện, nâng cấp hạ tầng các tuyến đê bao, cần nạo vét kênh và gia cố tuyến kè sạt lở bờ sông, hệ thống công ngăn mặn cho trồng trọt,... Hệ thống thủy lợi, giao thông, hệ thống cung cấp điện, nước quanh các vùng nguyên liệu tập trung, ở các huyện thuần nông, xa trung tâm khu vực đô thị cần hoàn thiện đồng bộ, theo hướng hiện đại nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nhất là các doanh nghiệp chế biến sản phẩm trái cây. Đồng thời, tăng cường liên kết theo các hiệp hội ngành hàng để điều phối một cách hiệu quả hoạt động sản xuất và lưu thông các mặt hàng trái cây ở Vùng. Hình thành các cụm liên kết ngành để hỗ trợ cho hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây và kết nối các chủ thể tham gia vào chuỗi giá trị trái cây (cluster trái cây). Cụm liên kết ngành bao gồm: các đơn vị cung cấp các loại giống, vật tư cho sản xuất trái cây; các cơ sở chế biến trái cây và các sản phẩm chế biến từ trái cây; kết nối giữa các sản phẩm từ trái cây với dịch vụ du lịch.

***4.2.1.2. Phát huy vai trò của Nhà nước trong thông tin, tuyên truyền về chủ trương phát triển nông nghiệp của Vùng, cung cấp kịp thời thông tin thị trường cũng như từ biến đổi khí hậu hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư***

Tuyên truyền, vận động luôn được coi là một trong những giải pháp thực hiện quan trọng hàng đầu nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường kiến thức cho đội ngũ cán bộ, người dân và doanh nghiệp hiểu biết về thực trạng sản xuất, tiêu thụ trái cây theo hướng sạch, an toàn, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, kết quả khảo sát của đề tài cho thấy các hộ sản xuất, cơ sở thu mua, chế biến và doanh nghiệp xuất khẩu trái cây của ĐBSCL biết đến những yếu tố cần thiết để sản xuất, tiêu thụ được mặt hàng trái cây chủ yếu đến từ bạn bè, người quen giới thiệu (chiếm tỷ lệ 73,91%), từ cán bộ quản lý nông nghiệp tại địa phương (tỷ lệ 60,87%), từ người thân trong gia đình (tỷ lệ 52,17%) và thỉnh

thoảng mới được phổ biến, tuyên truyền về chính sách tiêu thụ trái cây (57,39%); trong khi đó tỷ lệ nhà vườn và doanh nghiệp được biết thông tin về tình hình sản xuất từ báo đài truyền hay mạng xã hội lần lượt chỉ đạt 33,04% và 34%.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và toàn diện, việc hiểu biết chính sách pháp luật và nắm bắt thông tin về các hiệp định thương mại tự do, các điều kiện, yêu cầu đối với tiêu thụ mặt hàng trái cây là rất quan trọng; có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế, từ người nông dân đến doanh nghiệp. Nghiên cứu của Nguyễn Quang Thuán và các cộng sự (2021) cho thấy các địa phương ở ĐBSCL có nhiều thuận lợi khi tỷ lệ người dân nhận được thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế và về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư khá cao [149]. Chẳng hạn, tỷ lệ hộ gia đình nắm được thông tin về cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế qua kênh tivi, đài lần lượt là 48% và 55% [149, tr.315]. Như vậy, các kênh thông tin chính thức như đài, tivi, cán bộ địa phương là các kênh quan trọng để truyền tải thông tin đến người dân và là kênh quan trọng nhằm cung cấp thông tin và nâng cao nhận thức của họ. Do đó, các hoạt động tuyên truyền, truyền thông cần hướng vào 3 vấn đề: đối tượng truyền truyền, nội dung tuyên truyền và hình thức tuyên truyền. Cụ thể:

(1) Về đối tượng truyền truyền: xác định rõ từng đối tượng truyền truyền để có nội dung và hình thức truyền truyền phù hợp, bao gồm: các nhà quản lý, cán bộ công chức hành chính nhà nước; các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, hộ nông dân.

(2) Về nội dung truyền truyền: cần tập trung vào các vấn đề của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, bởi vì có đến 40% số doanh nghiệp và 62,61% số nhà vườn, hợp tác xã được hỏi qua khảo sát của đề tài cho biết ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai là một trong những khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng trái cây thời gian qua. Bên cạnh đó, phổ biến thông tin về thành tựu của việc tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất và thương mại, như: ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước, tưới phun nước, tưới nhỏ giọt; ứng dụng công nghệ thông tin để tiếp cận thị trường, tiếp cận trực tiếp đến người tiêu dùng cuối cùng. Chẳng hạn mô hình “cây xoài nhà tôi” tại Đồng Tháp mặc

dù đang được triển khai trên thực tế, nhưng mức độ phổ biến còn thấp. Vì vậy, Chính phủ, các Bộ, ngành cần thực hiện đồng bộ các biện pháp cụ thể như: tạo diễn đàn trao đổi, thảo luận kinh nghiệp giữa các doanh nghiệp, người dân và chính quyền địa phương; phát huy vai trò của cán bộ khuyến nông trong hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân; hỗ trợ vốn, các chương trình đào tạo kỹ thuật, công nghệ cho nhà vườn, doanh nghiệp để đẩy mạnh ứng dụng sáng kiến trong hoạt động sản xuất, thương mại. Đặc biệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chính quyền các địa phương cần chú trọng nâng cao nhận thức và phổ biến thông tin đầy đủ, kịp thời đến hộ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trái cây về nội dung quy hoạch vùng trồng tập trung và phối hợp chặt chẽ với các địa phương ở ĐBSCL quản lý tốt việc thực hiện quy hoạch.

(3) Về hình thức tuyên truyền: tùy thuộc vào từng đối tượng để xác định hình thức tuyên truyền thích hợp. Ví dụ, đối với các nhà quản lý, cán bộ, hình thức tuyên truyền được thực hiện thông qua hội thảo, hội nghị, diễn đàn thảo luận; đối với người dân thì sử dụng các panô, phim, kịch, sân khấu, ca nhạc... Ngoài ra, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành cùng Giám đốc các Sở, ban ngành cần tổ chức thường xuyên hơn việc đối thoại trực tiếp với cộng đồng doanh nghiệp, nhằm kịp thời phát hiện và giải đáp khó khăn thắc mắc của doanh nghiệp trên tinh thần cởi mở, công khai, thẳng thắn. Trong đối thoại, nên tăng cường tính phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại, Hiệp hội doanh nghiệp... Thời gian đối thoại nên thực hiện trước mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân để kịp thời nắm bắt, định hướng xử lý, tháo gỡ khó khăn. Kịp thời động viên, khen thưởng các nhà vườn, hợp tác xã, doanh nhân sản xuất kinh doanh giỏi, chấp hành tốt pháp luật, có đóng góp tích cực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của Vùng.

Kết quả phỏng vấn của đề tài cũng cho thấy nguồn truyền thông, thông tin quan trọng và uy tín đối với vấn đề tiêu thụ trái cây ở các địa phương thuộc ĐBSCL là từ đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp tại địa phương (tỷ lệ 50,43%). Vì vậy, thời gian tới, chính quyền các địa phương trong Vùng cần chú trọng đến phát huy năng



lực của đội ngũ cán bộ làm công tác phát triển sản xuất, thị trường, nông thôn trên địa bàn, nhất là đào tạo, bồi dưỡng, cải thiện chế độ chính sách cho đội ngũ này.

#### **4.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế hỗ trợ của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long**

##### ***4.2.2.1. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng logistics***

*Một là, đối với hạ tầng giao thông:* (1) Tập trung xây dựng một hoặc hai cảng lớn bên cạnh cảng Cái Cui của thành phố Cần Thơ để tạo điểm đột phá trong phát triển kết cấu hạ tầng của ĐBSCL. Trước mắt tập trung nguồn lực để xây dựng cảng nước sâu Trần Đề tại tỉnh Sóc Trăng đáp ứng tàu 100.000 tấn vào khai thác; với độ sâu 15 - 16 m sẽ không phải nạo vét luồng. Song song đó, xây dựng tuyến đường cao tốc từ Châu Đốc (An Giang) - Cần Thơ - Sóc Trăng ra cảng Trần Đề, cùng với đó là đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ sẽ kết nối ĐBSCL bao gồm cả hai chiều dọc và ngang. (2) Thực hiện đúng tiến độ 32 công trình hạ tầng trọng điểm của ĐBSCL trong giai đoạn 2021 - 2025, trong đó đường bộ có cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Mỹ Thuận - Cần Thơ, Cần Thơ - Cà Mau; đường thủy: nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo kết nối khu vực đồng bằng với Thành phố Hồ Chí Minh để giảm tải cho đường bộ; Đường biển: Cần Thơ sẽ trở thành cảng biển lớn, trung tâm logistics của ĐBSCL; Đường hàng không: tăng cường công suất khai thác của Sân bay Cần Thơ (hiện tại mới khai thác khoảng 30%) [149, tr.295]; Đường sắt: Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

Để triển khai các dự án hạ tầng nêu trên bên cạnh các giải pháp kỹ thuật cần tập trung huy động vốn cho nhu cầu phát triển hạ tầng giao thông của Vùng, bao gồm: (1) Vốn từ ngân sách nhà nước: do đặc thù của Vùng là nền đất yếu, suất đầu tư vào kết cấu hạ tầng lớn nên cần có sự gia tăng tỷ lệ đầu tư ở mức độ cao hơn. Việc tăng ngân sách dành cho kết cấu hạ tầng của ĐBSCL có nhiều cách thức khác nhau, chẳng hạn trích lập 20% số ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh nộp về Trung ương để dành cho đầu tư kết cấu hạ tầng giao

thông kết nối Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh [149, tr.296]. (2) Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): tăng cường kêu gọi vốn ODA của các đối tác quan tâm đến phát triển kết cấu hạ tầng, ứng phó với biến đổi khí hậu tại ĐBSCL thông qua việc tận dụng tối đa nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài trong dự án tài trợ của 6 ngân hàng và tổ chức tín dụng phát triển, bao gồm Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (KEXIM), Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) thuộc Chương trình phát triển chính sách (DPO) và các dự án liên kết vùng của ĐBSCL để phát triển kết cấu hạ tầng. Bên cạnh đó, ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn đối ứng các dự án này cho một số công trình cấp bách, nhất là hệ thống cầu yếu ở nông thôn cùng các công trình gia cố bền vững chống sạt lở, biến đổi khí hậu và nước biển dâng nhằm tạo ra đột phá lớn đối với sự phát triển của Vùng. (3) Thúc đẩy huy động vốn theo phương thức hợp tác công tư (PPP): đây là phương thức huy động vốn quan trọng cần ưu tiên cho phát triển kết cấu hạ tầng của ĐBSCL; (4) Thành lập Quỹ phát triển bền vững ĐBSCL để có một phần kinh phí đầu tư phát triển hạ tầng giao thông của Vùng.

*Hai là, đối với hạ tầng logistics:* Chính quyền địa phương các cấp căn cứ Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics của Chính phủ để xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới hạ tầng logistics trên địa bàn, chẳng hạn, hạ tầng cứng (hạ tầng giao thông và trung tâm logistics), hạ tầng mềm (ICT). Trong đó chú trọng đầu tư hạ tầng vận tải thủy nội địa; hạ tầng truyền thông và hạ tầng logistics cho các tuyến, luồng hàng hóa, định tuyến lại được kết nối để đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thị trường đầu ra cho các mặt hàng trái cây của Vùng. Hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị xuất khẩu mặt hàng trái cây quan tâm các gói dịch vụ logistics theo hướng chuyên môn hóa nhằm hạn chế tỷ lệ hao hụt, tổn thất, qua đó hạ thấp chi phí sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Đặc biệt, tăng cường liên kết với chủ thể khác trong sử dụng dịch vụ logistics nhằm tận dụng lợi thế nhờ quy mô và nâng cao sức mạnh của mạng lưới chủ hàng.

Các Bộ, ngành và chính quyền các địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi đối với hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ logistics, hướng các đơn vị này liên kết theo chuỗi dịch vụ tại ĐBSCL, tạo điều kiện cho đơn vị sử dụng dịch vụ giảm chi phí, thời gian; thiết lập địa điểm tập kết container đạt chuẩn trong hệ thống khai thác của các hãng tàu cho Vùng ở khu vực thành phố Cần Thơ hoặc địa phương lân cận để có địa điểm tập kết container rộng nhằm thúc đẩy, khuyến khích sự phát triển lĩnh vực vận tải thủy ở ĐBSCL.

#### ***4.2.2.2. Hỗ trợ hoạt động thu hút đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến trái cây thực phẩm***

ĐBSCL, hiện tại, đang thiếu một lực lượng chủ công quan trọng làm đầu tàu để có thể phát huy hết thế mạnh về một trong những sản phẩm chủ lực là mặt hàng trái cây. Nguyên nhân khiến doanh nghiệp ở Vùng chưa quan tâm đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, nhất là các mặt hàng trái cây đến từ nguyên nhân khách quan và chủ quan. Nguyên nhân khách quan là khả năng rủi ro cao đối với các doanh nghiệp chế biến khó tiếp cận được với các nguồn lực đầu vào như đất đai, vốn, khoa học công nghệ, thị trường tiêu thụ khó khăn; nguyên nhân chủ quan như: hiệu quả thực hiện chính sách của cơ quan quản lý nhà nước ở một số tỉnh, thành còn hạn chế, một số thủ tục hành chính rườm rà; cơ chế, chính sách hiện có chỉ dừng lại là khuyến khích nên mức độ thu hút sự đầu tư của doanh nghiệp còn thấp. Vì vậy UBND cấp tỉnh cùng các sở, ban ngành có liên quan cần có sự quyết tâm cùng với các Bộ, ngành ở Trung ương để gỡ khó cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sơ chế, chế biến sâu các mặt hàng trái cây của Vùng. Cụ thể như sau:

##### *Một là, đối với chính sách thuế, tài chính, tín dụng*

Đối với chính sách thuế: các địa phương trong Vùng cần tiếp tục kiến nghị Trung ương sửa đổi, hoàn thiện chính sách thuế đáp ứng yêu cầu đơn giản, hiệu quả và chặt chẽ trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước đồng thời thúc đẩy hoạt động của doanh nghiệp phát triển. Chẳng hạn, kiến nghị Trung ương cho phép thực hiện một số biện pháp hỗ trợ thuế như: áp dụng mức giá cho thuê đất thấp nhất trong khung giá do Chính phủ

quy định; tiếp tục nghiên cứu để đề xuất Trung ương cho phép UBND cấp tỉnh áp dụng một số chính sách miễn, giảm thuế cho riêng các chủ thể đầu tư sản xuất, chế biến, kinh doanh và cung cấp dịch vụ đối với các sản phẩm chủ lực mang tính định hướng chiến lược vào các vùng chuyên canh ở Vùng. Đối với doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chế biến, tiêu thụ trái cây có thể miễn thuế thu nhập doanh nghiệp xuống 10%, doanh nghiệp chế biến, đóng gói và tiêu thụ trái cây có đăng ký thương hiệu hỗ trợ quy định thuế giá trị gia tăng bằng 0% [80].

Đối với chính sách hỗ trợ vốn: các doanh nghiệp ở ĐBSCL thời gian qua gặp khó khăn do nguồn nguyên liệu trái cây không ổn định, nhất là công đoạn tham gia vào khâu thu gom, sơ chế và tiêu thụ. Do đó, chính quyền các địa phương trong Vùng cần tiếp tục phối hợp với Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại trên địa bàn mở rộng cho các doanh nghiệp tham gia chế biến trái cây tươi tiếp cận kênh vay vốn ưu đãi hoặc được nhận bảo lãnh tín dụng từ nguồn vốn ưu đãi của quốc gia và của địa phương giúp các doanh nghiệp có vốn đầu tư thiết bị, máy móc; đồng thời chính sách ưu đãi về lãi suất không tính theo năm mà chỉ tính theo mùa vụ sản xuất.

Muốn vậy, cần xây dựng và công khai hóa các quy chế, tiêu chí được nhận ưu đãi khuyến khích đầu tư trong từng lĩnh vực, từng nhóm ngành, từng sản phẩm không phân biệt thành phần kinh tế và loại hình kinh doanh; chuyển dần hình thức ưu đãi trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp, tức là thay vì dùng vốn ưu đãi cấp trực tiếp cho các doanh nghiệp và dự án, nay từng bước chuyển sang dùng nguồn vốn này phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kinh doanh, thông tin, xúc tiến thị trường, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm,... có như vậy, từ việc hỗ trợ cho doanh nghiệp riêng lẻ được lợi, nay đã chuyển sang cho tất cả các doanh nghiệp được hưởng lợi của nguồn ưu đãi đầu tư hỗ trợ phát triển. Đồng thời, nhanh chóng triển khai gói tín dụng ưu đãi dành cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến, bao gồm cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhà vườn, hợp tác xã chứ không nhất thiết phải là doanh nghiệp quy mô lớn có tài sản thế chấp bảo đảm. Đơn giản thủ tục hành chính để tạo điều

kiện cho doanh nghiệp dễ dàng vay vốn, có ưu tiên tín chấp bằng giá trị đầu tư công trình của chính doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, đối với các doanh nghiệp đầu tư vào chế biến trái cây tươi cần có cơ chế cho vay trọn gói, không cho vay hợp vốn, không cho vay theo từng giai đoạn, vì mỗi tổ chức tín dụng có một mục tiêu khác nhau, nếu ngân hàng A cho vay, ngân hàng B chưa cho vay thì dự án khó triển khai.

#### *Hai là, chính sách đất đai*

Để phát triển các cơ sở thu gom, chế biến mặt hàng trái cây, ngoài nguồn vốn lớn cần có quy mô diện tích lớn. Tuy nhiên, hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân và hộ gia đình hiện nay ở khu vực ĐBSCL chỉ từ 02 - 30 ha, gây khó khăn cho tích tụ ruộng đất đáp ứng yêu cầu phát triển trung tâm chế biến trái cây. Trước mắt, Nhà nước và các địa phương cần sớm có chính sách ưu đãi hơn về hạn điền (theo hướng mở rộng hạn điền), thời gian thuê đất dài hơn (từ 50 - 70 năm), hỗ trợ hoạt động tích tụ và tập trung đất đai, nhất là giảm thuế sử dụng đất, có chính sách bảo hiểm phù hợp trước rủi ro của hoạt động sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp. Đặc biệt, để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, UBND tỉnh, thành phố cần hỗ trợ bằng cách giao quỹ đất sạch 70% cho doanh nghiệp.

#### ***4.2.2.3. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây***

*Một là*, trên bình diện cả nước Chính phủ cần có ban hành cơ chế, chính sách và giải pháp cụ thể để nâng cao năng lực tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới cho lực lượng lao động, nhất là trong ngành trái cây và lĩnh vực công nghệ chế biến sản phẩm từ trái cây tươi. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải giúp nâng cao nhận thức về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trình độ năng lực, kỹ năng, tay nghề, tri thức khoa học cho đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp, cán bộ kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao trong các doanh nghiệp chế biến. Đối với các doanh nghiệp thương mại, xuất khẩu trái cây cần chú trọng đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng về thực hiện dịch vụ tư vấn xuất nhập khẩu, dịch vụ tiếp cận thị trường, bồi dưỡng tri thức về hội nhập kinh tế

quốc tế; tuyển chọn những cán bộ, nhân viên có phẩm chất chính trị tốt, có kiến thức về pháp luật thương mại quốc tế có năng lực chuyên môn và đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ để gửi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu ở nước ngoài, nhằm tham gia có hiệu quả vào giải quyết các tranh chấp thương mại trên trường quốc tế nếu có phát sinh.

Hiện tại, nước ta đang có nhiều lợi thế cạnh tranh trong nhóm quốc gia xuất khẩu các mặt hàng trái cây ở phân khúc thị trường có công nghệ thấp, đa số xuất khẩu dạng quả tươi. Với mục tiêu gia tăng giá trị của các mặt hàng trái cây xuất khẩu cần đẩy mạnh ưu tiên phát triển khoa học công nghệ nhằm tạo ra các mặt hàng trái cây chế biến có hàm lượng trí tuệ, công nghệ cao. Vì vậy, Chính phủ cần chủ động, tích cực trong hợp tác quốc tế để nắm bắt kinh nghiệm, nhập khẩu công nghệ tiên tiến thông qua nhập khẩu bằng phát minh sáng chế để triển khai ứng dụng, nhất là lựa chọn các công nghệ mới trong lĩnh vực bảo quản, chế biến để nâng cao chất lượng các mặt hàng trái cây ở Việt Nam và vùng ĐBSCL. Đồng thời, thực hiện tốt công tác khuyến nông, hỗ trợ người sản xuất trái cây áp dụng quy trình sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, tuân thủ nghiêm các yêu cầu về kỹ thuật, quy định về bản quyền, nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ của các thị trường nhập khẩu trái cây lớn của Việt Nam.

*Hai là*, dưới góc độ vùng ĐBSCL, UBND cấp tỉnh cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn của Bộ, ngành, đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm cây ăn trái ở Vùng như Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam, Đại học Cần Thơ,... tăng cường hình thức đào tạo ngắn hạn phù hợp với khả năng tiếp thu kiến thức và tay nghề, tập quán lao động của người nông dân; phối hợp với các tổ chức quốc tế trong đào tạo, cập nhật, tiếp thu phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong lĩnh vực trồng cây ăn trái. Đặc biệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm thay đổi tập quán sản xuất truyền thống, hướng dẫn các nhà vườn, hợp tác xã kỹ thuật sản xuất trái cây theo tiêu chuẩn GAP, sạch, an toàn thực phẩm trên cơ sở ứng dụng khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ. Trong quá trình đào tạo người lao động, các nhà vườn, hợp tác xã cần phải có sự liên kết

chặt chẽ và hỗ trợ của các cơ sở đào tạo để chủ động đưa ra những yêu cầu phù hợp với trình độ chuyên môn, qua đó các cơ sở đào tạo mới có thể xây dựng chương trình, nội dung đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế.

Nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, kiến thức cho nông dân, lao động nông nghiệp tại các doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng trái cây có đủ khả năng nắm bắt thông tin thị trường, pháp lý, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ nhằm thực hiện tốt chủ trương đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Cụ thể, Đề án đào tạo, chuyển đổi nghề lao động nông nghiệp nông thôn vùng ĐBSCL đến năm 2030 trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện phải hướng đến hình thành lực lượng nông dân chuyên nghiệp gắn với nâng cao các kiến thức, kỹ năng về thị trường, tổ chức sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Đặc biệt, các định hướng, giải pháp hỗ trợ, đào tạo nghề cho vùng ĐBSCL đáp ứng theo xu thế, định hướng và quy hoạch phát triển của Vùng và hình thành các vùng nguyên liệu trái cây gắn với chế biến, xuất khẩu. Đa dạng hóa các chương trình, nội dung đào tạo giúp các nhà vườn, hợp tác xã vừa nắm vững kỹ thuật trồng cây ăn trái, vừa có kỹ năng bán hàng và xây dựng chuỗi giá trị và kết nối, hình thành các vùng nguyên liệu lớn...; đồng thời, chuyển một bộ phận lao động sản xuất trực tiếp sang các hoạt động sơ chế, chế biến, kinh doanh các mặt hàng trái cây.

Về lâu dài, các địa phương trong Vùng cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho sản xuất, chế biến các sản phẩm chủ lực với những bước đi và lộ trình cụ thể, gắn với nhu cầu thị trường lao động. Phối hợp với các tổ chức quốc tế để xây dựng và kiểm định chương trình đào tạo nhân lực về kỹ thuật sản xuất, chế biến trái cây, dịch vụ logistics và thương mại quốc tế ở một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của Vùng, gắn đào tạo với thực tiễn triển khai những vùng chuyên canh cây ăn trái.

Mở rộng mạng lưới dạy nghề, triển khai các chương trình đào tạo nghề cho lao động ở khu vực nông thôn; đầu tư nâng cấp các Trường Cao đẳng nghề trong

Vùng đạt chuẩn chất lượng cao,... Đảm bảo đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo của ĐBSCL đạt khoảng 65%, trong đó 25% lao động có bằng cấp, chứng chỉ [10]. Hoàn chỉnh quy hoạch các cơ sở dạy nghề, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo nguồn nhân lực.

Khuyến khích mô hình đào tạo nghề tại các doanh nghiệp, nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp lớn trong đào tạo tay nghề cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng cách chủ động trong việc tìm nguồn vốn đầu tư để mở rộng cải tiến công nghệ, kỹ thuật. Thực hiện điều này, về phía Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ về vốn cho các doanh nghiệp đó thay đổi năng lực kỹ thuật và công nghệ. Đồng thời, phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu, các hội liên hiệp khoa học - công nghệ đến giúp đỡ các cơ sở kinh tế trong việc ứng dụng về kỹ thuật, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, tạo điều kiện cho họ tiếp nhận việc chuyển giao công nghệ của nước ngoài góp phần rút ngắn khoảng cách mặt bằng công nghệ trong lĩnh vực chế biến trái cây của Vùng so với cả nước và khu vực.

*Ba là*, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách hiệu quả để tăng cường khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến các sản phẩm trái cây ở ĐBSCL, nhất là nâng cao tỷ lệ chế biến sâu đối với các mặt hàng trái cây chủ lực của Vùng. Việc thực hiện tốt biện pháp này sẽ giúp nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ mặt hàng trái cây của ĐBSCL. Để thu hút sự đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến các mặt hàng trái cây bên cạnh yêu cầu phải có vùng nguyên liệu tập trung quy mô phù hợp, còn đòi hỏi chi phí đầu tư lớn về máy móc, thiết bị hiện đại, ứng dụng các công nghệ chế biến, bảo quản tiên tiến để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Do đó, Nhà nước cần quan tâm hỗ trợ tăng cường khả năng cung ứng và tiếp cận vốn tín dụng đối với các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng công nghệ cao vào lĩnh vực chế biến mặt hàng trái cây. Cụ thể, bên cạnh việc triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến mặt hàng trái cây theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, lãi suất linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, đáp



ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện giảm lãi suất thị trường; phối hợp với các bộ ngành, đơn vị liên quan để triển khai hiệu quả Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, Nghị định số 17/VBHN-NHNN ngày 25/9/2018 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật tạo thuận lợi cho việc cung ứng đồng bộ các sản phẩm tài chính mới nhằm giúp các hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây nâng cao năng lực tiếp cận tín dụng với quy mô vốn lớn và dài hạn. Đối với các loại hình kinh tế hợp tác gặp khó khăn về tài sản thế chấp, Ngân hàng Nhà nước cần tạo cơ chế, chính sách để các tổ chức tín dụng cho phép sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay của các dự án đầu tư dây chuyền chế biến các mặt hàng trái cây làm tài sản bảo đảm, cùng với đó là đơn giản hóa các thủ tục và điều kiện vay vốn. Đẩy mạnh phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp để phòng ngừa rủi ro hiệu quả, xóa bỏ tâm lý e ngại của doanh nghiệp khi nhà đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp. Đặc biệt, cần ưu tiên triển khai các chương trình bảo hiểm cho các nhà vườn, hợp tác xã sản xuất trái cây trong vùng chuyên canh được quy hoạch với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu.

#### ***4.2.2.4. Chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực của các chủ thể kinh tế trong hoạt động tiêu thụ trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long***

*Một là, giải pháp hỗ trợ nhà vườn, hợp tác xã và doanh nghiệp xuất khẩu chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, chế biến các mặt hàng trái cây phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu*

Nhà nước cần nghiên cứu cung - cầu thị trường tiêu thụ trái cây trong nước và quốc tế để xác định quy mô diện tích cây ăn trái, cũng như diện tích lúa kém hiệu quả cần chuyển đổi sang các đối tượng khác. Đồng thời, trước yêu cầu phải

bảo đảm các mục tiêu về an ninh lương thực, để tăng sản lượng trái cây, ngành Nông nghiệp của các tỉnh, thành ở ĐBSCL ưu tiên khuyến khích việc nghiên cứu các loại giống cây ăn trái có thể mạnh, đáp ứng được yêu cầu của thị trường, cũng như thích ứng với biến đổi khí hậu. Các cơ quan chuyên môn của Chính phủ thường xuyên cung cấp cho các địa phương trong Vùng và doanh nghiệp thông tin, dự báo chính xác về nhu cầu thị trường nhằm đảm bảo đầu ra cho các mặt hàng trái cây của Vùng, nhất là sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về hệ thống kiểm tra chất lượng, áp dụng các tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc tế như ISO, HACCP,... ngay từ khâu sản xuất và chế biến mặt hàng trái cây phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Trong bối cảnh nhu cầu thị trường xuất khẩu ngày càng khắt khe về chất lượng và nhất là yếu tố an toàn thực phẩm, nếu các nhà vườn, hợp tác xã trồng trái cây ở ĐBSCL không có sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc sản xuất theo hướng an toàn sẽ tạo ra thách thức, rủi ro đối với sự phát triển bền vững của ngành trái cây và của ngành nông nghiệp của Vùng. Vì vậy, một mặt các địa phương cần tăng cường hoạt động thu hút các doanh nghiệp thuộc khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các tập đoàn kinh tế lớn đến từ các quốc gia phát triển có sử dụng hàm lượng công nghệ cao, tạo ra giá trị hàng hóa lớn để xuất khẩu; mặt khác, cần đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp mới, nhất là đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp gắn với yêu cầu đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại để tạo ra sản phẩm có hàm lượng trsi tuệ, công nghệ tiên tiến mang lại giá trị cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các mặt hàng trái cây Việt Nam so với với sản phẩm cùng loại trên thế giới và trong khu vực. Tuy vậy, do đa số các doanh nghiệp trong Vùng đều có quy mô nhỏ và vừa, nguồn vốn hạn chế,... cộng với Chỉ số phức hợp kinh tế (thước đo phản ánh năng lực cạnh tranh kinh tế của địa phương) của ĐBSCL chỉ đạt 0,62 (mức bình quân cả nước là 1,0) [115, tr.83], nên để tạo ra sự đột phá về ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, kinh doanh mặt hàng trái cây ở Vùng tiếp tục đặt ra thách thức mới đối với vai trò hỗ trợ của Nhà nước thời gian tới.

*Hai là, giải pháp nâng cao năng lực tổ chức hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL*

(1) Hỗ trợ thúc đẩy thương mại các mặt hàng trái cây ở thị trường trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- Đa dạng hóa các kênh bán hàng hiện đại từ thành thị đến nông thôn; tăng cường kết hợp bán hàng theo phương thức truyền thống với các kênh phân phối tiêu thụ hiện đại. Qua nghiên cứu kinh nghiệm của Thái Lan trong việc hình thành các trung tâm đầu mối về giới thiệu, kinh doanh nông sản hàng hóa, chính quyền các địa phương trong Vùng cần hình thành các địa điểm uy tín để tập trung quảng bá, giới thiệu các mặt hàng trái cây đặc sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao của địa phương. Theo đó UBND cấp tỉnh các địa phương ở ĐBSCL chỉ đạo việc nghiên cứu cơ sở pháp lý và điều kiện cần thiết để thành lập và vận hành hiệu quả mô hình trung tâm giới thiệu sản phẩm trái cây chủ lực của địa phương và của Vùng đặt tại 08 trung tâm đầu mối về liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ở ĐBSCL; đồng thời xem đây là kênh tiêu thụ chính thống nhằm giới thiệu sản phẩm trái cây sạch, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm đến người tiêu dùng. Từ đó, xây dựng các chuỗi cửa hàng trưng bày tại các chợ đầu mối nông sản, chợ dân sinh và hệ thống cửa hàng tiện ích của các tập đoàn bán lẻ (WinMart Plus, Co.op Food, Satra Food, Bach Hoa Xanh...) hoặc cửa hàng trái cây của hộ kinh doanh. Cùng với đó, quan tâm mời gọi các cơ quan quản lý, doanh nghiệp của các tỉnh, thành phố trong Vùng, doanh nghiệp trong và ngoài nước đến thăm các vùng nguyên liệu trên địa bàn và ký kết tiêu thụ mặt hàng trái cây.

- Có chính sách hỗ trợ hệ thống bán lẻ của các tập đoàn, tổng công ty ngành hàng trái cây, thiết lập và phát triển mối liên hệ dọc có quan hệ gắn kết chặt chẽ, ổn định và ràng buộc trách nhiệm trên từng công đoạn của quá trình lưu thông từ sản xuất đến xuất khẩu, đến bán buôn và bán lẻ thông qua các quan hệ trực tuyến hoặc quan hệ đại lý, mua - bán. Tăng cường thiết lập hệ thống phân phối trên cơ sở xây dựng và phát triển hệ thống tổng kho bán buôn, hệ thống trung tâm logistics được bố trí theo khu vực thị trường để tiếp nhận trái cây hàng hóa từ các

cơ sở sản xuất, nhập khẩu và cung ứng hàng hóa cho mạng lưới bán buôn, bán lẻ trên địa bàn.

- Hỗ trợ xây dựng và vận hành các trang thông tin điện tử phục vụ cho giới thiệu, kinh doanh mặt hàng trái cây. Bên cạnh việc thúc đẩy phân phối, tiêu thụ các mặt hàng trái cây thông qua các kênh trực tiếp, các sở, ngành của các tỉnh cần quan tâm chú trọng phát triển, hoàn thiện các kênh phân phối hiện đại như: xây dựng và vận hành các trang thông tin điện tử phục vụ cho xúc tiến thương mại mặt hàng trái cây; khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh trái cây phát triển thương mại điện tử ký kết hợp tác với các sàn thương mại điện tử của Nhà nước và tư nhân. Đặc biệt, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn trang bị kiến thức, kỹ năng giới thiệu, bán hàng trên các sàn thương mại điện tử cho cơ sở sản xuất trái cây những kiến thức cơ bản để vận hành, phát triển các xây dựng kênh phân phối, tiêu thụ trái cây, nhất là ứng dụng công nghệ trong vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt của thị trường nhập khẩu và nhu cầu tiêu dùng sản phẩm trái cây sạch, an toàn thực phẩm của người dân trong nước.

- Chính quyền các địa phương của Vùng phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng chiến lược xúc tiến thương mại vào từng thị trường cho từng mặt hàng trái cây chủ lực của Vùng; chú trọng các mặt hàng có thế mạnh, ưu thế cạnh tranh về chất lượng, mẫu mã, bao bì đóng gói đúng quy chuẩn; cần chú trọng đầu tư, phát triển mạnh khâu chế biến trái cây thực phẩm, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Mặt khác, xây dựng nội dung và kế hoạch, chiến lược tuyên truyền, quảng bá sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể và các sản phẩm thế mạnh, truyền thông của từng địa phương nhằm giúp tăng cường nhận biết các mặt hàng trái cây của ĐBSCL mang chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể của Việt Nam đến với khách hàng, người tiêu dùng quốc tế.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp trong Vùng đẩy mạnh chuyển đổi sang hình thức xuất khẩu chính ngạch gắn với xây dựng thương hiệu, thúc đẩy xuất khẩu bền vững qua đó nâng cao vị thế của

nông sản Việt Nam. Đồng thời, xây dựng và thực hiện các dự án phát triển mạng lưới chợ và trung tâm thương mại ở các địa phương theo quy hoạch, phát triển hệ thống siêu thị và khuyến khích các nhà phân phối, kinh doanh tổ chức các mạng lưới phân phối mặt hàng trái cây rộng khắp trên thị trường nội tỉnh, khu vực và trên cả nước.

(2) Tăng cường công tác xúc tiến thương mại các mặt hàng trái cây, cung cấp thông tin diễn biến thị trường cho các chủ thể liên quan.

- Nhà nước cần kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm, hệ thống thông tin thị trường từ Trung ương đến địa phương; thành lập các địa điểm hỗ trợ thông tin thị trường tại các vùng chuyên canh. Hoạt động của các điểm thông tin này sẽ được phối hợp chặt chẽ với các trạm khuyến nông, các hợp tác xã và doanh nghiệp. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan nhà nước thông tin thường xuyên, kịp thời, chính xác cho người sản xuất trái cây nắm được tình hình cung - cầu, giá cả của thị trường trong nước và xuất khẩu để điều chỉnh quy mô, cơ cấu sản xuất, đối tượng trái cây hợp lý. Nhà nước cũng cần có chính sách cụ thể khuyến khích các địa phương, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trái cây tham gia các hội chợ, lễ hội trái cây do các địa phương trong nước hoặc các nước có thể mạnh về xuất khẩu trái cây trong khu vực tổ chức; huy động nguồn lực để xây dựng và duy trì hiệu quả các trung tâm giao dịch và giới thiệu mặt hàng trái cây của địa phương ở nước ngoài. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các tổ chức quốc tế xây dựng sàn giao dịch trái cây kết nối với các sàn giao dịch uy tín trên thế giới; nhờ tư vấn, hỗ trợ về mặt kỹ thuật và nâng cao năng lực xúc tiến thương mại đối với các mặt hàng trái cây.

- Các địa phương và doanh nghiệp xuất khẩu trái cây định kỳ cử đại diện tham gia các hội thảo, hội nghị, diễn đàn, phiên tư vấn xuất khẩu, chuỗi chương trình Hội nghị giao ban xúc tiến thương mại với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài theo chủ đề nhằm chủ động cập nhật các thông tin về tình hình thị trường, các chính sách kinh tế thương mại, đầu tư và xuất khẩu, rào cản thương

mại, thị hiếu người tiêu dùng đối với các mặt hàng trái cây của nước sở tại, qua đó giúp doanh nghiệp của Vùng kịp thời xây dựng định hướng cho sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, khai thác hiệu quả các thị trường có ký kết hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các thị trường mới còn nhiều dư địa để khai thác.

- UBND các tỉnh, thành trong Vùng cần bố trí nguồn lực hợp lý cho hoạt động xúc tiến thương mại, phối hợp với Bộ Công Thương trong xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại cả trong nước và quốc tế có chiều sâu, quy mô, với nội dung và hình thức mới, nhằm đa dạng hóa các hình thức tiếp cận các doanh nghiệp nhập khẩu, nhà phân phối tại các thị trường quốc tế, đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác, đa dạng hóa thị trường. Đặc biệt, chủ động tổ chức và tham gia các chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, các hoạt động liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa các địa phương; khai thác quan hệ hợp tác đã được thiết lập với các tập đoàn phân phối đã và sẽ hiện diện tại ĐBSCL như: Aeon, Lotte, Big C... để thông qua bộ phận xuất khẩu, thúc đẩy việc thu mua, tiêu thụ nhiều mặt hàng trái cây của Vùng tại hệ thống phân phối của các tập đoàn này trên thế giới.

- Triển khai, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại, mở rộng các kênh phân phối mặt hàng trái cây qua nền tảng số, thương mại điện tử, thương mại đa kênh qua đó vừa hỗ trợ các địa phương trong Vùng khai thác kênh phân phối mới, có cơ hội tiếp cận số lượng lớn người tiêu dùng một cách nhanh chóng, hiệu quả, phát triển thương mại đa kênh; chủ động chuẩn bị kết nối, xúc tiến tiêu thụ trong nước cho các loại trái cây có tính mùa vụ của Vùng như sầu riêng, xoài, vú sữa...

- Chính quyền các địa phương tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu trái cây tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại do Bộ Công Thương tổ chức với đa dạng các hoạt động phát triển thị trường xuất khẩu như hội chợ, triển lãm quốc tế, hội chợ chuyên ngành, đa ngành có uy tín tại các thị trường như Trung Quốc, EU, khu vực châu Mỹ, ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản...; các chương trình giao thương, hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp hình thức

trực tiếp và hình thức trực tuyến với các đối tác nước ngoài tại các thị trường xuất khẩu quan trọng như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nam Á, châu Phi... Đồng thời, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân xúc tiến thị trường bằng nhiều hình thức như tham gia hội nghị, hội thảo, triển lãm, hội chợ, lễ hội trái cây ở trong và ngoài nước; tích cực hỗ trợ hơn nữa đối với việc phát triển thương hiệu tập thể sản phẩm trái cây, cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, mã vạch, tem phục vụ truy xuất nguồn gốc cho các nhà vườn, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu trái cây.

#### ***4.2.2.5. Đổi mới các hình thức liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ mặt hàng trái cây của vùng đồng bằng sông Cửu Long***

Hiện tại, các địa phương ở ĐBSCL đã hình thành đa dạng các hình thức liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản bao gồm liên kết theo chuỗi giá trị; liên kết ngành, cụm ngành hàng chủ lực; liên kết theo chuỗi sản xuất và chế biến; liên kết hướng đến thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước; liên kết vận tải - logistics; liên kết công nghệ thông tin; tuy nhiên chủ yếu nhất là liên kết theo ngành, cụm ngành hàng chủ lực gồm thủy sản, lúa gạo, cây ăn trái, rau màu. Tuy nhiên, các hình thức liên kết này hiệu quả không cao, thiếu tính bền vững, vẫn còn hiện trạng “bê kê” trong hợp đồng trước những biến động của giá cả thị trường.

Một khó khăn khác trong liên kết ở ĐBSCL là việc xây dựng và phát triển hệ thống giao thông đồng bộ trong Vùng và liên vùng, đặc biệt là giao thông đường thủy, gây khó khăn trong việc vận chuyển hàng hóa từ nông sản đến các điểm tiêu thụ. ĐBSCL cũng đang gặp trở ngại đối với hoạt động tiếp cận thị trường tiêu thụ; các nhà máy chế biến chưa đáp ứng được nhu cầu của nguồn nguyên liệu đến từ nông dân các kênh phân phối chưa được phát triển, gây khó khăn cho việc tiếp cận các kênh bán lẻ.

Trước những hạn chế, khó khăn đó, xu thế tất yếu là thành lập trung tâm liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản vùng ĐBSCL (đặt tại thành phố Cần Thơ). Tuy nhiên, dự án xây dựng Trung tâm hiện vẫn đang được cấp có thẩm quyền xem xét đề phê duyệt. Trước mắt, để góp phần nâng cao sức cạnh

tranh của mặt hàng trái cây của Vùng trong xu thế hội nhập quốc tế, cần căn cứ vào đặc thù của lĩnh vực cây ăn trái, quy mô, năng lực sản xuất trái cây của Vùng để củng cố, phát triển các mô hình liên kết hiện có, cụ thể như sau:

*Một là, liên kết, hợp tác để giải quyết “đầu vào” và “đầu ra” cho trái cây hàng hóa*

Các loại hình kinh tế cùng ngành nghề hợp tác với nhau để giải quyết “đầu vào” tìm nguồn nguyên liệu cho sản xuất hoặc một số hộ nông dân, hợp tác xã có thể chuyên làm nhiệm vụ tìm nguồn nguyên liệu, để cung ứng cho các doanh nghiệp thu mua và các cơ sở kinh tế khác. Hình thức này nên áp dụng phổ biến trong các cơ sở sản xuất, thu gom, chế biến trái cây, vừa giải quyết được nguồn nguyên liệu vừa đảm bảo giá cả nguyên liệu ổn định. Mặt khác, các doanh nghiệp và nhà vườn cũng cần tìm thị trường tiêu thụ, tức là “đầu ra” cho sản phẩm, họ có thể liên kết với nhau bằng nhiều hình thức. Một trong những hình thức đó là cho thuê lại các hợp đồng (tức là thực hiện lại các hợp đồng phụ, đặt hàng gia công) theo hệ thống từ các doanh nghiệp xuất khẩu đến cơ sở thu mua, thương lái và tới các nhà vườn hoặc hợp tác xã. Các tổ chức phải tiến hành sản xuất gia công chế biến theo đúng mẫu thiết kế quy cách chất lượng sản phẩm theo hợp đồng với các tổ chức tiêu thụ mặt hàng trái cây.

*Hai là, liên kết, hợp tác để trao đổi thông tin*

Một trong những khó khăn hiện nay của các chủ thể tham gia sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL là thiếu thông tin, đặc biệt là các thông tin về hệ thống pháp luật, về thị trường, về nguồn vốn, về đối tác... Riêng về hệ thống quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm, nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh trái cây cũng khó nắm bắt đầy đủ và kịp thời trong bối cảnh hệ thống pháp luật nước ta hiện đang được xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh. Do đó, có nhiều văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, chồng chéo lại thường xuyên thay đổi, trong khi các nông hộ, cơ sở chế biến nhỏ lẻ, cửa hàng kinh doanh trái cây rất cần tìm hiểu và cập nhật các thông tin về pháp luật để nắm vững và thực hiện. Vì vậy, các chủ thể trong mối liên kết sản xuất và tiêu thụ phải từ bỏ ngay tư duy “khi liên kết sẽ được gì” mà phải hình thành thói quen liên kết để cùng nhau phát



triển. Do đó, các Bộ, ngành có liên quan cần tham mưu có hiệu quả cho Chính phủ thành lập và phát triển các trung tâm thông tin thị trường ở các vùng chuyên canh cây ăn trái có quy mô sản lượng lớn, trong đó Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giữ vai trò chủ trì đối với công tác này. Xây dựng quy chế phối hợp trong hoạt động của trung tâm với các trạm khuyến nông, câu lạc bộ sản xuất cây ăn trái, hiệp hội trái cây và doanh nghiệp. Quan tâm theo dõi, nghiên cứu thị trường nhập khẩu, thông tin kịp thời những thay biến động của thị trường cho nông dân và doanh nghiệp.

Thực tế qua kết quả phỏng vấn các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây và nhà vườn, hợp tác xã trồng cây ăn trái cho thấy, việc liên kết kinh tế đã góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao thu nhập, giảm thiểu rủi ro cho cả doanh nghiệp và người sản xuất; tỷ lệ 46,96% ý kiến cho rằng việc quan trọng nhất là xây dựng chuỗi liên kết chặt chẽ và hài hòa giữa người trồng và doanh nghiệp thu mua, phân phối. Quá trình liên kết có thể diễn ra giữa các thành viên ở cùng một cấp trong chuỗi sản xuất như nông dân liên kết với nhau, hình thành những tổ hợp tác, hợp tác xã hay mô hình “Hội quán” (tỉnh Đồng Tháp) trồng cây ăn trái, qua đó từng bước xây dựng các vùng nguyên liệu trái cây ổn định.

#### **4.2.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long**

##### ***4.2.3.1. Xây dựng, hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp gắn với hỗ trợ tiêu chuẩn hóa nông sản quốc tế***

Hiện tại, việc quản lý chất lượng nông sản nói chung và mặt hàng trái cây nói riêng dựa trên các quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (năm 2006), đây là công cụ hữu hiệu giúp cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá chất lượng các mặt hàng trái cây được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Mặc dù vậy, các thị trường nhập khẩu quan trọng của Việt Nam như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc đang ngày càng đặt ra nhiều tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, điều kiện nghiêm ngặt về chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật.

Trái cây của ĐBSCL hiện đã có mặt tại những thị trường đặt ra yêu cầu cao về chất lượng như châu Âu, Hoa Kỳ, nhưng thực tế số lượng sản phẩm giao dịch tại các sàn giao dịch quốc tế là chưa nhiều, dẫn đến mặt hàng trái cây của ĐBSCL nói riêng, Việt Nam nói chung chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị trái cây toàn cầu. Lý giải cho hạn chế này là một số mặt hàng trái cây của nước ta chưa được tiêu chuẩn hóa về số lượng, chất lượng, bao bì, nhãn mác, kiểu cách đóng gói... theo quy định của các sàn giao dịch và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Để mặt hàng trái cây của ĐBSCL có khả năng mở rộng thị trường tiêu thụ trên thế giới, nhất là thâm nhập vào một số thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn chất lượng cao, đòi hỏi các nhà vườn, doanh nghiệp phải thay đổi tập quán sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, phát triển hệ thống hậu cần thương mại và được bồi dưỡng kỹ năng tham gia, quản trị trên các sàn giao dịch,... Muốn vậy, nhất thiết Nhà nước phải có sự hướng dẫn và phổ biến các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của thị trường nhập khẩu, các cam kết quốc tế của các cơ quan chức năng; đồng thời tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát để các chủ thể có liên quan thay đổi quy trình sản xuất, đổi mới phương thức tiêu thụ cho phù hợp. Theo đó, Bộ Khoa học và Công nghệ, một mặt, chủ động hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, môi trường,... phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế của đất nước; mặt khác, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương cập nhật, bổ sung, điều chỉnh hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia góp phần hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của các mặt hàng trái cây; quan tâm đúng mức đối với các mặt hàng trái cây đã được cấp phép nhập khẩu vào các thị trường phát triển khi xây dựng và triển khai danh mục các nhóm sản phẩm, hàng hóa bắt buộc áp dụng truy xuất nguồn gốc, nhóm sản phẩm ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc thuộc phạm vi quản lý.

Chính phủ cùng với chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành vùng ĐBSCL cần tăng cường tuyên truyền đến nhà vườn về lợi ích của việc áp dụng quy trình VietGAP, GlobalGAP vào sản xuất, nhất là chú trọng phổ biến thông tin về

những mô hình áp dụng các quy trình này qua internet hay truyền hình. Cán bộ khuyến nông cần định kỳ gặp gỡ, trao đổi và tư vấn để hướng dẫn các nhà vườn, hợp tác xã trồng cây ăn trái ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; áp dụng công nghệ để xây dựng chuỗi nông nghiệp an toàn, thiết lập hồ sơ ghi chép chi tiết những hoạt động thường ngày, áp dụng, quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, cũng như cập nhật liên tục về chính sách nhập khẩu, xu hướng và nhu cầu của thị trường.

Để đảm bảo người sản xuất trái cây có điều kiện đáp ứng tốt yêu cầu của quy trình về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, đòi hỏi Nhà nước cần thường xuyên rà soát cập nhật, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chính sách, pháp luật khuyến khích phát triển trồng cây ăn trái theo hướng GAP, an toàn, xanh và sạch; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến trái cây thực phẩm với quy mô lớn theo chuỗi giá trị; chủ động đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, đóng gói, cải tiến bao bì, nhãn hiệu, đa dạng hóa sản phẩm được chế biến từ trái cây. Theo đó, Chính phủ cần quan tâm đúng mức đến việc xây dựng chính sách phi thuế quan hợp lý, phù hợp với cam kết trong các hiệp định thương mại tự do, ưu tiên với các nhóm ngành trái cây tươi, trái cây chế biến, để vừa bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước, vừa đảm bảo các mặt hàng trái cây nhập khẩu đạt chất lượng.

#### ***4.2.3.2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp***

Mục tiêu trong thời gian tới là thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động sản xuất trái cây tươi và trái cây thực phẩm sạch, an toàn, ưu tiên phát triển các vùng chuyên canh, hướng tới áp dụng rộng rãi hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với trái cây chế biến xuất khẩu và trái cây chế biến nhập khẩu tiêu dùng trong nước, trước hết là tại các đô thị lớn.

Để thực hiện mục tiêu trên, các Bộ, ngành và chính quyền các cấp ở ĐBSCL cần tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, an toàn; chú trọng đến đối tượng hộ sản xuất kinh

doanh thực phẩm nhỏ lẻ. Phối hợp chặt chẽ và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp tại vùng trong công tác vận động, giám sát thực hiện an toàn thực phẩm. Tăng cường trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, nhất là cấp cơ sở, đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trái cây tươi, trái cây chế biến tại các chợ, cửa hàng tiện ích, siêu thị,... và xử lý nghiêm các vi phạm nếu có xảy ra. Các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong Vùng cần tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin về an toàn thực phẩm, tạo công cụ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ cộng đồng trong cung cấp thông tin chính xác về nguồn gốc xuất của các mặt hàng trái cây trên thị trường.

Để thực hiện nội dung trên, trước hết các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương tập trung hoàn thiện, đổi mới, hướng dẫn công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh mặt hàng trái cây của các địa phương cả nước, nhất là nâng cao hiệu quả công tác hậu kiểm an toàn thực phẩm; đồng thời tổ chức kiểm tra công tác quản lý an toàn thực phẩm tại các địa phương, địa bàn trọng điểm.

Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trong việc nâng cao nhận thức và phổ biến thông tin đầy đủ kịp thời đến người dân và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nông sản về các rào cản kỹ thuật của thị trường nhập khẩu, nhất là những cam kết có liên quan đến SPS.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất trái cây gắn với bảo vệ môi trường; phối hợp với Hội Nông dân đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn nhà vườn sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn cho sản xuất trái cây. Rà soát các cửa hàng trưng bày, kinh doanh các mặt hàng trái cây nằm trong danh mục đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm để tái cấp giấy chứng nhận hoặc thu hồi nếu không đảm bảo điều kiện theo quy định.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành nhân rộng mô hình chuỗi kinh doanh thực phẩm trái cây có kiểm soát, giảm dần trái cây thực phẩm tiêu dùng ở chợ dân sinh, chợ tự phát, chợ tạm, tăng dần tỷ lệ trái cây tươi, trái cây chế biến được tiêu thụ ở trong các siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ có kiểm soát an toàn thực phẩm. Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông duy trì và phát triển các trang thông tin điện tử trên mạng Internet về trái cây và các cơ sở sản xuất, chế biến và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trái cây. Xây dựng chính sách khuyến khích các địa phương, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trái cây tham gia các hội chợ trái cây trong nước và quốc tế; phối hợp xây dựng các trung tâm giới thiệu sản phẩm và giao dịch trái cây ở các thị trường xuất khẩu quan trọng.

UBND các tỉnh, thành trong Vùng tăng cường kiểm tra, giám sát về đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp tại các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến trái cây, điểm du lịch, bệnh viện, trường học trên địa bàn. Chỉ đạo các lực lượng chức năng như công an, quản lý thị trường phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật an toàn thực phẩm của các chủ thể sản xuất, kinh doanh mặt hàng trái cây trên địa bàn, kiểm soát tình trạng đầu cơ, tích trữ gây biến động giá cả thị trường, giám sát việc khai báo, cung cấp hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc sản phẩm ở các cửa hàng kinh doanh trái cây nhập khẩu.

Chú trọng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp ở ĐBSCL. Bên cạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm, cần quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, phát huy tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ, ý thức tận tâm, tận tụy với công việc cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, cán bộ quản lý, thanh tra. Ban hành và thực hiện nghiêm quy chế công vụ, công khai hóa hoạt động xử lý vi phạm hành chính, nâng cao trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ này.

***4.2.3.3. Tận dụng các cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực để đàm phán mở rộng thị trường nhập khẩu đối với mặt hàng trái cây của đồng bằng sông Cửu Long***

Thời gian qua, một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã được ký kết và triển khai, như: Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định thương mại Việt Nam - EU, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện giữa khu vực ASEAN với các đối tác Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc và Niu Di-lân. Đáng chú ý, 5 đối tác này đều đã ký kết hiệp định thương mại tự do với ASEAN, do đó, đây là cơ hội rất lớn cho các mặt hàng trái cây của ĐBSCL có khả năng tiếp cận các thị trường rộng lớn, có giá trị kinh tế cao. Thêm vào đó, có cơ hội tiếp cận các thị trường rộng lớn, giàu có và khắt khe sẽ giúp cho các doanh nghiệp, nhà vườn, hợp tác xã mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng sản phẩm, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao giá trị sản phẩm. Với những lợi ích to lớn đó, Nhà nước cần tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm đạt được các thỏa thuận có lợi cho ngành trái cây Việt Nam nói chung, sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL nói riêng. Bao gồm các biện pháp cụ thể như sau:

- Chính phủ cần tiếp tục đàm phán, đưa nền kinh tế Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; đồng thời tạo điều kiện cho các địa phương, doanh nghiệp của Vùng, đại diện các bên tham gia vào các cuộc đàm phán, thỏa thuận, vừa phản ánh lợi ích của người dân, vừa giúp các bên nắm được nội dung các thỏa thuận để có sự chuẩn bị về chiến lược, nguồn lực nhằm tận dụng tốt cơ hội và giảm thiểu các thách thức từ hội nhập. Ngoài ra, Chính phủ cũng cần chú trọng công tác truyền thông chính sách, thông tin, tuyên truyền về lợi ích và rủi ro đối với doanh nghiệp, người dân khi thực hiện những điều chỉnh trong quy trình sản xuất và yêu cầu phải đảm bảo khi tiếp cận thị trường mới. Phát huy vai trò của các chuyên gia trong lĩnh vực thương mại quốc tế, hiệp hội ngành nghề trong việc hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng các kịch bản để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức.

- Chính phủ cần chỉ đạo các tham tán thương mại, nhất là tại một số thị trường tiêu thụ trái cây quan trọng như EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc, cung cấp đầy đủ thông tin thị trường, chính sách nhập khẩu cùng các rào cản kỹ thuật, rào cản phi thương mại,... để chính quyền các địa phương của Vùng nắm bắt và kịp thời thông tin đến doanh nghiệp và người dân trên địa bàn. Mặt khác, Chính phủ cần phát huy vai trò của các hiệp hội ngành nghề tham gia hoạt động xúc tiến thương mại tại một số thị trường xuất khẩu mới thông qua tổ chức hội chợ, triển lãm; tìm kiếm đối thương mại cho các thành viên của hiệp hội.

- Chính quyền các tỉnh, thành ở ĐBSCL tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình của địa phương, đặc thù đối tác và thị trường xuất khẩu chủ động kiến nghị cụ thể đối với các Bộ, ngành cùng với tham tán thương mại tại cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước sở tại. Ví dụ, Sở Công Thương tỉnh Long An năm 2018 đã gửi kiến nghị yêu cầu Bộ Công Thương phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan cung cấp thông tin cảnh báo về trường hợp doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh không đăng hoàng; kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu biện pháp giúp doanh nghiệp khắc phục khó khăn trong khâu thanh toán tại thị trường châu Phi [149, tr.301-302].

## KẾT LUẬN

Những năm qua, hoạt động sản xuất và tiêu thụ nông sản, trong đó có các mặt hàng trái cây ở ĐBSCL liên tục phát triển về số lượng, chủng loại sản phẩm, góp phần quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Vùng. Có thể nói, ngành Nông nghiệp của ĐBSCL trong điều kiện hiện tại sẽ không thể đáp ứng được vai trò là giá đỡ của sự phát triển kinh tế trong Vùng, cung ứng mặt hàng trái cây cho thị trường tiêu thụ trong nước và đóng góp tỷ trọng không nhỏ cho kim ngạch rau quả xuất khẩu cả nước nếu không có vai trò định hướng, hỗ trợ và quản lý của Nhà nước, trong đó trực tiếp là sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, sự hướng dẫn chuyên môn của các Bộ, ngành, nhất là sự chủ động, tích cực trong triển khai thực hiện của chính quyền địa phương trong Vùng. Đồng thời, việc đi sâu nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL để làm rõ thực trạng hiện tại, tìm ra phương hướng và giải pháp thiết thực nhằm phát huy tối đa vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ một trong ba sản phẩm chủ lực của Vùng, góp phần vào phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Với tư tưởng đó, Luận án đã có những đóng góp mới trên phương diện lý luận và phương diện thực tiễn như sau:

*Về lý luận:* Bước đầu đưa ra khái niệm vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây, xác định nội dung vai trò và tiêu chí đánh giá, nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây. Nêu và phân tích kinh nghiệm phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ nông sản và mặt hàng trái cây thời gian qua ở Thái Lan, Trung Quốc và ở một số vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam như Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du và Miền núi phía Bắc và rút ra bài học kinh nghiệm vận dụng đối với phát huy vai trò của Nhà nước ở ĐBSCL trong tiêu thụ mặt hàng trái cây những năm tới.

*Về thực tiễn:* Qua trình bày và phân tích những thuận lợi và khó khăn từ điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội của ĐBSCL tác động đến việc hoạt động tiêu thụ mặt hàng trái cây và ảnh hưởng đến khía cạnh vai trò của Nhà



nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây của Vùng, đề tài luận án đã làm rõ thực trạng và chỉ ra những kết quả nổi bật cùng những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân chủ yếu trong quá trình Nhà nước thực hiện vai trò này ở ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2023. Trên cơ sở phân tích bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến việc tiêu thụ mặt hàng trái cây và quan điểm, định hướng hướng phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL đến năm 2030, đề tài luận án đã đề xuất ba nhóm giải pháp chủ yếu để phát huy vai trò của Nhà nước và chính quyền địa phương ở ĐBSCL trong tiêu thụ mặt hàng trái cây thông qua việc định hướng, hỗ trợ và quản lý hoạt động của các chủ thể tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ mặt hàng trái cây tại Vùng. Từ sự khái quát này, có thể khẳng định, đề tài luận án đã đạt được mục tiêu xây dựng được khung lý luận cho việc phân tích, đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở ĐBSCL trên ba khía cạnh vai trò định hướng, vai trò hỗ trợ và vai trò quản lý của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây - một trong ba nông sản chủ lực của vùng ĐBSCL.

Mặc dù nghiên cứu sinh đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài “*Vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở đồng bằng sông Cửu Long*”, nhưng do nội dung nghiên cứu vừa rộng, đòi hỏi kiến thức tổng hợp, vừa đề cập đến nhiều vấn đề phức tạp, chuyên môn sâu và cũng bởi năng lực bản thân, thời gian có hạn nên việc tiếp cận thu thập số liệu có thể chưa đầy đủ, cập nhật, không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Do vậy, nghiên cứu sinh kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến, bổ sung của quý nhà khoa học để giúp Nhà nước Việt Nam phát huy tốt vai trò trong sự phát triển ngành hàng trái cây, góp phần quan trọng giúp ngành Nông nghiệp vùng ĐBSCL phát triển bền vững.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ  
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Mai Trần Hải Đăng (2023), *Phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Phát triển bền vững Vùng, ISSN 2354-0729, Quyển 13, Số 4 (12/2023), tr.93-103.
2. Mai Trần Hải Đăng (2023), *Kinh nghiệm quốc tế về phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN 1859-4972, Số 34 (12/2023), tr.70-73.
3. Mai Trần Hải Đăng (2024), *Một số giải pháp góp phần phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN 1859-4972, Số 02 (01/2024), tr.96-99.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### \* Tài liệu tiếng Việt

1. Daron Acemoglu và James A. Robinson (2013), *Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói: Tại sao các quốc gia thất bại (The Origins of Power, Prosperity, and Poverty - Why Nations fail)* (do Trần Thị Kim Chi biên dịch), NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Hạ An (2021), *Ra mắt hệ thống cảnh báo thương mại toàn cầu phiên bản tiếng Việt - ePing*, tại trang <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ra-mat-he-thong-can-h-bao-thuong-mai-toan-cau-phien-ban-tieng-viet-eping-80652.htm>, [truy cập ngày 18/02/2024].
3. Hoài An (2021), *Nâng tầm thương hiệu trái cây Việt*, Tạp chí Con số & Sự kiện, Kỳ II - 03/2021, tr.25-27.
4. Nguyễn Hoàng Anh (2021), *Phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tại đồng bằng sông Cửu Long*, tại trang <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/phat-trien-kinh-te-nong-nghiep-ben-vung-va-thich-ung-bien-doi-khi-hau-tai-dong-bang-song-cuu-long-85863.htm>, [truy cập ngày 15/12/2023].
5. Trần Thị Kim Anh (2021), *Chính sách phát triển doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.
6. Lê Thị Mai Anh (2023), *Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường Úc và Niu Di-lân*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương - Bộ Công thương, Hà Nội.
7. Nguyễn Thế Anh (2019), *Xây dựng chuỗi liên kết giá trị trong phát triển nông nghiệp vùng Tây Nam bộ giai đoạn hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Ứng dụng công nghệ - kết nối chuỗi giá trị, giảm rủi ro cho nông sản, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh An Giang.

8. Tiến Anh (2022), *Tìm giải pháp đẩy mạnh tiêu thụ trái cây*, tại trang <https://nhandan.vn/tim-giai-phap-day-manh-tieu-thu-trai-cay-post700556.html>, [truy cập ngày 14/3/2024].
9. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản Trung ương (2016), *Báo cáo sơ bộ kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016*, NXB Thống kê, Hà Nội.
10. Chính phủ (2022), *Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022.
11. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022.
12. Bộ Công Thương (2019), *Báo cáo Logistics Việt Nam 2019*, NXB Công Thương, Hà Nội.
13. Bộ Công Thương (2020), *Báo cáo Logistics Việt Nam 2020*, NXB Công Thương, Hà Nội.
14. Bộ Công Thương (2022), *Báo cáo Logistics Việt Nam 2022 - Logistics xanh*, NXB Công Thương, Hà Nội.
15. Bộ Công thương (2022), *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2022*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
16. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2017): *Báo cáo tóm tắt Thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp năm 2016 và triển khai kế hoạch năm 2017*.
17. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018): *Báo cáo tóm tắt Thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018*.

18. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018): *Báo cáo Tình hình thực hiện Kế hoạch tháng 11, 11 tháng và nhiệm vụ 2 tháng cuối năm 2018.*
19. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2019): *Báo cáo Tình hình thực hiện Kế hoạch tháng 9, 9 tháng và nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2019.*
20. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020): *Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2020 và triển khai kế hoạch năm 2021.*
21. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021): *Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2021 và triển khai kế hoạch năm 2022.*
22. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021), *Báo cáo phát triển nông nghiệp bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Hội nghị Thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ngày 06/3/2022 tại Kiên Giang.
23. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021), *Quyết định số 3993/QĐ/BNN-TCCB ngày 13/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Tổ điều hành “Diễn đàn Kết nối nông sản 970”.*
24. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022), *Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc Phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030.*
25. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022): *Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2022 và triển khai kế hoạch năm 2023.*
26. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2023): *Báo cáo Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024.*

27. Bộ Y tế (2015), *Thông tư số 52/2015/TT/BYT ngày 21/12/2015 Quy định việc kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu và hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế*, tại trang <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2016/01/52-byt.signed.pdf>, [truy cập ngày 08/3/2024].
28. Bộ Y tế (2019), *Báo cáo Kết quả công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2019 và định hướng trong thời gian tới*.
29. Ngô Thành Can và Nguyễn Thị Thanh (2018), *Tiêu chí đánh giá hoạt động các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh*, tại trang [https://tcnn.vn/news/detail/39217/Tieu\\_chi\\_danh\\_gia\\_hoat\\_dong\\_cac\\_co\\_quan\\_chuyen\\_mon\\_thuoc\\_Uy\\_ban\\_nhan\\_dan\\_cap\\_tinh.html](https://tcnn.vn/news/detail/39217/Tieu_chi_danh_gia_hoat_dong_cac_co_quan_chuyen_mon_thuoc_Uy_ban_nhan_dan_cap_tinh.html), [truy cập ngày 31/01/2018].
30. Trung Chánh (2015), *Diện tích vườn cây ăn trái ĐBSCL đạt chứng nhận GAP rất thấp*, tại trang <http://tbtagi.angiang.gov.vn/dien-tich-vuon-cay-an-trai-dbscl-dat-chung-nhan-gap-rat-thap-935.html>, [truy cập ngày 19/12/2023].
31. Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp (2022), *Báo cáo kết quả liên kết tiêu thụ nông sản và thực hiện cơ giới hóa trong nông nghiệp năm 2022*, Báo cáo số 1360/BC-CCPTNT ngày 23/12/2022.
32. Chí Công (2023), *Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại*, tại trang <https://nhandan.vn/nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-xuc-tien-thuong-mai-post741251.html>, [truy cập ngày 17/4/2024].
33. Công ty cổ phần chứng nhận quản lý và chất lượng sản phẩm Greencert (2021), *Danh mục tiêu chuẩn về rau quả, trái cây*, tại trang <https://www.greencert.com.vn/van-ban-phap-ly/danh-muc-tieu-chuan-ve-rau-qua-trai-cay-3246.html>, [truy cập ngày 22/3/2024].

34. Công ty cổ phần Dịch vụ Thực phẩm Quốc tế (2024), *Tiêu chuẩn đối với ngành trái cây*, tại trang <https://congbosanpham.vn/tieu-chuan-doi-voi-nganh-trai-cay>, [truy cập ngày 16/3/2024].
35. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (2022), *Hiện trạng, giải pháp phát triển hợp tác xã, liên kết chuỗi giá trị cây ăn quả vùng Miền núi phía Bắc*, Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp: “Giải pháp phát triển môi liên kết bền vững vùng nguyên liệu cây ăn quả các tỉnh miền núi phía Bắc”, Chuyên đề số 7/2022, Sơn La.
36. Cục quản lý chất nông lâm và thủy sản (2018), *Danh sách chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn*, tại trang [http://www.nafiqad.gov.vn/Portals/0/DOCUMENTS/22\\_2\\_2018%20Danh%20sach%20chuoai%20cung%20ung%20thuc%20pham%20non%20lam%20thuy%20san%20an%20toan.pdf](http://www.nafiqad.gov.vn/Portals/0/DOCUMENTS/22_2_2018%20Danh%20sach%20chuoai%20cung%20ung%20thuc%20pham%20non%20lam%20thuy%20san%20an%20toan.pdf), [truy cập ngày 28/12/2023].
37. Cục Thống kê tỉnh An Giang (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Hậu Giang 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
38. Cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Bạc Liêu 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
39. Cục Thống kê tỉnh Bến Tre (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Bến Tre 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
40. Cục Thống kê tỉnh Cà Mau (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Cà Mau 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
41. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ (2023), *Niên giám Thống kê thành phố Cần Thơ 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
42. Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Tháp 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
43. Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Hậu Giang 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
44. Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Kiên Giang 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.

45. Cục Thống kê tỉnh Long An (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Long An 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
46. Cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Sóc Trăng 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
47. Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Tiền Giang 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
48. Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Trà Vinh 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
49. Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long (2023), *Niên giám Thống kê tỉnh Vĩnh Long 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
50. Cục Trồng trọt (2022), *Hiện trạng và định hướng phát triển cây ăn quả các tỉnh vùng Trung du và Miền núi phía Bắc*, Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp: “Giải pháp phát triển môi liên kết bền vững vùng nguyên liệu cây ăn quả các tỉnh miền núi phía Bắc”, Chuyên đề số 7/2022, Sơn La.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, t.I*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
53. Nguyễn Thanh Đình (2020), *Hợp đồng mua bán hàng hóa nông sản từ thực tiễn tại đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
54. Bá Dũng (2023), *Vĩnh Long tăng diện tích được cấp mã số vùng trồng*, tại trang <https://nhandan.vn/vinh-long-tang-dien-tich-duoc-cap-ma-so-vung-trong-post776459.html> <http://tbtagi.angiang.gov.vn/dien-tich-vuon-cay-an-trai-dbscl-dat-chung-nhan-gap-rat-thap-935.html>, [truy cập ngày 19/03/2024].



55. An Dương (2023), *Nâng cao năng lực tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng trái cây Việt để thúc đẩy xuất khẩu*, tại trang <http://tbtagi.angiang.gov.vn/nang-cao-nang-luc-tuan-thu-tieu-chuan-chat-luong-trai-cay-viet-de-thuc-day-xuat-khau-101956.html>, [truy cập ngày 11/3/2024].
56. Đức Duy (2024), *Lan tỏa mạnh mẽ hơn hương vị trái cây Việt Nam đến người tiêu dùng Trung Quốc*, tại trang <https://ttdn.vn/hoi-nhap-va-phat-trien/the-gioi-viet-nam/lan-toa-manh-me-hon-huong-vi-trai-cay-viet-nam-den-nguoi-tieu-dung-trung-quoc-110123>, [truy cập ngày 11/11/2024].
57. Bùi Hữu Đức (2008), *Phát triển thị trường nông sản nước ta trong điều kiện gia nhập tổ chức thương mại thế giới*, Tạp chí Cộng sản, (788) (tháng 6 năm 2008), tr.60-64.
58. Thanh Hà (2024), *Phấn đấu đến hết năm 2025, vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ có 600 km đường cao tốc*, tại trang <https://tapchicongthuong.vn/phan-dau-het-nam-2025--vung-dong-bang-song-cuu-long-se-co-600-km-duong-cao-toc-128855.htm>, [truy cập ngày 13/11/2024].
59. Đỗ Thu Hằng (2016), *Phát triển thị trường xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam trong bối cảnh hiện nay*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
60. Trần Hữu Hiệp (2019), *Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn về thể chế, liên kết kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Kết cấu hạ tầng và liên kết vùng phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, tr.236-251.
61. Trần Hiếu (2023), *Đồng bằng sông Cửu Long có hơn 2.000 sản phẩm OCOP*, tại trang <https://vov.vn/kinh-te/dong-bang-song-cuu-long-co-hon-2000-san-pham-ocop-post1064881.vov>, [truy cập ngày 02/02/2024].

62. Dương Quỳnh Hoa (2017), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
63. An Hòa (2022), *Xuất khẩu trái cây của vùng đồng bằng sông Cửu Long còn khiêm tốn*, tại trang <https://nhadautu.vn/xuat-khau-trai-cay-cua-vung-dong-bang-song-cuu-long-con-khiem-ton-d72991.html>, [truy cập ngày 15/4/2023].
64. Lê Phương Hòa, Phạm Thị Bích Ngọc (2019): *Phát triển nông nghiệp ở Malaysia; Thành tựu và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, tháng 3/2019, tr.38-49.
65. Đỗ Thị Phi Hoài (2011), *Một số nghiên cứu về thị trường ngách*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
66. Nguyễn Trọng Hoài (2023), *Vùng kinh tế Đông Nam bộ: Hiện trạng phát triển và các gợi ý tái cấu trúc bền vững*. Báo cáo tại Hội thảo khoa học, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
67. Lê Anh Hoàng và cộng sự (2021), *Một số vấn đề lý luận, thực tiễn và đề xuất mô hình truy xuất nguồn gốc điện tử cho hợp tác xã nông nghiệp*, Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, (2) tháng 4/2021, tr.13-23.
68. Nguyễn Huân, Phạm Hiếu (2024), *20 năm gian nan, bền bỉ đàm phán kỹ thuật mở cửa thị trường nông sản*, tại trang <https://nongnghiep.vn/20-nam-gian-nan-ben-bi-dam-phan-ky-thuat-mo-cua-thi-truong-nong-san-d340498.html>, [truy cập ngày 13/4/2024].
69. Phan Thị Huê (2019), *Kinh tế tư nhân trong nông nghiệp ở tỉnh Hải Dương*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
70. Ninh Đức Hùng (2013), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành trái cây Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Hà Nội.
71. Vũ Văn Hùng (2013), *Chính sách tiêu thụ nông sản của Việt Nam trong quá trình thực hiện các cam kết với Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*,

- Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
72. Đỗ Thị Hương và cộng sự (2024), *Các nhân tố ảnh hưởng đến tiêu dùng trái cây có chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam*, Tạp chí nghiên cứu công nghiệp và thương mại (bản điện tử), ISSN 2734-9799, tại trang <https://vioit.vn/cac-nhan-to-anh-huong-den-tieu-dung-trai-cay-co-chi-dn-dia-ly-tai-viet-nam.html>, [truy cập ngày 15/6/2024].
73. Nguyễn Lan Hương (2022), *Xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt Nam*, tại trang <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/4527-xay-dung-thuong-hieu-cho-nong-san-viet-nam.html>, [truy cập ngày 22/4/2023].
74. Thu Hường (2020), *Xây dựng nông thôn mới tại đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ: Nhiều chuyển biến tích cực*, tại trang <https://consosukien.vn/xay-dung-nong-thon-moi-tai-dong-bang-song-cuu-long-va-dong-nam-bo-nhieu-chuyen-bien-tich-cuc.htm>, [truy cập ngày 16/4/2023].
75. Huỳnh Trường Huy (2018), *Cách tiếp cận chuỗi giá trị để phát triển ngành hàng nông sản: Một số vấn đề thực tiễn tại ĐBSCL*, Kỷ yếu Hội thảo Phát triển nông thôn đồng bằng sông Cửu Long - Từ thực tiễn đến chính sách, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.104-117.
76. Phạm Thị Huyền, Bùi Hồng Quý (2021), *Thực trạng phát triển thị trường trái cây Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 10 (764), tr.18-20.
77. Phan Thị Thanh Huyền (2023), *Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua trái cây an toàn trực tuyến của người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp Chí Công Thương, (14) tháng 6/2023, tr.332-337.
78. Trần Thị Huyền (2016), *Sự biến đổi vai trò của nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Luận án tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

79. John Maynard Keynes (1994), *Lý luận tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ* (do Đỗ Trọng Hợp, Trần Mạnh Chín và Lê Minh Nguyệt dịch), NXB Giáo dục, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
80. Đinh Cao Khuê, Nguyễn Thị Thủy và Trần Đình Thao (2020), *Tổng quan một số chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và xuất khẩu nông sản*, Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Số 18 (9), tr.786-793.
81. Trần Giang Khuê (2022), *Xây dựng và phát triển thương hiệu đặc sản vùng đồng bằng sông Cửu Long*, tại trang <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/7009/xay-dung-va-phat-trien-thuong-hieu-dac-san-vung-dong-bang-song-cuu-long.aspx>, [truy cập ngày 21/3/2024].
82. Nguyễn Trọng Khương, Trương Thị Thu Trang (2017), *Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 14 (342), Kỳ 2 - tháng 7/2017, tr.42-50.
83. Trương Hồng Võ Tuấn Kiệt (2019), *Chuỗi giá trị xoài đồng bằng sông Cửu Long*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Kết cấu hạ tầng và liên kết vùng phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, tr.279-298.
84. Nguyễn Thị Phong Lan (2018), *Quản lý nhà nước đối với xuất khẩu nông sản ở Việt Nam trong hội nhập quốc tế*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
85. Nguyễn Thị Tân Lộc, Đỗ Kim Chung (2013), *Một số vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm về giải pháp tiêu thụ rau, quả thông qua hệ thống chợ và siêu thị*, Tạp chí Kinh Tế & Phát Triển, Số 195 (II) tháng 9/2013, tr.88-96.
86. Cao Đình Lành, Nguyễn Sơn Hải (2021), *Thực trạng về hợp đồng tiêu thụ nông sản tại Việt Nam và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí khoa học Đại học Huế, tập 130, Số 6C, 2021, tr.15-23.
87. Mai Thị Hồng Liên (2019), *Nhà nước kiến tạo phát triển - Lý luận và triển vọng thực tiễn ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

88. Pascal Liu và các cộng sự (2007), *Các quy định, tiêu chuẩn và chứng nhận đối với nông sản xuất khẩu (do Hoàng Thị Dung biên dịch)*, Cẩm nang hướng dẫn thực hành cho người sản xuất và xuất khẩu ở châu Á, Tổ chức Nông lương Liên Hợp quốc (FAO).
89. Hoàng Thị Ngọc Loan (2005), *Thị trường tiêu thụ hàng nông sản của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập AFTA*, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
90. Trần Bửu Long (2016), *Vai trò của Nhà nước đối với sự đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội.
91. Khúc Đại Long (2020), *Phát triển thương hiệu tập thể cho trái cây đặc sản của Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Thương mại, Hà Nội.
92. C.Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, t.24, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. C.Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, t.25, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
94. Nguyễn Duy Mạnh (2010), *Vai trò của Nhà nước đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta trong tiến trình đổi mới*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Nhà nước, Viện Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
95. Sally P. Marsh, T. Gordon MacAulay và Phạm Văn Hùng (2007), *Phát triển nông nghiệp và chính sách đất đai ở Việt Nam (do Phạm Văn Hùng dịch)*, Trung tâm Nghiên cứu nông nghiệp quốc tế của Ôx-trây-li-a (ACIAR), Canberra, tại trang [https://www.aciar.gov.au/sites/default/files/legacy/node/768/MN126\\_VN.pdf](https://www.aciar.gov.au/sites/default/files/legacy/node/768/MN126_VN.pdf), [truy cập ngày 15/8/2022].
96. Huỳnh Kiến Minh, Lưu Tiến Thuận (2014), *Giải pháp xuất khẩu bền vững trái cây đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí khoa học Cần Thơ, số. 01 (2014), tr.35-40.

97. Q.Minh (2020), *Đồng bằng sông Cửu Long kết nối giao thông đường bộ tạo động lực phát triển*, tại trang <https://baotainguyenmoitruong.vn/dong-bang-song-cuu-long-ket-noi-giao-thong-duong-bo-cao-dong-luc-phat-trien-305248.html>, [truy cập ngày 19/12/2023].
98. Ngô Thị Mỹ (2016), *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến xuất khẩu một số nông sản của Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
99. Lê Nam (2023), *Độc đáo Lễ hội trái cây thành phố Hà Nội năm 2023*, tại trang <https://kinhtedothi.vn/doc-dao-le-hoi-trai-cay-thanh-pho-ha-noi-nam-2023.html>, [truy cập ngày 18/01/2024].
100. Bùi Thị Hằng Nga, Nguyễn Minh Bách Tùng (2021), *Bảo hộ chi dẫn địa lý: yêu cầu của phát triển nông nghiệp bền vững*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 14 (417), tháng 9/2020, tại trang <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210678>, [truy cập ngày 20/4/2023].
101. Ngân hàng Thế giới (2016), *Vai trò của Nhà nước trong Phát triển kinh tế Việt Nam*, tại trang [https://www.economica.vn/Content/files/PUBL%20%26%20REP/Role%20of%20State\\_Overview\\_VN.pdf](https://www.economica.vn/Content/files/PUBL%20%26%20REP/Role%20of%20State_Overview_VN.pdf), [truy cập ngày 25/9/2022].
102. Ngân hàng Thế giới - Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Việt Nam (2016), *Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, tại trang <https://openknowledge.worldbank.org>, [truy cập ngày 16/10/2022].
103. Xuân Nghi (2024), *Triển vọng phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long*, tại trang <https://vneconomy.vn/trien-vong-phat-trien-vung-dong-bang-song-cuu-long.htm>, [truy cập ngày 09/3/2024].
104. Bình Nguyên (2019), *Sản xuất cây ăn trái ở ĐBSCL: Đối mặt với nhiều thách thức*, tại trang <https://baocantho.com.vn/san-xuat-cay-an-trai-o>

db scl-oi-mat-voi-nhieu-thach-thuc-a108215.html, [truy cập ngày 27/9/2023].

105. Võ Thị Ánh Nguyệt và Sơn Thị Quế Trân (2022), *Phân tích tác động của xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu đến năng suất cây trồng vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, Số 03(136)/2022, tr.24-33.
106. Đỗ Thị Hòa Nhã (2017), *Các yếu tố tác động đến xuất khẩu nông sản Việt Nam vào thị trường EU*, Luận án tiến sĩ Kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
107. Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Hoàng Phương (2022), *Những vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế đường sông ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Công thương, số 11, 5/2022, tr.72-77.
108. Bùi Thị Hồng Nương (2019), *Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
109. Hoàng Thị Kim Oanh (2016), *Vai trò của Nhà nước Việt Nam trong chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
110. Phansay Phengkhammay (2014), *Vai trò Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
111. Tấn Phong (2020), *Không để mất lợi thế cây ăn quả vùng ĐBSCL*, tại trang <https://vov.vn/kinh-te/khong-de-mat-loi-the-cay-an-qua-vung-dbscl-815711.vov>, [truy cập ngày 28/9/2023].
112. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Trung tâm WTO (2019), *Nghiên cứu Hoa quả Việt Nam vượt qua các rào cản vượt qua rào cản của thị trường EU để tận dụng cơ hội từ EVFTA*.

113. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - Trường Chính sách công và Quản lý (Fulbright) (2020), *Báo cáo kinh tế thường niên đồng bằng sông Cửu Long 2020: Nâng cao năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững*, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
114. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - Trường Chính sách công và quản lý (Fulbright): *Báo cáo tóm tắt kinh tế thường niên đồng bằng sông Cửu Long năm 2022*, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
115. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - Trường Chính sách công và quản lý (Fulbright): *Báo cáo kinh tế thường niên đồng bằng sông Cửu Long 2023 - Các nút thắt thể chế, quản trị và liên kết vùng*, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
116. Văn Phúc (2023), *Mặt hàng thứ 6 được xuất khẩu sang Trung Quốc theo nghị định thu*, tại trang <https://www.sggp.org.vn/mat-hang-thu-6-duoc-xuat-khau-sang-trung-quoc-theo-nghi-dinh-thu-post718229.html>, [truy cập ngày 06/02/2024].
117. Hữu Phước (2023), *Hậu Giang có hơn 450 ha cây ăn trái đạt chứng nhận tiêu chuẩn an toàn*, tại trang <https://kinhtenongthon.vn/Hau-Giang-co-hon-450ha-cay-an-trai-dat-chung-nhan-tieu-chuan-an-toan-post57602.html>, [truy cập ngày 04/4/2024].
118. Trần Hoa Phượng (2010), *Thái Lan, Malaysia và Philippines với việc phát triển các sản phẩm nông sản xuất khẩu*, Tạp chí những vấn đề kinh tế chính trị thế giới, số 5 (169), tr.76-80.
119. Trần Hoa Phượng (2013), *Lợi thế xuất khẩu nông sản của Việt Nam sau khi gia nhập WTO*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
120. Đình Quang (2023), *Toàn cảnh 8 dự án cao tốc đang triển khai ở đồng bằng sông Cửu Long*, tại trang <https://tapchigiaothong.vn/toan-canhh-8-du-an-cao-toc-dang-trien-khai-o-dong-bang-song-cuu-long-18323013010363101.htm>, [truy cập ngày 23/01/2024].



121. Ngọc Quỳnh (2006), *Vai trò của Nhà nước trong việc xúc tiến kinh doanh nông sản*, Tạp chí Thương mại, số 12 (422) - 2006, tr.3-4.
122. Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus (2002), *Kinh tế học, Tập I (do Vũ Cương - Đinh Xuân Hà - Nguyễn Xuân Nguyên - Trần Đình Toàn dịch)*, NXB Thống kê, Hà Nội.
123. Adam Smith (1997), *Của cải của các dân tộc (do Đỗ Trọng Hợp dịch)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
124. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp (2022): *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật An toàn thực phẩm*. Báo cáo số 3212/BC-SNN, ngày 08/9/2022.
125. Sở Y tế thành phố Cần Thơ (2022), *Báo cáo Tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Luật An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Cần Thơ*. Báo cáo số 7064/BC-SYT, ngày 12/9/2022.
126. Nguyễn Hồng Sơn (2020), *Vai trò của Nhà nước trong quản lý phát triển xã hội*, tại trang <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/vai-tro-cua-nha-nuoc-trong-quan-ly-phat-trien-xa-hoi.html>, [truy cập ngày 12/11/2020].
127. Nguyễn Xuân Sơn (2021), *Đổi mới hoạt động của các hiệp hội ngành hàng nhằm đẩy mạnh xuất khẩu nông sản trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
128. Nguyễn Sự (2020), *Tiền Giang mở rộng vùng chuyên canh cây ăn quả*, tại trang <https://nhandan.vn/tien-giang-mo-rong-vung-chuyen-can-cay-an-qua-post616062.html>, [truy cập ngày 27/3/2024].
129. BT (2021), *Thương mại điện tử: Hướng đi mới cho tiêu thụ nông sản*, tại trang <https://dangcongsan.vn/kinh-te/thuong-mai-dien-tu-huong-di-moi-cho-tieu-thu-nong-san-581035.html>, [truy cập ngày 14/3/2024].
130. BT (2022), *Thúc đẩy phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long*, tại trang <https://dangcongsan.vn/kinh-te/thuc-day-phat-trien->

nong-nghiep-vung-dong-bang-song-cuu-long-605873.html, [truy cập ngày 27/9/2023].

131. Phạm Văn Tài (2019), *Phát triển logistics phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu cho đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Khoa học công nghệ giao thông vận tải, số 33-08/2019, tr.65-71.
132. Xuân Thái (2021), *Phát triển logistics để tăng sức cạnh tranh ở đồng bằng sông Cửu Long*, tại trang <https://vneconomy.vn/phan-trien-logistics-de-tang-suc-can-tranh-o-khu-vuc-dong-bang-song-cuu-long.htm>, [truy cập ngày 24/02/2024].
133. Hà Đình Thành (Chủ biên) (2020), *Chính sách đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ ở vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
134. Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Thị Hoa và Phạm Thế Anh (2019), *Nền kinh tế thị trường xã hội Đức và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
135. Dương Ngọc Thành và cộng sự (2022), *Đánh giá thực trạng lao động và hiệu quả công tác đào tạo nghề nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ.
136. Nguyễn Thị Thảo, Võ Thị Thanh Thương (2021), *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua trái cây an toàn của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Tạp chí Công Thương, Số 26 tháng 12/2021, tr.272-277.
137. Nguyễn Văn Thê (2020), *Phát triển kết cấu hạ tầng “đi trước một bước” theo hướng đồng bộ, hiện đại*, tại trang [https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/phan-trien-ket-cau-ha-tang-giao-thong-di-truoc-mot-buoc-theo-huong-dong-bo-hien-dai](https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/phan-trien-ket-cau-ha-tang-giao-thong-di-truoc-mot-buoc-theo-huong-dong-bo-hien-dai), [truy cập ngày 26/5/2022].

138. Từ Minh Thiện (2018), *Phát triển chuỗi liên kết nhằm nâng cao giá trị xuất khẩu rau quả tươi vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
139. Thông tấn xã Việt Nam (2021), *Những thành tựu nổi bật của đất nước sau 35 năm đổi mới*, tại trang <http://hdll.vn/vi/thong-tin-ly-luan/nhung-thanh-tuu-noi-bat-cua-dat-nuoc-sau-35-nam-doi-moi.html>, [truy cập ngày 22/01/2022].
140. Hoài Thu (2023), *Đồng bằng sông Cửu Long: Phát huy thế mạnh cây ăn trái*, tại trang <http://vietlinh.vn/tin-tuc/2023/cay-an-trai-2023-s.asp?ID=479>, [truy cập ngày 07/01/2024].
141. Hà Thị Minh Thu (2022), *Phát triển dịch vụ logistics khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 01 (309) - 2022, tr.52-62.
142. Lê Thị Thu (2017), *Nâng cao hiệu quả thực thi chính sách công của cơ quan hành pháp*, tại trang <https://tcnn.vn/news/detail/38920/Nang-cao-hieu-qua-thuc-thi-chinh-sach-cong-cua-co-quan-hanh-phapall.html>, [truy cập ngày 08/6/2024].
143. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc*, Quyết định số 100/QĐ-TTg, ngày 19/01/2019.
144. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Quyết định số 324/QĐ-TTg, ngày 02/3/2020.
145. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Quyết định số 287/QĐ-TTg, ngày 02/3/2021.
146. Thủ tướng Chính Phủ (2022), *Phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030*, Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19/4/2022.

147. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023.
148. Nguyễn Quang Thuấn, Đào Thị Hoàng Mai (2013), *Một số vấn đề về cơ chế chính sách đối với các mặt hàng nông sản chủ lực ở đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 3 (418) - 03 (2013), tr.52-57.
149. Nguyễn Quang Thuấn (Chủ biên) (2021), *Giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ trong bối cảnh mới*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
150. Đoàn Xuân Thủy (Chủ biên) (2011), *Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
151. Lê Đức Thủy (2021), *Tiêu thụ nông sản trong tình huống khẩn cấp*, Tạp chí Con số và Sự kiện (kỳ 1 - 6/2021), tr.20-21, 27.
152. Anh Thư (2024), *6 mặt hàng nông sản đạt kim ngạch xuất khẩu trên 3 tỷ USD*, tại trang <https://qltt.vn/6-mat-hang-nong-san-dat-kim-ngach-xuat-khau-tren-3-ty-usd-97915.html>, [truy cập ngày 12/11/2024].
153. Vũ Văn Thúc (2024), *Báo cáo triển vọng ngành hàng trái cây tại Việt Nam năm 2024*, tại trang <https://kirincapital.vn/wp-content/uploads/2024/04/BAO-CAO-TRIEN-VONG-NGANH-HANG-TRAI-CAY-TAI-VIET-NAM.pdf>, [truy cập ngày 31/10/2024].
154. C. Peter Timmer (2011), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển nông nghiệp (Tổ Như biên dịch)*, Chương trình giảng dạy Kinh tế Fulbright Niên khóa 2011 - 2013, phần I, tr.2.
155. Tổng cục Hải quan (2023), *Khối lượng và kim ngạch xuất khẩu trái cây tươi và trái cây chế biến ở các Cục Hải quan Cần Thơ, Hậu Giang, Long An, Đồng Tháp*, hệ thống thống kê VNACC.

156. Tổng cục Thống kê (2019), *HTCTTKQG - Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội*, tại trang <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-dac-ta/2019/12/htcttkqg-von-dau-tu-thuc-hien-toan-xa-hoi>, [truy cập ngày 06/5/2024].
157. Tổng cục Thống kê (2022), *Điều tra SDGCW Việt Nam 2020 - 2021: Truyền thông, công nghệ thông tin và internet*, tại trang <https://www.unicef.org/vietnam/media/8771/file/Truy%E1%BB%81n%20th%C3%B4ng,%20CNTT%20v%C3%A0%20internet.pdf>, [truy cập ngày 14/3/2024].
158. Nguyễn Văn Trí (2018), *Đồng Tháp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp*, tại trang <https://dantocmiennui.vn/dong-thap-ung-dung-cong-nghe-cao-vao-san-xuat-nong-nghiep-post180919.html>, [truy cập ngày 11/3/2024].
159. Chu Trinh, Thạch Hồng (2024), *Nông dân ĐBSCL đòi đòi từ nền kinh tế nông nghiệp*, tại trang <https://vov.vn/kinh-te/nong-dan-dbscl-doi-doi-tu-nen-kinh-te-nong-nghiep-post1074951.vov>, [truy cập ngày 10/3/2024].
160. Khánh Trung (2022), *Sản lượng các loại trái cây chủ lực của vùng ĐBSCL ước đạt hơn 4,15 triệu tấn*, tại trang <https://baocantho.com.vn/san-luong-cac-loai-trai-cay-chu-luc-cua-vung-bscl-uoc-dat-hon-4-15-trieu-tan-a154136.html>, [truy cập ngày 24/01/2024].
161. Phạm Quốc Trung (2004), *Điều tiết của Nhà nước trong phát triển thị trường xuất khẩu ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 7-2004, tr.16-20, 72.
162. Đinh Văn Trung (2018), *Vai trò của Nhà nước trong tái cơ cấu nền kinh tế ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
163. Mậu Trường (2023), *Sự thật về 710 mã số vùng trồng bị bên Trung Quốc thu hồi*, tại trang <https://tuoitre.vn/su-that-ve-710-ma-so-vung-trong-bi-ben-trung-quoc-thu-hoi-20230422170404257.htm>, [truy cập ngày 21/3/2024].

164. Nguyễn Mạnh Tuấn (2004), *Vai trò Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
165. Bùi Quang Tuấn và các cộng sự (2020), *Cơ chế, chính sách liên kết kinh tế nội vùng và liên vùng đối với vùng Tây Nam bộ theo hướng phát triển bền vững*, Báo cáo tổng hợp đề tài thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ (Mã số: khcn-tnb/14-19), Hà Nội.
166. Lê Hoàng Anh Tuấn (2022), *Giải pháp xuất khẩu nông sản Việt Nam sang EU dưới tác động của Hiệp định EVFTA*, tại trang <http://tbtagi.angiang.gov.vn/giai-phap-xuat-khau-nong-san-viet-nam-sang-eu-duoi-tac-dong-cua-hiep-dinh-evfta-39223.html>, [truy cập ngày 26/4/2023].
167. Nguyễn Khánh Tùng (2023), *Báo cáo đề dẫn Diễn đàn kinh tế thường niên năm 2023*. Diễn đàn kinh tế thường niên thành phố Cần Thơ năm 2023: Vai trò và giải pháp liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tr.1-15.
168. Mộng Tuyết (2018), *Trái xuất khẩu Tiền Giang trước thời cơ và thách thức*, tại trang <https://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin?/Trai-cay-xuat-khau-Tien-Giang-truoc-thoi-co-va-thach-thuc/11129305>, [truy cập ngày 13/3/2024].
169. Phí Vĩnh Tường, Đặng Thái Bình, Nguyễn Đình Hòa (2019), *Ảnh hưởng của cơ sở hạ tầng giao thông tới hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: nghiên cứu trường hợp của đồng bằng sông Cửu Long*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Kết cấu hạ tầng và liên kết vùng phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, tr.80-97.
170. UBND thành phố Cần Thơ (2023): *Báo cáo Kết quả thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ “Tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình*

*hình mới” năm 2023 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Báo cáo số 351/BC-UBND, ngày 20/11/2023.*

171. UBND tỉnh Đồng Tháp (2022): *Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*
172. UBND tỉnh Vĩnh Long (2018): *Phê duyệt dự án điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Quyết định số 1823/QĐ-UBND, ngày 28/8/2018.*
173. Nguyễn Thị Vân (2018), *Một số mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây tại tỉnh Bến Tre: Hiện trạng và đề xuất phát triển*, Tạp chí khoa học xã hội, số 8 (240) 2018, tr.18-32.
174. Nguyễn Thị Vân và Đỗ Lý Hoài Tân (2017), *Một số mô hình sản xuất, tiêu thụ trái cây trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 9 (229), tr.1-13.
175. Văn phòng Quốc hội (2019), *Luật Sở hữu trí tuệ, Luật số 07/VPHN-VPQH ngày 25/6/2019*, tại trang <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/So-huu-tri-tue/Van-ban-hop-nhat-07-VBHN-VPQH-2019-Luat-So-huu-tri-tue-nam-2005-424231.aspx>, [truy cập ngày 01/12/2023].
176. Viện Nghiên cứu Chiến lược thương hiệu và Cạnh tranh (2019), *Báo cáo ngành trồng trọt tại Việt Nam năm 2017*, tại trang <https://data.opendevelopmentmekong.net/dataset/9e657dc5-fb4a-4b87-9816-676909da39e3/resource/9c39eb50-43ca-4141-84b2-88ca0283cbee/download/arg8-vie-bao-cao-nganh-trong-trot-tai-viet-nam-nam-2017.pdf>, [truy cập ngày 26/9/2023].
177. Viện Ngôn ngữ học (2011), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
178. Viện Quy hoạch xây dựng miền Nam - Bộ Xây dựng (2016), *Báo cáo thuyết minh tóm tắt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

179. Văn Vĩnh (2017), *Trái cây đồng bằng sông Cửu Long: Nâng chất để xuất ngoại*, tại trang <https://cand.com.vn/Thi-truong/Trai-cay-dong-bang-song-Cuu-Long-Nang-chat-de-xuat-ngoai-i440030>, [truy cập ngày 27/9/2023].
180. Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản (2020), *Báo cáo phân tích tác động của kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long lên phần còn lại của Việt Nam*, Tổng cục Thống kê: Các Báo cáo phân tích và dự báo thống kê năm 2019, tr.40-66.
181. Warner Uiterwijk, Globally Cool, Leeuwarden, Vũ Thục Linh (2016), *Báo cáo thị trường rau quả EU*, Cục Xúc tiến thương mại (VIETRADE) - Bộ Công Thương và Dự án hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư của Châu Âu (EU-MUTRAP).

**\* Tài liệu tiếng Anh**

182. Delphine Marie-Vivien (2009), *The Role of the State in the Protection of Geographical Indications: From Disengagement in France/Europe to Significant Involvement in India*, *The Journal of World Intellectual Property* 13(2), pages 121 - 147.
183. N. M. Habib (2012), *The role of developing countries governments in human resources development (HRD) programs: The Egyptian experience*, *Internationals Journal of Business and Social Science*, Vol. 3 No. 3, pages 261-267.
184. Iuliia Kornieieva (2018), *The role of state in promoting investments in digital development*, *Economy and Forecasting*, Valeriy Heyets, issue 1, pages 120-134.
185. Li Qian (2018), *Research on the competitive power of Thai fruit exported to China*, An independent study submitted in partial fulfillment of the requirements for the degree of master of business administration graduate school of business, Siam University.



186. Rensis Likert (1932), *A technique for measurement of attitudes*, Archives of Psychology, No.140, pp.5-55.
187. James McDonald (2004), *Contracts, Markets, and Prices: Organizing the production and use of agricultural commodities*, USDA, Agricultural Economic Report Number 837.
188. Oxford University Press (2023), *Oxford Learner's Dictionaries*, tại trang <https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/commodity>, [truy cập ngày 08/9/2023].
189. Micheal G. Pollitt (2002), *The declining role of the state in infrastructure investments in the UK*, in Pollitt, M.G, Tsuji, M. And Berg, S.V (Eds), *Private Initiative in Infrastructure: Priorities, Incentives and Performance*, Edward Elgar, Aldershot.
190. C. Suntharalingam và R. Terano (2017), *Factors influencing consumption decision of fresh fruits from Malaysia: A case of foreign nationals in Malaysia*, International Food Research Journal 24(4), pages 1437-1444.
191. Yamane Taro (1967), *Statistics: An Introductory Analysis*, 2nd Edition, New York: Harper and Row.
192. Ruvini Vidanapathirana and et al (2018), *Quality and Safety Issues in Fruit and Vegetable Supply Chains in Sri Lanka: A Review*, Hector Kobbekaduwa Agrarian Research and Training Institute, Sri Lanka, ISBN: 978-955-612-238-1.

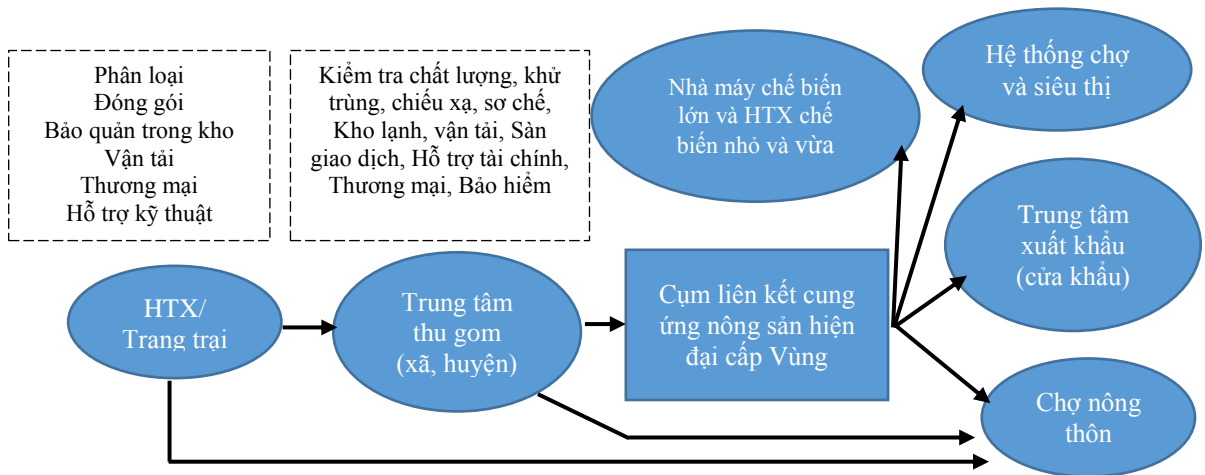
**PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1: Một số mô hình tiêu thụ nông sản ở đồng bằng sông Cửu Long**

(Nguồn: Nguyễn Thanh Bình: *Vai trò kết nối và định hướng phát triển doanh nghiệp trong môi liên kết sản xuất chế biến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long*. Diễn đàn kinh tế thường niên năm 2023 của thành phố Cần Thơ)



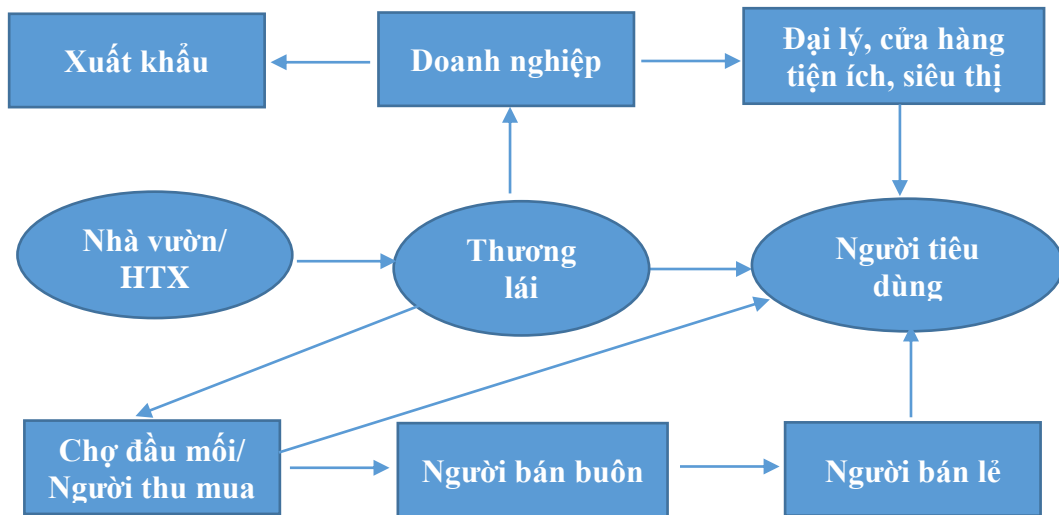
**Hình 1.1: Mô hình chuỗi cung ứng nông sản truyền thống**



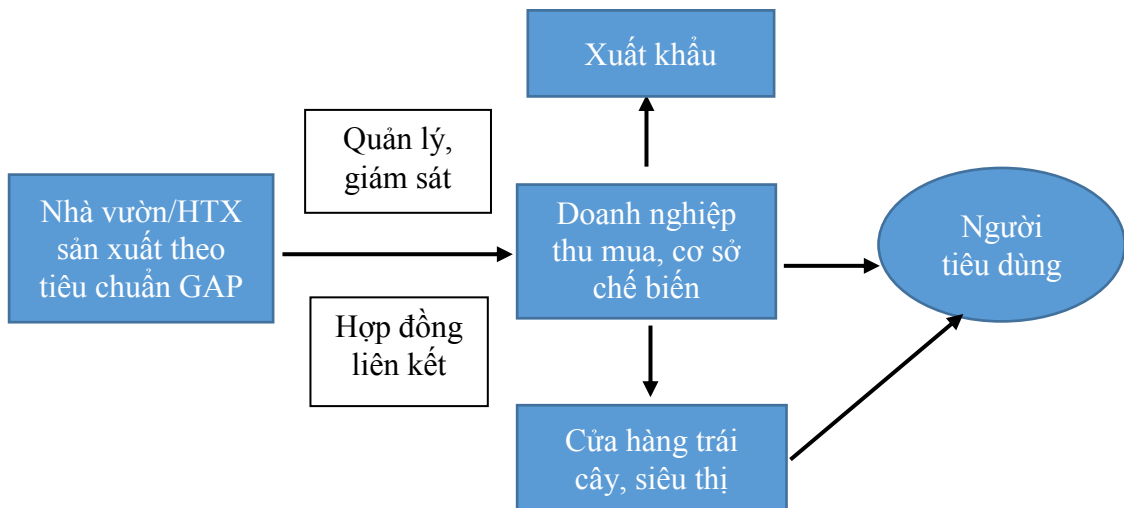
**Hình 1.2: Mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản được trình bày tại Diễn đàn kết nối nông sản 970 (Quyết định số 3993/QĐ/BNN-TCCB ngày 13/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Tổ điều hành “Diễn đàn Kết nối nông sản 970”)**

**Phụ lục 2: Một số mô hình tiêu thụ trái cây ở một số địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long**

(Nguồn: Nguyễn Thị Vân (2018): *Một số mô hình sản xuất và tiêu thụ trái cây tại Bến Tre: Hiện trạng và đề xuất phát triển*, Tạp chí khoa học xã hội, số 8 (240) 2018. Tổng hợp từ kết quả khảo sát ở thành phố Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp của tác giả luận án)



**Hình 2.1: Kênh tiêu thụ truyền thống của mặt hàng trái cây tại một số địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long**



**Hình 2.2: Kênh tiêu thụ của mặt hàng trái cây theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt tại một số địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long**

**Phụ lục 3: Diện tích vùng trồng cây ăn trái theo GAP và đủ điều kiện an toàn thực phẩm ở một số địa phương vùng ĐBSCL giai đoạn 2019 - 2023**

(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng năm và Niên giám thống kê của thành phố Cần Thơ và các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long)

*Đơn vị tính: ha*

<b>TT</b>	<b>Tỉnh, thành phố</b>	<b>Tổng diện tích trồng cây ăn trái</b>	<b>Diện tích vùng trồng cây ăn trái tập trung</b>	<b>Diện tích vùng trồng cây ăn trái theo tiêu chuẩn GAP, đủ điều kiện an toàn thực phẩm</b>
1	An Giang	17.421	9.200	704
2	Cần Thơ	26.232	11.880	448
3	Đồng Tháp	33.311	17.590	960
4	Hậu Giang	45.131	16.796	453
5	Long An	26.550	24.444	1.127
6	Tiền Giang	80.164	52.738	668
7	Vĩnh Long	57.179	35.640	449
<b>Tổng cộng</b>		<b>285.988</b>	<b>168.288</b>	<b>4.809</b>

**Phụ lục 4: Đánh giá của các cơ sở kinh doanh trái cây về hỗ trợ của Nhà nước**

(Nguồn: Bùi Quang Tuấn và cộng sự (2020), *Cơ chế, chính sách liên kết kinh tế nội vùng và liên vùng đối với vùng Tây Nam bộ theo hướng phát triển bền vững*, Báo cáo tổng hợp đề tài thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ (Mã số: khcn-tnb/14-19), Hà Nội)

	<b>Có</b>	<b>Không</b>
1. Doanh nghiệp có sử dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước	85,4%	14,60%
Mức độ hài lòng của doanh nghiệp với dịch vụ công:		
- Bình thường	43,9%	
- Hài lòng	53,7%	
- Rất hài lòng	2,4%	
2. Mức độ hài lòng của dịch vụ hỗ trợ tuyển dụng lao động		
- Bình thường	50%	
- Hài lòng	25%	
- Rất hài lòng	25%	
3. Chính quyền các cấp hỗ trợ về khoa học kỹ thuật	6,2%	93,8%
Mức độ hài lòng với dịch vụ hỗ trợ khoa học kỹ thuật		
- Bình thường	66,7%	
- Hài lòng	33,3%	
4. Chính quyền hỗ trợ về thông tin thị trường	29,2%	70,8%
Mức độ hài lòng với dịch vụ hỗ trợ thông tin thị trường		
- Không hài lòng	7,1%	
- Bình thường	78,6%	
- Hài lòng	7,1%	
- Rất hài lòng	7,1%	

**Phụ lục 5: Đánh giá đức độ hài lòng của nhà vườn và hợp tác xã sản xuất, kinh doanh trái cây ở thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Tiền Giang về vai trò hỗ trợ của Nhà nước**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ kết quả phỏng vấn, khảo sát của đề tài luận án)

Mức độ tán thành khi Nhà nước có chính sách chủ động, tích cực tham gia hỗ trợ việc tiêu thụ mặt hàng trái cây ở địa phương	Đồng ý	Lưỡng lự/ Không đồng ý
		89,57%
<b>1. Đường xá đi lại, hạ tầng kho bãi</b>		
- Không hài lòng		4,35%
- Bình thường		54,78%
- Hài lòng		35,65%
- Rất hài lòng		3,48%
<b>2. Điều kiện bảo quản sau thu hoạch</b>		
- Hoàn toàn không hài lòng		0,87%
- Không hài lòng		13,04%
- Bình thường		54,78%
- Hài lòng		31,3%
<b>3. Hoạt động xúc tiến thương mại</b>		
- Không hài lòng		13,91%
- Bình thường		55,65%
- Hài lòng		30,43%
<b>4. Xây dựng các kênh bán hàng hiện đại (như thương mại điện tử)</b>		
- Không hài lòng		21,74%
- Bình thường		56,52%
- Hài lòng		20,87%
- Rất hài lòng		0,87%
<b>5. Chính sách hỗ trợ của địa phương về vốn</b>		

- Không hài lòng	3,48%
- Bình thường	54,78%
- Hài lòng	40%
- Rất hài lòng	1,74%
6. Mô hình liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ	
- Không hài lòng	9,57%
- Bình thường	47,83%
- Hài lòng	40,87%
- Rất hài lòng	0,87%
7. Hướng dẫn của cán bộ quản lý nông nghiệp	
- Không hài lòng	2,61%
- Bình thường	41,74%
- Hài lòng	53,04%
- Rất hài lòng	2,61%
8. Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm	
- Không hài lòng	13,91%
- Bình thường	61,74%
- Hài lòng	22,61%
- Rất hài lòng	1,74%

## **Phụ lục 6: Văn bản thể hiện vai trò định hướng, hỗ trợ, quản lý của Chính phủ và chính quyền các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long**

(Nguồn: Cổng Thông tin điện tử của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ Việt Nam và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở đồng bằng sông Cửu Long)

### **6.1. Văn bản của Đảng và Chính phủ**

(1) Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

(2) Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử; Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ Về thương mại điện tử; Nghị định số 14/VBHN-BCT ngày 19/11/2021 được xác thực bởi Bộ trưởng Bộ Công thương Về thương mại điện tử;

(3) Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về “Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”;

(4) Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

(5) Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về “Cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn”;

(6) Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;



(7) Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;

(8) Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về “Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”;

(9) Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

(10) Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025; Quyết định 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025; Nghị quyết số 163/NQ-CP ngày 16/12/2022 của Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam.

(11) Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

(12) Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

(13) Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

(14) Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

(15) Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021 - 2030;

(16) Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045;

(17) Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030;

(18) Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Phê duyệt Chiến lược cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030;

(19) Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(20) Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Về việc Phê duyệt Chiến lược Trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(21) Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc Phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030;

(22) Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc Phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2025 - 2030;

(23) Quyết định số 6184/QĐ-BCT ngày 19/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Công thương Về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

(24) Quyết định số 6181/QĐ-BCT ngày 26/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương Về việc Phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến 2020, tầm nhìn đến 2030”.

### **6.2. Văn bản của chính quyền địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long**

(1) Tỉnh An Giang: Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển vùng sản xuất chuyên canh và Xúc tiến tiêu thụ sản phẩm cây ăn trái tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025.

(2) Tỉnh Bạc Liêu: Quyết định số 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021 - 2025.

(3) Tỉnh Bến Tre: Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(4) Tỉnh Cà Mau: Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(5) Thành phố Cần Thơ: Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 13/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về Xây dựng vùng sản xuất cây ăn trái đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2022 - 2025; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 23/8/2021 thực hiện Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

(6) Tỉnh Đồng Tháp: Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về Phát triển, củng cố hợp tác xã liên kết sản xuất, tiêu thụ gắn với truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (Good Agricultural Practices - GAP) gắn với truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 17/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển cây ăn trái chủ lực tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

(7) Tỉnh Hậu Giang: Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về thực hiện Chương trình hành động phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025; Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021 - 2023 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

(8) Tỉnh Kiên Giang: Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 về việc Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp - nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND

tỉnh Kiên Giang về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(9) Tỉnh Long An: Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 3910/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Long An về việc triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Long An; Quyết định số 9365/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu cây ăn quả vùng Đồng Tháp Mười đạt chuẩn tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2022 - 2025.

(10) Tỉnh Sóc Trăng: Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Dự án Phát triển cây ăn trái đặc sản tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2023 - 2025.

(11) Tỉnh Tiền Giang: Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc Phê duyệt Quy hoạch vùng trồng cây ăn trái tỉnh Tiền Giang đến năm 2020; Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang về việc Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn

tỉnh Tiền Giang; Kế hoạch số 372/KH-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025.

(12) Tỉnh Trà Vinh: Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc Phê duyệt Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(13) Tỉnh Vĩnh Long: Quyết định số 1759/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Long Về việc phê duyệt dự án điều chỉnh Quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch sản xuất cây trồng chủ lực và tiềm năng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Phụ lục 7:****MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC****Mẫu 1. Đối tượng điều tra là Cán bộ quản lý nông nghiệp****A. PHẦN KHẢO SÁT TỔNG THỂ**

**Câu 1:** Xin Anh/Chị cho biết đánh giá chung về tình hình phát triển nông nghiệp hiện tại của địa phương?

1- Hiệu quả sản xuất nông nghiệp:

- Kinh tế:.....

- Xã hội:.....

- Chính trị và khác: .....

2- Tình hình áp dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất nông nghiệp:

.....

**Câu 2:** Anh/Chị đánh giá thế nào với quan điểm cho rằng Nhà nước và chính quyền địa phương cần chú trọng phát huy vai trò trong tiêu thụ mặt hàng trái cây hiện nay?

.....

**Câu 3:** Nếu cần có sự hướng dẫn, hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương trong tiêu thụ mặt hàng trái cây, theo Anh/Chị nên tập trung vào những nội dung nào hiện nay?

.....

Vui lòng cho biết thứ tự ưu tiên? .....

**Câu 4:** Theo Anh/Chị, những yếu tố nào ảnh hưởng đến phát huy vai trò của Nhà nước, chính quyền trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở địa phương?

.....

Xin hỏi còn yếu tố nào nữa?.....

**Câu 5:** Theo Anh/Chị, địa phương có những thuận lợi - ưu điểm gì để tiêu thụ mặt hàng trái cây?

.....

**Câu 6:** Theo Anh/Chị, địa phương có những khó khăn - hạn chế gì để tiêu thụ mặt hàng trái cây?

.....

**Câu 7:** Nếu cần đặt mục tiêu phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây ở địa phương, theo Anh/Chị nên đặt những mục tiêu nào?

.....

Xin cụ thể hơn nữa: .....

## B. PHẦN KHẢO SÁT CỤ THỂ VỀ ĐỊA BÀN QUẢN LÝ

**Câu 8:** Xin Anh/Chị cho biết thế mạnh về sản xuất nông nghiệp của địa phương chúng ta là gì?

(1) Trồng trọt: .....

(2) Chăn nuôi: .....

(3) Nuôi trồng:.....

**Câu 9:** Theo Anh/Chị, địa phương nên đẩy mạnh phát triển trồng cây ăn trái ở những đối tượng nào?

.....

Xin cho biết cụ thể hơn:

(1).....

(2).....

(3).....

Xin cho biết vì sao lại phát triển loại cây ăn trái đó?

(1) .....

(2).....

(3).....

Theo quan điểm của Anh/Chị thì những loại cây ăn trái đó nên đẩy mạnh hoặc ưu tiên áp dụng quy trình canh tác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nào và ứng dụng những loại kỹ thuật, công nghệ nào để tăng năng suất và hiệu quả kinh tế?

(1).....

(2).....

(3).....

Xin Anh/Chị cho biết mức độ đồng ý đối với các phát biểu sau khi mô tả đến vai trò của chính quyền địa phương trong tiêu thụ mặt hàng trái cây với thang điểm từ 1 đến 5 với: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Bình thường (Trung lập); 4- Đồng ý; 5- Hoàn toàn đồng ý.

Câu hỏi 10 đến 14	Các yếu tố/ tiêu chuẩn đánh giá	Thang điểm đánh giá				
		1	2	3	4	5
Câu 10	Xây dựng quy hoạch liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ trái cây					
Câu 11	Đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho vận chuyển, tiêu thụ mặt hàng trái cây					
Câu 12	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia đối với ngành hàng trái cây					



Câu 13	Xây dựng và thực thi tốt chính sách quản lý chất lượng, thị trường tiêu thụ trái cây					
Câu 14	Xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ liên quan đến tiêu thụ mặt hàng trái cây như: xây dựng, phát triển, quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc; vốn; ứng dụng công nghệ; thông tin thị trường; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bán hàng hiện đại...					

Xin cho biết mức độ hài lòng của Anh/Chị với các phát biểu sau về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiêu thụ mặt hàng trái cây của địa phương theo thang điểm từ 1 đến 5 với: 1- Hoàn toàn không hài lòng; 2- Không hài lòng; 3- Bình thường; 4- Hài lòng; 5- Rất hài lòng.

Câu hỏi 15 đến 29	Các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ mặt hàng trái cây của địa phương	Thang điểm đánh giá				
		1	2	3	4	5
Câu 15	Đặc điểm từng loại trái cây (mùi vị, màu sắc, giá trị dinh dưỡng, giải khát)					
Câu 16	Đường xá đi lại trong địa phương					
Câu 17	Đường xá giao thương qua lại với các tỉnh, thành khác					
Câu 18	Chất lượng của sản phẩm					
Câu 19	Hệ thống thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch trái cây					
Câu 20	Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương về công nghệ, kỹ thuật					
Câu 21	Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương về thị trường tiêu thụ					
Câu 22	Các chính sách hỗ trợ của địa phương về vốn đầu tư sản xuất và tiêu thụ trái cây					
Câu 23	Quy hoạch vùng chuyên canh cây ăn quả					
Câu 24	Thị trường đầu ra tiêu thụ sản phẩm từ sản xuất trái cây					
Câu 25	Khả năng liên kết giữa nhà vườn, hợp tác xã - đội ngũ khoa học - đơn vị tiêu thụ của chính quyền địa phương					
Câu 26	Lãi suất vay ngân hàng để đầu tư cho sản xuất, tiêu thụ trái cây					
Câu 27	Khả năng tiếp cận thông tin về thị trường tiêu thụ					
Câu 28	Khả năng tiếp cận thông tin về khoa học kỹ thuật của nhà vườn, hợp tác xã					
Câu 29	Khả năng liên kết (nhà vườn, hợp tác xã với cơ quan nhà nước, đơn vị thu mua					

**Câu 30:** Theo Anh/Chị, những yếu tố nào ảnh hưởng đến phát huy vai trò của Nhà nước, chính quyền trong tiêu thụ mặt hàng trái cây của địa phương?

.....

Xin cho biết cụ thể hơn:

1- Khía cạnh 1 (xin cụ thể:.....): .....

2- Khía cạnh 2 (xin cụ thể:.....): .....

3- Khía cạnh 3 (xin cụ thể:.....): .....

4- Khía cạnh 4 (xin cụ thể:.....): .....

5- Khía cạnh 5 (xin cụ thể:.....): .....

Trong những yếu tố ảnh hưởng trên, xin cho biết 03 (nhóm) yếu tố ảnh hưởng nhất:

(1).....

(2).....

(3).....

Với 03 (nhóm) yếu tố ảnh hưởng nhất trên, theo Anh/Chị có giải pháp khắc phục nào?

1- Với nhóm yếu tố 1 (.....): .....

2- Với nhóm yếu tố 2 (.....): .....

3- Với nhóm yếu tố 3 (.....): .....

**Câu 31:** Theo ước tính của Anh/Chị, thu nhập trung bình trên mỗi “hecta” (ha) hoặc 1.000 m<sup>2</sup> trồng cây ăn trái ở địa phương hiện nay khoảng bao nhiêu (triệu đồng)? Và kỳ vọng trong 05 năm tới sẽ bao nhiêu?

- Thu nhập trung bình hiện tại:...../ha hoặc ...../1.000 m<sup>2</sup>

- Kỳ vọng trong 05 năm tới:...../ha hoặc ...../1.000 m<sup>2</sup>

**Mẫu 2. Đối tượng điều tra là nhà vườn/hợp tác xã**

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT**

**1.1. Họ và tên của chủ:**.....

**1.2. Địa chỉ:** .....ấp.....xã.....huyện.....

**1.3. Trình độ chuyên môn của chủ được đào tạo: (Theo bằng cấp cao nhất)**

<input type="checkbox"/> Chưa qua đào tạo chuyên môn	<input type="checkbox"/> Cao đẳng
<input type="checkbox"/> Trung cấp nghề	<input type="checkbox"/> Đại học, sau đại học

## 2. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA HỘ, NHÀ VƯỜN

### 2.1. Loại cây trồng chính

Cây trồng	Số lượng (ha)	Mục đích chính		Kết quả		Ghi chú
		Bán	Tiêu dùng	Lãi	Lỗ	

### 2.2. Diện tích đất đang sử dụng hiện nay.

<input type="checkbox"/> Tổng diện tích (.....ha)	<input type="checkbox"/> Đất đi thuê, đấu thầu
<input type="checkbox"/> Đất được Nhà nước giao	<input type="checkbox"/> Đất của gia đình mua

### 2.3. Diện tích đất đang sản xuất áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP)

<input type="checkbox"/> VietGAP:..... ha	<input type="checkbox"/> Khác (.....):..... ha
<input type="checkbox"/> GlobalGAP:..... ha	<input type="checkbox"/> Không có

### 2.4. Tổng số lao động hiện nay đang làm việc:..... người

<input type="checkbox"/> Lao động của gia đình:... người	<input type="checkbox"/> Lao động thường xuyên.... người
<input type="checkbox"/> Lao động đi thuê: .... người	<input type="checkbox"/> Lao động thuê thời vụ:... người

### 2.5. Nguồn vốn chủ yếu từ những nguồn nào?

<input type="checkbox"/> Vốn do tích lũy	<input type="checkbox"/> Vay bà con, bạn bè
<input type="checkbox"/> Vay Ngân hàng	<input type="checkbox"/> Tư nhân cho vay nặng lãi
<input type="checkbox"/> Vay Quỹ tín dụng	<input type="checkbox"/> Nguồn khác

### 2.6. Liên kết và đối tượng liên kết, hợp tác của hộ (nếu có):

<input type="checkbox"/> Có liên kết	<input type="checkbox"/> Doanh nghiệp
<input type="checkbox"/> Không liên kết	<input type="checkbox"/> HTX
<input type="checkbox"/> Hộ nông dân	<input type="checkbox"/> Siêu thị
<input type="checkbox"/> Trang trại	<input type="checkbox"/> Khác (cụ thể)

### 2.7. Công nghệ

Máy móc thiết bị hiện nay	Tự mua <input type="checkbox"/>	Đi thuê <input type="checkbox"/>
Máy móc thiết bị đang sử dụng được đánh giá	Lạc hậu <input type="checkbox"/>	Tiên tiến <input type="checkbox"/>
Được hỗ trợ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

**2.8.** Xin Ông/Bà vui lòng cho biết giá trị (*vốn đầu tư*) các yếu tố đầu vào (*lao động; nguyên, nhiên, vật liệu; máy móc, thiết bị, công nghệ*) của hộ gia đình năm 2023 là:

STT	Yếu tố	Tỷ lệ			
		Dưới 30%	Từ 30% - 50%	Trên 50%	Khác
1	Lao động (thuê mướn nhân công)				
2	Nguyên, nhiên, vật liệu				
3	Máy móc, thiết bị, công nghệ				

**2.9. Sản phẩm làm ra thường tiêu thụ ở đâu.**

<input type="checkbox"/> Tự bán lẻ cho người tiêu dùng	<input type="checkbox"/> Bán cho doanh nghiệp
<input type="checkbox"/> Bán cho thương lái tự do	<input type="checkbox"/> Bán theo hợp đồng

Xin Ông/Bà vui lòng cho biết thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình gồm:

STT	Thị trường tiêu thụ	Kết quả
1	<b>Thị trường trong nước</b>	
	- Tiêu thụ trong phạm vi xã, phường, thị trấn	
	- Tiêu thụ trong phạm vi quận, huyện	
	- Tiêu thụ trong phạm vi tỉnh, thành phố	
	- Tiêu thụ trong phạm vi cả nước	
2	<b>Thị trường quốc tế</b>	
	- Châu Âu	
	- Châu Á	
	- Châu Mỹ	
	- Châu Phi	
	- Châu Úc	
	- Tất cả các khu vực trên	

**2.10. Những khó khăn trong sản xuất kinh doanh**

<input type="checkbox"/> Thiếu lao động chuyên môn	<input type="checkbox"/> Giá cả thị trường bất ổn
<input type="checkbox"/> Hạn chế về quy mô đất đai	<input type="checkbox"/> Thiếu thông tin thị trường
<input type="checkbox"/> Giá thuê đất cao	<input type="checkbox"/> Bệnh dịch, thời tiết bất ổn
<input type="checkbox"/> Đầu ra cho sản phẩm	<input type="checkbox"/> Lãi suất cao

**2.11. Kết quả sản xuất kinh doanh trong những năm qua**

<input type="checkbox"/> Có lãi	<input type="checkbox"/> Năm sau cao hơn năm trước
<input type="checkbox"/> Không có lãi	<input type="checkbox"/> Thất thường từng năm

### 3. PHẦN NỘI DUNG

Xin Ông/Bà đánh giá mức độ hài lòng đối với việc tiêu thụ mặt hàng trái cây hiện nay của Ông/Bà theo thang điểm từ 1 đến 5 với: 1- Hoàn toàn không hài lòng; 2- Không hài lòng; 3- Bình thường; 4- Hài lòng; 5- Rất hài lòng

Câu hỏi 1 đến 26	Các yếu tố/ tiêu chuẩn đánh giá	Thang điểm đánh giá				
		1	2	3	4	5
Câu 1	Đường xá đi lại, hạ tầng kho bãi					
Câu 2	Quy hoạch vùng sản xuất gắn với tiêu thụ, chế biến					
Câu 3	Điều kiện bảo quản sau thu hoạch					
Câu 4	Hoạt động xúc tiến thương mại					
Câu 5	Giá cả trên thị trường tiêu thụ					
Câu 6	Xây dựng các kênh bán hàng hiện đại (như thương mại điện tử)					
Câu 7	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia					
Câu 8	Chính sách hỗ trợ của địa phương về vốn					
Câu 9	Mô hình liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ					
Câu 10	Hướng dẫn của cán bộ quản lý nông nghiệp					
Câu 11	Sự ổn định về chất lượng sản phẩm làm ra					
Câu 12	Năng suất sản xuất nông nghiệp					
Câu 13	Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm					
Câu 14	Thu nhập - hiệu quả kinh tế so với vốn bỏ ra					

**Câu 15.** Nếu chính quyền địa phương có chính sách chủ động, tích cực tham gia hỗ trợ việc tiêu thụ mặt hàng trái cây, Ông/Bà sẽ thế nào?

STT	Tính chất chọn lựa	Kết quả
1	Đồng ý/Tán thành ngay vì có lợi cho người trồng cây ăn quả	
2	Không đồng ý/ không tán thành vì thấy không khả thi	
3	Lưỡng lự, cân nhắc thêm vì chưa có thông tin, chưa yên tâm	

**Câu 16.** Đối tượng nào thường nói về tiêu thụ mặt hàng trái cây ở địa phương? Ai là tin cậy nhất?

STT	Đối tượng nói về tiêu thụ mặt hàng trái cây	Kết quả	
1	Lãnh đạo cấp cao của chính quyền địa phương		
2	Cán bộ quản lý nông nghiệp		
3	Đại diện Sở Công thương		
4	Đại diện Trung tâm Xúc tiến đầu tư thương mại		

5	Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
6	Chuyên gia về thương mại nông sản		
7	Nhà vườn, hợp tác xã hoặc doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ trái cây		

Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ đồng ý với các phát biểu sau khi mô tả đến vai trò của chính quyền địa phương trong tiêu thụ mặt hàng trái cây.

Câu hỏi 17 đến 21	Các phát biểu mô tả vai trò của chính quyền địa phương trong tiêu thụ mặt hàng trái cây	Thang điểm đánh giá				
		1	2	3	4	5
Câu 17	Xây dựng quy hoạch liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ trái cây					
Câu 18	Đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho vận chuyển, tiêu thụ mặt hàng trái cây					
Câu 19	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia đối với ngành hàng trái cây					
Câu 20	Xây dựng và thực thi tốt chính sách quản lý chất lượng, thị trường tiêu thụ trái cây					
Câu 21	Xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ liên quan đến tiêu thụ mặt hàng trái cây như: xây dựng, phát triển, quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc; vốn; ứng dụng công nghệ; thông tin thị trường; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bán hàng hiện đại...					

Xin cho biết mức độ hài lòng của Ông/Bà với các phát biểu sau về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiêu thụ mặt hàng trái cây của địa phương theo thang điểm từ 1 đến 5 với: 1- Hoàn toàn không hài lòng; 2- Không hài lòng; 3- Bình thường; 4- Hài lòng; 5- Rất hài lòng.

Câu hỏi 22 đến 36	Các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ mặt hàng trái cây của địa phương	Thang điểm đánh giá				
		1	2	3	4	5
Câu 22	Đặc điểm từng loại trái cây (mùi vị, màu sắc, giá trị dinh dưỡng, giải khát)					
Câu 23	Đường xá đi lại trong địa phương					
Câu 24	Đường xá giao thương qua lại với các tỉnh, thành khác					
Câu 25	Chất lượng của sản phẩm					
Câu 26	Hệ thống thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch trái cây					
Câu 27	Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương về công nghệ, kỹ thuật					

Câu 28	Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương về thị trường tiêu thụ				
Câu 29	Các chính sách hỗ trợ của địa phương về vốn đầu tư sản xuất và tiêu thụ trái cây				
Câu 30	Quy hoạch vùng chuyên canh cây ăn quả				
Câu 31	Thị trường đầu ra tiêu thụ sản phẩm từ sản xuất trái cây				
Câu 32	Khả năng liên kết giữa nhà vườn, hợp tác xã - đội ngũ khoa học - đơn vị tiêu thụ của chính quyền địa phương				
Câu 33	Lãi suất vay ngân hàng để đầu tư cho sản xuất, tiêu thụ trái cây				
Câu 34	Khả năng tiếp cận thông tin về thị trường tiêu thụ				
Câu 35	Khả năng tiếp cận thông tin về khoa học kỹ thuật của nhà vườn, hợp tác xã				
Câu 36	Khả năng liên kết (nhà vườn, hợp tác xã với cơ quan Nhà nước, đơn vị thu mua)				

**Câu 37.** Để nâng cao hiệu quả tiêu thụ mặt hàng trái cây, theo Ông/Bà cần đẩy mạnh những công việc nào dưới đây?

STT	Quan điểm chọn lựa	Những việc cần làm	Việc quan trọng nhất
1	Áp dụng quy trình canh tác đảm bảo các tiêu chuẩn của thị trường tiêu thụ, nhất là vệ sinh an toàn thực phẩm		
2	Thu hoạch, xử lý sau thu hoạch và đóng gói theo đúng quy trình, tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường tiêu thụ		
3	Quy hoạch vùng nguyên liệu có mã số vùng trồng; liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa nhà vườn, hợp tác xã và doanh nghiệp thu mua, xuất khẩu		
4	Xây dựng chuỗi liên kết chặt chẽ và hài hòa giữa người trồng với các doanh nghiệp thu mua, vận chuyển, nhập khẩu và phân phối nhằm rút ngắn thời gian, đảm bảo chất lượng và đặc biệt là giảm thiểu chi phí vận chuyển		
5	Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quảng bá, giới thiệu sản phẩm		
6	Thu mua, lựa chọn trái cây đạt tiêu chuẩn của thị trường tiêu thụ hợp lý, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên		

**Câu 38.** Nguồn truyền thông để Ông/Bà biết đến những yếu tố cần thiết để tiêu thụ được mặt hàng trái cây trong điều kiện hiện nay?

STT	Các loại kênh truyền thông	Nguồn biết đến	Nguồn quan trọng nhất
1	Đội ngũ cán bộ nông nghiệp tại địa phương		
2	Bạn bè, người quen giới thiệu		
3	Người thân trong gia đình giới thiệu		
4	Văn bản từ cơ quan liên quan của địa phương		
5	Báo, đài truyền hình hay trang mạng xã hội		
6	Khác (xin cụ thể):.....		

Xin cho biết mức độ đồng ý với các nội dung sau để thúc đẩy tiêu thụ mặt hàng trái cây của địa phương thời gian tới theo thang điểm từ 1 đến 5 với: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Bình thường; 4- Đồng ý; 5- Rất đồng ý.

Câu hỏi 39 đến 47	Nội dung thúc đẩy tiêu thụ mặt hàng trái cây của địa phương thời gian tới	Thang điểm đánh giá				
		1	2	3	4	5
Câu 39	Xác định mục đích sản xuất, yêu cầu về chất lượng sản phẩm gắn với nhu cầu, tiêu chuẩn, quy cách của thị trường tiêu thụ					
Câu 40	Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, vận chuyển đến thị trường tiêu thụ					
Câu 41	Xây dựng thương hiệu, hình ảnh và kết nối mạng lưới kiểm định, tiêu thụ sản phẩm quốc tế					
Câu 42	Quy hoạch vùng nguyên liệu gắn với doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ					
Câu 43	Đổi mới chính sách quản lý thị trường, giá, quản lý chất lượng					
Câu 44	Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp thu mua và các đối tác khác với nhà vườn, hợp tác xã, đơn vị trồng cây ăn trái					
Câu 45	Đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, logistics phục vụ tiêu thụ trái cây					
Câu 46	Nhà nước xây dựng chính sách và môi trường pháp lý bảo vệ sự liên kết trong chuỗi giá trị sản xuất - thương mại					
Câu 47	Công tác xúc tiến thương mại tập trung, ưu tiên giúp quảng bá một số hình ảnh, sản phẩm trái cây chủ lực					



**Câu 48.** Ông/Bà cho biết mức độ được phổ biến, tuyên truyền về chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây:

Thường xuyên	<input type="checkbox"/>	Hiếm khi	<input type="checkbox"/>
Thỉnh thoảng	<input type="checkbox"/>	Chưa bao giờ	<input type="checkbox"/>

**Câu 49.** Ông/Bà cho biết mức độ được tham gia đóng góp xây dựng thể chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây ở địa phương, cơ sở:

Thường xuyên	<input type="checkbox"/>	Hiếm khi	<input type="checkbox"/>
Thỉnh thoảng	<input type="checkbox"/>	Chưa bao giờ	<input type="checkbox"/>

**Câu 50.** Ông/Bà cho biết đã được tham gia các lớp học hoặc khóa học bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nhằm hỗ trợ tiêu thụ mặt hàng trái cây:

Đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm	<input type="checkbox"/>	Tiếp cận thông tin thị trường	<input type="checkbox"/>
Thương mại điện tử	<input type="checkbox"/>	Quảng bá, giới thiệu sản phẩm	<input type="checkbox"/>
Áp dụng các tiêu chuẩn GAP trong sản xuất	<input type="checkbox"/>	Khác:.....	

Xin Ông/Bà đánh giá mức độ hài lòng đối với chính sách hỗ trợ trong sản xuất gắn với tiêu thụ mặt hàng trái cây hiện nay theo thang điểm từ 1 đến 5 với: 1- Hoàn toàn không hài lòng; 2- Không hài lòng; 3- Bình thường; 4- Hài lòng; 5- Rất hài lòng

Câu hỏi 51 đến 54	Các yếu tố/ tiêu chuẩn đánh giá	Thang điểm đánh giá				
		1	2	3	4	5
Câu 51	Tín dụng					
Câu 52	Đất đai					
Câu 53	Lao động - đào tạo nghề					
Câu 54	Ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ					

**Câu 55.** Ông/Bà có thể chỉ ra những khó khăn của gia đình trong hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng trái cây thời gian qua?

STT	Yếu tố	Kết quả
1	Thuê mướn lao động	
2	Huy động vốn để sản xuất - kinh doanh	
3	Thị trường tiêu thụ	
4	Nguồn nguyên liệu	
5	Thủ tục hành chính	
6	Ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai	
7	Khó khăn, vướng mắc khác (ghi rõ)	

**Câu 56.** Trong 03 quan điểm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ - kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ trái cây, Ông/Bà ủng hộ quan điểm nào?

STT	Quan điểm chọn lựa	Kết quả
1	Ứng dụng ngay công nghệ - kỹ thuật cao vào sản xuất trái cây để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm	
2	Tập trung điều chỉnh cách làm hiện nay dựa vào điều kiện hiện tại để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, sau đó dần dần mới ứng dụng công nghệ - kỹ thuật cao vào đối tượng sản xuất	
3	Tiến hành đồng thời điều chỉnh cách làm hiện nay và đưa vào ứng dụng công nghệ - kỹ thuật cao để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm	

**Câu 57.** Theo Ông/Bà, để cho các nhà vườn, hợp tác xã hoạt động hiệu quả hơn, Nhà nước cần có những chính sách, hỗ trợ hay những thay đổi, điều chỉnh nào sau đây?

STT	Những chính sách, hỗ trợ	Kết quả
1	Thực hiện có hiệu quả việc cải cách hành chính để giảm lãng phí về thời gian và tiền bạc cho người dân	
2	Tạo điều kiện cho các hộ dễ dàng vay vốn thực hiện sản xuất	
3	Có các chính sách hỗ trợ trong việc tìm kiếm thị trường hay bao tiêu sản phẩm	
4	Đề xuất khác (xin cụ thể):.....	

**Câu 58.** Việc sản xuất trái cây của Ông/ Bà có thực hiện liên kết kinh tế giữa các nhà không? (Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà phân phối (thương lái)...) )

STT	Tính chất	Kết quả trả lời	Đề nghị
1	Có		Phỏng vấn câu 58.1
2	Không		Phỏng vấn câu 58.2

**58.1:** Ông/ Bà đang thực hiện liên kết kinh tế theo hình thức nào?

STT	Hình thức liên kết	Kết quả
1	Liên kết thực hiện các yếu tố đầu vào (hỗ trợ vốn, kỹ thuật, giống, nguyên - vật liệu,...)	
2	Liên kết thực hiện các yếu tố đầu ra (quảng bá sản phẩm, hỗ trợ tìm kiếm thị trường, bao tiêu sản phẩm,...)	
3	Liên kết cùng hợp tác sản xuất với các hộ gia đình khác	
4	Liên kết theo hình thức khác	

58.2: Ông/ Bà không thực hiện liên kết kinh tế giữa “các nhà” vì?

STT	Tính chất chọn lựa	Kết quả
1	Không hiệu quả	
2	Thiếu thông tin về liên kết kinh tế	
3	Chưa cần thiết	
4	Lý do khác	

**Mẫu 3.** Đối tượng điều tra là doanh nghiệp thu mua, xuất khẩu

### A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

**Câu 1:** Xin hỏi Ông/Bà (Doanh nghiệp)?

STT	Lĩnh vực	Các loại sản phẩm hiện nay	Những loại sản phẩm dự kiến sắp tới	Loại sản phẩm chính nhất
1	<i>Trồng trọt</i>			
	<i>Gạo</i>			
	<i>Trái cây</i>			
	<i>Rau, củ</i>			
	<i>Khác:.....</i>			

### B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

**Câu 2:** Xin Ông/Bà (Doanh nghiệp) vui lòng cho biết giá trị (vốn đầu tư) các yếu tố đầu vào (lao động; nguyên, nhiên liệu; máy móc, thiết bị, công nghệ) của Doanh nghiệp phục vụ cho hoạt động thu mua/xuất khẩu từ năm 2017 đến 2022 là:

Năm	Yếu tố	Tỷ lệ			
		Dưới 30%	Từ 30% - 50%	Trên 50%	Khác
2017	Lao động (thuê mướn nhân công)				
	Nhiên liệu				
	Máy móc, thiết bị, công nghệ				
2018	Lao động (thuê mướn nhân công)				
	Nhiên liệu				
	Máy móc, thiết bị, công nghệ				
2019	Lao động (thuê mướn nhân công)				
	Nhiên liệu				
	Máy móc, thiết bị, công nghệ				
2020	Lao động (thuê mướn nhân công)				
	Nhiên liệu				
	Máy móc, thiết bị, công nghệ				

2021	Lao động (thuê mướn nhân công)				
	Nhiên liệu				
	Máy móc, thiết bị, công nghệ				
2022	Lao động (thuê mướn nhân công)				
	Nhiên liệu				
	Máy móc, thiết bị, công nghệ				

**Câu 3:** Xin Ông/ Bà (Doanh nghiệp) vui lòng cho biết nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp được huy động từ?

STT	Nguồn vốn phục vụ sản xuất	Kết quả
1	Vốn tự có	
2	Vốn vay	
3	Vốn khác	

**Câu 4:** Xin Ông/ Bà (Doanh nghiệp) vui lòng cho biết thị trường tiêu thụ mặt hàng trái cây của Doanh nghiệp gồm:

STT	Thị trường tiêu thụ	Kết quả
1	<b><i>Thị trường trong nước</i></b>	
	- Tiêu thụ trong phạm vi xã, phường, thị trấn	
	- Tiêu thụ trong phạm vi quận, huyện	
	- Tiêu thụ trong phạm vi tỉnh, thành phố	
	- Tiêu thụ trong phạm vi cả nước	
2	<b><i>Thị trường quốc tế</i></b>	
	- Châu Âu	
	- Châu Á	
	- Châu Mỹ	
	- Châu Phi	
	- Châu Úc	
	- Tất cả các khu vực trên	

**Câu 5:** Xin hỏi chính sách thu mua trái cây hiện nay của Ông/Bà (Doanh nghiệp):

STT	Tính chất chọn lựa	Kết quả
1	Mua tiền mặt trả ngay	
2	Mua trả tiền sau 7 - 10 ngày	
3	Trả tiền một khoản rồi sau đó trả hết	
4	Ứng trước một khoản cho nhà vườn/hợp tác xã, sau đó khi thu hoạch trừ lại	
5	Thỏa thuận giá mua ban đầu, ứng kinh phí từng đợt, khi thu hoạch nhận sản phẩm	
6	Nông dân để sản phẩm ở đại lý khi nào được giá thì bán	
7	Chính sách khác (xin cụ thể)	

**Câu 6:** Xin hỏi cách thức thu mua trái cây hiện nay của Ông/Bà (Doanh nghiệp):

STT	Tính chất chọn lựa	Kết quả
1	Chủ động liên hệ tìm đến vườn/nơi trồng thu mua	
2	Đợi nhà vườn/hợp tác xã liên hệ rồi đến vườn/nơi trồng thu mua	
3	Đề nhà vườn/hợp tác xã chủ động thu hoạch đưa trái cây đến bán	
4	Mua lại từ những người thu mua khác	

### C. ĐÁNH GIÁ, NHẬN ĐỊNH CỦA DOANH NGHIỆP

**Câu 7:** Ông/ Bà (Doanh nghiệp) có thể chỉ ra những khó khăn của Doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh những năm vừa qua?

STT	Yếu tố	Kết quả
1	Thuê mướn lao động	
2	Huy động vốn để sản xuất - kinh doanh	
3	Thị trường tiêu thụ	
4	Nguồn nguyên liệu	
5	Thủ tục hành chính	
6	Ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai	
7	Khó khăn, vướng mắc khác (xin cụ thể)	

Xin Ông/ Bà (Doanh nghiệp) đánh giá mức độ hài lòng đối với các yếu tố sau liên quan đến việc thu mua trái cây của Doanh nghiệp theo thang điểm từ 1 đến 5 với: 1- Hoàn toàn không hài lòng; 2- Không hài lòng; 3- Bình thường; 4- Hài lòng; 5- Rất hài lòng

Câu hỏi 8 đến 17	Các yếu tố/ tiêu chuẩn đánh giá	Thang điểm đánh giá				
		1	2	3	4	5
Câu 8	Chất lượng mặt hàng trái cây					
Câu 9	Sự ổn định về chất lượng trái cây					
Câu 10	Đủ số lượng trái cây theo yêu cầu					
Câu 11	Thái độ hợp tác của người nhà vườn/hợp tác xã					
Câu 12	Trình độ nhận thức của nhà vườn/hợp tác xã trong vấn đề trao đổi kinh doanh					
Câu 13	Giá trái cây để thu mua					
Câu 14	Giá trái cây trên thị trường (để bán lại)					
Câu 15	Thị trường tiêu thụ trái cây (để bán)					
Câu 16	Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong vấn đề thu mua thông qua các chính sách					
Câu 17	Sự hỗ trợ về vốn từ các ngân hàng					

Xin Ông/ Bà (Doanh nghiệp) đánh giá mức độ quan trọng đối với các yếu tố sau liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng tiêu thụ trái cây với nhà vườn/hợp tác xã theo thang điểm từ 1 đến 5 với: 1- Hoàn toàn không quan trọng; 2- Không quan trọng; 3- Bình thường; 4- Quan trọng; 5- Rất quan trọng

Câu hỏi 18 đến 29	Các yếu tố/ tiêu chuẩn đánh giá	Thang điểm đánh giá				
		1	2	3	4	5
Câu 18	Chất lượng trái cây					
Câu 19	Sự ổn định về chất lượng trái cây					
Câu 20	Đủ số lượng trái cây theo yêu cầu					
Câu 21	Sự cam kết của người nông dân trong quan hệ mua - bán					
Câu 22	Thái độ hợp tác của người nông dân					
Câu 23	Trình độ nhận thức của nông dân trong vấn đề trao đổi kinh doanh					
Câu 24	Nhà vườn/hợp tác xã áp dụng quy trình canh tác theo tiêu chuẩn và ứng dụng công nghệ cao vào để tăng chất lượng hoặc cho chất lượng trái cây ổn định					
Câu 25	Giá trái cây trên thị trường					
Câu 26	Thị trường tiêu thụ trái cây (để bán)					
Câu 27	Sự hỗ trợ của lãnh đạo địa phương trong vấn đề hợp đồng tiêu thụ trái cây thông qua các chính sách					
Câu 28	Các chính sách hỗ trợ của địa phương về thị trường tiêu thụ					
Câu 29	Sự hỗ trợ về vốn từ các ngân hàng					

**Câu 30:** Xin Ông/Bà (Doanh nghiệp) nếu các nhà vườn/hợp tác xã áp dụng quy trình canh tác theo tiêu chuẩn và ứng dụng công nghệ cao vào để tăng chất lượng hoặc cho chất lượng trái cây ổn định, Ông/Bà (Doanh nghiệp) sẽ:

STT	Tính chất chọn lựa	Kết quả
1	Chấp nhận mua giá cao hơn	
2	Không chấp nhận mua giá cao hơn vì khó bán hay không lời	
3	Lưỡng lự, cân nhắc thêm vì chưa biết chất lượng thế nào	

**Câu 31:** Nếu Nhà nước, lãnh đạo chính quyền địa phương có chủ trương đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ trái cây tăng năng suất và chất lượng để tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp, Ông/Bà (Doanh nghiệp) sẽ thế nào?

STT	Tính chất chọn lựa	Kết quả
1	Đồng ý/ Tán thành ngay vì có lợi cho người làm nông nghiệp	
2	Không đồng ý/ không tán thành vì thấy không khả thi	
3	Lưỡng lự, cân nhắc thêm vì chưa có thông tin, chưa yên tâm	

**Câu 32:** Để phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây hiện nay, theo Ông/Bà (Doanh nghiệp) cần đẩy mạnh những công việc nào dưới đây?

STT	Quan điểm chọn lựa	Những việc cần làm	Việc quan trọng nhất
1	Đổi giống mới và phương pháp - quy trình canh tác dựa vào thành tựu KHCN		
2	Hướng dẫn, hỗ trợ nhà vườn/hợp tác xã áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm định chất lượng sản phẩm		
3	Áp dụng KHCN vào chăm sóc đối tượng sản xuất		
4	Áp dụng KHCN vào công tác sau thu hoạch như bảo quản, sơ chế,...		
5	Chú trọng vào công tác tìm đầu ra cho sản phẩm trái cây		
6	Chú trọng xây dựng hệ thống thủy lợi để tăng năng suất, chất lượng		
7	Chú trọng xây dựng hạ tầng phục vụ vận chuyển, bảo quản, tiêu thụ mặt hàng trái cây		
8	Chú trọng hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm trái cây		
9	Chú trọng hỗ trợ thông qua các chính sách vốn, đất đai, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, đào tạo nhân lực,...		

**Câu 33:** Nguồn truyền thông để Ông/Bà (Doanh nghiệp) biết đến loại trái cây mới hay kỹ thuật trồng trọt mới?

STT	Các loại kênh truyền thông	Nguồn biết đến	Nguồn quan trọng nhất
1	Đội ngũ cán bộ nông nghiệp tại địa phương		
2	Bạn bè, người quen giới thiệu		
3	Người thân trong gia đình giới thiệu		
4	Văn bản từ cơ quan liên quan của địa phương		
5	Báo, đài truyền hình hay trang mạng xã hội		
6	Khác (xin cụ thể):.....		

**Câu 34:** Nếu có một hiệp hội/hợp tác xã đứng ra ký kết hợp đồng tiêu thụ mặt hàng trái cây, Ông/Bà (Doanh nghiệp) sẽ:

STT	Tính chất chọn lựa	Kết quả
1	Mạnh dạn liên kết để thu mua trái cây ngay	
2	Không thật sự muốn tìm hiểu, liên kết, hợp tác vì ngại chi phí cao	
3	Không thật sự muốn tìm hiểu, liên kết, hợp tác vì không tin tưởng	
4	Cần cân nhắc thêm để quyết định	

**Phụ lục 8:****BẢNG XỬ LÝ SỐ LIỆU THỐNG KÊ PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC**

*Bảng 1: Bảng xử lý số liệu thống kê phiếu điều tra xã hội học đối với cán bộ quản lý nông nghiệp tại các địa phương thuộc thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Tiền Giang*

**Tổng số phiếu: 35 phiếu**

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Cán bộ quản lý nông nghiệp				Tỉ lệ %
			Số lượng lựa chọn				
			Cần Thơ (15p)	Đồng Tháp (15p)	Tiền Giang (5p)	Tổng	
1	Đánh giá chung về tình hình phát triển NN hiện tại của địa phương	Hiệu quả sản xuất NN					
		<i>Kinh tế</i>					
		- Đóng góp vào sự phát triển chung của thành phố/ Tốt/ Ổn định.	13	07	03	23	<b>65,71</b>
		- Khá	01	04	02	07	<b>20</b>
		- Bình thường					
		- Chưa có sự đóng góp rõ nét, tương xứng với tiềm năng		02		02	<b>5,71</b>
		<i>Xã hội</i>					
		- Giải quyết việc làm cho người dân, nhất là ở nông thôn/ Ổn định	13	13	04	30	<b>85,71</b>
		<i>Chính trị và khác</i>					
		- Đảm bảo an ninh lương thực/ Ổn định/ Tốt	13	13	03	29	<b>82,86</b>
		<i>Tình hình áp dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất NN</i>					
		- Tốt/ Luôn được quan tâm	07	11	02	20	<b>57,14</b>
		- Có triển khai, nhưng còn chậm	04	02	02	08	<b>22,86</b>
		- Ít áp dụng/ Chưa nhiều, chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao	02		01	03	<b>8,57</b>
- Còn hạn chế, chỉ một bộ phận ứng dụng	02	01		03	<b>8,57</b>		
2	Đánh giá thế nào với quan điểm cho rằng Nhà nước và chính quyền địa phương cần chú trọng phát huy vai trò trong tiêu thụ mặt hàng trái cây hiện nay	Đồng ý/ Quan điểm phù hợp và cần thiết/ Nhà nước cần làm tốt công tác quản lý theo các quy định của Nhà nước; Nhà nước và chính quyền địa phương đóng vai trò là nơi kết nối giữa người sản xuất và tiêu thụ trái cây/Điển hình là chính sách, đề án phát triển cây ăn trái chủ lực/ Định hướng SX/ Thông tin thị trường	15	15	04	34	<b>97,14</b>
3	Mức độ đồng ý đối với các phát biểu sau khi mô tả đến vai trò của chính quyền địa phương trong tiêu thụ mặt hàng trái cây	<i>Tổng số phiếu</i>					
		<b>- Xây dựng quy hoạch liên kết SX, chế biến và tiêu thụ trái cây</b>					
		Hoàn toàn không đồng ý	-	-	-	-	-
		Không đồng ý	02		01	03	<b>8,57</b>
		Bình thường	01	02		03	<b>8,57</b>
		Đồng ý	05	08		13	<b>37,14</b>
		Hoàn toàn đồng ý	07	05	04	16	<b>45,71</b>
<b>- Đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho vận chuyển, tiêu thụ mặt hàng trái cây</b>							



TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Cán bộ quản lý nông nghiệp				
			Số lượng lựa chọn			Tỉ lệ %	
		Hoàn toàn không đồng ý			01	01	2,86
		Không đồng ý	01			01	2,86
		Bình thường	01	02		03	8,57
		Đồng ý	03	07	01	11	31,43
		Hoàn toàn đồng ý	10	06	03	19	54,29
		<b>- Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia đối với ngành hàng trái cây</b>					
		Hoàn toàn không đồng ý			01	01	2,86
		Không đồng ý	-	-	-	-	-
		Bình thường	03	01		04	11,43
		Đồng ý	09	09		18	51,43
		Hoàn toàn đồng ý	03	05	04	12	34,29
		<b>- Xây dựng và thực thi tốt chính sách quản lý chất lượng, thị trường tiêu thụ trái cây</b>					
		Hoàn toàn không đồng ý			01	01	2,86
		Không đồng ý					
		Bình thường	06	01		07	20
		Đồng ý	06	08		14	40
		Hoàn toàn đồng ý	03	06	04	13	37,14
		<b>- Xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ liên quan đến tiêu thụ mặt hàng trái cây như: xây dựng, phát triển, quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc; vốn; ứng dụng công nghệ; thông tin thị trường; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bán hàng hiện đại...</b>					
		Hoàn toàn không đồng ý			01	01	2,86
		Không đồng ý	-	-	-	-	-
		Bình thường	07	02		09	25,71
		Đồng ý	07	08		15	42,86
		Hoàn toàn đồng ý	01	05	04	10	28,57
4	Mức độ hài lòng với các phát biểu sau về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiêu thụ mặt hàng trái cây của địa phương	<b>Đặc điểm từng loại trái cây (mùi vị, màu sắc, giá trị dinh dưỡng, giải khát)</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng			01	01	2,86
		Không hài lòng	-	-	-	-	-
		Bình thường	05	01		06	17,14
		Hài lòng	09	11		20	57,14
		Rất hài lòng	01	03	04	08	22,86
		<b>Đường xá đi lại trong địa phương</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng			01	01	2,86
		Không hài lòng	02			02	5,71
		Bình thường	04	05		09	25,71
		Hài lòng	07	10		17	48,57
		Rất hài lòng	02		04	06	17,14
		<b>Đường xá giao thương qua lại với các tỉnh, thành khác</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Cán bộ quản lý nông nghiệp				
			Số lượng lựa chọn			Tỉ lệ %	
		Không hài lòng	-	-	-	-	
		Bình thường	05	06	01	12	34,29
		Hài lòng	09	09		18	51,43
		Rất hài lòng	01		04	05	14,29
		<b>Chất lượng của sản phẩm</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng			01	01	2,86
		Không hài lòng		01		01	2,86
		Bình thường	01	03		04	11,43
		Hài lòng	11	05		16	45,71
		Rất hài lòng	03	06	04	13	37,14
		<b>Hệ thống thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch trái cây</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng		02		02	5,71
		Bình thường	07	03	03	13	37,14
		Hài lòng	05	07	01	13	37,14
		Rất hài lòng	03	03	01	07	20
		<b>Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương về công nghệ, kỹ thuật</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng		02		02	5,71
		Bình thường	07	05	03	15	42,86
		Hài lòng	05	04	01	10	28,57
		Rất hài lòng	03	04	01	08	22,86
		<b>Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương về thị trường tiêu thụ</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng		01		01	2,86
		Bình thường	06	07	03	16	45,71
		Hài lòng	07	05	01	13	37,14
		Rất hài lòng	02	02	01	05	14,29
		<b>Các chính sách hỗ trợ của địa phương về vốn đầu tư sản xuất và tiêu thụ trái cây</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng		01		01	2,86
		Bình thường	07	07	02	16	45,71
		Hài lòng	06	05	01	12	34,29
		Rất hài lòng	02	02	02	06	17,14
		<b>Quy hoạch vùng chuyên canh cây ăn quả</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng			02	02	5,71
		Không hài lòng	01	01		02	5,71
		Bình thường	03	04	01	08	22,86
		Hài lòng	08	09	01	18	51,43
		Rất hài lòng	03	01	01	05	14,29

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Cán bộ quản lý nông nghiệp				
			Số lượng lựa chọn			Tỉ lệ %	
		<b>Thị trường đầu ra tiêu thụ sản phẩm từ sản xuất trái cây</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	01	01	01	03	8,57
		Bình thường	09	04	03	16	45,71
		Hài lòng	03	08	01	12	34,29
		Rất hài lòng	02	02		04	11,43
		<b>Khả năng liên kết giữa nhà vườn, hợp tác xã - đội ngũ khoa học - đơn vị tiêu thụ của chính quyền địa phương</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng			01	01	2,86
		Không hài lòng		01		01	2,86
		Bình thường	11	05	02	18	51,43
		Hài lòng	03	07	01	11	31,43
		Rất hài lòng	01	02	01	04	11,43
		<b>Lãi suất vay ngân hàng để đầu tư cho sản xuất, tiêu thụ trái cây</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng		01	01	02	5,71
		Không hài lòng	03	05		08	22,86
		Bình thường	07	06	03	16	45,71
		Hài lòng	05	03	01	09	25,71
		Rất hài lòng	-	-	-	-	-
		<b>Khả năng tiếp cận thông tin về thị trường tiêu thụ</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	01	01	01	03	8,57
		Bình thường	08	06		14	40
		Hài lòng	06	06	03	15	42,86
		Rất hài lòng		02	01	03	8,57
		<b>Khả năng tiếp cận thông tin về khoa học kỹ thuật của nhà vườn, hợp tác xã</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng			01	01	2,86
		Không hài lòng	-	-	-	-	-
		Bình thường	09	06		15	42,86
		Hài lòng	05	07		12	34,29
		Rất hài lòng	01	02	04	07	20
		<b>Khả năng liên kết (nhà vườn, hợp tác xã với cơ quan Nhà nước, đơn vị thu mua</b>					
		Hoàn toàn không hài lòng			01	01	2,86
		Không hài lòng	01	01		02	5,71
		Bình thường	11	06	02	19	54,29
		Hài lòng	02	05	01	08	22,86
		Rất hài lòng	01	03	01	05	14,29

**Bảng 2: Bảng xử lý số liệu thống kê phiếu điều tra xã hội học đối với hợp tác xã, nhà vườn**

<b>Tổng số phiếu: 115 phiếu hợp tác xã/nhà vườn (Cần Thơ, Đồng Tháp, Tiền Giang)</b>							
TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Hợp tác xã/nhà vườn				Tỉ lệ (%)
			Số lượng lựa chọn				
			Cần Thơ	Đồng Tháp	Tiền Giang	Tổng cộng	
<b>THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA NHÀ VƯỜN/ HỢP TÁC XÃ</b>							
	Trình độ chuyên môn của chủ được đào tạo	Đại học, sau đại học	06		04	10	8,69
		Cao đẳng	01	04	01	06	5,21
		Trung cấp nghề	04	15		19	16,52
		Chưa qua đào tạo chuyên môn	39	31	10	80	69,56
1	Loại cây trồng chính	<b>Loại trái cây: xoài, chanh không hạt, Na Thái, Ổi ruột hồng, Lêkima, thanh long, vú sữa, nhãn, dâu, sầu riêng, chôm chôm, mít</b>					
		0,1 - 0,5 ha	12	12	06	30	26,08
		> 0,5 - 2 ha	35	12	07	54	46,95
		> 2 ha	03	01	01	05	4,34
		<b>* Mục đích:</b>					
		Bán	47	33	15	95	82,6
		Tiêu dùng					
		<b>* Kết quả:</b>					
		Lãi	48	33	15	96	83,47
Lỗ							
2	Diện tích đất đang sử dụng hiện nay	<b>Tổng diện tích:</b>					
		0,1 - 0,5 ha	11		05		
		> 0,5 - 2 ha	32		08		
		> 2 ha	04		01		
		<b>Đất được Nhà nước giao</b>					
		Đất đi thuê, đầu thầu	-	14	01		
3	Diện tích đất đang sản xuất áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	<b>Đất của gia đình mua</b>	38	31	14		
		<b>VietGAP</b>	16	15		31	26,95
		0,1 - 0,5 ha	04	05	01	10	8,69
		> 0,5 - 2 ha	10	08	02	20	17,39
		> 2 ha	02	02	01	05	4,34
		<b>GlobalGAP</b>					
		0,1 - 0,5 ha					
		> 0,5 - 2 ha					
		> 2 ha					
		<b>Khác</b>					
		0,1 - 0,5 ha					
		> 0,5 - 2 ha					
> 2 ha							
Không có	34	34	11	79	68,69		
4	Tổng số lao động hiện nay đang làm việc	Lao động của gia đình	49	40	13	102	88,69
		Lao động đi thuê	20	24	01	45	39,13
		Lao động thường xuyên	04	09	10	23	20
		Lao động thuê thời vụ	28	21	03	52	45,21
5	Nguồn vốn chủ yếu từ những nguồn nào?	Vốn do tích lũy	49	33	14	96	83,47
		Vay ngân hàng	30	22	02	54	46,95
		Vay Quỹ tín dụng	10	07		17	14,78
		Vay bà con, bạn bè	02	12		14	12,17

		Tự nhân cho vay nặng lãi	-	-	-	-	-	
		Nguồn khác	03	02		05	4,34	
6	Liên kết và đối tượng liên kết, hợp tác của hộ (nếu có)	Có liên kết	04	22	04	30	26,08	
		Không liên kết	27	08	08	43	37,39	
		Hộ nông dân	-	13	03	16	13,91	
		Trang trại	-	-	-	-	-	
		Doanh nghiệp	03	12	01	16	13,91	
		HTX	12	32	01	45	39,13	
		Siêu thị	02	-	-	02	1,73	
		Khác (.....)	-	-	-	-	-	
7	<b>Công nghệ</b>							
		Máy móc, thiết bị hiện nay	Tự mua	48	24	12	84	73,04
		Đi thuê	01	35		36	31,3	
	Máy móc, thiết bị đang sử dụng	Lạc hậu	24	12	01	37	32,17	
		Tiên tiến	22	27	09	58	50,43	
	Được hỗ trợ chuyển giao tiên bộ kỹ thuật	Có	42	12	05	59	51,30	
	Không	07	35	06	48	41,73		
8	Giá trị của Lao động (thuê mướn nhân công) năm 2022	Dưới 30%	28	10	09	47	40,87	
		Từ 30 - 50%	17	22	02	41	35,65	
		Trên 50%	01	15		16	13,91	
		Khác	01	01	02	04	3,48	
	Giá trị của nguyên, nhiên, vật liệu năm 2022	Dưới 30%	02	01	05	08	6,96	
		Từ 30 - 50%	41	22	04	67	58,26	
		Trên 50%	04	23	02	29	25,22	
		Khác	-	03	02	05	4,35	
	Giá trị máy móc, thiết bị, công nghệ năm 2022	Dưới 30%	17	02	07	26	22,61	
		Từ 30 - 50%	24	30	02	56	48,70	
		Trên 50%	07	16		23	20	
		Khác			03	03	2,61	
9	Sản phẩm làm ra thường tiêu thụ ở đâu	Tự bán lẻ cho người tiêu dùng	18	10	06	34	29,57	
		Bán cho thương lái tự do	42	13	11	66	57,39	
		Bán cho doanh nghiệp	06	17	01	24	20,87	
		Bán theo hợp đồng	03	22	02	27	23,48	
	Thị trường tiêu thụ sản phẩm làm ra	<b>Thị trường trong nước</b>						
		Tiêu thụ trong phạm vi tỉnh, thành phố	21	27	11	59	51,3	
		Tiêu thụ trong phạm vi cả nước	32	22	05	59	51,3	
		<b>Thị trường quốc tế</b>						
		Châu Âu	01	02	01	04	3,48	
		Châu Á			03	03	2,61	
		Châu Mỹ	02			02	1,74	
		Châu Phi	-	-	-	-	-	
		Châu Úc	-	-	-	-	-	
Tất cả các khu vực trên								
10	Những khó khăn trong sản xuất kinh doanh	Thiếu lao động chuyên môn	08	22	05	36	31,3	
		Hạn chế về quy mô đất đai	-	16	02	18	15,65	
		Giá thuê đất cao	01	12		13	11,3	
		Đầu ra cho sản phẩm	39	21	03	63	54,78	
		Giá cả thị trường bất ổn	44	19	12	75	65,22	
		Thiếu thông tin thị trường	03	09	02	14	12,17	
		Bệnh dịch, thời tiết bất ổn	20	06	07	33	28,7	
		Lãi suất cao	-	06		06	5,22	
11	Kết quả sản xuất kinh doanh	Có lãi	46	27	06	79	68,7	
		Không có lãi	02	03		05	4,35	
		Năm sau cao hơn năm trước	19	06		25	21,74	
		Thất thường từng năm	07	14	10	31	26,96	

		<b>NỘI DUNG</b>					
		<i>Mức độ hài lòng đối với việc tiêu thụ mặt hàng trái cây hiện nay</i>					
12	Đường xá đi lại, hạ tầng kho bãi	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	03		02	<b>05</b>	<b>4,35</b>
		Bình thường	27	34	02	<b>63</b>	<b>54,78</b>
		Hài lòng	20	14	07	<b>41</b>	<b>35,65</b>
		Rất hài lòng			04	<b>04</b>	<b>3,48</b>
	Quy hoạch vùng sản xuất gắn với tiêu thụ, chế biến	Hoàn toàn không hài lòng					
		Không hài lòng	08	02	02	<b>12</b>	<b>10,43</b>
		Bình thường	39	24	04	<b>67</b>	<b>58,26</b>
		Hài lòng	03	24	07	<b>34</b>	<b>29,57</b>
		Rất hài lòng			01	<b>01</b>	<b>0,87</b>
	Điều kiện bảo quản sau thu hoạch	Hoàn toàn không hài lòng			01	<b>01</b>	<b>0,87</b>
		Không hài lòng	10	03	02	<b>15</b>	<b>13,04</b>
Bình thường		34	24	05	<b>63</b>	<b>54,78</b>	
Hài lòng		06	23	07	<b>36</b>	<b>31,3</b>	
Rất hài lòng							
Hoạt động xúc tiến thương mại	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-	
	Không hài lòng	10	03	03	<b>16</b>	<b>13,91</b>	
	Bình thường	32	27	05	<b>64</b>	<b>55,65</b>	
	Hài lòng	08	20	07	<b>35</b>	<b>30,43</b>	
	Rất hài lòng	-	-	-	-	-	
Giá cả trên thị trường tiêu thụ	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-	
	Không hài lòng	15	06	04	<b>25</b>	<b>21,74</b>	
	Bình thường	19	27	06	<b>52</b>	<b>45,22</b>	
	Hài lòng	16	17	03	<b>36</b>	<b>31,3</b>	
	Rất hài lòng			01	<b>01</b>	<b>0,87</b>	
Xây dựng các kênh bán hàng hiện đại (như thương mại điện tử)	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-	
	Không hài lòng	18	05	02	<b>25</b>	<b>21,74</b>	
	Bình thường	26	30	09	<b>65</b>	<b>56,52</b>	
	Hài lòng	06	15	03	<b>24</b>	<b>20,87</b>	
	Rất hài lòng			01	<b>01</b>	<b>0,87</b>	
Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-	
	Không hài lòng	17	04	02	<b>23</b>	<b>20</b>	
	Bình thường	27	30	05	<b>62</b>	<b>53,91</b>	
	Hài lòng	04	16	08	<b>28</b>	<b>24,35</b>	
	Rất hài lòng	02			<b>02</b>	<b>1,74</b>	
Chính sách hỗ trợ của địa phương về vốn	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-	
	Không hài lòng	02	02		<b>04</b>	<b>3,48</b>	
	Bình thường	22	35	06	<b>63</b>	<b>54,78</b>	
	Hài lòng	25	13	08	<b>46</b>	<b>40</b>	
	Rất hài lòng	01		01	<b>02</b>	<b>1,74</b>	
Mô hình liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-	
	Không hài lòng	07	02	02	<b>11</b>	<b>9,57</b>	
	Bình thường	21	28	06	<b>55</b>	<b>47,83</b>	
	Hài lòng	21	20	06	<b>47</b>	<b>40,87</b>	
	Rất hài lòng			01	<b>01</b>	<b>0,87</b>	
Hướng dẫn của cán bộ quản lý nông nghiệp	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-	
	Không hài lòng	01	01	01	<b>03</b>	<b>2,61</b>	
	Bình thường	13	28	07	<b>48</b>	<b>41,74</b>	
	Hài lòng	35	21	05	<b>61</b>	<b>53,04</b>	
	Rất hài lòng	01		02	<b>03</b>	<b>2,61</b>	

	Sự ổn định về chất lượng sản phẩm làm ra	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	06	04	04	14	12,17
		Bình thường	32	28	05	65	56,52
		Hài lòng	12	18	06	36	31,3
		Rất hài lòng	-	-	-	-	-
	Năng suất sản xuất nông nghiệp	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	01	04	02	07	6,09
		Bình thường	33	30	05	68	59,13
		Hài lòng	14	16	07	37	32,17
		Rất hài lòng	01		01	02	1,74
	Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	07	03	06	16	13,91
		Bình thường	32	35	04	71	61,74
		Hài lòng	11	12	03	26	22,61
		Rất hài lòng			02	02	1,74
	Thu nhập - hiệu quả kinh tế so với vốn bỏ ra	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	01	03	02	06	5,22
		Bình thường	30	37	05	72	62,61
		Hài lòng	19	20	07	46	40
		Rất hài lòng			01	01	0,87
13	Nếu chính quyền địa phương có chính sách chủ động, tích cực tham gia hỗ trợ việc tiêu thụ mặt hàng trái cây, Ông/Bà sẽ	Đồng ý/Tán thành ngay vì có lợi cho người trồng cây ăn quả	49	41	13	103	89,57
		Không đồng ý/ không tán thành vì thấy không khả thi	-	01		01	0,87
		Lưỡng lự, cân nhắc thêm vì chưa có thông tin, chưa yên tâm	01	08	02	11	0,57
14	Đối tượng nào thường nói và có uy tín đối với vấn đề tiêu thụ mặt hàng trái cây ở địa phương	Lãnh đạo cấp cao của chính quyền địa phương	22	20	04	46	40
		Cán bộ quản lý nông nghiệp	28	26	04	58	50,43
		Đại diện Sở Công thương	16	16	01	33	28,7
		Đại diện Trung tâm Xúc tiến đầu tư thương mại	05	13	01	19	16,52
		Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24	23	02	49	42,61
		Chuyên gia về thương mại nông sản	05	03	03	11	9,57
		Nhà vườn, hợp tác xã hoặc doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ trái cây	44	13	10	67	58,26
15	<i>Mức độ đồng ý với các phát biểu sau khi mô tả đến vai trò của chính quyền địa phương trong tiêu thụ mặt hàng trái cây</i>						
	Xây dựng quy hoạch liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ trái cây	Hoàn toàn đồng ý					
		Không đồng ý			01	01	0,87
		Bình thường	35	36	03	74	64,35
		Đồng ý	13	14	07	34	29,57
		Rất đồng ý	02		04	06	5,22
	Đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho vận chuyển, tiêu thụ mặt hàng trái cây	Hoàn toàn đồng ý					
		Không đồng ý	01	02	01	04	3,48
		Bình thường	32	24	01	57	49,57
		Đồng ý	15	24	08	47	40,87
		Rất đồng ý	02		05	07	6,09
	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia đối với ngành hàng trái cây	Hoàn toàn đồng ý	-	-	-	-	-
		Không đồng ý	20	02	01	23	20
Bình thường		12	28	04	44	38,26	
Đồng ý		17	20	06	43	37,39	

		Rất đồng ý	02		04	06	5,22
Xây dựng và thực thi tốt chính sách quản lý chất lượng, thị trường tiêu thụ trái cây		Hoàn toàn đồng ý					
		Không đồng ý			02	02	1,74
		Bình thường	34	31	03	68	59,13
		Đồng ý	13	19	07	39	33,91
		Rất đồng ý	03		03	06	5,22
Xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ liên quan đến tiêu thụ mặt hàng trái cây như: xây dựng, phát triển, quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc; vốn; ứng dụng công nghệ; thông tin thị trường; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bán hàng hiện đại...		Hoàn toàn đồng ý	-	-	-	-	-
		Không đồng ý			02	02	1,74
		Bình thường	17	34	03	54	46,96
		Đồng ý	32	16	05	53	46,09
		Rất đồng ý	01		05	06	5,22
<i>Mức độ hài lòng với các phát biểu sau về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiêu thụ mặt hàng trái cây của địa phương</i>							
Đặc điểm từng loại trái cây (mùi vị, màu sắc, giá trị dinh dưỡng, giải khát)		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng		02		02	1,74
		Bình thường	25	28	02	55	47,83
		Hài lòng	25	20	11	56	48,7
		Rất hài lòng		01	02	03	2,61
Đường xá đi lại trong địa phương		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	03	02		05	4,35
		Bình thường	25	28		53	46,09
		Hài lòng	22	20	13	55	47,83
		Rất hài lòng			02	02	1,74
Đường xá giao thương qua lại với các tỉnh, thành khác		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng		03		03	2,61
		Bình thường	12	29	01	42	36,52
		Hài lòng	37	18	08	63	54,78
		Rất hài lòng	01		06	07	6,09
16 Chất lượng của sản phẩm		Hoàn toàn không hài lòng					
		Không hài lòng		01		01	0,87
		Bình thường	10	29	02	41	35,65
		Hài lòng	38	20	09	67	58,26
		Rất hài lòng	02		04	06	5,22
Hệ thống thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch trái cây		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	01	05		06	5,22
		Bình thường	33	30	04	67	58,26
		Hài lòng	15	15	07	37	32,17
		Rất hài lòng	01		04	05	4,35
Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương về công nghệ, kỹ thuật		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	-	-	-	-	-
		Bình thường	14	03	05	22	19,13
		Hài lòng	34	27	07	68	59,13
		Rất hài lòng	02	20	03	25	21,74
Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chính quyền địa phương về thị trường tiêu thụ		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	-	-	-	-	-
		Bình thường	27	03	06	36	31,3
		Hài lòng	21	35	07	63	54,78
		Rất hài lòng	02	12	02	16	13,91
Các chính sách hỗ trợ của		Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	



	địa phương về vốn đầu tư sản xuất và tiêu thụ trái cây	Không hài lòng	-	-	-	-	-
		Bình thường	12	05	07	24	20,87
		Hài lòng	36	32	06	74	64,35
		Rất hài lòng	02	13	02	17	14,78
	Quy hoạch vùng chuyên canh cây ăn quả	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	01	05	01	07	6,09
		Bình thường	31	30	05	66	57,39
		Hài lòng	17	15	06	38	33,04
	Thị trường đầu ra tiêu thụ sản phẩm từ sản xuất trái cây	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	02	03	03	08	6,96
		Bình thường	19	33	04	56	48,7
		Hài lòng	27	14	06	47	40,87
	Khả năng liên kết giữa nhà vườn, hợp tác xã - đội ngũ khoa học - đơn vị tiêu thụ của chính quyền địa phương	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	02	03	03	08	6,96
		Bình thường	22	32	03	57	49,57
		Hài lòng	24	15	06	45	39,13
	Lãi suất vay ngân hàng để đầu tư cho sản xuất, tiêu thụ trái cây	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	04	07	01	12	10,43
		Bình thường	12	34	03	49	42,61
		Hài lòng	34	09	08	51	44,35
	Khả năng tiếp cận thông tin về thị trường tiêu thụ	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	02	04		06	5,22
		Bình thường	11	33	06	50	43,48
		Hài lòng	37	13	07	57	49,57
	Khả năng tiếp cận thông tin về khoa học kỹ thuật của nhà vườn, hợp tác xã	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng		04		04	3,48
		Bình thường	12	37	06	55	47,38
		Hài lòng	37	09	07	53	46,09
	Khả năng liên kết (nhà vườn, hợp tác xã với cơ quan nhà nước, đơn vị thu mua)	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	01	03		04	3,48
		Bình thường	16	35	07	58	50,43
		Hài lòng	33	12	06	51	44,35
17	<i>Để nâng cao hiệu quả tiêu thụ mặt hàng trái cây, theo Ông/Bà cần đẩy mạnh những công việc</i>	Những việc cần làm	41	27	07	75	65,22
		Việc quan trọng nhất	09	23	08	40	34,78
		Những việc cần làm	40	39	08	87	75,65
		Việc quan trọng nhất	10	11	07	28	24,35
	Quy hoạch vùng nguyên liệu có mã số vùng trồng; liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa nhà vườn, hợp tác xã	Những việc cần làm	14	36	07	57	49,57
		Việc quan trọng nhất	36	14	08	58	50,43

	và doanh nghiệp thu mua, xuất khẩu						
	Xây dựng chuỗi liên kết chặt chẽ và hài hòa giữa người trồng với các doanh nghiệp thu mua, vận chuyển, nhập khẩu và phân phối nhằm rút ngắn thời gian, đảm bảo chất lượng và đặc biệt là giảm thiểu chi phí vận chuyển	Những việc cần làm	15	38	08	<b>61</b>	<b>53,04</b>
		Việc quan trọng nhất	35	12	07	<b>54</b>	<b>46,96</b>
	Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quảng bá, giới thiệu sản phẩm	Những việc cần làm	16	38	10	<b>64</b>	<b>55,65</b>
		Việc quan trọng nhất	34	12	05	<b>51</b>	<b>44,35</b>
	Thu mua, lựa chọn trái cây đạt tiêu chuẩn của thị trường tiêu thụ hợp lý, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên	Những việc cần làm	35	37	10	<b>82</b>	<b>71,3</b>
		Việc quan trọng nhất	15	13	05	<b>33</b>	<b>28,7</b>
	<i>Nguồn truyền thông để biết đến những yếu tố cần thiết để tiêu thụ được mật hàng trái cây trong điều kiện hiện nay</i>						
18	Đội ngũ cán bộ nông nghiệp tại địa phương	Nguồn biết đến	42	19	09	<b>70</b>	<b>60,87</b>
		Nguồn quan trọng nhất	11	22	05	<b>38</b>	<b>33,04</b>
	Bạn bè, người quen giới thiệu	Nguồn biết đến	45	31	09	<b>85</b>	<b>73,91</b>
		Nguồn quan trọng nhất	11	16	05	<b>32</b>	<b>27,83</b>
	Người thân trong gia đình giới thiệu	Nguồn biết đến	21	31	08	<b>60</b>	<b>52,17</b>
		Nguồn quan trọng nhất	24	09	05	<b>38</b>	<b>33,04</b>
	Văn bản từ cơ quan liên quan của địa phương	Nguồn biết đến	09	26	09	<b>44</b>	<b>38,26</b>
		Nguồn quan trọng nhất	20	10	05	<b>35</b>	<b>30,43</b>
Báo, đài truyền hình hay trang mạng xã hội	Nguồn biết đến	17	18	03	<b>38</b>	<b>33,04</b>	
	Nguồn quan trọng nhất	31	04	11	<b>46</b>	<b>40</b>	
	<i>Mức độ đồng ý với các nội dung sau để thúc đẩy tiêu thụ mật hàng trái cây của địa phương thời gian tới</i>						
19	Xác định mục đích sản xuất, yêu cầu về chất lượng sản phẩm gắn với nhu cầu, tiêu chuẩn, quy cách của thị trường tiêu thụ	Hoàn toàn không đồng ý	-	-	-	-	-
		Không đồng ý	-	-	-	-	-
		Bình thường	23	35	02	<b>60</b>	<b>52,17</b>
		Đồng ý	26	15	07	<b>48</b>	<b>41,74</b>
		Rất đồng ý	01		06	<b>07</b>	<b>6,09</b>
	Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, vận chuyển đến thị trường tiêu thụ	Hoàn toàn không đồng ý					
		Không đồng ý					
		Bình thường	20	25		<b>45</b>	<b>39,13</b>
		Đồng ý	28	25	11	<b>64</b>	<b>55,65</b>
		Rất đồng ý	02		04	<b>06</b>	<b>5,22</b>
	Xây dựng thương hiệu, hình ảnh và kết nối mạng lưới kiểm định, tiêu thụ sản phẩm quốc tế	Hoàn toàn không đồng ý	-	-	-	-	-
		Không đồng ý	01			<b>01</b>	<b>0,87</b>
		Bình thường	11	30	01	<b>42</b>	<b>36,52</b>
		Đồng ý	37	20	09	<b>66</b>	<b>57,39</b>
		Rất đồng ý	01		05	<b>06</b>	<b>5,22</b>
	Quy hoạch vùng nguyên liệu gắn với doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ	Hoàn toàn không đồng ý	-	-	-	-	-
		Không đồng ý	-	-	-	-	-
		Bình thường	23	34	03	<b>60</b>	<b>52,17</b>
		Đồng ý	26	16	06	<b>48</b>	<b>41,74</b>
		Rất đồng ý	01		06	<b>07</b>	<b>6,09</b>
Đổi mới chính sách quản lý	Hoàn toàn không đồng ý	-	-	-	-	-	

	thị trường, giá, quản lý chất lượng	Không đồng ý	-	-	-	-	-
		Bình thường	25	36	02	63	54,78
		Đồng ý	24	13	09	46	40
		Rất đồng ý	01	01	04	06	5,22
	Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp thu mua và các đối tác khác với nhà vườn, hợp tác xã, đơn vị trồng cây ăn trái	Hoàn toàn không đồng ý	-	-	-	-	-
		Không đồng ý		02		02	1,74
		Bình thường	07	36	02	45	39,13
		Đồng ý	42	12	07	61	53,04
	Đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, logistics phục vụ tiêu thụ trái cây	Rất đồng ý	01		06	07	6,09
		Hoàn toàn không đồng ý	-	-	-	-	-
		Không đồng ý	-	-	-	-	-
		Bình thường	05	36	02	43	37,39
	Nhà nước xây dựng chính sách và môi trường pháp lý bảo vệ sự liên kết trong chuỗi giá trị sản xuất - thương mại	Đồng ý	41	13	07	61	53,04
		Rất đồng ý	04	01	06	11	9,57
		Hoàn toàn không đồng ý	-	-	-	-	-
		Không đồng ý		01		01	0,87
	Công tác xúc tiến thương mại tập trung, ưu tiên giúp quảng bá một số hình ảnh, sản phẩm trái cây chủ lực	Bình thường	07	35	01	43	37,39
		Đồng ý	41	14	09	64	55,65
		Rất đồng ý	02		05	07	6,09
		Hoàn toàn không đồng ý	-	-	-	-	-
20	Mức độ được phổ biến, tuyên truyền về chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây	Không đồng ý		01		01	0,87
		Bình thường	10	30	02	42	36,52
		Đồng ý	35	19	06	60	52,17
		Rất đồng ý	05		07	12	10,43
21	Mức độ được tham gia đóng góp xây dựng thể chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trái cây ở địa phương, cơ sở	Thường xuyên	14	19	06	39	33,91
		Thỉnh thoảng	33	25	08	66	57,39
		Hiếm khi	03	05	01	09	7,83
		Chưa bao giờ		03		03	2,61
22	Đã được tham gia các lớp học hoặc khóa học bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nhằm hỗ trợ tiêu thụ mặt hàng trái cây	Thường xuyên	04	14	06	24	20,87
		Thỉnh thoảng	44	24	07	75	65,22
		Hiếm khi		02	02	04	3,48
		Chưa bao giờ	05	05		10	8,7
		Đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm	34	22	03	59	51,3
		Thương mại điện tử	09	02	02	13	11,3
23	<i>Mức độ hài lòng đối với chính sách hỗ trợ trong sản xuất gắn với tiêu thụ mặt hàng trái cây hiện nay</i>	Áp dụng các tiêu chuẩn GAP trong sản xuất	41	04	08	53	46,09
		Tiếp cận thông tin thị trường	08	17	03	28	24,35
		Quảng bá, giới thiệu sản phẩm	11	14	05	30	26,09
		Khác: Tập huấn Tiktok shop			01	01	0,87
		Không có	01	16	04	21	18,26
		Tín dụng	Hoàn toàn không hài lòng	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-
Không hài lòng	06			04		10	8,7
Bình thường	23			32	09	64	55,65
Hài lòng	21			14	05	40	34,78
Rất hài lòng					01	01	0,87
Đất đai	Hoàn toàn không hài lòng		-	-	-	-	-
	Không hài lòng		05	04	01	10	8,7
	Bình thường		22	23	06	51	44,35
	Hài lòng		23	23	05	51	44,35
	Rất hài lòng				03	03	2,61

	Lao động - đào tạo nghề	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	03	05		08	6,96
		Bình thường	21	31	08	60	52,17
		Hài lòng	24	14	05	43	37,39
		Rất hài lòng	01		02	03	2,61
	Ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ	Hoàn toàn không hài lòng	-	-	-	-	-
		Không hài lòng	01	03		04	3,48
		Bình thường	21	32	05	58	50,43
		Hài lòng	24	15	06	45	39,13
		Rất hài lòng	01		04	05	4,35
24	Những khó khăn của gia đình trong hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng trái cây thời gian qua	Thuê mướn lao động	17	35	06	58	50,43
		Huy động vốn để sản xuất - kinh doanh	20	32	02	54	46,96
		Thị trường tiêu thụ	49	20	12	81	70,43
		Nguồn nguyên liệu	05	12	03	20	17,39
		Thủ tục hành chính	03	11	02	16	13,91
		Ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai	42	18	12	72	62,61
		Khó khăn, vướng mắc khác:			01	01	0,87
25	Trong 03 quan điểm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ - kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ trái cây, Ông/Bà ủng hộ quan điểm	Ứng dụng ngay công nghệ - kỹ thuật cao vào sản xuất trái cây để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm	09	17	06	32	27,83
		Tập trung điều chỉnh cách làm hiện nay dựa vào điều kiện hiện tại để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, sau đó dần dần mới ứng dụng công nghệ - kỹ thuật cao vào đối tượng sản xuất	22	18	04	44	38,26
		Tiến hành đồng thời điều chỉnh cách làm hiện nay và đưa vào ứng dụng công nghệ - kỹ thuật cao để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm	27	12	08	47	40,87
26	Để cho các nhà vườn, hợp tác xã hoạt động hiệu quả hơn, Nhà nước cần có những chính sách, hỗ trợ hay những thay đổi, điều chỉnh	Thực hiện có hiệu quả việc cải cách hành chính để giảm lãng phí về thời gian và tiền bạc cho người dân	12	13	04	29	25,22
		Tạo điều kiện cho các hộ dễ dàng vay vốn thực hiện sản xuất	24	33	03	60	52,17
		Có các chính sách hỗ trợ trong việc tìm kiếm thị trường hay bao tiêu sản phẩm	49	16	12	77	66,96
27	Có thực hiện liên kết kinh tế giữa các nhà trong việc sản xuất trái cây	Có	40	38	07	85	73,91
		Không	10	12	08	30	26,09
28	Đang thực hiện liên kết kinh tế theo hình thức	Liên kết thực hiện các yếu tố đầu vào (hỗ trợ vốn, kỹ thuật, giống, nguyên - vật liệu,...)	11	02	02	15	13,04
		Liên kết thực hiện các yếu tố đầu ra (quảng bá sản phẩm, hỗ trợ tìm kiếm thị trường, bao tiêu sản phẩm,...)	08	21	01	30	26,09
		Liên kết cùng hợp tác sản xuất với các hộ gia đình khác	31	14	05	50	43,48
		Liên kết theo hình thức khác	-	02	01	03	2,61
29	Lý do không thực hiện liên kết kinh tế giữa các nhà	Không hiệu quả	02	-	01	03	2,61
		Thiếu thông tin về liên kết kinh tế	08	09	01	18	15,65
		Chưa cần thiết		03	03	06	5,22
		Lý do khác			04	04	3,48

**Bảng 3: Bảng xử lý số liệu thống kê phiếu điều tra xã hội học đối với doanh nghiệp thu mua, xuất khẩu**

Tổng số phiếu sử dụng để hỏi: **50**

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Doanh nghiệp			
			Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ (%)		
1	Lĩnh vực sản xuất	<b>Trồng trọt</b>				
		Gạo	14	28		
		Trái cây	50	100		
		Rau, củ	15	30		
		Khác:	02	04		
2	Giá trị vốn đầu tư từ các yếu tố đầu vào	<i>Tổng số</i>				
		<i>Lao động (thuê mướn nhân công)</i>				
		- Dưới 30%	2017	11	22	
		- Từ 30% - 50%		13	26	
		- Trên 50%		09	18	
		- Dưới 30%	2018	13	26	
		- Từ 30% - 50%		13	26	
		- Trên 50%		10	20	
		- Dưới 30%	2019	15	30	
		- Từ 30% - 50%		12	24	
		- Trên 50%		14	28	
		- Dưới 30%	2020	15	30	
		- Từ 30% - 50%		15	30	
		- Trên 50%		14	28	
		- Dưới 30%	2021	14	28	
		- Từ 30% - 50%		15	30	
		- Trên 50%		16	32	
		- Dưới 30%	2022	15	30	
		- Từ 30% - 50%		18	36	
		- Trên 50%		19	38	
			<i>Nguyên, nhiên, vật liệu</i>			
			- Dưới 30%	2017	12	24
			- Từ 30% - 50%		16	32
			- Trên 50%			
			- Dưới 30%	2018	10	20
			- Từ 30% - 50%		22	44
			- Trên 50%			
			- Dưới 30%	2019	13	26
			- Từ 30% - 50%		23	46
			- Trên 50%		01	02
			- Dưới 30%	2020	12	24
			- Từ 30% - 50%		26	52
			- Trên 50%		02	04
			- Dưới 30%	2021	13	26
			- Từ 30% - 50%		25	50
			- Trên 50%		03	06
			- Dưới 30%	2022	13	26
			- Từ 30% - 50%		27	54
			- Trên 50%		04	08
			<i>Máy móc, thiết bị công nghệ</i>			
			- Dưới 30%	2017	11	22
			- Từ 30% - 50%		16	32

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Doanh nghiệp		
			Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ (%)	
		- Trên 50%	2018	02	<b>04</b>
		- Dưới 30%		13	<b>26</b>
		- Từ 30% - 50%		19	<b>38</b>
		- Trên 50%		01	<b>02</b>
		- Dưới 30%	2019	13	<b>26</b>
		- Từ 30% - 50%		25	<b>50</b>
		- Trên 50%		01	<b>02</b>
		- Dưới 30%	2020	15	<b>30</b>
		- Từ 30% - 50%		22	<b>44</b>
		- Trên 50%		04	<b>08</b>
		- Dưới 30%	2021	15	<b>30</b>
		- Từ 30% - 50%		22	<b>44</b>
		- Trên 50%		06	<b>12</b>
		- Dưới 30%	2022	16	<b>32</b>
		- Từ 30% - 50%		22	<b>44</b>
		- Trên 50%		08	<b>16</b>
3	Nguồn vốn hoạt động huy động chủ yếu	<i>Tổng số DN</i>		<b>50</b>	
		Vốn tự có	42	<b>84</b>	
		Vốn vay	37	<b>74</b>	
		Vốn khác	04	<b>08</b>	
4	Thị trường tiêu thụ sản phẩm	<i>Tổng số DN</i>		<b>50</b>	
		<b>Thị trường trong nước</b>			
		- Tiêu thụ trong phạm vi xã, phường	03	<b>06</b>	
		- Tiêu thụ trong phạm vi quận, huyện	04	<b>08</b>	
		- Tiêu thụ trong phạm vi tỉnh, thành phố	14	<b>28</b>	
		- Tiêu thụ trong phạm vi cả nước	23	<b>46</b>	
		<b>Thị trường quốc tế</b>			
		- Châu Âu	23	<b>46</b>	
		- Châu Á	37	<b>74</b>	
		- Châu Mỹ	06	<b>12</b>	
		- Châu Phi	03	<b>06</b>	
		- Châu Úc	10	<b>20</b>	
		- Tất cả các khu vực trên	07	<b>14</b>	
5	Chính sách thu mua trái cây hiện nay của DN	Mua tiền mặt trả ngay	29	<b>58</b>	
		Mua trả tiền sau 7 - 10 ngày	14	<b>28</b>	
		Trả tiền một khoản rồi sau đó trả hết	07	<b>14</b>	
		Ứng trước một khoản cho nhà vườn/hợp tác xã, sau đó khi thu hoạch trừ lại	04	<b>08</b>	
		Thỏa thuận giá mua ban đầu, ứng kinh phí từng đợt, khi thu hoạch nhận sản phẩm	11	<b>22</b>	
		Nông dân để sản phẩm ở đại lý khi nào được giá thì bán			
		Chính sách khác (xin cụ thể)			
		Doanh nghiệp có vùng trồng riêng	07	<b>14</b>	
6	Cách thức DN thu mua trái cây hiện nay	Chủ động liên hệ tìm đến vườn/nơi trồng thu mua	36	<b>72</b>	
		Đội nhà vườn/hợp tác xã liên hệ rồi đến vườn/nơi trồng thu mua	11	<b>22</b>	
		Đề nhà vườn/hợp tác xã chủ động thu hoạch đưa trái cây đến bán	10	<b>20</b>	
		Mua lại từ những người thu mua khác	33	<b>66</b>	

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Doanh nghiệp	
			Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ (%)
7	Những khó khăn của Doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh những năm vừa qua	Thuê mướn lao động	20	40
		Huy động vốn để sản xuất - kinh doanh	25	50
		Thị trường tiêu thụ	35	70
		Nguồn nguyên liệu	33	66
		Thủ tục hành chính	05	10
		Ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai	21	42
		Khó khăn, vướng mắc khác (ghi rõ): dịch bệnh		
8 - 17	Ý kiến đánh giá mức độ hài lòng đối với các yếu tố liên quan đến việc thu mua trái cây của Doanh nghiệp	<i>Chất lượng mặt hàng trái cây</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng	-	-
		- Không hài lòng	01	02
		- Bình thường	11	22
		- Hài lòng	28	56
		- Rất hài lòng	10	20
		<i>Sự ổn định về chất lượng trái cây</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng	-	-
		- Không hài lòng	03	06
		- Bình thường	15	30
		- Hài lòng	22	44
		- Rất hài lòng	09	18
		<i>Đủ số lượng trái cây theo yêu cầu</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng	-	-
		- Không hài lòng	01	02
		- Bình thường	19	38
		- Hài lòng	20	40
		- Rất hài lòng	09	18
		<i>Thái độ hợp tác của nhà vườn/hợp tác xã</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng	-	-
		- Không hài lòng	01	02
		- Bình thường	14	28
		- Hài lòng	17	34
		- Rất hài lòng	12	24
		<i>Trình độ nhận thức của nhà vườn/hợp tác xã trong vấn đề trao đổi kinh doanh</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng	-	-
		- Không hài lòng	01	02
		- Bình thường	16	32
		- Hài lòng	21	42
		- Rất hài lòng	09	18
		<i>Giá trái cây để thu mua</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng	-	-
		- Không hài lòng	01	02
- Bình thường	19	38		
- Hài lòng	21	42		
- Rất hài lòng	07	14		

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Doanh nghiệp	
			Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ (%)
		<i>Giá trái cây trên thị trường (để bán lại)</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng		-
		- Không hài lòng	01	02
		- Bình thường	19	38
		- Hài lòng	18	36
		- Rất hài lòng	09	18
		<i>Thị trường tiêu thụ trái cây (để bán)</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng		-
		- Không hài lòng	02	04
		- Bình thường	16	32
		- Hài lòng	20	40
		- Rất hài lòng	08	16
		<i>Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong vấn đề thu mua thông qua các chính sách</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng		-
		- Không hài lòng	01	02
		- Bình thường	17	34
		- Hài lòng	16	32
		- Rất hài lòng	14	28
		<i>Sự hỗ trợ về vốn từ các ngân hàng</i>		
		- Hoàn toàn không hài lòng		-
- Không hài lòng	01	02		
- Bình thường	27	34		
- Hài lòng	15	30		
- Rất hài lòng	05	10		
18 - 29	Ý kiến đánh giá mức độ quan trọng đối với các yếu tố liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng tiêu thụ trái cây với nhà vườn/hợp tác xã	<i>Chất lượng mặt hàng trái cây</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng		-
		- Không quan trọng	01	02
		- Bình thường	13	26
		- Quan trọng	22	44
		- Rất quan trọng	13	26
		<i>Sự ổn định về chất lượng trái cây</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng		-
		- Không quan trọng	01	02
		- Bình thường	15	30
		- Quan trọng	22	44
		- Rất quan trọng	11	22
		<i>Đủ số lượng trái cây theo yêu cầu</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng		-
		- Không quan trọng	02	04
		- Bình thường	16	32
- Quan trọng	21	42		
- Rất quan trọng	09	18		



TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Doanh nghiệp	
			Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ (%)
		<i>Sự cam kết của người nông dân trong quan hệ mua - bán</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng	-	-
		- Không quan trọng	02	<b>04</b>
		- Bình thường	21	<b>42</b>
		- Quan trọng	17	<b>34</b>
		- Rất quan trọng	08	<b>16</b>
		<i>Thái độ hợp tác của người nông dân</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng	-	-
		- Không quan trọng	-	-
		- Bình thường	22	<b>44</b>
		- Quan trọng	17	<b>34</b>
		- Rất quan trọng	10	<b>20</b>
		<i>Trình độ nhận thức của nhà vườn/hợp tác xã trong vấn đề trao đổi kinh doanh</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng	-	-
		- Không quan trọng	02	<b>04</b>
		- Bình thường	25	<b>30</b>
		- Quan trọng	13	<b>26</b>
		- Rất quan trọng	08	<b>16</b>
		<i>Nhà vườn/hợp tác xã áp dụng quy trình canh tác theo tiêu chuẩn và ứng dụng CNC vào việc tăng chất lượng hoặc cho chất lượng trái cây ổn định</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng	-	-
		- Không quan trọng	01	<b>02</b>
		- Bình thường	26	<b>32</b>
		- Quan trọng	13	<b>26</b>
		- Rất quan trọng	07	<b>14</b>
		<i>Giá trái cây trên thị trường</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng	-	-
		- Không quan trọng	-	-
		- Bình thường	20	<b>40</b>
		- Quan trọng	21	<b>42</b>
		- Rất quan trọng	06	<b>12</b>
		<i>Thị trường tiêu thụ trái cây (để bán)</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng	-	-
		- Không quan trọng	-	-
		- Bình thường	19	<b>38</b>
		- Quan trọng	23	<b>46</b>
		- Rất quan trọng	05	<b>10</b>
		<i>Sự hỗ trợ của lãnh đạo địa phương trong vấn đề thu mua thông qua các chính sách</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng	-	-
		- Không quan trọng	-	-
		- Bình thường	18	<b>36</b>
		- Quan trọng	13	<b>26</b>
		- Rất quan trọng	15	<b>30</b>

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Doanh nghiệp	
			Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ (%)
		<i>Các chính sách hỗ trợ của địa phương về thị trường tiêu thụ</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng	-	-
		- Không quan trọng	01	02
		- Bình thường	15	30
		- Quan trọng	15	30
		- Rất quan trọng	17	34
		<i>Sự hỗ trợ về vốn từ các ngân hàng</i>		
		- Hoàn toàn không quan trọng	-	-
		- Không quan trọng	01	02
		- Bình thường	33	66
		- Quan trọng	07	14
		- Rất quan trọng	07	14
30	Quan điểm lựa chọn nếu nhà vườn/hợp tác xã áp dụng quy trình canh tác theo tiêu chuẩn và ứng dụng CNC vào để tăng năng suất và tăng chất lượng và hoặc cho chất lượng trái cây ổn định	Chấp thuận mua giá cao hơn	20	40
		Không chấp nhận mua giá cao hơn vì khó bán hay không lời	08	16
		Lưỡng lự, không thật sự muốn tìm hiểu, liên kết, hợp tác vì không tin tưởng	21	42
31	Quan điểm lựa chọn nếu Nhà nước, lãnh đạo chính quyền địa phương có chủ trương đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ trái cây tăng năng suất và chất lượng để tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp	Đồng ý/ Tán thành ngay vì có lợi cho người làm nông nghiệp	28	36
		Không đồng ý/ không tán thành vì thấy không khả thi	01	02
		Lưỡng lự, cân nhắc thêm vì chưa có thông tin, chưa yên tâm	20	40
32	Để phát huy vai trò của Nhà nước trong tiêu thụ mặt hàng trái cây hiện nay, cần đẩy mạnh những công việc nào	Đổi giống mới và phương pháp - quy trình canh tác dựa vào thành tựu KHCN	Nên làm 07	14
			Quan trọng 38	76
		Hướng dẫn, hỗ trợ nhà vườn/hợp tác xã áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm định chất lượng sản phẩm	Nên làm 13	26
			Quan trọng 34	68
		Áp dụng KHCN vào chăm sóc đối tượng sản xuất	Nên làm 08	16
			Quan trọng 37	74
		Áp dụng KHCN vào công tác sau thu hoạch như bảo quản, sơ chế,...	Nên làm 16	32
			Quan trọng 30	60
		Chú trọng vào công tác tìm đầu ra cho sản phẩm trái cây	Nên làm 29	58
			Quan trọng 18	36
		Chú trọng xây dựng hệ thống thủy lợi để tăng năng suất, chất lượng	Nên làm 15	30
			Quan trọng 32	64

TT	Nội dung câu hỏi	Đáp án trả lời	Doanh nghiệp		
			Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ (%)	
33	Nguồn truyền thông để biết đến loại trái cây mới hay kỹ thuật trồng trọt mới	Chú trọng xây dựng hạ tầng phục vụ vận chuyển, bảo quản, tiêu thụ mặt hàng trái cây	Nên làm	12	24
			Quan trọng	34	68
		Chú trọng hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm trái cây	Nên làm	28	56
			Quan trọng	19	38
		Chú trọng hỗ trợ thông qua các chính sách vốn, đất đai, chuyên giao và ứng dụng công nghệ, đào tạo nhân lực,...	Nên làm	06	12
			Quan trọng	40	80
		Đội ngũ cán bộ nông nghiệp tại địa phương	Nên làm	04	08
			Quan trọng	16	32
		Bạn bè, người quen giới thiệu	Nên làm	02	04
			Quan trọng	13	26
		Người thân trong gia đình giới thiệu	Nên làm	02	04
			Quan trọng	07	14
Văn bản từ cơ quan liên quan của địa phương	Nên làm	02	04		
	Quan trọng	10	20		
Báo, đài truyền hình hay trang mạng xã hội	Nên làm	05	10		
	Quan trọng	17	34		
Nhân viên thị trường/Thị trường/Khách hàng	Nên làm	12	24		
	Quan trọng	09	18		
34	Quan điểm lựa chọn nếu có một hiệp hội/hợp tác xã đứng ra ký kết hợp đồng tiêu thụ mặt hàng trái cây	Mạnh dạn liên kết để thu mua trái cây ngay		27	34
		Không thật sự muốn tìm hiểu, liên kết, hợp tác vì ngại chi phí cao		02	04
		Cần cân nhắc thêm để quyết định		21	42